

Phật Giáo Nguyên Thủy Theravāda

ooo

Đức Phật

Và

45 năm Hoằng pháp độ sinh

Tập 13

Tỳkhuờ Chánh Minh
Biên soạn

Những chữ viết tắt

-0-0-

- A. Aṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA. Aṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap. Apadāna (Ký sự).
ApA. Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal. Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật)
(Kegan Paul).
Bu. Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuA. Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
BuAB. Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Miến.
BuAC. Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Tích Lan.
Cp. Cariyapitaka (Hạnh Tạng)
Cv. Cūlavāṃsa (Tiểu sử).
CvA. Cūlavāṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
D. Dīghānikāya (Kinh Trường bộ).
DA. Dīghanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp. Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA. Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv. Dīpavaṃsa (Đạo sử).
DvA. Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đạo sử).
Dvy. Divyāvadāna (Thiên nghiệp thí dụ).
Iv. Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA. Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
Ja. Jātaka (kinh Bốn sanh).
JA. Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bốn sanh).
Lal. Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
M. Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA. Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv. Mahāvaṃsa (Đại sử).
Mil. Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu. Mahāvastu (Đại Sự).
Pv. Petavatthu (Ngạquý sự).
PvA. Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Ngạ quý sự).
S. Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA. Saṃyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng).
Sn . Suttanipāta (Kinh Tiểu tụng)
SnA. Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tiểu tụng).
Sp. Samantapasādikā (Sớ giải Tạng Luật).
Thag . Theragāthā (Kệ Trưởng lão Tăng).
ThagA. Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão tăng).
ThigA. Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão ni).
Ud. Udāna (Phật tự thuyết).
UdA. Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin. Vinaya (Luật Tạng).
Vv. Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA. Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Lời nói đầu.

Trường sử thi Kalinga có những vần thơ tán dương người Hộ pháp là Đức vua Kālāsoka (ADục).

Ai ngày xưa du hóa

Ai ngày sau hành hương.

Thấy chẳng trong bóng hoàng dương.

Bóng người Hộ pháp lông khuôn Phật Đà.

Không thể phủ nhận công nghiệp của vua Adục đối với Phật Giáo, ở một góc độ nào thì vua Adục là người xây dựng lại nền móng cũ, dựng lại những gì đã ngã xuống qua gần 300 năm Phật sử.

Điều quan trọng hơn là xây dựng nền móng buổi sơ khai, giữa vùng đất hoang sơ căn cõi, dựng xây một lâu đài hoành tráng, hùng vĩ để từ đó trở thành một thành phố trù phú thịnh vượng. Đó là điều không thể bỏ qua, không thể xem thường.

Ai đã làm được việc này? Trường giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Đức vua Bimbisāra (BìnhSa) là người Hộ pháp đầu tiên của Phật giáo, tuy Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm) là cơ sở Phật giáo đầu tiên.

Nhưng với cương vị là Đại đế của Vương quốc Magadha (MaKiệtĐà) rộng lớn, trù phú, với đại tài sản thì việc này thật dễ dàng, không có gì đáng bận tâm.

Ngài Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) chỉ là một Trường giả bậc trung, không đứng vào hàng ngũ “năm vị Đại trưởng giả đương thời”, nhưng đã tạo được một kỳ tích có một không hai trong thời Phật giáo đương đại, xây dựng Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ Viên) hoành tráng thanh nhã.

Câu chuyện trái vàng để mua khu rừng của Vương tử Jeta, không hẳn diễn ra đơn giản như vậy. Để có được điều này, Trường giả Cấp Cô Độc đã vận dụng trí ép buộc Vương tử Jeta phải bán khu rừng.

Là vị Đại vương của lãnh thổ Ấn cổ, vua ADục chi cúng dường trong Phật pháp 960 triệu tiền vàng, chỉ là một Trường giả như bao Trường giả khác, Ngài Cấp Cô Độc cúng dường trong Phật Pháp một tỷ tiền vàng, ai hơn ai với tâm hào phóng? Điều này đã rõ.

Cuộc đời Trường giả Cấp Cô Độc, vị Đại Hộ pháp buổi sơ khai của Đức Thế Tôn thật đời thường, là những khúc bi hùng ca.

Tâm người Hộ pháp vĩ đại này chỉ mong đem lại an lành cho sinh chúng, chỉ mong mọi chúng sinh đều được hưởng nguồn ân Tam Bảo, chỉ mong chúng sinh đều nhận được lợi ích lớn trong khung trời Phật Đạo.

Không cầu lợi đã đành, tâm cũng chẳng mong danh tiếng, trái tiền vàng mua đất, nhưng sẵn sàng nhường vinh dự cho người khác là Vương tử Jeta. Nhưng hữu xạ tự nhiên hương, danh tiếng của Trường giả Cấp Cô Độc càng rạng rỡ.

Không từ chối người bạn chỉ vì có tên Hắc vận (Kālakaṇṭha), không từ chối người bạn cho dù người ấy có giai cấp thấp kém hơn mình.

Khi đã xác định nguồn ân Pháp vô lượng, không hề chùn bước trước hạnh lành bố thí, kiên định với lập trường hành Chánh pháp, không kinh sợ rụt rè cho dù người ấy là vị Thiên nhân có quyền lực, sẵn sàng tấn xuất khỏi tư gia khi có lời phi pháp thốt ra từ nữ Thiên nhân quyền lực.

Thật vô cùng kính phục với tâm lành siêu nhiên này.

Không chỉ là một thương gia lành lợi, Ngài Cấp Cô Độc còn là nhà hùng biện Phật Pháp. Trong cuộc luận pháp với những du sĩ nổi tiếng, đã thoát ra

những bầy rập của những du sĩ, đồng thời khiến tất cả du sĩ phải cúi đầu, rụt vai, sừng sờ, im lặng không nói nên lời trước những lý lẽ hùng hồn, hài hòa cùng chân lý.

Và Đức Thế Tôn đã tán thán, đưa Trưởng giả Cấp Cô Độc là tấm gương hùng biện để các Tỳkhuu soi chung.

Với trí nhạy bén, Trưởng giả Cấp Cô Độc đã hai lần thoát khỏi sự ám hại của nhóm du thủ cùng bọn cướp.

Mỗi ngày ba lần đến viếng Đức Thế Tôn, mỗi lần trên tay đều có lễ phẩm cúng dường đến Đức Thế Tôn, các vị Tỳkhuu. Tỳkhuu trẻ cùng Sadi.

Không những thế, Ngài Cấp Cô Độc còn tiếp độ thân tộc hữu duyên, đưa con trai Kāla đi vào Thánh vực, điều này thể hiện sự am hiểu tâm lý chúng sinh, phối hợp với trí mẫn tiệp cùng sự tin tưởng tuyệt đối với nguồn Đại trí vô song của Đức Thế Tôn.

Là người được vinh dự trồng cây Bồ đề trước cổng Đại Tự Kỳ Viên, một biểu tượng Đại giác của Đức Thế Tôn, được Đức Thế Tôn Thánh hóa qua một đêm thiền tịnh.

Trưởng giả Cấp Cô Độc còn thể hiện đức nhẫn nại với nàng dâu ngang bướng Sujātā, đã khinh thường cha chồng, mẹ chồng, chồng cùng những người nhà chồng.

Già - bệnh - chết là điều không tránh khỏi với nhân loại.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nhiều lần lâm trọng bệnh, nhưng Ngài không muốn Đức Thế Tôn phải bận tâm đến mình, chỉ cung thỉnh Ngài Sāriputta cùng Ngài Ānanda đến tư gia Giảng pháp.

Lần cuối cùng, không thể thoát ra định luật sinh tử, mệnh chung Ngài Cấp Cô Độc tái sinh về cõi Tusita (Đầu Suất).

Lập tức từ giả Thiên giới thù địch, xuống Đại tự Kỳ Viên đánh lễ Đức Thế Tôn, vì e ngại rằng: “Không còn dịp đánh lễ Đức Thế Tôn khi Ngài còn hiện tiền”.

Tấm gương lành người Đại Hộ pháp Cấp Cô Độc vẫn là dấu ấn không nhạt nhòa trong những trang Phật sử của Đức Phật Gotama.

Lành thay công hạnh tuyệt vời. Lành thay nguồn ân đức vô tận.

Tỳkhuu Chánh Minh căn bút.

***Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, Bậc Alahán Chánh Đẳng Giác.***

-0-0-0-

Chương XVIII. Mùa hạ thứ 2 (tt).

II- Tế độ gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Đức Thế Tôn an cư mùa mưa lần thứ hai nơi kinh thành Rājagaha (Vương xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), nơi nuôi dưỡng những con sóc⁽¹⁾. Số lượng Tỳkhuu an cư mùa mưa nơi thành Rājagaha (Vương xá) trong lần này rất đông, có khoảng 100 ngàn vị (80 ngàn vị dòng ThíchCa xuất gia trong lần Đức Thế Tôn trở lại kinh thành Kapilavatthu lần đầu tiên và 20 ngàn Tăng chúng có trước đó).

Vào thời điểm này, chỗ trú ngụ chưa được Đức Thế Tôn quy định cho các Tỳkhuu, các Tỳkhuu cư ngụ ở trong rừng rậm, ở gốc cây, nơi sườn núi, nơi thung lũng, trong hang núi, nơi bãi tha ma, trong khu rừng thưa, nơi đồng trống, đồng rơm ...

Vào buổi sáng, từ nơi trú ngụ như: Nơi rừng rậm, cội cây, sườn núi, thung lũng, bãi tha ma ... các Ngài đắp y tề chỉnh, tay cầm y bát đi vào thành Rājagaha khát thực với nét mặt tươi tỉnh, các quyền được thu thúc, oai nghi tề chỉnh, không nhìn qua nhìn lại, chỉ nhìn phía trước với khoảng cách một tầm (# 2m). Có một Trưởng giả ở thành Rājagaha đã đi đến công viên vào lúc sáng sớm, nhìn thấy các Tỳkhuu từ nơi này, nơi nọ đi vào thành Rājagaha (Vương xá) khát thực với các gương mặt tươi tỉnh, các quyền được thu nhiếp, các oai nghi tề chỉnh, vị Trưởng giả phát sinh tâm ngưỡng mộ, đi đến gặp các vị Tỳkhuu, thưa rằng:

- Thưa các Ngài, tôi có thể xây dựng những trú xá cho các Ngài. Các Ngài có thể ngụ trong những trú xá của tôi được không?

- Nay gia chủ, các trú xá chưa được Đức Thế Tôn cho phép.

- Thưa các Ngài, chính vì điều ấy các Ngài có thể bạch với Đức Thế Tôn rồi báo cho tôi hay.

- Nay gia chủ, được rồi.

Các vị Tỳkhuu đi đến, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống nơi phải lễ, đã bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, một Trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương xá), muốn xây dựng các trú xá cúng dường đến các Tỳkhuu. Bạch Thế Tôn, chúng con phải thực hành như thế nào?

Do nhân ấy, thuyết lên Pháp thoại rồi dạy các vị Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, ta cho phép năm loại chỗ trú ngụ là trú xá (vihāraṃ), nhà một mái (aḍḍhayogaṃ), tòa nhà dài (pāsādaṃ), khu nhà lớn (hammiyaṃ) và hang động (guhaṃ).

Các vị Tỳkhuu đi đến gặp vị Trưởng giả thành Rājagaha (Vương xá), nói rằng:

- Nay gia chủ, các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép. Bây giờ, gia chủ hãy biết là thời điểm của việc gì.

Sau đó, vị Đại trưởng giả thành Rājagaha (Vương xá) đã cho dựng lên sáu mươi trú xá chỉ trong một ngày.

Khi hoàn tất 60 trú xá, vị Trưởng giả đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳkhuu nhận lời thọ thực nơi tư gia của con vào ngày mai.

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 3).

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, vị Trưởng giả biết Đức Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi từ giả ra về.

Khi trải qua đêm ấy, vị Đại trưởng giả thành Rājagaha (Vương xá) đã bảo chuẩn bị thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm rồi cho thông báo giờ đến Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, vật thực đã chuẩn bị xong.

Vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát, và đi đến tư gia của Đại trưởng giả thành Rājagaha (Vương xá), sau khi đến đã ngồi xuống chỗ ngồi đã được sắp đặt cùng với hội chúng Tỳkhuu.

Sau đó, vị Trưởng giả thành Rājagaha đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn hội chúng Tỳkhuu có Đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm.

Khi Đức Thế Tôn đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, vị Trưởng giả thành Rājagaha ngồi xuống ở một bên, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, sáu mươi trú xá này đã được con cho xây dựng vì mục đích phước báu, vì mục đích cõi trời. Bạch Thế Tôn, con nên thực hành như thế nào về những trú xá này?

- Này gia chủ, chính vì điều ấy người hãy cho thiết lập sáu mươi trú xá ấy dành cho hội chúng tứ phương hiện tại và vị lai ⁽¹⁾.

- Thưa vâng, bạch Đức Thế Tôn.

Sau đó, Đức Thế Tôn đã tùy hỷ với vị Trưởng giả thành Rājagaha (Vương xá) bằng năm kệ ngôn.

1- Sitaṃ uṇhaṃ paṭihanti; tato vālamigāni ca.

Sarīsape ca makase; sisire cāpi vuṭṭhiyo.

“Chúng ngăn ngừa nóng lạnh; và các loài thú dữ.

Các loài rắn, muỗi mòng; luôn các cơn mưa lạnh (từ nơi ấy)”.

2- Tato vātātapo ghore; sañjāto paṭihaññati.

Leṇatthañca sukhatthañca; jhāyituñca vipassitum.

Cơn gió nóng dữ dội; sanh lên bị dội lại (từ nơi ấy).

Sự bố thí trú xá đến hội chúng để hành; thiên định và minh sát”.

3- Vihāradānaṃ saṅghassa; aggaṃ buddhena vaṇṇitaṃ.

Tasmā hi paṇḍito; poso sampassaṃ atthamattano.

*“Đem lại sự nương náu, đem lại sự an lạc;
đã được chư Phật Đà, ngợi khen là tối thắng”.*

Vì thế người trí tuệ, thấy lợi ích cho mình”.

4- Vihāre kāraye ramme; vāsayettha bahussute.

Tesaṃ annañca pānañca; vatthasenāsanāni ca.

Dadeyya ujubhūtesu, vippasannena cetasā..

“Cho xây trú xá đẹp; để các bậc đa văn,

Có thể ngụ nơi ấy;

*Nên cúng dường cơm nước, y áo, chỗ trú ngụ
đến các chân tu ấy, có tâm tư thanh tịnh.*

5- Te tassa dhammaṃ desenti, sabbadukkhāpanūdanam;

Yaṃ so dhammaṃ idhaññāya, parinibbāti anāsavo”ti.”

Đến người, các vị thuyết pháp, xua mọi khổ đau;

Người thấy pháp đời này, không còn ô nhiễm nữa;

Và chứng ngộ Nípàn”. (ĐĐ Indacanda d).

(1)- *Āgatānāgata* = *āgata* + *anāgata*: đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai.

Sau khi tùy hỷ bằng những lời kệ ấy, Đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Đại chúng đã nghe rằng: “*Nghe nói các trú xá đã được Đức Thế Tôn cho phép*” rồi cho xây dựng các trú xá một cách hăng hái.

Các trú xá ấy không có cửa nên các con rắn, các con bọ cạp, và các con rết bò vào, các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) cửa.

Sau khi đục lỗ ở tường, họ đã buộc cánh cửa bằng dây leo và dây thừng, các con chuột và các con mối đã gặm nhấm (dây buộc).

Các cánh cửa có dây buộc đã bị gặm nhấm rơi xuống, các vị Tỳkhuu đã trình sự việc ấy lên Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) trụ cửa, rãnh xoay, và chốt xoay.

Các cánh cửa không sử dụng được. ...(như trên)...

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) lỗ để luồn và dây thừng để luồn qua.

Các cánh cửa không đóng kín được. ...(như trên)...

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt phụ.

Vào lúc bấy giờ, các Tỳkhuu không thể khóa cửa được, các vị đã trình sự việc ấy lên Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) lỗ khóa. Có ba loại khóa: khóa bằng đồng, khóa bằng gỗ, khóa bằng sừng.

Khi các vị mở cửa đi vào trong, các trú xá không được an toàn, các vị đã trình sự việc ấy lên Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) then cài, đinh khóa chốt.

Vào lúc bấy giờ, các trú xá được lợp cỏ nên lạnh lẽo vào mùa lạnh, nóng nực vào mùa nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép che kín mái, tô vữa bên trong và bên ngoài.

Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có cửa sổ nên không tốt cho mắt và có mùi hôi, các vị đã trình sự việc ấy lên Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép ba loại cửa sổ: cửa sổ chắn song ngang, cửa sổ gắn lưới, cửa sổ chắn song dọc.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở ở cửa sổ, các vị đã trình sự việc ấy lên Đức Thế Tôn.

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) màn che cửa sổ.

Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở của màn che. ...(như trên)...

- Nay các Tỳkhuu, Ta cho phép (làm) cánh cửa sổ, tấm chắn cửa sổ...⁽¹⁾.

Vị Trưởng giả thành Rājagaha (Vương xá) này, vốn là thân quyến của Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Vị Trưởng giả thành Rājagaha cưới em gái của Trưởng giả Cấp Cô Độc, ngược lại Trưởng giả Cấp Cô Độc cưới em gái vị Trưởng giả thành Rājagaha làm vợ.

Khi hàng hóa ở kinh thành Rājagaha (Vương xá) giá thấp hơn so với giá ở kinh thành Sāvattthi (XáVệ), Trưởng giả thành Rājagaha thu mua số hàng hóa ấy, chất đầy 500 cỗ xe mang đến kinh thành Sāvattthi bán. Khi còn cách kinh thành Sāvattthi một dotuần, Trưởng giả thành Rājagaha báo tin cho Trưởng giả Cấp Cô Độc biết và Trưởng giả Cấp Cô Độc thu xếp chỗ trú ngụ cùng nơi chứa hàng hóa, tiếp rước người anh vợ cũng là em rể của mình thật chu đáo. Nếu nơi kinh thành Sāvattthi có người mua hàng hóa, ông bán ngay

⁽¹⁾- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu phẩm II. Số 198 – 207.

số hàng hóa ấy, nếu chưa tìm được người mua, ông gửi số hàng hóa ở nhà người em gái mình rồi trở về kinh thành Rājagaha.

Tương tự như thế đối với Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Khi mãn mùa an cư, Đức Thế Tôn làm lễ Tự tứ (Pavāraṇā) xong, Ngài đi đến Sītavana (rừng Mát) trú ngụ⁽¹⁾.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) cho chất đầy hàng hóa trên 500 cỗ xe, đi đến thành Rājagaha buôn bán. Khi còn cách kinh thành Rājagaha khoảng một do tuần, Trưởng giả Cấp Cô Độc gửi thư báo cho Trưởng giả thành Rājagaha biết (như những lần trước).

Cũng trong ngày hôm ấy, vị Trưởng giả thành Rājagaha đi đến yết kiến Đức Thế Tôn nơi rừng Sita, sau khi nghe pháp thoại từ Đức Thế Tôn đã hoan hỷ với Pháp thoại, vị Trưởng giả thành Rājagaha thỉnh Đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳkhuu đến thọ thực nơi tư gia của ông vào ngày mai. Do vậy, vị Trưởng giả thành Rājagaha không quan tâm nhiều đến tin Trưởng giả Cấp Cô Độc đến thành Rājagaha.

Trưởng giả thành Rājagaha bận rộn sắp xếp vật thực và lễ vật để cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng vào ngày mai, sai bảo nhóm gia nhân và những người làm công rằng:

- Nay các người, các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đi vào thành Rājagaha với ý nghĩ rằng: “Một sự tiếp rước lớn đang chờ đợi ta như những lần trước”. Nhưng Trưởng giả Cấp Cô Độc không thấy có cuộc tiếp rước nào cả, ngay khi ông đến trước cửa tư gia của Trưởng giả thành Rājagaha, thậm chí ông vào bên trong nhà của Trưởng giả thành Rājagaha cũng không nhận được sự tiếp đón nồng hậu của gia chủ như: “Thưa Trưởng giả thành Sāvatti (XáVệ), Ngài có được an lạc chăng? Gia tộc của Ngài có được an vui chăng?...”.

Trưởng giả Cấp Cô Độc chỉ nhận được những lời chào hỏi thường tình, rồi thấy vị Trưởng giả thành Rājagaha tất bật trong công việc, sai bảo nhóm gia nhân cùng với những người làm công rằng: “Các người hãy làm điều này, hãy làm như vậy ...”.

Khi ấy, Trưởng giả Anāthapiṇḍika đã khởi ý rằng:

“Trước đây mỗi khi ta đến, gia chủ này bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông ta có vẻ khẩn trương đã sai bảo nhóm gia nhân cùng với những người làm công rằng: “Nay các người, chính vì việc ấy các người phải thức “dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon”.

Không lẽ vào ngày mai gia chủ này có đám rước dâu (āvāha), hay là có đám đưa dâu (virāha), hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?”

Sau khi sắp xếp, sai bảo những gia nhân và các người làm công xong, vị Trưởng giả thành Rājagaha đi đến gặp Trưởng giả Cấp Cô Độc, sau khi chào hỏi Trưởng giả Cấp Cô Độc, Trưởng giả thành Rājagaha ngồi xuống một bên.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đã nói với Trưởng giả thành Rājagaha đang ngồi một bên rằng:

- Nay gia chủ, trước đây mỗi khi ta đến, ông bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông có vẻ khẩn trương đã sai bảo nhóm gia nhân và các người làm công rằng:

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 3).

“*Này các người, các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon*”.

Này gia chủ, không lẽ vào ngày mai ông có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh?

- Này gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không có đám đưa dâu, cũng không có mời thỉnh Đức vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha cùng với đội quân binh, nhưng mà tôi sắp xếp cho buổi đại lễ cúng dường đến Hội chúng có Đức Phật đứng đầu vào ngày mai.

- Này gia chủ, có phải người nói: “*Đức Phật*”?

- Này gia chủ, đúng vậy, tôi nói là: “*Đức Phật*.”

- Này gia chủ, có phải người nói: “*Đức Phật*”?

- Này gia chủ, đúng vậy, tôi nói là: “*Đức Phật*.”

- Này gia chủ, có phải người nói: “*Đức Phật*”?

- Này gia chủ, đúng vậy, tôi nói là: “*Đức Phật*.”

- Này gia chủ, cái âm này thật khó được nghe ở thế gian, đó là từ: “*Đức Phật*”. Này gia chủ, vào giờ này ta có thể đi đến để diện kiến Đức Thế Tôn, bậc ALaHán Chánh Đẳng Giác không vậy?

- Này gia chủ, không phải lúc rồi; giờ này không thể đi đến diện kiến Đức Thế Tôn, bậc ALaHán Chánh Đẳng Giác đâu. Để đến sáng sớm ngày mai, gia chủ sẽ đi đến để diện kiến Ngài vậy.

Giải thích.

Trưởng giả Cấp Cô Độc được nghe âm vận “*Buddho*” thốt ra từ tâm thành kính của Trưởng giả thành Rājagaha, toàn thân Trưởng giả Anāthapindika phát sinh năm loại hỷ (pīti) là: Tiểu hỷ (khuddakapīti), Sátna hỷ (khaṇīkapīti), quang hỷ (okkantipīti), hải triều hỷ (ubbegāpīti)⁽¹⁾ và sung mãn hỷ (pharanāpīti).

Năm loại hỷ này phát sinh từ đầu lan tỏa đến chân, rồi từ chân lan tỏa lên đến đầu, nên Trưởng giả Cấp Cô Độc đã hỏi ba lần như vậy và cả ba lần ông đều được trả lời là “*Buddho* (Đức Phật)”.

Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc ngó ý muốn đến yết kiến và dâng lễ Đức Thế Tôn, Trưởng giả thành Rājagaha suy nghĩ:

“*Nơi Đức Thế Tôn trú ngụ rất thanh vắng, nằm gần tha ma mộ địa. Giờ này đã chiều tối, thật khó có thể đến yết kiến Đức Thế Tôn vào giờ này, tựa như khó có thể đến gần con rắn độc*”.

Do vậy, Trưởng giả thành Rājagaha khuyên Trưởng giả Cấp Cô Độc hãy đợi sáng mai, vì đi trong đêm nơi bãi tha ma có rất nhiều nguy hiểm đến tính mạng.

Nghe vậy, Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “*Ta chỉ có thể đánh lễ Đức Thế Tôn, bậc ALaHán Chánh Đẳng Giác vào ngày mai*”. Và Trưởng giả Cấp Cô Độc đi ngủ, không nghĩ ngợi gì khác ngoài Hồng danh *Buddho*.

Từ lúc nghe được danh từ *Buddho*, tâm tư Trưởng giả Cấp Cô Độc không còn vui thích với bất cứ điều gì, không nghĩ đến số hàng hóa mà ông mang đến thành Rājagaha để bán, cũng không lưu tâm đến những người phục vụ, không màng đến buổi ăn tối đây những loại vật thực thượng vi.

Trưởng giả đi đến lầu 7, nằm vào chiếc giường sang trọng lộng lẫy, tâm tư cứ niệm tưởng danh hiệu *Buddho*, *Buddho* cho đến khi ngủ thiếp.

Khi canh đầu của đêm trôi qua, Trưởng giả Cấp Cô Độc thức giấc. Trưởng giả lại niệm tưởng Hồng danh *Buddho*, *Buddho*, niềm tịnh tín với Ân

⁽¹⁾- *Ubbegāpīti*. Là loại hỷ như sóng biển đánh tạt vào bờ, khiến hành giả có cảm giác thân không được vững, lắc lư giống như đang bị sóng biển đánh vào. Loại hỷ này được dịch là *ba hỷ*.

đức Phật của Trưởng giả Cấp Cô Độc trở nên vững mạnh (balavasaddhā), khiến thân Trưởng giả phát hào quang do phi lạc sinh ra, tựa như có ngàn cây đèn được thắp sáng, hay như mặt trời hoặc mặt trăng rực sáng giữa không trung, xua tan mọi bóng tối. Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Ta đã lơ đãng, không chú ý đến thời gian. Mặt trời đã mọc, bình minh đã đến rồi”. Trưởng giả thì thầm như vậy rồi bước ra khỏi giường.

Khi mở cửa lầu 7 đi ra, Trưởng giả thấy mặt trăng vẫn treo lơ lửng giữa hư không, Trưởng giả nhận ra rằng: “Ồ ! mới trải qua canh đầu của đêm thôi. Còn hai canh nữa”.

Trưởng giả quay trở lại giường ngủ, nằm trên giường niệm tưởng ân Đức Phật rồi ngủ thiếp.

Vào cuối canh hai của đêm, Trưởng giả Cấp Cô Độc lại thức giấc, diễn tiến giống như lần trước.

Gần cuối canh ba của đêm, trước khi bình minh ló dạng, Trưởng giả Cấp Cô Độc thức giấc. Khi bước ra cửa phòng ngủ của lầu 7, Trưởng giả đi dọc theo hành lang, đến cửa chính của lầu 7 ông thấy cửa chính đã mở, lần theo xuống lầu sáu, cửa chính cũng đã mở sẵn, cứ thế Trưởng giả đến tầng cuối rồi ra khỏi lầu dài đi dọc theo đường chính của kinh thành Rājagaha.

Khi Trưởng giả Anāthapiṇḍika đi đến cổng thành Rājagaha, cổng thành có tên là Sīvaka, các vị Thánh chư thiên bảo vệ cổng thành suy nghĩ: “Trưởng giả này muốn đến đánh lễ Đức Thế Tôn và nghe từ Đức Thế Tôn. Sau khi nghe Pháp, Trưởng giả này sẽ chứng Thánh quả Dự Lưu và sẽ trở thành nam cư sĩ tối thắng của Đức Thế Tôn về hạnh phục vụ Tam Bảo, Trưởng giả Cấp Cô Độc này sẽ xây dựng Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ Viên), đó là nơi tiếp đón chư Thánh Tăng từ bốn phương hội về. Thật không thích hợp để cổng thành đóng lại, ngăn cản bước tiến của vị Trưởng giả này”.

Các vị Thánh chư thiên đã mở cổng thành Rājagaha (Vương xá) và Trưởng giả Cấp Cô Độc thông dong ra khỏi thành Rājagaha.

Khi ra khỏi thành Rājagaha, hào quang từ thân của Trưởng giả đang chiếu sáng rực chợt biến mất, bóng tối hiện ra bao trùm cảnh vật, sự sợ hãi phát sinh trong tâm của Trưởng giả, ông muốn quay trở lại lầu dài của mình.

Vì sao vậy? Vì rằng: Kinh thành Rājagaha là nơi có rất nhiều bộ tộc sinh sống, nội thành có 90 triệu dân, ngoại thành có 90 triệu dân sinh sống, tổng cộng kinh thành Rājagaha có 180 triệu dân.

Các cổng thành được đóng lại khi hoàng hôn buông xuống, trong đêm có những người mệnh chung vào giờ xấu theo quan điểm của bộ tộc, thân quyến của người này sẽ mang xác người chết đến những bờ tường thành, ném xác chết ra khỏi tường thành ở quanh cổng thành.

Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc ra khỏi cổng thành Rājagaha, ông vô tình đạp phải một xác chết còn tươi, rồi lại đạp phải một xác chết khác; khi ấy những loài ruồi nhặng đang bám vào xác chết bay lên, tạo ra một âm thanh ghê rợn trong đêm, đồng thời mùi tử khí bốc lên từ những xác chết xông vào mũi Trưởng giả.

Do vậy, tâm Trưởng giả phát sinh kinh sợ, niềm tịnh tín từ ân đức Phật bị lui sụt, nên hào quang từ thân của Trưởng giả phát sinh từ hỷ lạc chợt biến mất. Khi hào quang biến mất, bóng tối ập đến khiến tâm Trưởng giả càng kinh sợ khiến lông tóc dựng ngược, vì thế ông muốn quay về tòa lầu dài.

Vị Dạ xoa thiên là Sīvaka muốn động viên Trưởng giả Cấp Cô Độc can đảm lên, tiếp tục đi đến Sītavana đánh lễ Đức Thế Tôn, nên đi đến gần Trưởng giả Cấp Cô Độc nhưng không hiện hình, nói lên kệ ngôn rằng:

Sataṃ hatthī sataṃ assā; sataṃ assatarīrathā.

Sataṃ kaññāsahassāni; āmukkamaṇikuṇḍalā.

Ekassa padavītiḥārassa, kamaṃ nāgghanti soḷasiṃ.
Trăm voi (và) trăm ngựa; trăm xe kéo bởi lừa.
Trăm ngàn cô thiếu nữ; điểm trang ngọc, hoa tai.
Mười sáu lần như thế; không bằng một bước đi.
Abhikkama gahapati abhikkama gahapati;
Abhikkantaṃ te seyyo no paṭikkanta”nti.
“Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới.
Việc bước tới thì tốt đẹp cho người;
không có việc quay lui”(ĐĐ Indacanda d).

Nghe tiếng Daxoa Sīvaka sách tấn, Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ:
“Ta nghĩ nơi đây ta cô độc một mình, nhưng rõ ràng ta có những bạn đồng hành là những vị Thiên nhân. Vậy tại sao ta phải sợ hãi?”.

Tâm Trưởng giả Cấp Cô Độc trở nên can đảm và tự tin, ông niệm tưởng đến ân đức Phật và hào quang lại tỏa ra từ thân xua ta bóng tối, nỗi kinh hoàng được xua tan và ông tiếp tục tiến về Sītavana (rừng Mát).

Khi Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) bước đi trên đường xuyên qua bãi tha ma, con đường này có nhiều kinh hãi tạo ra từ những đạoxa hay những con chó rừng, chó nhà... chúng đang tìm ăn những thây ma. Trên con đường này những thây ma đủ dạng đang nằm ngổn ngang, có nhiều thây ma mất đầu, mất tay, mất chân, mất gan ruột ...

Những tiếng hú của những con chó rừng, tiếng sủa những con chó nhà, tiếng rít của loài chim ăm đêm, tiếng gió hú ... quyện vào nhau, tạo thành những âm thanh ghê rợn, khiến tâm Trưởng giả Cấp Cô Độc chột rúng động, hào quang từ thân của ông chột biến mất, bóng tối tràn đến và Trưởng giả Cấp Cô Độc lại rùn chí muốn quay về. Daxoa Sīvaka lại đi đến gần ông nói lên kệ ngôn trên để khích lệ sách tấn Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Và Trưởng giả lấy lại can đảm, niệm tưởng ân đức Phật, hào quang lại xuất hiện, Trưởng giả tiếp tục tiến bước.

Khi vượt qua bãi tha ma đi vào rừng Sīta, cảnh vật âm u ghê rợn của khu rừng cùng với những tiếng kêu, gầm của những loài thú dữ khiến tâm của Trưởng giả dao động, hào quang lại mất.

Daxoa Sīvaka lại đi đến gần Trưởng giả, không hiện hình, nói lên lời kệ rằng:

Sataṃ hatthī sataṃ assā; sataṃ assatarīrathā.
Sataṃ kaññāsahassāni; āmukkamaṇikuṇḍalā.
Ekassa padavītiḥārassa, kamaṃ nāgghanti soḷasiṃ.
Trăm voi (và) trăm ngựa; trăm xe kéo bởi lừa.
Trăm ngàn cô thiếu nữ; điểm trang ngọc, hoa tai.
Mười sáu lần như thế; không bằng một bước đi.
Abhikkama gahapati abhikkama gahapati;
Abhikkantaṃ te seyyo no paṭikkanta”nti.
“Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới.
Việc bước tới thì tốt đẹp cho người;
không có việc quay lui”(ĐĐ Indacanda dịch).

Thế là Trưởng giả Cấp Cô Độc lại vững tâm tiến bước đi đến nơi Đức Thế Tôn trú ngụ.

Khi trên đường tiến đến nơi cư ngụ của Đức Thế Tôn, một tư tưởng sau đây nảy sinh trong tâm Trưởng giả Cấp Cô Độc như sau: “Trong thế gian này, những tôn chủ như Purāna Kassapa... tự cho mình là Bạc Toàn Giác, làm sao ta có thể biết Đức Thế Tôn mà ta sắp diện kiến là Bạc Toàn giác đây?”.

Rồi một ý nghĩ khác phát sinh đến cho Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng: “Mọi người đều gọi ta là Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) do tính hào

sáng của ta, thường giúp đỡ, cứu trợ những người nghèo khổ, đơn chiếc. Nhưng tên do cha mẹ đặt cho ta là Sudatta không ai biết ngoại trừ chính ta. Nếu Đức Thế Tôn là Bạc Chánh Giác, Ngài sẽ không gọi ta là Anāthapiṇḍika, Ngài sẽ gọi ta là Sudatta”.

Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy vào canh cuối của đêm, Đức Thế Tôn đi kinh hành ở ngoài trời. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy gia chủ Cấp Cô Độc ấy từ xa đang đi lại, với tâm mình Đức Thế Tôn thấu rõ những gì đang khởi lên trong tâm của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Đức Thế Tôn rời khỏi con đường kinh hành đi đến ngồi ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Sau khi ngồi xuống, Đức Thế Tôn gọi Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng: “Này Sudatta, hãy đến đây”.

Nghe Đức Thế Tôn gọi, Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ rằng: “*Đức Thế Tôn đã gọi ta bằng tên*” nên đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gần Đức Thế Tôn.

Sau khi đến đã quỳ xuống đê đầu ở hai bàn chân của đức Thế tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này:

- Bạch Thế Tôn, chắc hẳn rằng Đức Thế Tôn đã nghỉ ngơi được an lạc?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

Sabbadā ve sukhaṃ seti; brāhmaṇo parinibbuto.

Yo na limpati kāmesu; sītibhūto nirūpadhi.

“*Luôn nghỉ ngơi an lạc, Bạc Phạm hạnh diệt tất cả.*

Người không vướng dục lạc; an tịnh không chấp thủ”.

Sabbā āsattiyo chetvā; vineyya hadaye daram.

Upasanto sukhaṃ seti, santim pappuyya cetasā”ti.

Đã điều phục tất cả; các nỗi khổ nơi tâm.

Nằm an lạc, tinh lặng; tâm chứng đạt tịch tịnh”⁽¹⁾.

Sau đó, Đức Thế Tôn thuyết Pháp theo thứ lớp đến Trưởng giả Cấp Cô Độc. Tức là Ngài giảng giải về bố thí (dānakathā), về giới cấm (sīlakathā), về cõi trời (saggakathā), sự ô nhiễm hạ liệt tai hại của các dục (kāmaṇaṃ ādīnaṃ okāraṇaṃ saṃkilesaṃ) và lợi ích của việc xuất ly (nekkhamme ānisaṃsaṃ).

Khi Đức Thế Tôn biết được tâm của Trưởng giả Cấp Cô Độc đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tinh lặng, Ngài thuyết lên bài Pháp được Chư Phật khai mở là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo⁽²⁾.

Giống như tấm vải sạch chưa bị vết nhơ có thể nhuộm màu một cách trọn vẹn; tương tự như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sinh khởi đến Trưởng giả Cấp Cô Độc: “*Điều gì có bản tính được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tính hoại diệt*”.

Trưởng giả Cấp Cô Độc chứng Thánh quả Dự Lưu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, thật là tuyệt vời! Bạch Đức Thế Tôn, thật là tuyệt vời! Bạch Thế Tôn, như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, mang ánh sáng vào bóng tối để “*Những người có mắt sẽ nhìn thấy được các hình dáng*”. Tương tự như thế, Pháp đã được Đức Thế Tôn giảng rõ bằng nhiều phương tiện.

Bạch Thế Tôn, con xin quy ngưỡng Đức Thế Tôn, Giáo Pháp và Tăng chúng. Xin Đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã quy ngưỡng Tam Bảo kể từ hôm nay cho đến trọn đời.

(1)- S.i. 210.

(2)- *Dukkhaṃ, samudayaṃ, nirodhaṃ, maggaṃ* tức là Khổ, Nguyên nhân sanh khởi, Níp Bàn, Đạo Lộ dẫn đến Níp Bàn.

Bạch Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn và hội chúng Tỳkhuu nhận lời thọ thực nơi nhà con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả Cấp Cô Độc hiểu được sự nhận lời của Đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiều quanh Đức Thế Tôn, rồi ra đi.

1- Từ chôi trợ giúp tài chánh.

Tin Trưởng giả Cấp Cô Độc thính được Đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳkhuu thọ thực vào ngày mai nhanh chóng lan rộng khắp kinh thành Rājagaha, vị Trưởng giả thành Rājagaha đã nói với Trưởng giả Anāthapiṇḍika rằng:

- Thưa Trưởng giả Anāthapiṇḍi, được nghe Trưởng giả thính được Đức Thế Tôn cùng Hội chúng Tỳkhuu thọ thực vào ngày mai. Trưởng giả hiện là khách vắng lai của kinh thành Rājagaha, tôi sẽ giúp tài chánh đến Trưởng giả để thực hiện buổi lễ cúng dường vật thực vào ngày mai vậy.

- Nay Trưởng giả, tôi có đủ tài chánh; với số tài chánh ấy tôi sẽ thực hiện buổi cúng dường vật thực đến Đức Phật cùng Tăng chúng vào ngày mai.

Các thương nhân trong kinh thành Rājagaha được tin: “Trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường vật thực đến Đức Phật và Tăng chúng vào ngày mai”, các thương nhân ấy đi đến gặp Trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng:

- Thưa Trưởng giả, được biết Trưởng giả có cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng Hội chúng Tăng vào ngày mai. Trưởng giả là khách vắng lai của kinh thành này, chúng tôi xin được hùn phước tài chánh với Trưởng giả vậy.

- Thưa các vị Thương nhân, tôi có đủ tài chánh; với số tài chánh ấy tôi sẽ thực hiện buổi cúng dường vật thực đến Đức Phật cùng Tăng chúng vào ngày mai.

Vị Đại thần cai quản kinh thành Rājagaha đã nghe rằng: “*Nghe nói gia chủ Cấp Cô Độc đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai*”. Vị Đại thần ấy đã nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Nay Trưởng giả, nghe nói ông đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và ông lại là khách vắng lai. Nay Trưởng giả, ta sẽ cho ông tài chánh; nhờ đó ông có thể thực hiện buổi cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng vào ngày mai.

- Thưa Ngài, tôi có đủ tài chánh; với số tài chánh ấy tôi sẽ thực hiện buổi cúng dường vật thực đến Đức Phật cùng Tăng chúng vào ngày mai.

Đức vua Seniya Bimbisāra (BìnhSa) vị lãnh tụ xứ Magadha (MaKiệtĐà) được nghe rằng: “*Nghe nói Trưởng giả Cấp Cô Độc đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai.*” Khi ấy, Đức vua Seniya Bimbisāra, vị lãnh tụ xứ Magadha cho mời Trưởng giả Cấp Cô Độc đến Hoàng cung, nói rằng:

- Nay Trưởng giả, nghe nói người đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và người lại là khách vắng lai. Nay Trưởng giả, Ta sẽ giúp người tài chánh; nhờ đó người có thể thực hiện buổi cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng vào ngày mai.

- Thưa Đại vương, con có đủ tài chánh; với số tài chánh ấy con sẽ thực hiện buổi cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng vào ngày mai.

Sau đó, khi trải qua đêm ấy gia chủ Cấp Cô Độc đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm tại tư gia vị Trưởng giả thành Rājagaha, rồi cho thông báo giờ đến Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

Khi ấy vào buổi sáng, Đức Thế Tôn vận mặc y phục chỉnh tề, tay cầm y bát, đi đến tư gia của vị Trưởng giả thành Rājagaha, sau khi đến Đức Thế Tôn ngồi vào chỗ được soạn sẵn cùng với hội chúng Tỳkhuu.

Sau đó, Trưởng giả Cấp Cô Độc đã tự tay làm hài lòng và thỏa mãn hội chúng Tỳkhuu có Đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm.

Khi Đức Thế Tôn đã thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, Trưởng giả Cấp Cô Độc đã ngồi xuống ở một bên, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn nhận lời con về việc an cư mùa mưa tại thành Sāvatti (XáVệ) cùng với hội chúng Tỳkhuu.

- Nay gia chủ, các Đấng Như Lai chỉ thỏa thích ở trú xứ thanh vắng.

- Bạch Thế Tôn, con đã biết rõ. Bạch Thiện Thệ, con đã biết rõ.

Sau đó, Đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích, và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Cấp Cô Độc bằng bài Pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

2-Xây dựng những tự viện tạm thời.

Vào lúc bấy giờ, Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) có nhiều bạn bè, có nhiều cộng sự, có lời nói uy tín. Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc hoàn tất công việc cần làm ở thành Rājagaha đã ra đi trở về thành Sāvatti.

Trên đường đi gia chủ Cấp Cô Độc đã bảo với dân chúng rằng:

- Quý vị ơi, hãy xây dựng các tu viện, hãy cho thiết lập các trú xá, hãy chuẩn bị các vật cúng dường. Giờ đây, đức Phật đã xuất hiện ở trên đời. Và Đức Thế Tôn ấy được tôi thỉnh mời sẽ ngự đến kinh thành Sāvatti (XáVệ) bằng con đường này.

Đáp lại lời kêu gọi của Trưởng giả Cấp Cô Độc (Cấp Cô Độc), các thương nhân trong đoàn, những người bạn cùng nhau xây dựng những trú xá tạm thời để cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng. Mọi chi phí xây dựng trú xá là từ tiền riêng của những người này, không nhận tiền từ Trưởng giả Anāthapiṇḍika, những người có thu nhập kém thì đóng góp bằng công sức xây dựng.

Từ thành Rājagaha đến kinh thành Sāvatti dài 45 do tuần, cứ mỗi do tuần là một trú xá. Trưởng giả Anāthapiṇḍika để lại 10 ngàn đồng vàng cho mỗi trú xá để bố thí lương thực, như vậy Trưởng giả Anāthapiṇḍika đã bỏ ra 450 ngàn tiền vàng để chu cấp lương thực cho 45 trú xá nhằm vào mục đích bố thí, cúng dường.

A- Trưởng giả Anāthapiṇḍika tìm đất xây dựng Tự viện.

1- Đấu trí để mua đất.

Khi về đến kinh thành Sāvatti (XáVệ), Trưởng giả Cấp Cô Độc đi xem xét quanh thành Sāvatti (nghĩ rằng): “Đức Thế Tôn nên ngự ở nơi nào đây? Đối với Ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh”.

(Tức là khu đất để kiến tạo một Đại tự ấy phải có đủ 5 điều kiện:

- Không quá xa thành phố.

- Không quá gần thành phố.

- Có đường giao thông thuận tiện.

- Mọi người có thể đến bất cứ lúc nào, khi có hữu sự.

- Không bị ảnh hưởng tiếng náo động từ phố chợ hay những thú vui náo nhiệt từ năm loại dục lạc).

Trưởng giả Cấp Cô Độc nhìn thấy khu rừng của Vương tử Jeta không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có

thể đi đến khi nào có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến gặp Vương tử Jeta, thưa với Vương tử Jeta rằng:

- Thưa Vương tử, hãy cho tôi khu rừng để xây dựng một Đại tự.

- Nay gia chủ, khu rừng không thể cho mặc dù với việc trả ra những đồng vàng lấp đầy khu vườn.

- Như vậy, thưa Vương tử Jeta, khu rừng đã được bán.

- Nay gia chủ, khu rừng chưa được bán.

Sự việc đưa đến các vị Đại thần xử án rằng:

- (Khu rừng) đã được bán hay chưa được bán?

Các viên quan đại thần xử án đã nói như vậy:

- Thưa Vương tử, bởi vì giá cả đã được Ngài quy định nên khu rừng đã được bán.

(Lưu ý. Nếu Vương tử Jeta nói rằng: “Ta không thể **bán** khu rừng, cho dù người có trả vàng lấp đầy cả mặt đất”, xem như khu rừng chưa định giá.

Nhưng vì Vương tử Jeta nói rằng: “Ta không thể **cho** mặc dù với việc trả ra những đồng vàng lấp đầy khu rừng”, xem như khu rừng đã được bán với giá cắt cổ là trả vàng khắp cả mặt đất của khu rừng.

Hàm ý là: Vương tử Jeta muốn nói: “Ta không thể **cho** khu rừng, chỉ có thể **bán** khu rừng với giá trả vàng khắp mặt đất”.

Đây là sự lắt léo trong ngôn từ, rất tinh tế, phải có nhiều trí suy gẫm mới hiểu thấu đáo.

Thật ra Vương tử Jeta không có ý định bán khu rừng, chỉ có lời thách thức mà thôi, nên vô tình nói rằng: “Ta không thể **cho** mặc dù ... đã không **cho** thì chỉ **bán** với giá như thế.

Vì rằng: “**Nếu đã cho**” thì bên nhận không phải tốn kém chi cả; nhưng đã có sự tốn kém thì sự **nhận** trở thành sự **mua** và **vật cho** trở thành **vật bán**; người **cho** trở thành **người bán**, người **nhận** trở thành **người mua**).

2- Mua đất.

Sau khi thắng kiện, Trưởng giả Cấp Cô Độc cho chở tiền vàng lại bằng các xe kéo và cho trả tiền vàng ra ở Jetavana (khu rừng (của) Jeta), đổi với những chỗ không thể lấp tiền vàng lên được như những gốc cây, ao hồ ... người ta đo diện tích những khoảng ấy rồi trả tiền vàng chồng lên nơi có diện tích bằng với diện tích những khoảng không thể trả tiền vàng ấy⁽¹⁾.

Tổng cộng Trưởng giả Cấp Cô Độc cho trả hết 180 triệu tiền vàng.

Tiền vàng chở lại một lần mang đến khu rừng Jeta trên những cỗ xe, còn thiếu cho khoảng trống, nơi dự kiến là cổng ra vào Đại tự.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đã bảo những người hầu rằng:

- Nay các người, hãy đi, hãy đem tiền vàng lại. Chúng ta sẽ trả lên khoảng trống này, khoảng trống này được xây dựng làm lối đi có cổng vòm.

Vương tử Jeta thấy nét mặt Trưởng giả Cấp Cô Độc càng rạn rở khi thấy những cỗ xe tải vàng đến, số lượng tiền vàng lớn đã trả lên mặt đất không làm Trưởng giả xót xa, trái lại càng khiến tâm Trưởng giả hân hoan.

Vương tử Jeta đã khởi ý nghĩ rằng: “*Theo như cách của Trưởng giả này hy sinh nhiều tiền vàng đến như vậy thì việc này sẽ không là tâm thường*”, nên đi đến nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Nay Trưởng giả, thôi được rồi, ông không cần phải trả lên khoảng trống này nữa. Hãy cho ta khoảng trống đó, việc bố thí ấy sẽ là của ta.

⁽¹⁾- Chuyện này được ghi lại trên phù điêu ở Bharhut Tope; xem Cunningham—the Stupa of Bharhut, Pl. lvii., pp. 84-6.

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Vương tử Jeta này thông minh, nhiều người biết tiếng, niềm tin trong Pháp và Luật này của những người có danh tiếng như thế quả là điều kỳ diệu lớn lao!”, nên đồng ý nhường khoảng trống đó cho Vương tử Jeta.

Theo Bản Sớ giải kinh Trường bộ, Bản Sớ giải kinh Bốn sự và Bản Sớ giải Phật Tông (Buddhavaṃsa), có 7 Đại Trưởng giả đã từng trải vàng mua đất, xây dựng một Đại tự hoành tráng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

1’- Vào thời Đức Phật Vipassī (cách trái đất này 91 kiếp trái đất), có Đại trưởng giả Punabbasumitta, trải những viên gạch bằng vàng giáp mí với nhau lên vùng đất rộng một dotuần (# 16km) để mua đất, xây dựng một Đại tự hoành tráng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

2’- Vào thời Đức Phật Sikhī (cách trái đất này trở về trước 31 kiếp trái đất), có Đại trưởng giả Sirivaḍḍha đã trải trên đất những lưỡi cày bằng vàng giáp mí với nhau để mua đất rộng 3 gāvuta (# 12km). Xây dựng trên vùng đất này một Đại tự hoành tráng cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng.

3’- Vào thời Đức Phật Vessabhū (cách trái đất này trở về trước 31 kiếp trái đất), cùng địa điểm trên, có Đại trưởng giả Sotthika đã trải trên đất những khối vàng như chân voi sát mí với nhau để mua khuôn viên đất rộng nửa dotuần (# 8km) xây dựng nơi đó một Đại tự hoành tráng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Trong hiền kiếp này (bhaddakappa), cùng địa điểm trên, có ba vị Đại trưởng giả dùng vàng trải trên đất để mua đất. Đó là:

4’- Vào thời Đức Phật Kakusandha, có Đại trưởng giả Accuta, trải những viên gạch bằng vàng sát mí vào nhau để mua đất, khuôn viên có kích thước là 1 dotuần (#16 km), xây dựng nơi đó một đại tự hoành tráng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

5’- Vào thời Đức Thế Tôn Konāgamana, có Đại trưởng giả Ugga đã trải những con rùa đúc bằng vàng trên mảnh đất đó để mua đất, khuôn viên đất rộng nửa gāvuta (# 2km), xây dựng một Đại tự hoành tráng, cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

6’- Vào thời Đức Phật Kassapa, có Đại trưởng giả Sumaṅgala trải những viên gạch đúc bằng vàng sát mí vào nhau để mua khuôn viên đất rộng 16 karīsa⁽¹⁾. Xây dựng một Đại tự hoành tráng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

7’- Vào thời Đức Phật Gotama, có Đại trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) trải tiền vàng sát mí vào nhau để mua khuôn viên đất rộng 8 karīsa. Xây dựng trên đó Đại tự Kỳ Viên hoành tráng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng⁽²⁾.

Trong Bản Sớ giải kinh Pháp cú (Dhammapāda-atthakathā) có đề cập đến Trưởng giả Sumaṅgala⁽³⁾.

***Vương tử Jeta.**

Vị Vương tử này thường được biết với tên gọi Jetakumāra (Vương tử Jetata). Theo Kinh điển Saṅkhit (Bắc Truyền) thì Vương tử Jeta là con vua Pasenadi (PaTuNặc) và Công nương Vasrṣikā⁽⁴⁾.

Tên Jeta được giải thích theo nhiều cách:

a- Jeta không phải là tên, mà là tước hiệu vì vị Vương tử này có công chiến thắng giặc loạn.

(1)- Một Karīsa khoảng một mẫu tây.

(2)- BuA. 2, 47; JA.i. 94; DA. ii. 424.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 8). Chuyện Ma đối mình trần.

(4)- Rockhill; 48, n. 1.

b- Là tên tộc, vì khi vua cha vừa diệt xong giặc loạn thì vị Vương tử này chào đời.

c- Vì khi sinh hài tử ra, có điềm lành xuất hiện (*maṅgalakāyatāya*)⁽¹⁾.

Vương tử Jeta là chủ nhân khu rừng nhỏ (*vana*), do vậy khu rừng nhỏ này có tên là Jetavana.

Do lời nói sơ suất nên Vương tử buộc lòng phải bán khu rừng nhỏ Jeta cho Trưởng giả Anāthapiṇḍika bằng cách trải vàng trên mặt đất.

Truyền thuyết nói rằng số vàng trong chuyến đầu tiên còn thiếu, còn trống một khoảnh nơi xây dựng cổng Đại tự Kỳ Viên, nên Trưởng giả Cấp Cô Độc phải cho gia nhân về chở thêm nhiều xe vàng đến để lót khoảng trống ấy.

Thấy sự tha thiết của Trưởng giả Cấp Cô Độc, Vương tử Jeta xin khoảng trống ấy để xây dựng cổng Đại tự Kỳ Viên.

Ghi chú.

Chữ Jetavanavihāra thường được dịch là Đại tự Kỳ Viên. Chữ này nên dịch là *Đại tự rừng Jeta*.

Vì chữ *vana* ở đây không phải là khu vườn, mà là khu rừng nhỏ (# 8 mẫu đất), nên chữ *viên* (là vườn) không hợp, nên dùng chữ *lâm* (là rừng).

Lại nữa chữ *Kỳ* là gọi tắt của Kỳ đà, âm từ chữ *Jeta*; vừa âm vừa dịch là không hợp lý.

Tuy nhiên, từ lâu đại chúng vẫn quen gọi Jetavana là Kỳ Viên, do vậy, chữ *Jetavanavihāra* chúng tôi tạm dùng là Đại tự Kỳ Viên, để những độc giả chưa am tường cách đọc Pāli ngữ dễ đọc (Ns).

*** Công Đại tự Kỳ Viên.**

Vương tử dùng số tiền vàng trải trên đất là 180 triệu, xây dựng cổng Đại tự Kỳ Viên (Jetavanavihāra) rất hoành tráng, cửa đi vào Đại tự rất uy nghi tráng lệ, trên cổng có một lầu tháp rất lớn với kinh phí là 90 triệu tiền vàng.

Một du sĩ ngoại đạo có tên gọi là Palāyi đi khắp nơi trong cõi Ấn cổ, chưa gặp ai có khả năng biện luận thắng được. Du sĩ Palāyi rất tự hào về khả năng này của mình, khi du sĩ Palāyi đi đến kinh thành Sāvatti (XáVệ), hỏi nhưng cư dân trong thành rằng:

- Nơi đây có ai có khả năng biện luận với ta chăng?.

- Có một người, đó là Đức Thế Tôn Gotama, Ngài là Bạc Chánh Giác với trí tuệ siêu việt, cho dù có ngàn người như ông đều bị Đức Thế Tôn nhiếp phục. Tất cả mọi chủ thuyết ngoại giáo như ông đều rơi rụng dưới chân Đức Thế Tôn, ví như hàng ngàn cơn sóng lớn của Đại dương đều bị ngăn lại bởi bờ biển.

Rồi các cư sĩ thành Sāvatti (XáVệ) tán thán ân đức vô lượng của Đức Thế Tôn. Du sĩ Palāyi hỏi:

- Vị ấy đang trú ngụ ở đâu?

- Đây du sĩ, Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên.

- Hôm nay ta sẽ luận chiến với Samôn Gotama.

Rồi được vây quanh với đại chúng (cả ngoại giáo lẫn hàng tại gia cư sĩ), trong đại chúng có hai tư tưởng, nhóm du sĩ ngoại giáo suy nghĩ:

- Hôm nay chúng ta sẽ được chứng kiến Samôn Gotama bị bại trước du sĩ Palāyi này.

Nhóm cư sĩ đệ tử Đức Thế Tôn suy nghĩ:

- Hôm nay chúng ta sẽ chứng kiến oai lực của Bạc Đạo sư vô song.

Khi đi đến cổng Đại tự Kỳ Viên được Vương tử Jeta xây dựng với kinh phí là 90 triệu tiền vàng, du sĩ Palāyi hỏi:

- Đây có phải là lầu đài trú xứ của Samôn Gotama?

⁽¹⁾- MA. i. 50; UdA. 56; KhpA. 111.

- Không, đây chỉ cổng Đại tự Kỳ Viên.
- Ò! Chỉ là cổng Đại tự mà như thế này, thì còn nói gì nơi trú ngụ của Samôn Gotama.

Khi nghe các cư sĩ mô tả Hương thất (Gandhakuṭi) của Đức Thế Tôn, du sĩ Palāyi kinh hoàng rằng:

- Với một Samôn như vậy, ai biện luận có thể hy vọng thắng được chứ?

Nói xong du sĩ Palāyi liền bỏ trốn. Đại chúng si và du sĩ Palāyi không tiếc lời, rồi đi vào Đại tự Kỳ Viên trình lên Đức Thế Tôn việc này.

Đức Thế Tôn dạy rằng: “Này các cư sĩ, chẳng phải hôm nay du sĩ Palāyi chỉ nhìn thấy cổng ở bên ngoài trú xứ của ta đã bỏ chạy, trong quá khứ cũng có lần như thế rồi.

Theo lời tình cầu của đại chúng Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Palāyi.

***Bốn sự Palāyi.**

Thuở xưa Bôtát là vua xứ Gandhāra, trị vì nơi kinh thành Takkasilā. Vua Brahmadata trị vì xứ Kāsi có kinh thành là Bārāṇasī (Balanại).

Vua Brahmadata muốn đánh chiếm Vương quốc Gandhāra, kéo quân đến kinh thành Takkasilā, vua Brahmadata bố trí đội hình cho bốn đạo binh chủng: Tượng binh, Mã binh, Xa binh và Bộ binh, cùng tấn công vào kinh thành Takkasilā.

Khi kéo quân đến kinh thành Takkasilā, vua Brahmadata thấy cổng thành cùng những tháp canh, hỏi rằng:

- Đây có phải là lâu đài của vua Takkasilā?

- Thưa Đại vương, đây chỉ là cổng thành Takkasilā và tháp canh thôi.

- Cổng và tháp canh ở cửa thành như vậy, thì lâu đài của vua Takkasilā như thế nào?

- Cung điện của vua Takkasilā như cung điện Vejayanta (Chiến Thắng) của vua Trời Sakka ở cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba).

- Nếu là như vậy, ta không thể chiến thắng vua Takkasilā được.

Và vua Brahmadata cho kéo quân về, không dám chiến đấu với vua Takkasilā.

Nhận diện Bốn sự,

Vua Brahmadata nay là du sĩ Palāyi⁽¹⁾.

***Xây dựng vòng thành Đại tự.**

Với 90 triệu tiền vàng còn lại Vương tử Jeta cho xây một vòng thành để bảo vệ Đại tự Kỳ Viên, vòng thành này tách biệt những tiếng động từ những trục giao thông bên ngoài xâm nhập vào khu Đại tự, đồng thời ấn định ranh giới Đại tự Kỳ Viên với phần đất bên ngoài.

Chung quanh vòng thành là những luống hoa với nhiều thứ hoa nở quanh năm, lối đi quanh vòng thành được lát loại gạch tốt mát lạnh.

Ngoài ra, Vương tử Jeta còn cúng dường đến Đại tự rất nhiều cây gỗ quý.

Về sau, Vương tử Jeta bị người em khác mẹ là Thái tử Viḍuḍabha giết chết vì không chịu hợp tác trong việc tru diệt dòng ThíchCa⁽²⁾.

3- Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ Viên).

Jetavana là khu rừng nhỏ ở ngoài thành Sāvatti (XáVệ), về phía Nam kinh thành Sāvatti⁽³⁾.

Trưởng giả Cấp Cô Độc mua khu rừng nhỏ này với giá 180 triệu tiền vàng, xây dựng ở Jetavana các trú xá, xây dựng các căn phòng, xây dựng các

(1)- JA. Palāyijātaka (Bốn sự Palāyi) (chuyện số 229).

(2)- Rockhill; 121.

(3)- MA. i. 471.

cổng ra vào, xây dựng các phòng hội họp, xây dựng các nhà để đốt lửa, xây dựng các nhà vệ sinh, xây dựng các đường kinh hành, xây dựng các gian nhà ở các đường kinh hành, xây dựng các giếng nước, xây dựng các gian nhà ở các giếng nước, xây dựng các phòng tắm hơi, xây dựng các gian nhà ở các phòng tắm hơi, xây dựng các hồ trữ nước, xây dựng các mái che⁽¹⁾.

Kinh phí xây dựng Đại tự Kỳ Viên là 180 triệu tiền vàng.

Vì cổng Đại tự Kỳ Viên do Vương tử Jeta cúng dường, nên Tự viện có tên gọi là *Jetavanavihāra* (Đại tự Kỳ Viên), nhưng kinh sách luôn luôn được dẫn là: “*Jetavane Anāthapiṇḍikassa ārāme: Tự viện trong rừng Jeta của ông Cấp Cô Độc*”.

Bản Sớ giải⁽²⁾ có giải thích rằng: “Việc làm này có cân nhắc, ý muốn nêu tên chủ nhân khu rừng là Vương tử Jeta và chủ nhân ngôi Tự viện là Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) để mọi người biết và ghi nhớ.

Và đó cũng chính là lời dạy của Đức Thế Tôn⁽³⁾.”

Đại tự (vihāra) đôi khi cũng được gọi là *Jetārāma* (Tự Viện Kỳ Viên)⁽⁴⁾

Theo Mahāvastu (Đại sự) của Bắc Truyền, trong quá trình xây dựng Đại tự Kỳ Viên, Trưởng giả Anāthapiṇḍika có thỉnh Trưởng Lão Sāriputta (Xá Lợi Phất) tư vấn những vị trí thích hợp trong khu vực Đại tự.

Sách Dulva của Tây Tạng nói rằng: “Đại tự này được xây dựng theo sơ đồ trên cõi Tusita (Đầu Suất) gói xuống, gồm có 60 phòng lớn và 60 phòng nhỏ” đồng thời có mô tả chi tiết trang trí của Đại tự⁽⁵⁾.

Bên trong Đại tự Kỳ Viên có bốn kiến trúc độc đáo, mỗi kiến trúc xây dựng với kinh phí là 100 ngàn tiền vàng, đó là: Gandhakuṭi, Candanasālā, Kosambakuṭi và Salalāgāra⁽⁶⁾, ngoài ra còn có khu vực Karerimaṇḍamāla, Ambalakoṭṭhaka-āsanāsālā⁽⁷⁾.

a- Gandhakuṭi (Hương thất).

Đôi khi cũng được viết là Mahāgandhakuṭi (Đại Hương thất) để phân biệt với những Hương thất khác, đây là chỗ ngụ của Đức Thế Tôn ở trong Đại tự Kỳ Viên (sdd).

Khu vực kiến trúc có Gandhakuṭi (Hương thất) được gọi là Gandhakuṭiparivena (Khu vực Hương thất).

Trước Hương thất là một Giảng đường lớn, nơi đây chư Tỳkhuu thường tụ họp để nghe Đức Thế Tôn giảng pháp⁽⁸⁾ (có thể đó là *Koṭisanthāra*).

Nơi đặt giường ngủ của Đức Thế Tôn được xem là một trong bốn điểm bất di dịch (*avijahitaṭṭhānāsni*) trong kiếp trái đất này⁽⁹⁾ (ba điểm kia là: Địa điểm Bảo tọa chiến thắng (bodhi pallāṅka) nơi Bodhigayā Bồ Đề đạo tràng), nơi Đức Thế Tôn Chuyển Pháp luân trong rừng Nai ở Isipatana gần thành Bārāṇasī, chân thành Saṅkassa điểm Đức Thế Tôn đặt chân xuống đầu tiên khi Ngài từ cung trời Tāvātimsa trở về nhân giới và bốn điểm đặt chân giường trong Hương thất của Đức Thế Tôn. Giường của chư Phật có chung một cỡ nhưng có thể đặt bên Đông hay bên Tây trong Hương Thất¹⁰.

Nơi Bồ tát Siddhattha (Sĩ Đạt Ta) ngồi thiền, chứng đạt Vô thượng Chánh giác, ở Bodhigayā (Bồ Đề đạo tràng), nơi Đức Thế Tôn ngồi thuyết giảng bài

(1)- ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu Phẩm II. Số 256.

(2)- MA. ii. 50; UdA. 56 .

(3)- Beal: Records of the Western Word, ii. 5 và Rockhill: p. 49.

(4)- Ap. i. 400.

(5)- Rockhill: *op. cit.* 48 và n. 2.

(6)- SnA. ii. 403.

(7)- JA. ii. 246.

(8)- JA. i. 501; JA. iii. 67.

(9)- BuA. 247.

(10)- DA. ii. 424; BuA. 247.

pháp đầu tiên là kinh Chuyển Pháp Luân, ở Isipatana Migadāya (rừng Nai) thuộc xứ Bārāṇasī (Balanại), chân thành Sankassa nơi Đức Thế Tôn từ cung Trời Tāvatiṃsa ngự về nhân giới sau khi an cư mùa mưa ba tháng ở Cung trời Tāvatiṃsa).

Về sau chữ *Gandhakuṭi* dùng để chỉ nơi Đức Thế Tôn cư ngụ, nên Gandhakuṭi nơi Đại tự Kỳ Viên được gọi là Mahāgandhakuṭi.

Đại nữ cư sĩ là bà Visākḥā có kiến tạo một Gandhakuṭi (Hương thất) cho Đức Thế Tôn trong Pubbārāma (Đông Phương tự)⁽¹⁾.

b- Koṭisanthāra.

Nhiều Bốn sự (*jātaka*) có ghi nhận rằng: “Đức Thế Tôn dạy Ngài Ānanda triệu tập Tăng chúng nơi Đại tự Kỳ Viên đến *Koṭisanthāra*” để Đức Thế Tôn Giáo giới ... Đức Thế Tôn cũng dạy Ngài Ānanda soạn sẵn chỗ ngồi cho Ngài ngay trước cửa Hương thất.

Koṭisanthāra có thể là tên gọi của phần sân trong Jetavana ngay trước cửa Hương Thất. Được gọi là *Koṭisanthāra* vì khi mua phần đất này, Trưởng giả Cấp Cô Độc phải trả trên mặt đất là 10 triệu (koṭi) tiền vàng⁽²⁾, có khả năng vùng đất này có rất nhiều cây cổ thụ lớn.

Hoặc *Koṭisanthāra* là tên gọi phần đất được trải vàng, vì được biết lúc bấy giờ vàng chưa đủ để phủ kín khu rừng nhỏ này⁽³⁾.

Trong *Koṭisanthāra* có nhiều kiến trúc mà chúng Tăng dùng để an trú và được gọi là “*Antokoṭisanthārevasantā*”⁽⁴⁾. *Koṭisanthāra* thường bị dịch sai là Thảm Vàng (Golden Pavement)⁽⁵⁾.

c- Candanasālā (Giảng đường gỗ Trầm Hương).

Là Giảng đường rộng, trong có Hương thất là nơi cư ngụ của Đức Thế Tôn. Toàn bộ được làm bằng gỗ trầm hương đỏ, nên có tên gọi là Candanasālā (hay Candanamālā).

d- Kosambakuṭi.

Cũng là một Hương thất của Đức Thế Tôn, ban ngày Đức Thế Tôn trú ngụ nơi đây.

***Salaḷaghara (Salaḷāgāra).**

Đây cũng là một Hương thất của Đức Thế Tôn, là nơi Ngài tọa thiền vào ban đêm, nên có lần Thiên vương Sakka đến viếng Đức Thế Tôn và thấy Đức Thế Tôn đang an trú tâm trong định nhập.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: *Salaḷamayagandhakuṭi* (Hương thất làm bằng cây Salaḷa)⁽⁶⁾.

Bản Sớ giải kinh Tương Ưng lại ghi nhận: *Salaḷarukkhamaya* (am thất làm bằng cây Salaḷa) hay am thất có cây Salaḷa ở trước cửa⁽⁷⁾.

Phải chăng trong Đại tự Kỳ Viên ngoài Hương thất của Đức Thế Tôn làm bằng gỗ Salaḷa, còn có một am thất khác cũng làm bằng gỗ Salaḷa?

Salaḷāgāra được vua Pasenadi kiến tạo cúng dường đến Đức Thế Tôn⁽⁸⁾, ba kiến trúc kia do Trưởng giả Cấp Cô Độc kiến tạo.

***Karerimaṇḍalamālā.**

Giảng đường Kareri nằm gần Kerarikuṭikā, Kerarikuṭikā là những ngôi nhà mát như chiếc dù lớn, có một cột bằng cây Kareri ở giữa, nóc lợp bằng cỏ

(1)- AA. i. 226.

(2)- JA. i. 94

(3)- Vin. ii. 159.

(4)- JA. iv. 113.

(5)- Jāt. Trs. iii. 12; iv. 71.

(6)- DA. ii. 705.

(7)- SA. iii. 205.

(8)- DA. ii. 407.

tranh, không có tường⁽¹⁾, các vị Tỳkhuu thường ngồi nghỉ trưa ở những ngôi nhà mát này.

Ngài Buddhaghosa giải thích: Karerimaṇḍasālā là một Tọa đường (nisīdanasālā), là nơi các Tỳkhuu bàn luận với nhau về những đề tài khác nhau, chung quanh Tọa đường có trồng nhiều loại hoa Hồng.

Giữa Tọa đường và Gandhakuṭi là những nhà mát Kareri, khu vực này được gọi là Karerimaṇḍapa.

Từ ngữ Karerimaṇḍamālā có thể dùng chỉ toàn bộ Gandhakuṭi, tức là chỉ cho Karerikuṭikā, Hương thất cùng với Giảng đường (*Gandhakuṭi pi Kerarikuṭikā pi sālā pi Karerimaṇḍalamālo ti vuccati: Hương thất với những ngôi nhà Kareri cùng Giảng đường, được gọi là Karerimaṇḍalamālā*)⁽²⁾.

Nhưng Ngài Dhammapāla cho rằng: “Gọi là *Karerimaṇḍamālā* là chỉ cho maṇḍapa (nhà mát) và sālā (giảng đường)”⁽³⁾.

Các vị Tỳkhuu thường đến đây vào buổi chiều và thảo luận nhiều đề tài khác nhau.

Trong tập Udāna (Cảm hứng ngữ) có ghi nhận: “Một đề tài được các vị Tỳkhuu thảo luận ở nơi đây, đã bị Đức Thế Tôn khiển trách.

Có lần các vị Tỳkhuu sau khi thọ thực vào buổi trưa, cùng nhau tụ hội nơi Karerimaṇḍamāla, nói với nhau rằng:

“Tỳkhuu đi khát thực thỉnh thoảng thấy được sắc khả ái, nghe được âm thanh khả ái, mũi ngửi được mùi hương khả ái ... Tỳkhuu đi khát thực được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường. Nay các chư Hiền, hãy đi khát thực sống”.

Đức Thế Tôn nghe được sự bàn luận này, Ngài ngự đến Karerimaṇḍasālā, khiển trách các vị Tỳkhuu rằng:

“Nay các Tỳkhuu, thật không xứng đáng cho các người, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, khi các người nói lên câu chuyện như vậy. Khi các người ngồi hội họp với nhau, nay các Tỳkhuu, có hai công việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ im lặng của bậc Thánh”.

Và Đức Thế Tôn nói lên Cảm hứng ngữ (Udāna) như sau:

Piṇḍapātikassa bhikkhuno; attabharassa anaññaposino.

Devā pihayanti tādino; no ce saddasilokanissito”ti.

“Tỳkhuu đi khát thực; tự sống không nhờ người.

Chư thiên thương vị ấy;

Nương tựa vào danh vọng, chư thiên không mến mộ”⁽⁴⁾.

1’- Ambalakoṭṭhaka (Trai đường Ambala).

(Chữ Koṭṭhaka là một căn phòng chứa vật dụng)

Ambalakoṭṭhaka là một Trai đường trong Đại tự Kỳ Viên, chữ Ambala có thể đó là tên nóc tháp của Trai đường này.

Trong duyên khởi Bốn sự Sunakha có đề cập đến Ambalakoṭṭhaka này.

***Bốn sự Sunakha** (chuyện con chó).

Có con chó khi sinh ra được những người gánh nước của Trai đường, mang về nuôi dưỡng nơi Trai đường Ambalakoṭṭhaka.

Nhờ được nuôi dưỡng bằng tàn thực của các vị Tỳkhuu, thời gian sau con chó trở nên to lớn khỏe mạnh. Một hôm có người làng bên đi đến Đại tự

(1)- D. ii. 1.

(2)- DA. ii. 407. S

(3)- Ud., p. 30 .

(4)- Ud. 8.

Kỳ Viên, thấy con chó khỏe mạnh, liền cho những người gánh nước một xấp vải y cùng một đồng tiền vàng, rồi xích cổ chó dắt đi.

Con chó bị dắt đi không cưỡng lại, cũng không sủa, nó ăn vật thực được cho và đi theo người ấy.

Người ấy nghĩ: “Con chó đã mến ta”, nên tháo dây xích ra khỏi cổ chó, vừa được cởi tháo dây trói, con chó nhanh chóng chạy trở về Đại tự Kỳ Viên, đi đến nơi sống cũ của mình.

Chư Tỳkhuu bàn luận về câu chuyện này nơi Giảng Pháp đường. Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Sunakha⁽¹⁾.

Trước cổng Đại tự Kỳ Viên có cây Rājayatana (Vương xứ), là trú xứ của vị Thiên nhân Samiddhisumana⁽²⁾.

Theo Mahāvamsa (Đại sử), vị chư thiên Samiddhiumana có tháp tùng theo Đức Thế Tôn sang Tích Lan lần thứ II.

Kiếp trước vị Thiên nhân này là người ở Nāgadīpa (đảo Rong), từng dâng lên các vị Đức Phật Độc Giác lá cây rājayatana (vương xứ) để các Ngài lau bát. Cây Rājayatana lơ lửng trên không để che mát cho Đức Thế Tôn trong chuyến du hành sang Tích Lan của Đức Thế Tôn.

Theo lời Răn chúa ở đảo Kalyāni, Thiên nhân Samiddhisumana để lại cây Rājayatana để loài Nāga tôn thờ⁽³⁾.

2²- Hồ Jetavana.

Bên trong cổng Đại tự Kỳ Viên có một hồ nước lớn trồng nhiều loại hoa sen, có tên gọi là Jetavanapokkharanī (hồ Jetavana), Đức Thế Tôn thường tắm nơi đây⁽⁴⁾.

Bốn sự Maccha (chuyện con cá) được thuyết lên do duyên sự: “Đức Thế Tôn tắm trong khi trời hạn hán, và trận mưa lớn đã trút xuống kinh thành Sāvatti (XáVệ)”⁽⁵⁾.

Tôn giả Devadatta (ĐềBàĐạtĐa) bị dắt rứt vào địa ngục Avīci (Atỳ) tại nơi bờ hồ này⁽⁶⁾.

Về phía Đông của hồ sen có bến tắm, gọi là *Pubbakoṭṭhaka*.

Người Ấn cổ thường chọn bến tắm nằm về hướng Đông, theo phong tục Bàlamôn giáo, vào buổi sáng giáo dân thường xuống sông tắm, khi trời sáng thì rời bến tắm, ánh sáng mặt trời từ hướng Đông rọi đến sườn ấm.

Lại nữa, khi tắm ở bến về hướng Đông, khi mặt trời vừa ló dạng xem như báo giờ rời bến tắm.

Ở bến tắm Pubbakoṭṭhika nơi Đại tự Kỳ Viên, vào buổi sáng các vị Tỳkhuu hay các cận sự nữ cũng thường đến đây rửa mặt, súc miệng.

Cận sự nam Mahākāla bị đánh chết nơi bến tắm này, cận sự nam Cūlakāla cũng suýt bị đánh chết như thế.

a²-Cận sự nam Mahākāla (Đại Hắc).

Cận sự nam Mahākāla là cư dân trong thành Sāvatti (XáVệ), Ngài là bậc Thánh Dự Lưu.

Cận sự nam Mahākāla thường thọ trì ngày Bôttát (uposatha) mỗi tháng 8 ngày rất tốt đẹp. Vào những ngày Bôttát, Ngài Mahākāla thường đến Đại tự Kỳ Viên thọ trì giới rồi trú ngụ trong Đại tự nghe pháp suốt đêm.

Vào một ngày Bôttát nọ, trong đêm có bọn trộm đánh cắp tài sản một gia chủ gần Đại tự Kỳ Viên. Trong khi chúng chuyển vật trộm đã bị gia chủ phác

(1)- JA. ii. Sunakhajātaka (chuyện con chó). Chuyện số 242.

(2)- Mhv. i. 52; MT. 105; nhưng DhA. i. 41 nói rằng: Vị chư thiên giữ cổng Đại tự Kỳ Viên là Sumana.

(3)- Mhv. i. 52.

(4)- AA. i. 264.

(5)- JA. ii, Macchajātaka (Bốn sự con cá). Chuyện số 75.

(6)- DhA. i. Câu số 12; JA. iv. 158.

giác liền báo động, dân chúng cùng nhau rượt theo bọn trộm, chúng quăng bỏ tang vật rồi tháo chạy thoát thân, một tên chạy về hướng Đại tự Kỳ Viên, vị gia chủ cùng đại chúng vẫn rượt theo để bắt tên trộm

Vào hùng sáng, sau khi nghe Pháp trọn đêm cận sự nam Mahākāḷa ra bờ hồ Jetavanapokkharanī để rửa mặt, súc miệng, tên trộm chạy đến hồ sen, ném bỏ tang vật trước mặt Mahākāḷa rồi chạy trốn.

Đại chúng rượt đến thấy tang vật ở trước mặt cận sự nam Mahākāḷa, liền tóm lấy Mahākāḷa mắng rằng:

“Người là tên trộm đạo, đã đánh cắp tài sản chạy đến đây, giả vờ vừa đi nghe pháp xong trở ra đây”.

Họ không để cho cận sự nam phân trần, cùng nhau xông đến đánh đá cận sự nam Mahākāḷa cho cho đến chết, vút xác sang một bên rồi bỏ đi.

Khi trời sáng các Sadi, Tỳkhuu đến hồ lấy nước, nhìn thấy xác cận sự nam Mahākāḷa, bảo nhau rằng:

- Cận sự nam này là người thuần đạo, nay bị chết như vậy thật là oan uổng.

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn sự kiện này, Đức Thế Tôn dạy:

- Nay các Tỳkhuu, đúng vậy, cái chết của cận sự nam Mahākāḷa trong hiện tại thật bất xứng. Nhưng rất xứng với việc làm tội lỗi của Mahākāḷa trong quá khứ.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn dẫn ra tiền nghiệp của cận sự nam Mahākāḷa như sau.

Tiền nghiệp.

Thuở quá khứ có một bọn cướp trú trong khu rừng gần vùng biên địa của Vương quốc Bārāṇasī (Balanaị), thường chặn đường cướp tài vật những đoàn thương buôn khi đi xuyên qua khu rừng rậm, đánh cướp tài sản của những làng sơn cước sống ven khu rừng.

Để giữ an toàn cho cư dân quanh vùng cùng những đoàn thương buôn qua lại khu rừng, vua Brahmadata cử một vị quan trấn giữ nơi bìa rừng, có phận sự đưa người từ bên này sang bên kia rừng.

Một hôm có một thanh niên cùng người vợ xinh đẹp khả ái, đánh xe đi đến bìa rừng ấy, yêu cầu vị quan giữ rừng đưa vợ chồng mình sang qua bên kia rừng.

Nhìn thấy sắc đẹp diễm kiều của vợ chàng thanh niên, vị quan giữ rừng khởi lên tà ý, muốn chiếm đoạt vợ chàng thanh niên, nên nói rằng:

- Bây giờ không hợp thời, vì trời đã chiều. Thôi đợi sáng mai, ta sẽ đưa hai người đi sớm.

- Thưa Ngài, hiện vẫn còn sớm, xin Ngài đưa giúp chúng tôi sang bên kia rừng đi.

- Nay hai vị ơi, không được đâu. Hai vị hãy đến tư dinh của ta dùng cơm rồi nghỉ lại qua đêm, sáng mai hãy đi sớm.

Tuy không muốn, nhưng vợ chồng chàng thanh niên không biết phải làm sao, đành đi đến chỗ vị quan giữ rừng tạm nghỉ qua đêm.

Vị quan giữ rừng có viên ngọc quý, y bảo gia nhân lén bỏ vào xe của chàng thanh niên ở góc kín đáo, vào lúc hùng sáng y tri hô lên: “Có trộm đạo lén vào đây đánh cắp viên ngọc quý của ta. Hãy cho tra xét khắp nơi”.

Và họ đã tìm thấy viên ngọc quý trong xe của chàng thanh niên, vị quan trấn giữ rừng ra lệnh đánh chết chàng thanh niên, sau đó chiếm lấy vợ chàng thanh niên.

Do ác nghiệp này, khi mệnh chung y tái sinh vào địa ngục Atỳ (avīci) bị lửa thiêu đốt với thời gian đếm năm không kể xiết. Khi thoát khỏi địa ngục

Atỳ, quả còn dư sót của ác nghiệp ấy, hậu thân của y đã bị đánh chết hằng trăm kiếp do người khác vu oan là trộm cắp.

Sau khi thuật lại tiền nghiệp của cận sự nam Mahākāla xong rồi, Đức Thế Tôn dạy:

- Nay các Tỳkhuu, những chúng sinh tạo ác nghiệp, sẽ bị ác nghiệp ấy nghiền nát trong bốn ác đạo như thế.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

161- Attanā hi kataṃ pāpaṃ; attajaṃ attasambhavaṃ.

Abhimatthati dummedhaṃ; vajiraṃ vasmamayāṃ maṇiṃ.

“Điều ác tự mình làm; tự mình sinh, mình tạo.

Nghiền nát kẻ ngu si; như kim cương ngọc báu” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

b’- Cận sự nam Cūlakāla (Tiểu Hắc).

Câu chuyện cũng diễn tiến tương tự như chuyện cận sự nam Mahākāla.

Khi bọn trộm chạy trốn, đến hồ sen trong Đại tự Kỳ Viên, ném bỏ tang vật cạnh bờ hồ rồi chạy trốn.

Bấy giờ cận sự nam Cūlakāla sau khi nghe pháp suốt đêm, ông ra bờ hồ để súc miệng, rửa mặt. Khi ông vừa đến bờ hồ thì nhóm người rượt đuổi bọn trộm cũng vừa chạy đến, nhìn thấy gói tang vật nơi bờ hồ và cận sự nam Cūlakāla đang đứng cạnh đó, nhóm người này la lên rằng:

- Đây là tên trộm.

Họ tóm lấy cận sự nam Cūlakāla và đánh đập ông. Khi ấy có nhóm nữ tỳ đi đến bờ hồ lấy nước, thấy được việc ấy đã can ngăn rằng:

- Nay ông chủ ơi! Đừng có đánh đập nữa, người này không phải kẻ trộm đâu, ông ấy là một cận sự nam tốt, không có làm những việc trộm cắp đâu.

Nhóm nữ tỳ đã can ngăn, rồi giải thích rõ về giới hạnh của cận sự nam Cūlakāla và cận sự nam này được thả ra.

Cận sự nam Cūlakāla đi đến Giảng đường trong Đại tự, trình lên các vị Tỳkhuu sự kiện này.

Các vị Tỳkhuu mang câu chuyện bạch lên Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, vì cận sự nam Cūlakāla không tạo ác trọng nghiệp, nên nhờ những nài nỉ hầu biện hộ. Thật vậy, tự mình làm ác, tự mình rơi vào khổ cảnh, cũng tự mình làm thiện, tự mình được sinh lên nhàn cảnh.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

165- Attanā hi kataṃ pāpaṃ; attanā saṃkilissati.

Attanā akataṃ pāpaṃ; attanāva visujjhati.

Suddhī asuddhi paccattaṃ; nāñño aññaṃ visodhaye.

“Tự mình điều ác làm; tự mình làm nhiễm ô.

Tự mình ác không làm; tự mình làm thanh tịnh.

Tịnh, không tịnh tự mình; không ai thanh tịnh ai” (HT. TMC d)⁽²⁾.

***Pubbakoṭṭhaka (ngôi nhà hướng Đông).**

Như đã nói ở trên, các bến tắm thường được gọi là Pubbakoṭṭhaka. Koṭṭhaka nghĩa là “ngôi nhà”, vì các bến tắm thường có căn nhà trống, căn nhà này dùng để thay y phục.

Một bến tắm nằm về hướng Đông kinh thành Sāvatti, gần Migāramātupāsāda (Giảng đường mẹ Migāra) cũng có tên gọi là Pubbakoṭṭhaka⁽³⁾ (các bến tắm của thành phố lớn hay kinh thành thường các cổng thành).

(1)- DhpA, Câu số 161.

(2)- DhpA, Câu số 165.

(3)- Giảng đường này do Đại tín nữ Visākhā kiến tạo cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Giảng đường này còn được gọi là Pubbārāma (Tự viện Đông Phương), vì nằm ở phía Đông kinh thành Sāvatti (XáVệ).

Bến tắm này rất lớn, vì vương tượng Seta của vua Pasenadi (PaTưNặc) đến tắm nơi bến tắm này với nhiều tiếng trống nhạc phụ họa, Đức Thế Tôn có đến tắm nơi đây, và có thuyết lên bài kinh liên quan đến con vương tượng Seta này⁽¹⁾. Được gọi là Seta vì voi có lông màu trắng⁽²⁾

Bản Sớ giải thích: “Bến tắm này nằm trên dòng sông (nadī)”⁽³⁾.

Cũng nơi bến tắm này, Đức Thế Tôn hỏi Ngài Sāriputta (XáLợiPhất) rằng: “Này Sāriputta, người có tin rằng: “Các quyền nếu được tu tập, làm cho sung mãn, đưa đến Bất tử”, hay không?”.

Ngài Sāriputta đáp rằng “Ngài đã chứng tri, đã đạt đến với trí tuệ, nên không còn nghi ngờ”⁽⁴⁾.

Gần bến tắm có liêu thất của Balamôn Rammaka, nơi đây Đức Thế Tôn thuyết lên Ariyapariyasena sutta (kinh Thánh cầu)⁽⁵⁾.

Trước cổng Đại tự Kỳ Viên có cây Giác ngộ Ānanda (Ānandabodhi) do Trưởng giả Macch (Cấp Cô Độc) trồng⁽⁶⁾.

Không xa cổng Đại tự Kỳ Viên lắm là Kapallapūvāpabbhāra (Dốc Bánh) nổi tiếng với câu chuyện: “Trưởng lão Moggallāna tế độ Trưởng giả bòn xén Macchariya Kosiya”⁽⁷⁾.

Có một sân chơi dành cho trẻ em, có nhiều trẻ khát nước đi vào Đại tự Kỳ Viên xin nước uống.

***Nhóm trẻ, con của ngoại giáo.**

Tương truyền, những môn đồ ngoại giáo thấy con của mình chơi đùa cùng với những đứa bé con của những người có chánh kiến, tôn sùng Tam bảo, đã ngăn cấm con rằng:

- Không được đánh lễ các Samôn Thích Tử và không được đến gần chùa của Samôn Gotama.

Tuy vậy, với tuổi thơ chúng vẫn vui chơi với nhau.

Có lần chúng vui đùa với nhau trước cổng Đại tự Kỳ Viên, chúng khát nước nên bảo những đứa trẻ con những cận sự vào chùa xin nước uống.

Khi vào chùa các đứa bé kia đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi thuật chuyện đến Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Các con hãy gọi những người bạn của con vào đây.

Đức Thế Tôn cho chúng uống nước, rồi Ngài Giảng pháp thích hợp đến sự hiểu biết của chúng. Chúng phát sinh tâm thành kính xin nương nhờ Tam Bảo. Chúng trở về thuật chuyện đến cha mẹ chúng, cha mẹ chúng không hài lòng, đã rầy rằng:

- Các con đã sai lầm nghiêm trọng rồi.

Đứa trẻ thông minh nhất trong bọn, đã thuật lại cho cha mẹ nghe bài Pháp Đức Thế Tôn vừa giảng cho chúng nghe. Cha mẹ chúng nghe xong, hoan hỷ rằng:

- Chúng ta sẽ giao những đứa bé này cho Samôn Gotama giáo dục.

Rồi họ cùng con mình đi vào Đại tự Kỳ Viên viếng Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn quán xét thấy được duyên lành Đạo quả của nhóm người này. Sau khi thuyết giảng Pháp thoạt thích hợp với cơ tánh của họ, Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn.

318- Avajje vajjamatino; vajje cāvajjadassino.

(1)- A.iii. 345.

(2)- AA. ii. 669; ThagA. ii. 7.

(3)- AA. ii. 668.

(4)- S.v. 220.

(5)- M.i. Kinh số 26.

(6)- JA. iv. 228.

(7)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 7).

Micchādītṭhisamādānā; sattā gacchanti duggatim.

“Không lỗi, lại thấy lỗi; có lỗi lại thấy không.

Do chấp nhận tà kiến; chúng sinh đi khổ cảnh”.

319- Vajjañca vajjato ñatvā; avajjañca avajjato.

Sammādītṭhisamādānā; sattā gacchanti suggatim.

“Có lỗi, biết có lỗi; không lỗi biết là không.

Do chấp nhận chánh kiến; chúng sinh đi cõi lành” (HT. TMC d).

Nghe kệ ngôn này, cha mẹ của những đứa bé hoan hỷ xin quy ngưỡng Tam bảo đến trọn đời.⁽¹⁾

Chung quanh khuôn viên Đại tự Kỳ Viên là những cây cao lớn rậm rạp, giúp cho khu vực này trở thành một rừng cây (arañña) rợp bóng⁽²⁾.

Bên ngoài Đại tự Kỳ Viên có một vườn xoài⁽³⁾, không xa Đại tự Kỳ Viên lắm có một tu viện của ngoại giáo, nàng Ciñcāmāṇavikā thường đến đây trú qua đêm để thực hiện âm mưu vu khống Đức Thế Tôn⁽⁴⁾.

Phía sau Đại tự Kỳ Viên có một chỗ là nơi các tà mạng ngoại giáo (Ājivaka) thực hành khổ hạnh⁽⁵⁾, các du sĩ ngoại đạo này có lần hối lộ vua Pasenadi (PaTưNặc) để xây một Tự viện cạnh tranh với Đại tự Kỳ Viên, nhưng Đức Thế Tôn đã vô hiệu hóa toan tính của họ, bằng cách nói vua Pasenadi rút lại sự cho phép⁽⁶⁾.

Vua Pasenadi hối hận, dùng số tiền ngoại giáo hối lộ, xây dựng một Tự viện gần Đại tự Kỳ Viên cúng dường đến các Tỳkhu ni theo lời dạy của Đức Thế Tôn. Tự viện này có tên là Rājākārāma⁽⁷⁾, nằm về phía Đông Nam của kinh thành Sāvatti⁽⁸⁾.

Con đường dẫn vào kinh thành Sāvatti (XáVệ) chạy sát Đại tự Kỳ Viên, nên nhiều khách lữ hành đến khuôn viên Đại tự Kỳ Viên nghỉ chân⁽⁹⁾.

Theo Divyāvadāna (Thiện Nghiệp thí dụ kinh), tháp của hai Ngài Sāriputta (XáLợiPhất) và Moggallāna (MụcKiềnLiên) còn thấy trong Đại tự Kỳ Viên vào thời vua Asoka (ADục)⁽¹⁰⁾.

Đức Thế Tôn an cư mùa mưa 19 lần nơi Đại tự Kỳ Viên⁽¹¹⁾, được biết sau khi Migāramātupāsāda (Giăng đường mẹ Migāra) được bà Visākhā xây dựng cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng. Đức Thế Tôn có khi trú nơi Migāramātupāsāda, có lúc nơi Đại tự Kỳ Viên, có khi ban ngày trú nơi Migāramātupāsāda ban đêm trú nơi Đại tự Kỳ Viên⁽¹²⁾ và Đức Thế Tôn an cư mùa mưa nơi Pubbārāma là 6 lần.

Như vậy, nơi kinh thành Sāvatti (XáVệ), Đức Thế Tôn an cư mùa mưa 25 lần trong 45 lần an cư mùa mưa của Ngài.

Ngài Pháp Hiển có cho biết, Đại tự Kỳ Viên nguyên thủy gồm 7 khu, được trang hoàng bằng đủ mọi thứ vật dụng như màn, trướng, cờ, lộng ...và được thắp sáng đêm. Một hôm cả 7 khu đều bị phát hỏa và bị thiêu rụi; nguyên nhân do chuột chạy làm ngã cây đèn đang cháy đỏ rồi lửa cháy lan khắp nơi, không thể dập tắt ngọn lửa được. Tự viện mới được xây lại với hai

(1)- DhpA. Kệ ngôn số 318-319.

(2)- Sp. iii. 532.

(3)- JA. i. 348.

(4)- DhpA. iii. 179.

(5)- JA. Chuyện số 144.

(6)- JA. ii. 170.

(7)- JA. ii. 15.

(8)- MA. ii. 1021.

(9)- JA. ii. 203, 341; xem thêm JA. vi. 70 nói rằng có hai con đường.

(10)- Dvy. 395.

(11)- DhpA. i. 3; BuA. 3; AA. i. 314.

(12)- SnA. i. 336

khu, có hai cổng vào bên Đông và bên Tây, có nhiều tháp thờ ở khắp nơi, tất cả đều có liên quan đến Đức Thế Tôn, có bảng ghi rõ ràng⁽¹⁾.

Trong vùng Saheth-Mabeth, Sabeth được xem là Đại tự Kỳ Viên⁽²⁾, còn Saheth-Mabeth là Sāvatti (XáVệ).

B- Đức Thế Tôn bị vu khống nơi Đại tự Kỳ Viên.

Nơi Đại tự Kỳ Viên này, ít ra Đức Thế Tôn đã hai lần bị vu khống, nhưng có hai sự kiện sau đây là nghiêm trọng nhất.

1- Nữ du sĩ Sundarī.

Khi Đức Thế Tôn tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên do Trưởng giả Cấp Cô Độc kiến tạo cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng. Đức Thế Tôn cho bánh xe pháp lăn giữa thế gian để tế độ những người hữu duyên đạt Thánh quả nhiều vô số, bấy giờ danh tiếng, lực đức cùng cung kính phát sinh dồi dào đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng. Các nhóm du sĩ ngoại giáo không còn được cung kính, không còn được những lợi đặc như trước.

Chúng ngồi bàn luận cùng nhau rằng:

- Từ ngày Samôn Gotama đến đây, lợi đức cùng sự cung kính của đại chúng đối với chúng ta không còn sung mãn như trước. Chúng ta đã bị tổn hại, Samôn Gotama là người gây ra sự tổn thất cho chúng ta, chúng ta phải tìm cách triệt hạ uy tín của Samôn Gotama. Ai là người có thể giúp chúng ta được điều này.

Một du sĩ nói rằng:

- Nay các hiền giả, có nữ du sĩ xinh đẹp là nàng Sundarī có thể giúp chúng ta được.

- Nay hiền giả, nàng ấy giúp chúng ta được gì?

- Nàng sẽ vu khống Samôn Gotama hoan lạc cùng nàng, chúng ta sẽ giết chết nàng, vu khống Samôn Gotama cùng chúng đệ tử cường hiếp nàng rồi giết người diệt khẩu, chúng sẽ triệt hạ được uy tín của Samôn Gotama.

Chúng ngoại giáo đồng ý với phương án này, khi nữ du sĩ Sundarī đi đến đánh lễ nhóm du sĩ ngoại giáo, chúng quay mặt đi, khi nàng chào hỏi chúng im lặng. Ngạc nhiên nữ du sĩ Sundarī hỏi:

- Bạch các Ngài, con đã phạm vào điều tội lỗi nào mà các Ngài lạnh nhạt với con như thế?

- Nay nàng, chúng ta đang bị tổn hại do Samôn Gotama, nhưng nàng vẫn đứng vững như chẳng hề hay biết chi cả.

- Bạch các Ngài, con phải làm gì để giúp đỡ các Ngài?

- Nay nàng, nàng có thể làm lợi ích đến thân tộc.

- Thưa các Tôn giả, các Ngài hãy chỉ dạy con. Đời sống của con sẵn sàng hy sinh (*pariccattam*) cho thân tộc.

- Nay nàng, nàng là một mỹ nhân xinh đẹp, hãy đi đến Đại tự Kỳ Viên, làm cho Samôn Gotama mất uy tín vì nàng.

- Thưa vâng, bạch các Ngài.

Thế là, hằng ngày nàng Sundarī mang hương hoa đi vào Đại tự Kỳ Viên để cúng dường. Vào ban ngày, nàng trang điểm thật xinh đẹp đợi đại chúng đi vào Đại tự đông đảo, nàng đi vào Đại tự.

Có người hỏi: “Nàng đi đâu thế?”, nữ du sĩ đáp rằng: “Tôi đến Hương thất của Đức Thế Tôn”.

Nữ du sĩ Sundarī chờ cho đại chúng ra về hết, khi vắng người nàng lén đến Tu viện của ngoại giáo ở gần Đại tự Kỳ Viên ngủ đêm nơi Tự viện ấy.

(1)- Giles, pp. 31, 33.

(2)- Arch. Survey of India, 1907-8, pp. 81-131.

Vào sáng sớm nàng đi đến Đại tự Kỳ Viên thật sớm, ẩn trốn một nơi nào đó trong Đại tự, khi thấy Đại chúng cùng nhau đi đến Đại tự để cúng dường vào buổi sáng, nàng lại đi ra. Có người hỏi: “Nàng trú ngụ nơi nào mà đến đây sớm thế?”.

- Tôi ngụ trong Hương thất với Đức Thế Tôn.

Khi chúng ngoại giáo biết “nàng Sundarī có nhiều người trông thấy”, nhóm du sĩ ngoại giáo thuê người giết nàng Sundarī, rồi vùi xác nàng vào đồng rác trong Đại tự Kỳ Viên.

Chúng đi đến Hoàng cung thưa với Đức vua Pasenadi rằng:

- Thưa Đại vương, nữ du sĩ của chúng tôi là Sundarī đã mất tích.

- Này các du sĩ, nữ du sĩ Sundarī thường đi đến nơi nào?

- Thưa Đại vương, nữ du sĩ Sundarī thường đi vào Đại tự Kỳ Viên

- Vậy các người hãy vào Đại tự Kỳ Viên tìm kiếm đi.

- Vâng, thưa Đại vương.

Chúng du sĩ đi vào Đại tự Kỳ Viên giả vờ tìm kiếm nàng Sundarī, rồi đi đến đồng rác tìm thấy xác nàng Sundarī.

Chúng đặt thi hài nàng Sundarī trên cáng rồi đi khắp nơi trong thành Sāvatti rêu rao rằng: “Samôn Gotama cùng chúng đệ tử cường bức nàng Sundarī, sau đó giết chết nàng để diệt khẩu”.

Cư dân trong ngoài thành Sāvatti (XáVệ) vì mê muội không suy xét, đã phẫn nộ, phỉ báng các Tỳkhuu không tiếc lời, các cận sự có chánh kiến suy nghĩ: “Đây là sự vu khống của ngoại giáo đối với Đức Thế Tôn”.

Các vị Tỳkhuu đi khất thực trong thành Sāvatti đã bị cư dân phỉ báng nặng lời. Vào buổi chiều, nơi Giảng Pháp đường, các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, sau 7 ngày sự việc này sẽ chấm dứt.

Đức Thế Tôn dạy các vị Tỳkhuu rằng:

- Khi cư dân trong thành Sāvatti phỉ báng các người, các người hãy nói lên kệ ngôn này:

306- Abhūtavādī nirayaṃ upeti; yo vāpi katvā na karomi cāha.

Ubhopi te pecca samā bhavanti; nihīnakammā manujā parattha.

“Dối trá đến địa ngục; có làm nói không làm.

Cả hai đều như nhau, kiếp sao nghiệp xấu đến”⁽¹⁾.

Biết ác nghiệp đến hồi trả quả, nên Đức Thế Tôn trú ngụ trong Hương thất trọn 7 ngày.

Khi các cư dân thành Sāvatti phỉ báng, mạ lỵ các vị Tỳkhuu, các Ngài đọc lên kệ ngôn trên, các cư dân ấy suy nghĩ rằng: “Các Samôn Thích tử này nói đúng pháp, như vậy chắc không có phạm tội (akārakā) rồi, ngay cả nói dối còn không nói thì làm sao có thể cường hiếp giết người được. Chúng ta không thấy những Samôn Thích tử làm những việc trên, lại nói những Samôn Thích tử này làm những việc ấy, như vậy chúng ta đã nói dối.

Lại nữa, các Samôn Thích tử này đã thề (sa panti) “*có làm nói không làm sẽ đến địa ngục*” như vậy, chắc là những Samôn Thích tử này không tạo ác nghiệp như thế”.

Và họ không còn mắng nhiếc, phỉ báng nữa.

Đức vua Pasenadi cho thám tử đi điều tra về cái chết của nàng Sundarī. Vào ngày thứ 7, nhóm côn đồ giết nàng Sundarī cùng nhau uống rượu, trong lúc quá chén chúng nóng nảy cự cãi với nhau, một tên trong bọn nói: “Người là kẻ giết nàng Sundarī, ta sẽ tố cáo người”.

⁽¹⁾- Dhp. Câu số 306; Ud 44. Sundarīsuttaṃ (kinh Sundarī).

Thám tử nghe được lời này, liền bắt hết cả nhóm côn đồ.

Đức vua Pasenadi tự thân xét hỏi:

- Ai đã xúi giục các người giết nàng Sundarī?

- Thưa Đại vương, nhóm du sĩ thuê chúng tôi.

Đức vua cho bắt hết những du sĩ đang trú ngụ trong thành Sāvatti để điều tra. Nhóm côn đồ chỉ ra những du sĩ đã thuê chúng giết nàng Sundarī,

Đức vua Pasenadi hỏi những du sĩ ấy rằng:

- Nay các du sĩ, vì sao các người lại thuê người giết nàng Sundarī?

- Thưa Đại vương, để vu khống Samôn Gotama.

- Các người làm như thế với mục đích gì?

- Thưa Đại vương, để triệt hạ uy tín của Samôn Gotama cùng chúng đệ tử.

Nhóm du sĩ này cùng với nhóm côn đồ đã bị Đức vua Pasenadi xử phạt theo Luật quốc độ Kosala.

Chư Tỳkhuu hân hoan tán thán ân Đức Phật thật kỳ diệu, chỉ 7 ngày mọi việc yên lặng. Đức Thế Tôn sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, cảm hứng Ngài nói lên kệ ngôn:

Tudanti vācāya janā asaññatā;

Sarehi saṅgāmagataṃva kuñjaraṃ.

Sutvāna vākyam pharusam udīritam;

Adhivāsaye bhikkhu aduṭṭhacitto”ti.

“Người không biết chế ngự, với lời dâm⁽¹⁾ người khác.

Giống như voi (bị dâm), khi tham gia chiến trận.

Nghe những lời thô bạo, Tỳkhuu hãy chịu đựng.

Giữ gìn không nói lên⁽²⁾, tâm không có hiềm hận” (HT. TMC d)⁽³⁾.

Do sự kiện này, Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh Duttathakka với 8 kệ ngôn⁽⁴⁾ cùng với Bốn sự Maṇisūkara.

***Bốn sự Maṇisūkara** (Heo rừng trong hang ngọc).

Từ khi việc sát hại nàng Sundarī được sáng tỏ, danh tiếng của Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu càng sáng rực.

Một hôm nay Giảng Pháp đường, các vị Tỳkhuu thảo luận cùng nhau rằng:

- Nay chư Hiền, chúng ngoại giáo muốn bôi nhọ Đức Thế Tôn, không ngờ càng làm cho Đức Thế Tôn sáng rực hơn nữa.

Với Thiên nhĩ thuần tịnh, Đức Thế Tôn nghe được những lời bàn luận của các Tỳkhuu, Ngài đi đến Giảng pháp đường, thuyết lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī của Vương quốc Kāsi. Bô tát sinh vào một gia tộc Balamôn danh tiếng, khi trưởng thành Ngài cảm thấy tham dục là khổ, nên xuất gia làm ẩn sĩ, đi đến Tuyết sơn trú ngụ và tu tập.

Gần am thất của Ngài có một cái hang bằng bằng ngọc quý, trong hang có 30 con heo rừng đang trú ngụ. Một con sư tử thường lai vãng quanh hang ngọc, bóng con sư tử được phản chiếu vào hang khiến những con heo rừng kinh sợ, nên gầy ốm xanh xao.

Chúng suy nghĩ: Chúng ta vì thấy bóng Sư tử phản chiếu vào hang nên sinh kinh sợ, vậy chúng ta hãy bôi bẩn cái hang đi, bóng Sư tử không còn phản chiếu vào hang nữa”.

(1)- Tudanti .

(2)- Udīritam.

(3)- UdA. Sundarī; Ud. 44.

(4)- Sn. 153.

Chúng lấy bùn đất ở một vũng nước gần đó, chà xát vào hang, nhưng càng chà xát hang ngọc càng bóng sáng lên.

Không biết phải làm sao, nhóm heo rừng đi đến hỏi vị ẩn sĩ “làm cách nào bôi bẩn hang ngọc”.

Bồ tát dạy rằng:

- Không thể bôi bẩn ngọc trong sáng được, càng cọ xát vào ngọc, càng làm cho ngọc sáng hơn lên.

Bồ tát khuyên bọn heo rừng nên dời chỗ trú ngụ, đi nơi khác sinh sống, còn Bồ tát chuyên tâm tu tập, mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới⁽¹⁾.

Tương truyền, trong một tiền kiếp Bồ tát tái sinh làm người có tên gọi là Munāli, là người đánh bạc (dhutta) hư hỏng. Có lần thấy vị Phật Độc giác Surabhi đang đi khất thực trong thành; Munāli thấy Đức Phật được cư dân thành phố cung kính cúng dường, phát sinh ganh tỵ, vu khống rằng: “Ông Samôn này đã từng cưỡng hiếp một nữ nhân, rồi giết chết nàng vùi xác vào đồng rác”. Mệnh chung Munāli rơi vào địa ngục ATỳ⁽²⁾, quả còn dư sót nên hôm nay Đức Thế Tôn bị nhóm ngoại giáo vu khống như thế

2-Nữ du sĩ Ciñcāmānavikā.

Sau sự kiện nàng Sundarī danh tiếng, cung kính cùng lợi đặc càng phát sinh đến Đức Thế Tôn và các vị Tỷkhu, trong khi chúng ngoại giáo tổn thất trầm trọng. Các Tôn chủ ngoại giáo trước đây không tự cho mình là Bạc Chánh Giác⁽³⁾, nhưng giờ đây cũng tự xưng mình là Bạc Chánh Giác để vẫn hồi tình trạng lợi đặc bị tổn giảm.

Tuy các Tôn chủ tự xưng như thế, nhưng lợi đặc vẫn không phát sinh đến họ. Các du sĩ hội với nhau bàn luận rằng:

- Chúng ta nên công khai tội trạng của Samôn Gotama trước đại chúng, để triệt hạ uy tín của Samôn Gotama. Có như thế danh tiếng, sự cung kính cùng lợi đặc của Samôn Gotama mới bị tổn giảm. Nhưng chúng ta làm cách nào đây?

Khi ấy trong thành Sāvatti có nữ du sĩ tên là Ciñcāmānavikā rất xinh đẹp kiều diễm. Tương truyền nàng *thấp sinh* nơi cây me, người giữ vườn đã mang cô bé gái về nuôi, đặt tên là Ciñcā (trái me), càng lớn lên nàng càng xinh đẹp nên được gọi là Ciñcāmānavikā (thiếu nữ Ciñcā). Khi cha mẹ nuôi qua đời, nàng xuất gia theo ngoại giáo, trở thành một nữ du sĩ.

Một du sĩ nói:

- Chúng ta hãy nhờ nữ du sĩ Ciñcāmānavika vu khống Samôn Gotama hành lạc với nàng giữa đại chúng. Như thế sẽ làm tổn giảm uy tín, lợi đặc của Samôn Gotama cùng chúng đệ tử.

- Thật là diệu kế.

Khi nàng Ciñcāmānavikā đi đến Tự viện của các ngoại giáo, đánh lễ chúng ngoại giáo xong rồi đứng yên một chỗ, nhóm ngoại giáo không ngó nàng cũng không nói năng chi cả. Ngạc nhiên, nữ du sĩ Ciñcā thưa rằng:

- Bạch các Ngài, có phải con đã phạm lỗi cùng quý Ngài?

Nhóm ngoại giáo vẫn im lặng, nữ du sĩ bạch hỏi đến ba lần như vậy, khi ấy một du sĩ nói rằng:

- Đây cô, cô có biết Samôn Gotama làm chúng ta bị tổn thất danh tiếng, cung kính cùng lợi đặc chăng?

- Bạch các Ngài, con nào biết việc ấy đâu. Như vậy con phải làm sao?

(1)- JA. Chuyện số 285.

(2)- Ap.i. 299; UdA. 263.

(3)- Xem S. i. 68. Daharasuttam. (kinh Tuổi trẻ).

- Nay cô, nếu cô muốn giúp chúng ta, cô hãy hài tội Samôn Gotama trước đại chúng, có như thế mới khiến lợi đắc của Samôn Gotama bị tổn giảm được.

- Bạch các Ngài, được thôi, con sẽ làm điều ấy. Các Ngài chớ bận tâm suy nghĩ chi cả.

Nữ du sĩ Ciñcāmānavikā với y phục vàng xinh đẹp, trang điểm nhan sắc thật kiều diễm, tay cầm hương hoa đi đến Đại tự Kỳ Viên cúng dường.

Nàng giả như người nữ ngoan đạo, ngồi trong Đại chúng nghe Pháp từ Đức Thế Tôn. Khi đại chúng quen dần, nàng chờ đợi đại chúng nghe pháp ra về, nàng đi vào Đại tự Kỳ Viên. Khi có người hỏi:

- Nay nàng Ciñcāmānavikā, vì sao nàng đến Tự viện vào giờ này?

Nàng xảo quyệt đáp rằng: “Tôi đi đâu mặc tôi, các người hỏi làm gì?”.

Khi vắng người, nàng lên về Tự viện của ngoại giáo trú đêm nơi ấy. Khi hừng sáng nàng đi vào Đại tự Kỳ Viên, đợi các cận sự đến Đại tự đánh lễ Đức Thế Tôn, cúng dường đến Tăng chúng, nàng từ Đại tự đi ra. Có người hỏi:

- Nay cô, cô ở đâu mà trở về vậy?

- Tôi ở đâu mặc tôi, các người hỏi để làm gì?

Hai tháng sau, khi có người hỏi, nàng giả vờ thành thật trả lời rằng:

- Tôi ngụ nơi Hương thất của Đức Thế Tôn.

Những phàm nhân phát sinh nghi hoặc rằng: “Nàng này nói có thật như vậy chăng nhỉ?”.

Đến ba bốn tháng sau, nàng lấy vải độn vào bụng giả như người có mang, gieo nghi hoặc đến người thiếu trí rằng: “Thai bào này của ai? Có phải Samôn Gotama tạo ra chăng?”.

Đến 8- 9 tháng nàng dùng khúc gỗ, đẽo gọt cho nhẵn, giả thai nhi độn vào bụng, dùng gỗ đập vào tay chân, thân thể cho sưng lên, như người nữ đến thời sắp sinh nở.

Một hôm vào buổi chiều, khi Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, giảng pháp đến hàng tứ chúng. Nàng Ciñcāmānavikā đi vào Giảng Pháp đường, đứng giữa thính chúng, trước Đức Thế Tôn nói lớn rằng:

- Nay ông Đại Samôn, ông chỉ giỏi nói Pháp đến thính chúng thôi, tiếng của ông du dương, giọng nói của ông ngọt ngào, lời của ông thật êm dịu. Tôi cũng vì giọng nói ấy mà thân tôi phải như vậy.

Vì sao ông không biết tôi đến thời sinh nở rồi? Nếu ông không thể tự làm, ông cũng nên báo những cư sĩ tín thành của ông là Trưởng giả Cấp Cô Độc, hay nàng Visākhā, hoặc một cận sự nào lo cho tôi chứ.

Ông là người chỉ biết hưởng thụ khoái lạc, không biết lo thai bào của chính mình đã tạo ra.

Đức Thế Tôn an tịnh nói rằng:

- Nay Ciñcāmānavika, điều ngươi vừa nói, chỉ có ngươi và Như Lai biết rõ mà thôi.

Trần tráo, nàng Ciñcāmānavika nói rằng:

- Nay ông Đại Samôn, đúng như vậy, điều này phát sinh lên chỉ có tôi và ông hiểu rõ thôi.

Đức Thế Tôn im lặng, bấy giờ ngai vàng của Thiên vương Sakka (ĐềThích) chợt nóng ran lên, ngạc nhiên vua Trời Sakka suy nghĩ: “Ai muốn chiếm đoạt ngôi vị của ta?”.

Đưa Thiên nhãn xem xét, vua Trời Sakka thấy nàng Ciñcāmānavikā đang vu khống, phỉ báng Đức Thế Tôn, làm sinh khởi nghi hoặc trong đại chúng. Vua Trời Sakka suy nghĩ: “Ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề này giữa hội chúng, làm thanh tịnh Giới hạnh của Đức Thế Tôn”.

Thiên vương Sakka sai bốn vị Thiên tử tùy tùng rằng:

- Các người hãy đến Đại tự Kỳ Viên, làm Giới hạnh của Đức Thế Tôn chiếu rạng.

Bốn vị Thiên tử đi đến Đại tự Kỳ Viên, hóa thân thành bốn con chuột cắn đứt những vải buộc khúc gỗ tròn, rồi nổi gió lên thổi tung vạt y, khiến khúc gỗ rơi xuống chạm vào chân của nàng Ciñcāmāṇavikā, khiến nàng đau đớn vô cùng.

Đại chúng thấy khúc gỗ giả thai bào rơi xuống, hiểu ngay nàng Ciñcāmāṇavikā đã vu khống Đức Thế Tôn, phân nộ nói rằng:

- Này ác nữ, vì sao người vu khống Đức Thế Tôn? Vì sao người phi báng Đức Thế Tôn với những lời ác ngữ như thế?

Nàng Ciñcāmāṇavikā kinh sợ bỏ chạy ra khỏi Đại tự Kỳ Viên, khi ra đến cổng Đại tự vừa khuất mắt Đức Thế Tôn, nàng bị đất nứt ra rút nàng xuống địa ngục Avīci (Atỳ).

Sau việc này, danh tiếng, cung kính và lợi đặc phát sinh đến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu càng tăng bội, trái lại chúng ngoại giáo càng bị giảm thiểu về danh tiếng, sự cung kính cùng lợi đặc.

Ngày hôm sau, nơi Giảng Pháp đường các vị Tỳkhuu đàm luận cùng nhau rằng:

- Này chư hiền, nàng Ciñcāmāṇavikā đã vu khống Đức Thế Tôn với lời không thật. Nàng đã bị tổn hại nặng nề, đã bị đất rút như vậy.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, dạy các vị Tỳkhuu rằng:

- Này các Tỳkhuu, chẳng phải chỉ trong hiện kiếp nàng Ciñcāmāṇavikā vu khống, phi báng Như Lai. Trong quá khứ cũng đã từng như thế và cũng bị tổn hại như thế.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Mahāpaduma.

Rồi Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, gọi là ác nghiệp do từ bỏ pháp chân thật, thực hành pháp hư ngụy, người ấy đã làm mất gốc hương thượng cho chính mình. Ngài thường nói lời dối trá thì không ác nào không làm.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

176- Ekaṃ dhammaṃ aṭṭhassa; musāvādiṃ jantuno.

Vitṭṇaparalokassa; natthi pāpaṃ akāriyaṃ.

“Ai vi phạm một pháp; ai nói lời vọng ngữ.

Ai bác bỏ đời sau; không ác nào không làm” (HT. TMC d).

Dứt kệ ngôn nhiều chúng sinh an trú vào Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

Được biết, do tiền nghiệp vu khống Đức Phật Độc giác Surābhi đã nói ở trên, nên Đức Thế Tôn gặp nạn này.

Trong thời Đức Phật tại tiền, có 5 người bị đất rút đó là: Daxoa Nanda, nàng Ciñcāmāṇavikā, thanh niên Nanda, vua Suppabuddha (Thiện Giác) và Tôn giả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa),

***Bốn sự Mahāpaduma.**

Duyên khởi.

Nàng Ciñcāmāṇavikā vu khống Đức Thế Tôn và nàng bị đất rút vào địa ngục ATỳ.

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại) của Vương quốc Kāsi. Bồ tát tái sinh vào Hoàng tộc này, Ngài là con của Chánh hậu, khi Chánh hậu sinh ra hài tử, nhìn thấy dung mạo hài tử sinh đẹp như

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 176; JA. iv. 187; ItA. 69.

đóa sen vừa hé nở (do có nhiều phước lành), nên Thái tử được đặt tên là Paduma (Liên Hoa).

Khi lớn lên Thái tử theo học nơi kinh thành Takkasilā đầy đủ mọi môn nghệ thuật.

Bà Chánh hậu mệnh chung, Đức vua lập một Chánh hậu khác và phong cho Thái tử Paduma là Phó vương (uparāja).

Bấy giờ nơi biên cương có loạn, vua Brahmadata thân chinh tảo trừ giặc loạn, nói với Chánh hậu rằng:

- Nàng hãy ở lại Hoàng cung, còn ta sẽ ra biên cương để dẹp loạn. Ta sẽ giao Phó vương Paduma trọng trách phục vụ mọi việc cần thiết cho nàng.

Vua Brahmadata ra biên cương dẹp loạn, thời gian sau vua đánh tan giặc loạn, trở về kinh thành Bārāṇasī (Balanại).

Được tin Đức vua hồi kinh, Phó vương Paduma cho trang điểm kinh thành Bārāṇasī lộng lẫy, xinh đẹp như kinh thành chư thiên, rồi Ngài lên đường đi đón vua cha.

Trước khi lên đường, Phó vương Paduma đến vấn an Chánh hậu. Từ lâu nhìn thấy diện mạo xinh đẹp của Phó vương Paduma, nàng Chánh hậu đem lòng say mê, khi nghe Phó vương thưa rằng:

- Thưa mẹ, con có thể làm gì giúp cho mẹ được?

Chánh hậu nói rằng:

- Này Phó vương, hãy nằm trên chiếc vương sàng này đi.

- Thưa mẹ, để làm gì?

- Chúng ta sẽ hưởng lạc thú cho đến khi Đức vua trở về.

- Không thể được, bà là mẹ kế của ta, một kế mẫu không được phá vỡ đạo lý để chạy theo dục lạc. Làm sao ta có thể đi vào con đường tội lỗi như thế.

Nàng Chánh hậu nài nỉ ba lần, nhưng cả ba lần đều bị Phó vương Paduma khiển trách. Nàng hỏi rằng:

- Thế người không làm theo lời ta ư?

- Ta không thể làm như thế được.

- Ta sẽ bảo Đức vua chém đầu người.

- Tùy ý bà.

Rồi Phó vương ra khỏi hậu cung của nàng Chánh hậu, mặc cho nàng ở lại với lòng ngập tràn sự hổ thẹn nhục nhã. Nàng Chánh hậu suy nghĩ: “Phó vương Paduma sẽ trình lên với Đức vua việc này, ta sẽ không sống nổi. Vậy chính ta phải ra tay trước”.

Nàng Chánh hậu không dùng vật thực cả mấy ngày, không trang điểm, dùng móng tay nhọn của mình cào vào mặt, mình mẩy cho xước lên, nhổ bứt tóc rối lên, mặc y phục nhàu bẩn, bảo các cung nữ rằng:

- Khi Đức vua hỏi ta đâu? Các người nói rằng: “Ta đang bị bệnh nằm trong hậu cung”.

Nàng nằm trên vương sàng, giả vờ lâm trọng bệnh.

Khi trở về kinh thành Bārāṇasī, vua Brahmadata đi diễu hành quanh kinh thành ba vòng, rồi trở về Hoàng cung. Không thấy Chánh hậu ra đón chào, Ngài hỏi các cung nhân rằng:

- Chánh hậu đâu rồi?

- Thưa Đại vương, Chánh hậu đang bị bệnh.

Nghe vậy, Đức vua đi vào hậu cung, thấy Chánh hậu đang nằm trên vương sàng, hỏi rằng:

- Này nàng, có gì bất ổn chẳng?

Nàng giả vờ như không nghe, vua Brahmadata hỏi ba lần, nàng thưa rằng:

- Thừa Đại vương, xin Ngài đừng hỏi nữa. Những người nữ xinh đẹp như tôi đều phải chịu những cảnh như vậy.

- Này nàng, ai đã làm phiền khổ đến nàng vậy?

- Là người được Đại vương giao phó trách nhiệm trông coi Hoàng thành khi Đại vương ra biên cương dẹp loạn.

- Là Phó vương Paduma sao?

- Thừa Đại vương, đúng vậy, chính Phó vương Paduma đã đi vào hậu cung, nài ép tôi phải cùng Phó vương hưởng lạc thú. Tôi kháng cự bị Phó vương nhổ tóc, đánh đập như thế này, may các cung nữ đến kịp và Phó vương đã bỏ đi.

Vua Brahmadata không suy xét, phân nộ ra lệnh cho các cận tướng rằng:

- Hãy bắt Paduma đem đến đây cho ta. Ta sẽ hành hình Paduma.

Các cận tướng đến cung của Thái tử Paduma, mang theo lệnh của vua Brahmadata “bắt Paduma đến Hoàng cung”.

Biết rõ việc này do Chánh hậu làm ra, Paduma hỏi rằng:

- Này các người, ta phạm tội gì? Ta không chống lại Đức vua, ta vô tội.

Mặc cho Paduma nói, các cận tướng cứ bắt Paduma, trói chặt hai tay về phía sau, vừa dẫn đi vừa đánh đập Ngài.

Nghe tin Phó vương Paduma bị bắt và sẽ bị tử hình, cả kinh thành Bārāṇasī náo động hẳn lên, chúng dân cùng nhau đi đến Hoàng cung.

Vừa trông thấy mặt Thái tử Paduma, vua Brahmadata không kềm được lửa giận, nói với chúng thần dân đang van xin tha tội cho Thái tử Paduma, rằng:

- Này các thần dân, kẻ này không phải là Đức vua, tuy làm tròn phận sự của vị vua rất hoàn hảo. Nhưng kẻ này đã xúc phạm đến mẹ kế của mình, hãy mang kẻ này ra ngoài thành ném xuống vực sâu cho ta.

Thái tử Paduma la lên rằng:

- Thừa cha, con không hề phạm vào tội ấy. Cha đừng nghe lời nữ nhân mà giết con.

Mặc cho Thái tử Paduma nói như vậy, vua Brahmadata cương quyết ra lệnh mang Thái tử ra ngoài thành ném xuống vực sâu.

Các Đại thần thưa rằng:

- Thừa Đại vương, Thái tử là người hiền đức, giữ đúng truyền thống Hoàng tộc, là người thừa kế Vương quyền của Đại vương. Đại vương chớ nghe lời nữ nhân mà không suy xét kỹ. Là một minh quân cần phải hành động thật cẩn trọng.

Cho dù các Đại thần nói hết lời vẫn không chuyển được tâm của vua Brahmadata. Và Thái tử Paduma bị ném xuống vực sâu.

Một thiên nhân trú ngụ gần đó, dùng thần lực, đưa Ngài xuống cõi rắn. Rắn chúa tiếp đã Thái tử Paduma thật niềm nở, chia đôi giang san cõi rắn để Ngài cai trị.

Được một năm, Ngài xin Rắn chúa trở về nhân giới. Rắn chúa hỏi:

- Ngài muốn đến nơi nào? Và sẽ làm gì?

- Hãy cho ta đến núi Tuyết, ta sẽ xuất gia làm ẩn sĩ.

- Lành thay, lành thay.

Với thần lực của mình, Rắn chúa đưa Bôtát đến vùng núi Tuyết, cung cấp cho Bôtát mọi vật dụng cần thiết của vị Samôn, kiến tạo trú xứ cho Bôtát, rồi trở về cõi rắn của mình.

Bôtát ở nơi núi Tuyết tu tập thiền tịnh chứng được 8 thiên cùng 5 pháp thần thông.

Thời gian sau có người thợ rừng lạc lối đi đến am thất của Bôtát, nhìn ra Bôtát là vị Phó vương hiền đức của mình trước đây, hỏi rằng:

- Thưa Ngài ẩn sĩ, Ngài có phải là Phó vương Paduma trước đây chăng?
- Này người thợ rừng, ta chính là Phó vương Paduma.

Sau khi ở lại am thất của Bôtát vài ngày, người thợ rừng trở lại kinh thành Bārāṇasī. Vua Brahmadata không có con trai (ngoại trừ Thái tử Paduma), người thợ rừng đi vào Hoàng cung trình đến vua Brahmadata rằng:

- Thưa Đại vương, Thái tử Paduma vẫn còn sống.
- Này người thợ rừng, việc ấy là sự thật sao?

Người thợ rừng trình lên vua Brahmadata cuộc hội ngộ kỳ diệu với ẩn sĩ Paduma. Nghe vậy, vua Brahmadata ra lệnh cho người thợ rừng dẫn đường, cùng với các vị Đại thần lên đường đến núi Tuyết, rước Thái tử Paduma trở về kinh thành để lên ngôi cai quản quốc độ Kāsi.

Bôtát tiếp đãi vua cha cùng các vị Đại thần rất chu đáo và trọng hậu. Ngài đi vào rừng sâu, tìm những trái cây quý ngon ngọt về đãi khách.

Vua Brahmadata hỏi:

- Này con, con bị rơi xuống vực sâu, làm thế nào con sống sót được?

Bôtát thưa lên vua Brahmadata mọi việc. Khi vua Brahmadata mời Bôtát trở về kinh thành Bārāṇasī để trị vì thiên hạ, Bôtát khước từ vương vị, rồi giáo giới vua Brahmadata về 10 pháp trị nước của bậc minh quân.

Vua Brahmadata cùng các Đại thần trở về kinh thành Bārāṇasī. Khi trở về Hoàng cung, vua Brahmadata hỏi các vị Đại thần rằng:

- Vì ai ta mất đi đứa con tài đức là Paduma?
- Do Chánh hậu làm ra.

Vua Brahmadata ra lệnh ném Chánh hậu xuống vực sâu dành cho bọn trộm cướp.

Nhận diện tiên thân.

Vua Brahmadata nay là Tôn giả Devadatta, Chánh hậu (sau) nay là nàng Ciñcāmānavikā, vị Thiên nhân nay là Trưởng lão Sāriputta (Xá Lợi Phất), Rắn chúa nay là Ngài Ānanda. Thái tử Paduma nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

***Bốn sự Bandhanamokkha (Giải thoát trói buộc).**

Duyên khởi.

Vào một lần khác, các Tỳkhuu cùng nhau tụ hội nơi Giảng Pháp đường, đàm luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền, nàng Ciñcāmānavikā vu khống Đức Thế Tôn, nàng đã bị tổn hại nặng nề.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanai). Bôtát sinh vào một gia tộc Balamôn, cha Ngài là vị Đại thần Tế lễ sư của Đức vua Brahmadata. Khi cha Ngài mệnh chung, Bôtát kế nghiệp cha ở chức vị Đại thần Tế lễ sư.

Vua Brahmadata có nàng Chánh hậu thật xinh đẹp, trong một lúc cao hứng Đức vua nói với Chánh hậu rằng:

- Này Chánh hậu, ta ban cho nàng một điều ước. Hãy ước nguyện đi.

- Thưa Đại vương, lời ước nguyện của em không khó thực hiện lắm. Từ nay trở đi Đại vương không được nhìn nữ nhân nào khác ngoài em với con mắt ái luyến.

⁽¹⁾- JA. Mahāpadumajātaka. Chuyện số 272.

Ban đầu Đức vua từ khước ước vọng này, nhưng sau cùng vua Brahmadata đành phải chấp nhận điều kiện trên. Đức vua Brahmadata có 16 ngàn cung phi xinh đẹp, nhưng kể từ hôn ấy, Đức vua không hề nhìn một ai trong số 16 ngàn cung phi ấy.

Rồi nơi biên cương có giặc loạn, vị quan vùng biên cương không thể dẹp loạn được, nên vua Brahmadata thân chinh ra biên thùy dẹp loạn.

Đức vua nói với Chánh hậu rằng:

- Nay Chánh hậu, ta phải ra biên thùy dẹp loạn, nơi chiến trận có nhiều bất ổn, không thích hợp với nữ nhân. Nay hãy ở lại Hoàng cung.

- Thưa Đại vương, em không thể ở lại Hoàng cung. Đại vương hãy cho em theo ra biên cương với Đại vương.

Khi bị Đức vua từ chối nhiều lần, Chánh hậu nói:

- Nếu vậy, cứ mỗi dotuần, Đại vương hãy cử một Đại thần về Hoàng cung báo tin sức khỏe của Đại vương.

- Được rồi, này Chánh hậu.

Từ kinh thành ra biên cương dài 32 dotuần, cứ mỗi do tuần Đức vua cử một đại thần về Hoàng cung báo tin cho Chánh hậu. và Chánh hậu đã thông gian với vị Đại thần về báo tin ấy.

Sau khi bình định giặc loạn nơi biên cương xong, trên đường về, cứ mỗi do tuần Đức vua cũng gửi về Hoàng cung một Đại thần để báo tin đến Chánh hậu và Chánh hậu đã thông gian với các vị Đại thần ấy. Tổng cộng bà đã thông gian với 64 vị Đại thần.

Khi về đến Kinh thành, Đức vua cho dừng quân ngoài thành, thông báo cho Bôtát trang hoàng kinh thành thật xinh đẹp như thành phố chư thiên để tổ chức lễ thắng trận.

Sau khi cho trang hoàng thành phố để rước Đức vua vào kinh thành, Bôtát đi đến Hoàng cung, báo tin cho Chánh hậu biết. Nhìn thấy thân hình tuyệt đẹp cùng sắc diện khôi ngô của Bôtát, Chánh hậu nói:

- Này Balamôn Đại thần, hãy cùng ta hưởng lạc thú đi.

- Thưa Chánh hậu, không thể được. Hãy kính trọng Đức vua, chớ có làm điều bất thiện.

- Đã có 64 đại thần không kính trọng vua, không sợ điều bất thiện rồi, chỉ có người kính trọng Đức vua, sợ điều bất thiện sao?

- Vâng, thưa Chánh hậu, nếu họ kính trọng Đức vua, sợ điều bất thiện thì đã không làm như thế.

- Này Balamôn, đừng có nói nhiều như thế, nếu người không làm theo lời ta. Ta sẽ khiến Đức vua chém đầu người đấy.

- Được thôi, thưa Chánh hậu cho dù chém đầu tôi một lần hay trăm ngàn lần, tôi cũng không thể làm việc ấy.

- Được rồi, này Balamôn, người sẽ biết tay ta.

Đe dọa Bôtát rồi, Chánh hậu đi vào hậu cung dùng móng tay cào lên mặt, lên người cho trầy xước, mặc y bẩn, nằm trên giường với tóc rối lên, bảo các cung nữ rằng:

- Khi Đại vương hỏi, hãy nói ta đang lâm trọng bệnh.

Bôtát đi đón Đức vua vào kinh thành, sau khi đi quanh kinh thành ba vòng, Đức vua về Hoàng cung. Không thấy Chánh hậu ra tiếp đón mình, Đức vua hỏi các cung nữ, các cung nữ thưa rằng:

- Thưa Đại vương, Chánh hậu đang lâm trọng bệnh.

Nghe vậy, Đức vua liền đi vào hậu cung, nhìn thấy Chánh hậu đang nằm trên giường, Đức vua đi đến lấy tay xoa lưng Chánh hậu, hỏi rằng:

- Này Chánh hậu, nàng bệnh gì thế?

Đức vua hỏi đến ba lần, Chánh hậu nói rằng:

- Thưa Đại vương, Ngài còn sống hồi kinh thành là điều hạnh phúc rồi. Nhưng nữ nhân như em cần phải có người chồng bên cạnh.

- Nay Chánh hậu, có chuyện gì thế?

- Thưa Đại vương, vị Balamôn Đại thần Tế lễ đi vào nội cung với cờ là trang hoàng cung điện cho xinh đẹp để tiếp rước Đại vương. Y nhìn thấy em, buộc em phải cùng y hưởng lạc thú, do em không đồng ý, y đã đánh đập em như thế này rồi bỏ đi.

Vua Brahmadata phẫn nộ như muối ném vào lửa nổ lộp bộp, ra lệnh các cận tướng rằng:

- Hãy bắt trời Đại thần Tế lễ sư ngay lập tức. Hãy chém đầu hắn cho ta.

Những cận tướng đi thật nhanh đến bắt Bôtát trời lại, đồng thời đánh đập Bôtát. Ngài hiểu ngay “Chánh hậu đã vu khống cho ta. Ta phải tự mình cứu lấy mình”. Bôtát nói với những người ấy rằng:

- Trước khi các người giết ta, hãy đưa ta đến gặp Đức vua.

- Người gặp Đức vua để làm gì?

- Vì ta là người phục vụ cho Đức vua, đã làm được nhiều việc. Ta biết những tài sản của Đức vua được chôn dấu rất nhiều nơi nào. Chính ta là người quản lý đất ruộng của Đức vua, nếu không gặp Đức vua thì rất nhiều tài sản bị thất thoát. Sau khi nói rõ cho Đức vua biết rõ tài sản được chôn dấu, các người hành hình ta chẳng muộn.

Họ đưa Bôtát đến gặp Đức vua, cơn phẫn nộ của Đức vua khi ấy cũng dịu hẳn. Đức vua hỏi:

- Nay Balamôn, người không cảm thấy hổ thẹn khi nhìn ta ư? Vì sao người thực hành ác hạnh như thế chứ?

- Thưa Đại vương, tôi hoàn toàn vô tội với Đại vương, làm thế nào tôi có sự hổ thẹn đối với Đại vương được chứ? Tôi sinh ra trong giòng Balamôn thượng lưu, từ trước đến nay tôi không hề sát sinh, cho dù đó là một con kiến. Từ trước đến nay tôi không hề lấy của không cho, cho dù đó là một cọng cỏ. Từ trước đến nay tôi không hề nhìn nữ nhân của người khác với ánh mắt ái luyến, cho dù là một cái liếc tình cũng không hề có. Từ trước đến nay tôi không hề nói dối, cho dù đó là lời đùa vui. Từ trước đến nay tôi không hề uống rượu nấu, rượu men cho dù chỉ một giọt trên đầu cọng cỏ Kusa.

Thưa Đại vương, tôi hoàn toàn vô tội với Đại vương. Chính bà Hoàng ác độc kia, đã cầm tay tôi nài ép tôi cùng bà hưởng lạc thú, tôi từ chối và bà đã không ngần ngại cho biết” có 64 vị Đại thần đã cùng bà hưởng lạc thú”, tôi không chấp nhận việc bất thiện này, nên bà đã vu khống cho tôi.

Thưa Đại vương, Đại vương hãy gọi 64 vị Đại thần sứ giả về báo tin cho bà Chánh hậu thì rõ biết sự thật.

Nghe vậy, Đức vua sinh nghi hoặc, cho gọi 64 vị Đại thần sứ giả cùng Chánh hậu đến Hoàng cung. Thấy có Bôtát hiện diện nơi ấy, các vị Đại thần sứ giả kinh sợ rằng: “Thôi rồi, việc thông gian của ta với Chánh hậu đã bị phát giác rồi, Ta nên thú thật còn có cơ hội sống”.

Tất cả đều thú nhận có thông gian với Chánh hậu. Tức giận, Đức vua sai trời 64 vị Đại thần lại, ra lệnh chém đầu tất cả.

Khi ấy Bôtát thưa rằng:

- Thưa Đại vương, những người này do kinh sợ Chánh hậu, nếu không làm theo ý bà sẽ bị bà vu khống và sinh mạng của họ đang bị đe dọa, do vậy, họ không có tội, ngay cả bà Chánh hậu cũng không có tội, chỉ vì tính dâm dục của bà nên sinh ra như vậy, bà chỉ làm theo nhu cầu của tính dâm dục ấy mà thôi. Xin Đại vương hãy tha thứ cho họ.

Sau khi xin Đức vua tha thứ cho tất cả, Bôtát nói tiếp rằng:

- Thừa Đại vương, lời của kẻ ngu si khiến người trí bị trói buộc không xứng đáng, còn lời nói của người có trí đã giải thoát những trói buộc.

Sau việc này, Bôtát xin từ quan, bố thí hết tài sản xuất gia sống đời ẩn sĩ nơi vùng núi Tuyết, tu tập chứng đắc thiên tịnh cùng các thắng trí. Mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới.

Nhận diện tiên thân.

Chánh hậu nay là nàng Ciñcāmaṇavikā, Đức vua nay là Trưởng lão Ānanda⁽¹⁾.

***Bổn sự Cullapaduma.**

Duyên khởi.

Nơi Đại tự Kỳ Viên, có một Tỳkhuu thối thất tinh tấn vì một nữ nhân, Đức Thế Tôn cho gọi vị Tỳkhuu ấy đến hỏi rằng:

- Nay Tỳkhuu, có thật chẳng, ngươi thối thất vì một nữ nhân?

- Bạch Thế Tôn, có thật như thế.

- Nay Tỳkhuu, thường các nữ nhân đều vô ơn, phản bội tình bạn. Các bậc hiền trí xưa kia, cho họ uống máu đầu gối phải của mình, mang những tặng phẩm cho họ; vẫn không chinh phục họ và bị họ phản bội.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bổn sự này.

Bổn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bôtát là Thái tử của vua Brahmadata, Ngài được đặt tên là Paduma.

Bôtát có 6 người em trai, bảy người theo dòng thời gian trưởng thành, có gia đình sống ở Hoàng cung cạnh vua cha.

Một hôm vua Brahmadata đứng trên lầu 7 của Hoàng cung nhìn xuống sân Hoàng cung, thấy 7 vị Tử hoàng đi đến Hoàng cung với tùy tùng đông đảo, vua Brahmadata sinh ngờ vực rằng: “Những người này có thể họp nhau lại giết ta để đoạt ngôi”.

Vua Brahmadata cho gọi 7 vị Tử hoàng đến sân Hoàng cung dạy rằng:

- Nay các con thân, các con không nên sống nơi Hoàng cung này, các con hãy ra đi lập nghiệp. Khi ta mệnh chung, các con hãy trở về kế vị Vương quyền, vì Vương quyền này là của các con.

Vâng theo lời cha, cả 7 vị Tử hoàng mang vợ lên đường ra đi lập nghiệp. bất ngờ cả đoàn người đi lạc vào sa mạc hoang vu. Không có vật thực nuôi mạng. Chịu đựng đói khác không nổi, sáu vị Tử hoàng bàn với nhau rằng:

- Chúng ta còn sống sẽ tìm được nữ nhân khác, nếu tất cả đều chết nơi đây, sẽ không còn gì cả.

Ngày đầu tiên họ giết vợ vị Tử hoàng thứ 7. chia thịt làm 13 phần đều nhau. Bôtát cùng vợ chia phần thịt của mình thành 3 phần, dùng hai phần để dành một phần.

Sáu ngày trôi qua, họ giết sáu người vợ của 6 vị Tử hoàng, đến ngày thứ 7, họ định giết vợ Bôtát, Bôtát nói rằng: “Ta có dư 7 phần thịt, hãy dùng 7 phần thịt này đi, mai sẽ tính”.

Trong đêm, đợi sáu Tử hoàng ngủ say, Bôtát cùng vợ chạy trốn, được một khoảng xa, vợ Bôtát đuối sức nói với chồng rằng:

- Thừa anh, em chạy không nổi nữa rồi. Anh hãy chạy trốn đi.

Bôtát cõng vợ trên lưng chạy cho đến sáng gần thoát ra khỏi sa mạc hoang vu. Khi mặt trời mọc, người vợ nói:

- Thừa anh, em khát nước quá.

- Hãy cố gắng, chúng ta sắp thoát ra khỏi sa mạc rồi.

- Nhưng em không còn sức chịu đựng nữa.

⁽¹⁾- JA. Bandhanamokkhajātaka. Chuyện số 120.

Nghe vậy, Bôtát lấy gương đâm vào đầu gối chân phải, nói rằng:

- Nơi đây không có nước, nàng hãy tạm uống máu của ta cho đỡ khát.

Vợ Bôtát đã uống máu nơi đầu gối phải của Bôtát. Cả hai thoát ra sa mạc hoang vu đi lần đến bờ sông Hằng. Họ tắm rửa, uống nước thoải mái rồi đi tìm trái cây rừng để ăn.

Nơi khúc quanh của sông Hằng, Bôtát dựng lên một am thất, cùng vợ sống ở nơi đây.

Một tên cướp bị bắt, bị vua Brahmadata hành hình, chặt tay chân, cắt tai, xẻo mũi rồi đóng bè đặt tên cướp lên bè thả trôi trên sông Hằng. Chiếc bè từ thượng nguồn trôi xuống đến khúc quanh nơi am thất của Bôtát, nghe tiếng kêu la cầu cứu, Bôtát lội ra sông Hằng, thấy tên què nằm trên ấy. Động lòng trắc ẩn, Bôtát mang tên què về am thất của mình, thoa xức thuốc trị thương cho tên què; vợ Bôtát khinh bỉ rằng:

- Một tên què vô dụng như thế này mà chồng ta cũng mang về am thất, sẵn sóc trị thương tích.

Nàng khinh bỉ nhổ nước bọt vào người tên què. Thời gian sau vết thương người què lành lặn, Bôtát để người què nơi am thất, Ngài đi vào rừng tìm trái cây về nuôi vợ cùng người què.

Do gần gũi lâu ngày với người què, vợ Bôtát sinh tâm ái luyến người què, thông dâm với người què. Sợ Bôtát biết chuyện, vợ Bôtát suy nghĩ: “Ta nên xuống tay trước”.

Một hôm vợ Bôtát nói rằng:

- Thưa anh, khi chạy trốn khỏi sa mạc hoang vu, em có khấn nguyện rằng: “Xin thần núi gần nơi này hãy hộ trì tôi cùng chồng tôi thoát khỏi nơi đây. Tôi cúng dường để tạ lễ cùng Ngài. Mấy hôm nay, em nằm mộng thấy vị Thần núi báo mộng nhắc nhở em điều ấy.

- Được rồi, ta sẽ vào rừng hái trái cây, sắm sửa lễ vật cho nàng để nàng tạ lễ thần núi.

Sau khi tìm những trái cây rừng ngon quý để tạ lễ thần núi, vợ Bôtát nói:

- Nay anh, chúng ta hãy lên đỉnh núi để làm lễ tạ thần núi.

Bôtát đưa vợ lên đỉnh núi cạnh bờ vực, nhân lúc Ngài vô ý, vợ Bôtát xô Ngài rơi xuống vực, la lên rằng:

- Ta đã thấy lưng kẻ thù rồi.

Và nàng xuống núi chung sống với tên què.

Bôtát rơi từ đỉnh núi xuống vực thẳm, nhưng nơi vách đá một cây sung mọc lên, một nhánh lớn đưa ra ngoài thành vực như tấm vách ngăn những vật từ trên rơi xuống, Bôtát rơi vào tấm vách ngăn ấy, nhưng không thể xuống núi được, Ngài đành phải ăn những trái sung để sống.

Một Kỳđà chúa có thân to lớn, từ chân núi thường bò theo vách núi lên cành sung để ăn những trái sung. Nó thấy Bôtát liền chạy trốn sang cành sung khác và ăn trái sung, nó đến cây sung nhiều lần, không thấy Bôtát có ý làm hại, lần lần nó đến gần Bôtát và kết thân với Bôtát.

Kỳđà chúa hỏi Bôtát rằng:

- Vì sao anh đến được nơi này?

Bôtát thuật cho Kỳđà chúa nghe mọi việc. Kỳđà chúa nói:

- Anh không cần phải lo sợ nữa, tôi sẽ đưa anh xuống núi.

Kỳđà chúa cõng Bôtát trên lưng bò theo vách núi xuống chân núi, đưa Bôtát ra khỏi khu rừng.

Bôtát đi đến ngôi làng nhỏ cạnh bìa rừng và sống nơi ấy.

Khi nghe tin vua Brahmadata mệnh chung, Bôtát trở về kinh thành Bārāṇasī kể vị Vương quyền cai trị quốc độ Kāsi.

Ngài trị nước theo 10 pháp của bậc minh quân, Đức vua Paduma cho xây dựng 6 Bồ thí đường, bốn ở bốn cổng thành, một ở trung tâm kinh thành, một ở trước cổng Hoàng cung để bố thí cho những người cô đơn, nghèo khổ... Mỗi ngày Đức vua Paduma xuất ra 600 ngàn tiền vàng để bố thí như thế.

Nói về nữ nhân ác độc, vô ơn kia, không chịu đựng được cảnh u tịch của núi rừng, nàng công người què trên lưng, lìa bỏ nơi trú ngụ đi về làng mạc. Nàng phải đi xin ăn để sống và nuôi người què trên lưng. Có người hỏi rằng:

- Này cô, người què cô công trên lưng là gì với cô vậy?

Nàng dối trá rằng:

- Mẹ người này là chị của cha tôi, người này là anh họ của tôi. Cha tôi cho tôi đến người này. Cho dù bị đày đọa đến chết, tôi cũng công người này trên lưng, xin ăn để nuôi chồng.

Mọi người khen ngợi rằng:

- Thật là người vợ trung thành với chồng.

Người ta cho nàng cơm cháo nhiều hơn trước, có người bảo nàng rằng:

- Nàng không cần phải lận lội để kiếm sống nữa, hãy đi đến kinh thành Bārāṇasī, nơi ấy có Đức vua Paduma hiền đức đang trị vì. Đức vua có lập ra 6 Bồ thí đường để bố thí cho những người nghèo khổ. Nàng hãy đi đến Bồ thí đường sẽ có nhiều lương thực cho nàng và chồng nàng, nếu Đức vua Paduma biết được nàng là người vợ chân tình sẽ ban thưởng cho nàng nhiều tài sản. Hãy đặt chồng nàng vào chiếc giỏ này rồi mang trên vai.

- Lành thay, lành thay, thưa các Ngài.

Những người tốt đã làm cho nàng cái giỏ tre, nàng đặt anh què ngồi trong đó, mang trên vai, đi đến kinh thành Bārāṇasī. Nữ ác hạnh ấy cùng anh què đi đến Bồ thí đường, sống nương nhờ nơi ấy.

Vào những ngày lễ Bô tát, Đức vua Paduma cho trang hoàng thành phố, sau khi trang điểm xinh đẹp, Ngài ngự trên lưng voi đi đến sáu Bồ thí đường để xem xét, tự tay Đức vua bố thí đến những người nghèo khổ tám hay mười người, rồi ngự trở về Hoàng cung.

Nữ nhân ác hạnh đặt người què ngồi trong giỏ, đứng bên vệ đường, nơi Đức vua Paduma sắp đi đến.

Trên lưng voi, Đức vua Paduma nhìn ra nữ nhân ác hạnh, Ngài hỏi những cận tướng rằng:

- Nữ nhân kia là ai vậy?

- Thưa Đại vương, đó là người vợ chân tình.

Đức vua cho gọi nữ nhân ác hạnh kia đến, bảo mang anh què ra khỏi giỏ, hỏi rằng:

- Này nàng, người què này là gì của nàng vậy?

- Thưa Đại vương, mẹ người này là chị của cha tôi, người này là anh họ của tôi. Cha tôi cho tôi đến người này. Cho dù bị đày đọa đến chết, tôi cũng công người này trên lưng, xin ăn để nuôi chồng.

Những người không biết chuyện đã khen ngợi rằng:

- Ô! Thật là người vợ chân tình.

Đức vua Paduma hỏi:

- Này nàng, có phải người què kia là do gia đình nàng chọn là chồng của nàng chăng?.

Vì không nghĩ người hỏi mình chính là Thái tử Paduma, người đã bị nàng xô xuống vực thẳm, nàng cho rằng Thái tử Paduma đã chết, nên trâng tráo đáp rằng:

- Thưa Đại vương, đúng như vậy.

- Này nàng, anh què này có phải là con vua Brahmadata không? Nàng có phải là con gái của một vị vua, là vợ Thái tử Paduma chăng?

Kinh hoàng, nữ nhân ác hạnh tái mặt, run rẩy đứng không vững.

Sau khi dẫn mặt, Đức vua vạch mặt nữ nhân phán bội rằng:

- Này các Đại thần, chính nàng đã từng uống máu nơi đầu gối phải của ta. Chỉ vì luyến ái đến người què này, nàng đã lừa rồi xô ta rơi xuống vực thăm sát hại ta, để tự do luyến ái với tên què này. Nữ nhân ác hạnh này nghĩ rằng ta đã chết, nên không ai biết việc nàng làm, lừa mị thiên hạ, giả như là người vợ chân tình. Nhưng ta vẫn còn sống, nữ nhân ác hạnh kia đi đến đây với dấu ấn tử thần trên trán.

Không dẫn được phần nộ, Bôtát ra lệnh hành hình cả hai. Nhưng rồi Ngài không thực hiện việc ấy. Bôtát cho cột chiếc giỏ vào đầu nữ nhân ác hạnh thật chắc chắn, không thể nào cởi bỏ ra được, đặt tên què ngồi vào bên trong, rồi đuổi cả hai ra khỏi quốc độ của mình.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết giảng về bốn sự thật. Dứt Pháp thoại vị Tỳkhuu thối thất tinh tấn chứng Thánh quả Dự Lưu.

Nhận diện tiền thân.

Nữ nhân ác hạnh nay là nàng Ciñcāmāṇavikā; người què nay là Tôn giả Devadatta; Kỳ đà chúa nay là Ngài Ānanda, Đức vua Paduma nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

***Bôn sự Suṃsumāra (Con cá sấu).**

Duyên khởi.

Trong Đại tự Kỳ Viên, nơi Giảng Pháp đường, các vị Tỳkhuu ngồi bàn luận với nhau về việc Tôn giả Devadatta âm mưu sát hại Đức Thế Tôn.

Bôn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bôtát sinh làm khi chúa ở trong khu rừng trong dãy núi Tuyết, cạnh khúc quanh sông Hằng. Bôtát có thân hình to lớn.

Nơi đáy sông Hằng có cặp vợ chồng cá sấu, sấu cái nhìn thấy thân thể lực lưỡng của khi chúa, nó thèm ăn quả tim của khi chúa, nói với chồng rằng:

- Này anh, em muốn ăn trái tim của con khi chúa này.

- Này em, chúng ta tìm ăn dưới nước, còn khi chúa tìm ăn trên rừng. Làm sao chúng ta có thể bắt được nó chứ?

- Hãy tìm cách bắt được nó. Nếu không có trái tim khi chúa, chắc em phải chết vì thèm khát.

- Thôi được, ta sẽ tìm cách bắt nó để lấy trái tim.

Khi khi chúa đến sông Hằng uống nước, ngồi trên bờ, sấu đực bò đến nói với khi chúa rằng:

- Thưa Ngài khi chúa, nơi này trái cây thường hư thối, Ngài cứ đến đây tìm ăn trái cây hư thối này. Sao Ngài không qua bên kia sông Hằng để tìm trái cây, bên kia sông Hằng đủ mọi trái ngon ngọt như mít, xoài ...

- Này vua cá sấu, sông Hằng rộng và sâu. Làm sao tôi có thể sang bên kia sông Hằng chứ?

- Nếu Ngài muốn sang bên kia sông Hằng, tôi sẽ đưa Ngài qua.

- Này vua cá sấu, bằng cách nào?

- Ngài sẽ ngồi trên lưng tôi, tôi đưa Ngài sang qua bên kia sông Hằng.

Tin lời cá sấu, khi chúa đồng ý. Khi chúa ngồi trên lưng cá sấu, khi đến giữa sông Hằng, cá sấu lặn xuống nước, khi chúa kêu lên rằng:

- Này vua cá sấu, vì sao Ngài lặn xuống nước vậy?

⁽¹⁾- JA. Cullapadumajātaka. Chuyện số 193.

- Ta nào muốn đưa người sang bên kia sông Hằng đâu. Vợ ta muốn ăn trái tim của người nên ta đưa người đến đây giết người lấy trái tim đây.

- Ồ! Nay vua cá sấu, Ngài không nói cho tôi biết điều này. Loài khi của chúng tôi không để trái tim trong người bao giờ?

Nửa tin, nửa ngờ, cá sấu hỏi:

- Nay khi chúa, vì sao vậy?

- Nay vua cá sấu, loài khi chúng tôi thường nhảy nhót, leo trèo. Nếu để trái tim trong người nó sẽ bị nảy tung lên và bể mất.

- Vậy các người để trái tim ở đâu?

Khi chúa chỉ cây sung đây những chùm sung, nói rằng:

- Loài khi chúng tôi treo trái tim lủng lẳng ở cây sung.

- Nếu người cho ta quả tim để làm thuốc cho vợ ta, ta không giết người đâu.

- Nay vua cá sấu, điều ấy chẳng có gì khó khăn cả, loài khi chúng tôi không cần thiết đến trái tim ấy. Ngài hãy đưa tôi vào bờ, tôi sẽ tặng Ngài những trái tim đang treo lủng lẳng.

Cá sấu đưa khi chúa quay trở lại, khi chúa phóng lên cây sung, nói với cá sấu rằng:

- Nay cá sấu ngu đần ác độc kia ơi, người nghĩ loài khi để trái tim ra ngoài ư? Người thật ngu si, ta gạt người đấy; thân người tuy to lớn, nhưng người không có trí khôn. Ta sẽ gởi cho người những trái sung này, người hãy giữ lấy mang về cho vợ người.

Khi chúa hái những trái sung ném xuống sông Hằng cho cá sấu.

Như vừa đánh mất số tiền một ngàn đồng vàng, sấu đực sững sờ, lặn xuống sông Hằng trở về chỗ ở của mình.

Nhận diện tiên thân.

Sấu đực nay là Tôn giả Devadatta, sấu cái nay là nàng Ciñcāmānavikā, khi chúa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

***Bôn sự Suvanṇakakkaṭṭa (Con của vàng).**

Duyên khởi.

Trong Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), nơi Giảng Pháp đường, các vị Tỳkhuu bàn luận về việc Trưởng lão Ānanda đem thân che chắn voi Dhanapāla trước mặt Đức Thế Tôn.

Bôn sự.

Thuở xưa, Bôtát tái sinh vào ngôi làng Sālindiya, làng nằm về phía Đông bắc thành Rājagaha (Vương xá), làng Sālindiya là trú quán của Balamôn Kosiyagotta. Bôtát thuộc dòng Balamôn làm ruộng.

Khi trưởng thành, Ngài cai quản và canh tác một trang trại rộng lớn khoảng 1.00 harisa (#8.000 mẫu).

Một hôm, Ngài cùng gia nhân ra đồng cày ruộng, sau khi phân công cho các gia nhân xong, Ngài đi đến ao nước lớn để rửa mặt.

Trong ao nước có con cua vàng óng ả, xinh đẹp, Bôtát xuống ao tắm rửa, súc miệng rửa mặt, con cua vàng bơi đến gần Ngài, Ngài nhặt lấy cua vàng đặt nó nằm trong áo khoác ngoài của Ngài. Khi xong việc đồng áng, Ngài mang cua vàng đến ao nước thả nó về chỗ cũ.

Từ đó, mỗi khi ra đồng, Bôtát thường đến ao nước mang cua vàng đặt vào áo khoác ngoài, rồi trở lại làm việc. Xong việc đồng áng lại mang cua vàng trở về ao như trước.

Một tình cảm thân thiết nảy sinh giữa người và vật khấn khít.

⁽¹⁾- JA. Suṃsumārajātaka . Chuyện số 208.

Bồ tát có đôi mắt với 5 vẻ đẹp, có ba vòng tròn trong vắt. Một con quạ mái ở trên cây Thốt nốt gần đó, nó muốn ăn mắt Bồ tát, nên nói với quạ trống rằng:

- Này anh, em muốn ăn đôi mắt của người chủ ruộng.

- Điều ước muốn của nàng thật khó thực hiện. Ai có thể lấy đôi mắt của người chủ ruộng cho nàng chứ?

- Anh không thể lấy được, nhưng nơi tổ kiến gần đây có con rắn hổ. Anh hãy cố gắng hạ rắn hổ, nhờ rắn hổ mổ chết người chủ ruộng, khi ấy, anh có thể lấy được đôi mắt người chủ ruộng.

Quạ trống đồng ý, nó đến phục vụ cho rắn hổ. Theo thời gian, những hạt giống của Bồ tát gieo trồng đã nảy mầm, con cua vàng cũng to lớn lên.

Một hôm rắn hổ hỏi quạ trống.

- Này quạ, vì sao người đến phục vụ cho ta nhiệt tình như thế? Người muốn ta giúp người việc gì?

- Thưa Ngài, nữ nô tỳ của Ngài là quạ mái thèm ăn đôi mắt người chủ ruộng. Xin Ngài hãy mổ chết người chủ ruộng để tôi mổ lấy đôi mắt người chủ ruộng mang về cho nàng.

- Việc này không khó, ta sẽ giúp người có được đôi mắt người chủ ruộng.

Hôm sau con rắn ẩn mình dưới đám cỏ, cạnh bờ ruộng nơi người chủ ruộng thường đến bước xuống ruộng. Bồ tát đi đến ruộng lúa, Ngài đến ao nước rửa mặt, con cua vàng bò đến, Ngài đặt cua vàng vào áo khoác ngoài, rồi mang cua vàng đi đến ruộng lúa.

Con rắn thấy Bồ tát vừa bước xuống ruộng, nó phóng đến mổ vào chân Ngài khiến Ngài ngã xuống ngay tại chỗ, con rắn chạy về ổ kiến của mình.

Thấy Bồ tát ngã xuống bất tỉnh, con cua vàng liền ra khỏi áo khoác bò đến bên Bồ tát, biết Bồ tát bị rắn độc mổ trúng, cùng khi ấy quạ trống sà xuống đậu nơi ngực Bồ tát, đợi khi Bồ tát mệnh chung nó mổ lấy đôi mắt của Ngài. Cua vàng suy nghĩ: “Con quạ này là kẻ gây ra hiểm họa cho thân hữu của ta. Nếu ta kẹp lấy cổ nó, nó sẽ cầu cứu với con rắn”.

Cua vàng dùng càng kẹp ngay cổ quạ xiết mạnh, quạ bị ghệt thờ kêu cứu với rắn hổ rằng:

- Thưa chủ rắn hổ, tôi bị cua vàng xiết cổ. Hãy đến cứu tôi kéo tôi chết mất.

Nghe quạ kêu cứu, rắn bò ra khỏi ổ kiến đi đến Bồ tát để cứu quạ. Cua vàng nhanh nhẹn giương chiếc càng thứ hai ra kẹp ngay cổ rắn xiết mạnh, cua vàng dồn sức mạnh vào chiếc càng thứ hai, xiết mạnh vào cổ rắn, nới lỏng cổ quạ ra đôi chút.

Rắn suy nghĩ: “Loài cua không hề ăn thịt rắn hay quạ, vì sao con cua này lại kẹp chúng ta?”, nó hỏi rằng:

- Người không ăn thịt quạ hay rắn, vì sao người kẹp bọn ta?

- Người Bàlamôn kia là thân hữu của ta, đã bị người làm hại. Ta với người Bàlamôn này là một, con quạ kia cũng muốn giết ta để ăn thịt. Ta sẽ kẹp xiết các người cho đến chết.

Nghe vậy con rắn suy nghĩ: “Ta sẽ gạt con cua này để thoát thân”, nên nói rằng: “Nếu vậy, người hãy thả quạ và ta ra, ta sẽ hút lại chất độc trong thân Bàlamôn này. Nếu người chậm trễ chất độc ngấm sâu thì Bàlamôn kia không thể cứu được”.

Cua vàng suy nghĩ: “Con rắn này muốn gạt ta. Khi ta thả chúng ra, chúng chạy mất”. Cua vàng nói rằng:

- Nếu vậy, ta sẽ thả người ra, nhưng không thả quạ. Người hãy hút độc trong người Bàlamôn kia ra đi, nếu người không hút độc con quạ này sẽ chết.

Nghe cua vàng nói vậy, quạ sợ chết van nài răn rã:

- Thưa chủ, chủ đừng bỏ tôi. Chủ hãy hút độc trong người Balamôn ấy ra đi.

Cua vàng nói lòng càng kẹp cổ răn, thả răn đi, con răn đến chỗ Bôtát nằm, nó hút độc trong người Bôtát ra, Bôtát tỉnh dậy bình thường như trước.

Cua vàng suy nghĩ: “Hai con vật này còn sống, bạn thân của ta sẽ còn gặp nhiều hiểm họa”, cua vàng xiết chặt cổ quạ, giết chết quạ trống. Bôtát dùng gậy nhọn đâm xuyên qua mình răn, vút răn vào bụi rậm, quạ mái hoảng sợ bay trốn khỏi nơi ấy.

Tình thân hữu giữa Bôtát và cua vàng càng thêm khẩn khít.

Đức Bốn sự, Đức Thế Tôn thuyết lên bốn sự thật, sau thời Pháp thoại nhiều vị Tỳkhuu chứng Thánh quả Dự Lưu.

Nhận diện tiền thân.

Quạ mái nay là nàng Ciñcāmaṇavikā, quạ trống nay là Tôn giả Devadatta, răn hổ nay là Māra, cua vàng nay là Ngài Ānanda⁽¹⁾.

C- Lễ Lạc thành Đại tự Kỳ Viên.

Khoảng hạ thứ ba của Đức Thế Tôn thì Đại tự Kỳ Viên được xây dựng hoàn tất với kinh phí là 180 triệu tiền vàng.

Khi Đại tự Kỳ Viên xây dựng hoàn tất, Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) cử một sứ giả đặc biệt đến kinh thành Rājagaha (Vương xá) báo tin.

Khi vị Sứ giả đến yết kiến Đức Thế Tôn, nhân danh Trưởng giả Cấp Cô Độc dành lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi vào nơi phải lễ, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, Trưởng giả Cấp Cô Độc đã kiến tạo xong Đại tự viện để cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng Tứ phương.

Trưởng giả Cấp Cô Độc cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu ngự đến kinh thành Sāvatti (XáVệ) để tiếp nhận Đại tự viện.

Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thấy rằng: “Sāvatti (XáVệ) là nơi trú ngụ phần lớn cuộc đời của ba vị Chánh Giác trong quá khứ, cũng là nơi phần lớn cuộc đời Như Lai trú ngụ.

Nơi đây là một linh địa rất thuận lợi để Như Lai tế độ vô số nhân loại, chư thiên và Phạm thiên chứng đạt Thánh quả”.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Sau khi ngự trú nơi kinh thành Rājagaha (Vương Xá) theo như ý thích, Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng lên đường du hành đến kinh thành Sāvatti.

Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng tuần tự du hành, Ngài cùng Tăng chúng dừng chân ở những trú xá cách nhau một dotuần từ Rājagaha đến Sāvatti đã được Trưởng giả Cấp Cô Độc vận động xây dựng trước đó.

Theo Tạng Luật, Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Vesāli trước khi Ngài đến kinh thành Sāvatti (XáVệ) để tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên⁽²⁾.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn không đến kinh thành Sāvatti ngay để tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên, Ngài lại chuyển hướng du hành sang kinh thành Vesāli trước, rồi sau đó mới đến kinh thành Sāvatti?

Đáp. Với Phật trí Đức Thế Tôn quán xét thấy được duyên lành Thánh quả Dự Lưu của Công nương Sumanā cùng 500 nữ hầu, nhưng khi ấy trí tuệ của cô bé Sumanā chưa trưởng thành. Để trí của Công nương Sumanā có đủ thời gian phát triển, Đức Thế Tôn du hành sang kinh thành Vesāli trước, rồi đến kinh thành Sāvatti tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên.

(1)- JA. Suvanna-kakkaṭa. Chuyện số 389.

(2)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu Phẩm II. Số

Khi đến kinh thành Vesāli, Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trú ngụ trong Mahāvana (Đại Lâm) nơi Giảng đường Kūṭāgārā.

Khi ấy cư dân thành Vesāli kiến tạo những liêu thất cúng dường đến các vị Tỳkhuu rất cẩn thận. Ngay cả vị Tỳkhuu phụ trách công trình mới cũng được phục vụ chu đáo với y phục, vật thực, chỗ ngụ và thuốc trị bệnh.

Có người thợ may nghèo suy nghĩ: “*Theo như cách những người này thực hiện công trình mới một cách cẩn thận như vậy thì việc này sẽ không là tâm thường đâu; hay là ta cũng nên thực hiện công trình mới vậy?*”.

Người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, gắn liền các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các viên gạch được ông gắn liền không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống.

Đến lần thứ nhì, ...(như trên)...

Đến lần thứ ba, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, gắn liền các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các viên gạch được ông ta gắn liền không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống.

Khi ấy, người thợ may nghèo ấy đã phàn nàn, phê phán, chê bai rằng:

- Người ta cúng dường vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và thuốc men chữa bệnh đến các Samôn Thích tử này nên các vị chi bảo, hướng dẫn họ, và phụ trách công trình mới của họ.

Trái lại, tôi thì nghèo nên không ai chi bảo, hướng dẫn tôi, hay phụ trách công trình mới (của tôi).

Các Tỳkhuu nghe được người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai, nên trình sự việc này lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại thích hợp rồi bảo các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, ta cho phép giao công trình mới. Nay các Tỳkhuu, vị Tỳkhuu là vị phụ trách công trình mới sẽ thể hiện sự tích cực (suy nghĩ rằng): “*Có cách gì để trú xá có thể đạt đến việc hoàn thành nhanh chóng?*” và sẽ sửa chữa chỗ bị đổ vỡ và hư hỏng.

Vị Tỳkhuu được giao phận sự coi sóc công trình phải được Tăng chúng đề cử qua Tuyên ngôn (ñattikammavācā) (sđd. Số 259).

Khi ngụ trú nơi kinh thành Vesāli đến khi vừa ý, Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng lên đường đến kinh thành Sāvatti.

Theo Bản Đại Phật sử (Mahābuddhavaṃsa) của Miến Điện, bấy giờ nhóm Tỳkhuu đệ tử của các Tỳkhuu Sáu Sư (Chabbaggiyā) đã vượt lên phía trước hội chúng có Đức Phật dẫn đầu, giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm (nói rằng): “*Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta*”.

Và Trưởng lão Sāriputta không có chỗ ngụ, phải nghỉ đêm ngoài trời nơi cội cây. Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Tittira⁽¹⁾, rồi Ngài quy định: “Vị Tỳkhuu thấp hạ phải đánh lễ vị Tỳkhuu cao hạ. Vị Tỳkhuu nào vi phạm, phạm *dukkata* (tác ác)” (sđd. Số 263).

Đức Thế Tôn quy định: “Có 10 hạng người, vị Tỳkhuu không nên đánh lễ là.

- 1- Không đánh lễ vị Tỳkhuu thọ giới sau.
- 2- Không nên đánh lễ vị không phải là Tỳkhuu.
- 3- Không nên đánh lễ người ngoại giáo nói sai pháp.
- 4- Không nên đánh lễ nữ nhân.
- 5- Không nên đánh lễ người bị thiến.

⁽¹⁾- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 6).

6- Vị Tỳkhuu trong sạch (pakata) không nên đánh lễ vị Tỳkhuu đang bị phạt parivāsa (biệt trú) hay mānatta.

7-Vị Tỳkhuu trong sạch không nên đánh lễ vị Tỳkhuu đang bị tuyên phạt thực hành parivāsa (do phạm giới Tăng tàn) nhưng chưa thực hành hoặc trong thời kỳ thực hành mānatta nhưng chưa thực hành.

8- Vị Tỳkhuu trong sạch không nên đánh lễ vị Tỳkhuu đã thực hành parivāsa xong, nhưng chưa thực hành mānatta.

9- Vị Tỳkhuu trong sạch không nên đánh lễ vị Tỳkhuu trong thời kỳ thực hành mānatta.

10- Vị Tỳkhuu trong sạch không nên đánh lễ vị Tỳkhuu trong thời kỳ chưa thực hành abbhānakamma (làm cho trong sạch).

Có ba hạng người được đánh lễ là.

1- Vị tu lên bậc trên trước.

2- Vị thâm niên ngoại giáo nhưng nói đúng pháp.

3- Đấng Như Lai (sđd. Số 264).

Nhưng theo bộ Vajirabuddhi Tīkā thì các vị Tỳkhuu nhóm Sáu Sư chỉ xuất hiện sau 20 năm đầu của Đức Thế Tôn, mặt khác vào thời kỳ đầu, trong Majjhima nikāya (Trung bộ kinh) có ghi: “*Ārādhayim̐su me bhikkhu etaṃ ...: Những vị Tỳkhuu của ta hiền thiện*”, nghĩa là ở Sơ giác thời, các Tỳkhuu sống rất hiền thiện⁽¹⁾.

Có khả năng, trong những lần du hành đến kinh thành Sāvatti về sau, mới có sự kiện này khởi lên.

Ngài Buddhaghosa có giải thích: “Nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là người thành Sāvatti (XáVệ)”.

Như vậy, khi Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu đến kinh thành Sāvatti tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên, khi ấy chưa có nhóm Tỳkhuu Sáu Sư.

1- Chabbaggiyā (nhóm Sáu Sư).

Là một nhóm Tỳkhuu trong thời Đức Thế Tôn còn tại tiền, nhóm này thường được nhắc đến do vi phạm nhiều về Giới luật⁽²⁾.

Gọi là nhóm Tỳkhuu Sáu Sư vì có 6 Tỳkhuu được xem như là trưởng của hội chúng này, đó là: Assaji, Punabbasu, Paṇḍuka, Lohitaka, Mettiya và Bhumija. Hội chúng này có cả các Tỳkhuu ni, các Tỳkhuu ni của nhóm này cũng nói là có vi phạm nhiều về giới Luật⁽³⁾.

Theo bộ Samantapāsādikā (Sớ giải Tạng Luật), các vị Tỳkhuu này là người kinh thành Sāvatti, đã từng quen biết nhau trước.

Vì cuộc sống khó khăn, các vị xin gia nhập Tăng đoàn dưới sự hướng dẫn của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna. Sau năm năm theo hai vị Đại đệ tử của Đức Thế Tôn học Luật, nhóm này được xa thầy.

Về sau những vị Tỳkhuu này quyết định chia thành ba nhóm: Nhóm của hai vị Assaji và Punabbasu trú ngụ ở Kitāgiri⁽⁴⁾, nhóm của hai vị Mettiya và Bummajakatru trú ngụ ở thành Rājagaha và nhóm của hai vị Paṇḍuka và Lohitaka trú ngụ tại Đại tự Kỳ Viên⁽⁵⁾.

***Nhóm Assaji - Punabbasukā.**

(1)- M.i. 175.

(2)- Vin. i. 84, 104, 106, 11, 113, 114, 138, 160, 170, 185, 189, 192, 194, 203 f., 216, 285, 306, 316; Vin. ii. 73, 105, 145, 213, 241, 262, JA. i. 191, 217, 360; JA. iii. 149; Dhpa. iii. 48, 330, 382.

(3)- Vin. ii. 262, 266, 269, 271, 276.

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 6).

(5)- JA. ii. 387.

Các vị Tỳkhuu nhóm này là đệ tử của 2 vị Tỳkhuu trưởng là Assaji và Punabbasu, nhóm này sống ở Kīṭāgiri, giữa hai thành Sāvatti và Āḷavi. Họ phạm nhiều tội lỗi vì hành ác pháp⁽¹⁾.

***Nhóm Mettiya- Bhummajakā.**

Các vị Tỳkhuu nhóm này là đệ tử của hai vị Tỳkhuu trưởng là Mettiyavā Bhummajaka, trú gần kinh thành Rājagaha (Vương Xá).

Nhóm Tỳkhuu này đã hai lần vu khống Ngài Dabba Mallaputta phạm giới parājika (trục xuất) (chúng tôi sẽ tường thuật ở những tập sau).

Và nhân sự kiện này Đức Thế Tôn chế định hai học giới Saṅghadisesa (Tăng tàng) đến các Tỳkhuu.

***Nhóm Paṇḍuka và Lohitaka.**

Trong ba nhóm Tỳkhuu này, nhóm của Paṇḍuka và Lohitaka được xem là có phạm hạnh nhất, không đi quá Giới luật như hai nhóm kia.

Các vị Tỳkhuu nhóm Paṇḍuka và Lohitaka sống gần Đức Thế Tôn và thường theo Đức Thế Tôn trong nhiều chuyến đi du hành.

Tuy nhóm này có Phạm hạnh nhất trong hai nhóm kia, nhưng trong Tạng Luật cũng ghi nhận là từng vi phạm nhiều Học giới⁽²⁾.

Hai vị Giáo trưởng này thường vẫn nạn những vấn đề trong Giáo thuyết, rồi gây tranh cãi, bất hòa.

Bốn sự Satapatta có đề cập đến hai vị sư trưởng này như sau.

***Bốn sự Satapatta (con Hạc).**

Duyên khởi.

Nhóm Tỳkhuu Sáu Sư có là Paṇḍuka và Lohita là sư trưởng, nhóm Tỳkhuu này sống nơi Đại tự Kỳ Viên.

Hai sư trưởng này thường vẫn nạn những vấn đề trong giáo thuyết đối với các cư sĩ. Nếu là người thân thiết thì họ khích lệ rằng:

- Bạn chẳng thua kém ai ở đây về thọ sanh, dòng dõi và phẩm chất, nếu bạn phát biểu ý kiến của bạn, người ta sẽ học hỏi nhiều điều hay ở bạn đấy.

Nếu là người không thân, họ sẽ ngăn cản không cho phát biểu ý kiến, do đó sinh ra việc bất hòa.

Các vị Tỳkhuu hiền thiện trình lên Đức Thế Tôn vấn đề này.

Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự này.

Bốn sự.

Thuở xưa khi Đức vua Brahmadata trị xứ Kāsi có kinh thành là Bārāṇasī (Balanại), Bôttát sinh ra trong một ngôi làng trong Vương quốc Kāsi.

Khi trưởng thành, thay vì sinh sống bằng nghề làm ruộng hay nghề buôn bán, Ngài tu học 500 thanh niên trong làng và trở thành Chánh đảng bọn cướp 500 tên sống trong rừng, chặn đường khách bộ hành để cướp của hay cùng nhau đến những thôn trang đánh cướp.

(Các vị Bôttát, dù là những bậc Đại Sĩ, đôi khi cũng sinh ra làm ác nhân, cũng cướp phá tài sản của người khác. Đó là những lầm lỗi trong vòng luân hồi, về sau cũng phải hứng chịu những ác quả).

Bấy giờ có người chủ ruộng cho người kia vay 1.000 đồng vàng, ông mệnh chung trước khi người kia trả tiền. Ít lâu sau, vợ người chủ ruộng lâm trọng bệnh, gọi người con trai đến bảo rằng:

- Nay con, cha con có cho người kia mượn 1.000 đồng vàng, cha con chết đi nhưng chưa nhận lại số tiền đó. Nay mẹ lâm trọng bệnh, nếu như mẹ chết đi, người kia sẽ không trả tiền cho con đâu. Vậy con hãy nhanh chóng đến đòi 1.000 đồng vàng đi.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 8).

(2)- Vin. ii. 1, 5, 6.

Người con nghe lời mẹ, đi đến nhà người kia đòi tiền và lấy được 1.000 đồng vàng, nhưng người mẹ đã mệnh chung sau đó.

Khi người con trở về đi đến bìa rừng, người mẹ quá lo lắng cho con, hóa thành con chó rừng, chạy ra cản trở không cho anh đi vào rừng, kêu lên (bằng những tiếng tru) rằng:

- Con ơi, chớ có vào rừng, bọn cướp sẽ bắt giết con để cướp tiền đấy.

Nhưng người con không hiểu được, nói rằng:

- Thật xui xẻo, con chó rừng cứ cản đường trở về nhà của ta.

Anh dùng gậy, đất đá ném vào con chó, đuổi con chó đi, rồi bước vào rừng. Một con Hạc rừng kêu lên báo tin cho bọn cướp rằng:

- Có người mang 1.000 đồng vàng đang vào rừng, hãy giết lấy nó, cướp lấy tiền.

Người con không biết con Hạc hót lên những gì, cho đó là điềm lành, suy nghĩ: “Con chim Hạc kia mang điềm lành đến cho ta”.

Anh kính cẩn chào con Hạc và khẩn cầu rằng: “Thưa Ngài, Ngài hãy hót nữa đi”.

Bồ tát vốn có nghệ thuật biết được tiếng các loài thú, nên nghe được tiếng con chó rừng cùng với tiếng con Hạc, Ngài suy nghĩ: “Con chó rừng kia chắc là mẹ của người ấy nên mới cố ngăn anh ta vào rừng, còn con Hạc chắc là kẻ nghịch của anh ta, nên báo tin cho bọn ta biết để giết anh, cướp lấy 1.000 đồng vàng. Người kia chẳng biết gì cả, xua đuổi mẹ của mình, lại kính cẩn tôn sùng kẻ thù của mình, thật là kẻ rồ dại”.

Chàng thanh niên tiếp tục đi vào rừng, chẳng bao lâu rơi vào tay bọn cướp, Bồ tát hỏi anh ta rằng:

- Anh quê ở đâu?

- Thưa Ngài, tôi ở gần kinh thành Bārāṇasī.

- Có việc gì mà anh phải đi qua khu rừng này?

- Thưa Ngài, một người ở làng bên có thiếu cha mẹ tôi số tiền là 1.000 đồng vàng. Cha tôi đã chết, tôi vâng lời mẹ sang làng bên để đòi tiền nợ.

- Anh đã lấy được tiền chưa?

- Thưa Ngài, đã lấy được rồi.

- Anh có biết giờ mẹ anh ra sao không?

- Thưa Ngài, không?

- Bà đã chết sau khi anh ra đi và vì quá thương anh, bà hóa thành một con chó rừng, cố ngăn anh vào rừng vì sợ anh sẽ bị giết, chính bà lại bị anh đuổi đi. Còn con Hạc kia là một kẻ thù của anh, chính nó đến bảo chúng ta hãy giết anh và đoạt tiền của anh.

Anh thật là rồ dại vì nghĩ rằng mẹ anh là kẻ mang họa đến cho anh trong khi bà chỉ mong anh được tốt lành; ngược lại, con Hạc là kẻ gieo tai họa cho anh, anh lại kính cẩn tôn sùng nó. Anh hãy giữ tiền của anh và đi đi.

Bồ tát thả cho anh ta đi, sau khi nói lên Kệ ngôn.

85- Yathā māṇavako panthe; siṅgāliṃ vanagocarim.

Atthakāmaṃ pavedentim; anattakāmāti maññati.

Anattakāmaṃ satapattam; atthakāmoti maññati.

“Nư chàng trai trẻ trên đường,

Chó rừng ấy đã làm chùng bước chân.

Chàng ta nhâm tưởng ác nhân,

Nào ngờ là kẻ cho chàng điếu hay.

Lại nhâm Hạc chính bạn ngay,

Trong khi Hạc lại quyết bày ác mưu ».

86- Evameva idhekacco; puggalo hoti tādiso.

Hitehi vacanam vutto; paṭiganhāti vāmato.

«Nay có kẻ được nhiều bạn tốt,
Lại hiểu lầm sai sót bạn hiền,
Tai không nghe tiếng bạn khuyên
Những điều tốt đẹp dành riêng cho mình ».

87- Ye ca kho nam pasamsanti; bhayā ukkaṃsayanti vā .
Tañhi so maññate mittam; satapattamva māṇavoti.

«Hễ người ca tụng mới tin,
Ấy điều hung xấu đã liền hé ra:
Như chàng trai trẻ ngày xưa
Yêu con Hạc nọ bay qua đầu mình »(B. Trần Phương Lan d)⁽¹⁾.
Nhận diện Bốn sự.

Chánh đấng cướp nay là Đức Thế Tôn.

***Điều luật có liên quan đến sàng tọa, vật dụng ...**

Bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà các chỗ ngồi cao và các chỗ ngồi rộng như là ghế trường kỷ, ghế dựa dài, thảm lông, thảm nhiều màu, thảm màu trắng, thảm thêu bông hoa, nệm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình vẽ, thảm lông rái cá, thảm có lông một góc, tấm lụa có kết ngọc quý, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm da voi, thảm da ngựa, thảm lót xe, thảm da báo, thảm da linh dương, thảm có che phủ ở trên, thảm có màu đỏ ở cả hai đầu.

Các Tỳkhuu ngăn ngại không ngồi lên, các vị đã trình sự việc này lên Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

Anujānāmi, bhikkhave, ṭhapetvā tīṇi – āsandim, pallaṅkam, tūlikam – gihivikatam abhinisīditum, natveva abhinipajjitu”nti.

“Này các Tỳkhuu, trừ ra ba thứ là ghế trường kỷ, ghế dựa dài, nệm bông gòn (tūlikam), ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên”⁽²⁾.

Rồi dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà loại giường và ghế độn bông gòn. Các Tỳkhuu ngăn ngại không ngồi lên, các vị đã trình sự việc ấy lên Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

Anujānāmi, bhikkhave, gihivikatam abhinisīditum, natveva abhinipajjitu”nti.

“Này các Tỳkhuu, ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên” (sđd. Số 268).

2- Đức Thế Tôn tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên.

Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu tuần tự du hành từ kinh thành Vesālī đến thành Sāvattthi (XáVệ), khi còn cách thành Sāvattthi khoảng một do tuần, Đức Thế Tôn cử vị Tỳkhuu sứ giả đến kinh thành Sāvattthi, báo tin cho Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Này Trưởng giả, Đức Thế Tôn sắp ngự đến kinh thành Sāvattthi, hiện Ngài còn cách kinh thành khoảng một do tuần.

- Lành thay, lành thay, bạch Ngài.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika đã chuẩn bị mọi việc cần thiết để tiếp rước Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu thật long trọng, sau đó cúng dường Đại tự Kỳ Viên đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng.

α- Công nương Sumanā (Sumanārājakumārī).

Được tin Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu đến kinh thành Sāvattthi vào ngày mai, Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Hoàng cung thỉnh cầu Đức vua Pasenadi (PaTuNặc) rằng:

(1)- JA. iii. Sattapattajaataka (chuyện con Hạc) (số 279).

(2)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu Phẩm II. Số. 267.

- Thừa Đại vương, mai này Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu ngự đến kinh thành Sāvatti. Đây là một đại phúc đến cho Đại vương cùng kinh thành của chúng ta.

Lành thay, thừa Đại vương, nếu công nương Sumanā cùng 500 nữ hầu hiện diện trong lễ rước Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngự vào Đại tự Kỳ Viên. Công nương cùng 500 nữ hầu sẽ cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu trước tiên, bằng nước thơm đựng trong bình vàng cùng với hoa tươi.

- Lành thay, lành thay, này Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Đức vua Pasenadi hân hoan nhận lời thỉnh cầu của Trưởng giả Cấp Cô Độc, ra lệnh sắp xếp những vật cần thiết để đáp ứng lời thỉnh cầu của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Trên đường đi đến Đại tự Kỳ Viên, Trưởng giả Cấp Cô Độc cho xây dựng một chỗ dừng chân không xa Đại tự để Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu tạm dừng chân, sau đó sẽ tổ chức lễ cung đón Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu ngự đến Đại tự Kỳ Viên.

Sau khi Đức Thế Tôn cùng Đại chúng ngồi vào nơi được soạn sẵn, Công nương Sumanā cùng 500 nữ hầu cúng dường nước thơm cùng hương hoa đến Đức Thế Tôn và các vị Tỳkhuu, rồi ngồi xuống một bên hợp lễ (khi ấy công nương Sumanā được 7 tuổi, 500 nữ hầu này là 500 bé gái cùng sinh ra trong ngày với Công nương Sumanā).

Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại thích hợp, dứt Pháp thoại Công nương Sumanā cùng 500 nữ hầu chứng Thánh quả Dự Lưu, cùng lúc ấy có 500 thiếu nữ khác, 500 nữ nhân lớn tuổi và 500 cư sĩ cũng chứng đạt Thánh quả Dự Lưu.

Như vậy, trên đường đến Đại tự Kỳ Viên ngày hôm ấy, Đức Thế Tôn tế độ 2.000 người chứng Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

Tiên sự.

Cách đây 91 kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Vipassī, tiền thân nàng Sumanā là con gái một Trưởng giả, cha nàng mất sớm.

Theo phong tục thời bấy giờ, vì cha mất sớm nên gia đình nàng không được vinh hạnh thỉnh Đức Thế Tôn đến tư gia để cúng dường vật thực trước tiên, nên mẹ nàng rất buồn khổ.

Biết được vị Tướng thống lãnh kinh thành (senāpati) được vinh hạnh cúng dường bữa cơm đầu tiên đến Đức Thế Tôn Vipassī khi Ngài ngự đến kinh thành. Vốn là người thông minh mẫn tiệp, nàng tìm cách cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn trước tiên.

Biết được con đường Đức Thế Tôn ngự đến tư dinh của viên Tướng lãnh nàng đi đến lộ trình ấy với chén cơm dẫu dưới các tràng bông lài.

Khi Đức Thế Tôn Vipassī cùng Tăng chúng ngự đến, nàng cúng dường những tràng hoa lài và đặt vào bát Đức Thế Tôn bát cơm được dẫu bên dưới.

Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn với cách *năm chi chạm chắt*, nàng phát nguyện rằng: “Với phước báu con đã thực hành này, xin cho những kiếp tương lai của con có thân trắng xinh đẹp như hoa lài và cho con có tên gọi là Sumanā (hoa Lài)”.

Đức Thế Tôn ngự đến tư dinh của vị Tướng lãnh kinh thành, Ngài bảo với vị Tướng lãnh rằng:

- Này gia chủ, hôm nay Như Lai có được vật thực rồi.

Vị Tướng lãnh ngạc nhiên, Đức Thế Tôn dạy rằng:

⁽¹⁾-AA.ii. 593 .

- Cô gái thuần tín khi nãy đã cúng dường đến Như Lai bát cơm được dẫu với những tràng hoa lài.

Vị Tướng lãnh kinh thành hoan hỷ rằng:

- Ô! Cô gái này thật thông minh, đã cúng dường vật thực trước ta rồi.

Sau khi cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng xong, vị Tướng lãnh cho người tìm cô gái ban sáng, biết được nàng còn độc thân, chỉ còn người mẹ, ông xin cưới nàng làm vợ.

Và ngay trong hiện kiếp ấy, nàng được gọi tên là Sumanā (nàng hoa lài). Trải qua 91 kiếp trái đất, nàng không hề biết đến bốn cảnh giới khổ, và nơi đâu nàng sanh ra, nơi đó có bông lài rơi từ hư không xuống ngập đến đầu gối, do vậy nàng được gọi tên là Sumanā.

Trong thời Đức Phật Gotama, nàng sinh ra là con gái của vua Pasenadi⁽¹⁾, khi nàng ra khỏi thai bào của Chánh hậu vua Pasenadi, có một trận mưa hoa lài rơi từ không trung xuống khắp Hoàng cung ngập đến nửa gối, do vậy nàng được đặt tên là Sumanā.

Có 500 bé gái cùng sinh ra trong ngày với Công nương Sumanā, Đức vua Pasenadi cho mang tất cả về cung để nuôi dưỡng và đó là hội chúng tùy tùng của Công nương Sumanā, Đức vua Pasenadi ban cho Công nương 500 cỗ xe để di chuyển, mỗi khi Công nương Sumanā ra khỏi Hoàng cung là có 500 cỗ xe cùng đi chung, trên mỗi cỗ xe là cô nữ hầu. Đây được xem là một biểu tượng của bậc Đại phúc, đại quý.

Trong thời Đức Thế Tôn tại tiền chỉ có ba nữ nhân có được biểu tượng này, đó là: Công nương Sumanā, Công nương Cundī (con gái vua Bimbisāra) và nàng Visākhā (cháu nội của Đại trưởng giả Menḍaka). Mỗi người đều có 500 bé gái cùng sinh ra trong một ngày ở trong vùng.

Theo Bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgathā – atthakathā)⁽²⁾, nàng Sumanā xuất gia lúc đã lớn tuổi.

Trong lần vua Pasenadi đến diện kiến và hỏi Pháp nơi Đức Thế Tôn, nàng Sumanā cũng có mặt nơi đó.

Đức vua Pasenadi hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Tôn giả Gotama có tự cho mình chứng Vô thượng Chánh giác không?

- Thưa Đại vương, nếu ai nói một cách chân chánh là mình chứng Vô thượng Chánh giác, thời người ấy phải chính là Ta.

Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chánh giác.

- Thưa Tôn giả Gotama, có những vị Samôn, Bàlamôn là hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng, giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, *khai tổ giáo phái* được đại chúng tôn sùng, như: Ngài Purāṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Nigaṇṭha Nātaputta, Saṅjaya, Belaṭṭhiputta, Kakudha Kaccāyana, Ajita Kesakambala, khi con hỏi các vị ấy: “Có tự xem là đã chứng Vô Thượng Chánh giác không?”, thời đã trả lời không tự xem mình chứng Vô thượng Chánh giác. Vậy làm sao Tôn giả Gotama, trẻ tuổi, sinh sau đẻ muộn và chỉ mới xuất gia, lại cho mình như vậy?

- Thưa Đại vương, có bốn loại tuổi trẻ không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Thế nào là bốn?

*Thưa Đại vương, Khattiya (Sátđếly) trẻ tuổi, không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

⁽¹⁾- Bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni (ThigA. 22) ghi nhận: “Nàng là chị của vua Pasenadi, là con của vua Mahākosala”.

Bản Sớ giải Tăng chi kinh (AA. ii. 593) ghi nhận: “Nàng là con của vua Pasenadi và chứng Thánh quả Dự lưu lúc 7 tuổi, trong lần Đức Thế Tôn ngự đến kinh thành Sāvatti tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên.

⁽²⁾- ThigA. 22).

*Thưa Đại vương, con rắn trẻ, không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

*Thưa Đại vương, ngọn lửa trẻ, không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

*Thưa Đại vương, vị Tỳkhuu trẻ tuổi, không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

Nói xong, Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn.

Khattiyaṃ jātisampannaṃ; abhijātaṃ yasassināṃ.

Daharoti nāvajāneyya; na naṃ paribhave naro.

“Sinh giòng Sátđêly; thuộc quý tộc, danh xưng.

Chớ khinh thường là trẻ; chớ miệt thị là nhỏ”.

Thānañhi so manujindo; rajjaṃ laddhāna khattiyo.

So kuddho rājadaṇḍena; tasmim pakkamate bhusaṃ.

Tasmā taṃ parivajjeyya; rakkhaṃ jīvitamattano.

“Vị Sátđêly ấy; đến thời lên ngôi vua.

Làm chúa tể loài người; trị vì cả quốc độ.

Vị ấy nếu phần nộ; dùng vương phạt gia hình.

Ai bảo tồn mạng mình; hãy né tránh vị ấy”.

Gāme vā yadi vā raññe; yattha passe bhujāṅgamaṃ.

Daharoti nāvajāneyya; na naṃ paribhave naro.

“Ở làng hay ở rừng; có thấy rắn bò qua.

Chớ khinh thường rắn trẻ; chớ miệt thị rắn nhỏ.

Uccāvacehi vaṇṇehi; urago carati tejasī.

So āsajja ḍaṃse bālaṃ; naraṃ nāriṅca ekadā.

Tasmā taṃ parivajjeyya; rakkhaṃ jīvitamattano.

Cao thấp hình sai biệt; rắn sống đây nhiệt khí.

Bị tấn công, nó cắn; kẻ ngu cả nam, nữ.

Ai bảo tồn mạng mình; hãy tránh né loại rắn”.

Pahūtabhakkhaṃ jālinaṃ; pāvakaṃ kaṇhavattaniṃ.

Daharoti nāvajāneyya; na naṃ paribhave naro.

“Lửa cháy đây khát vọng; lửa đốt thiêu, đốt cháy.

Chớ khinh thường lửa trẻ; chớ miệt thị lửa nhỏ”.

Laddhā hi so upādānaṃ; mahā hutvāna pāvako.

So āsajja ḍahe bālaṃ; naraṃ nāriṅca ekadā.

Tasmā taṃ parivajjeyya; rakkhaṃ jīvitamattano.

“Lửa được đốt bén cháy; liền cháy to, cháy lớn.

Bị lửa đốt tấn công; kẻ ngu cả nam, nữ.

Ai bảo tồn mạng mình; hãy tránh né lửa cháy”.

Vanāṃ yadaggi ḍahati; pāvako kaṇhavattani.

Jāyanti tattha pārohā; ahorattānamaccaye.

“Khu rừng bị lửa đốt; lửa đốt thiêu, đốt cháy.

Sau nhiều đêm và ngày; rễ mầm lại mọc lên”.

Yañca kho silasampanno; bhikkhu ḍahati tejasā.

Na tassa puttā pasavo; dāyādā vindare dhanāṃ.

Anapaccā adāyādā; tālavatthū bhavanti te.

“Còn Tỳkhuu trẻ giới; nông cháy với nhiệt tình.

Nhưng không con, không cái; không của cải truyền thừa.

Không con, không thừa tự; như thân cây Tala”.

Tasmā hi paṇḍito poso; sampassaṃ atthamattano.

Bhujāṅgamaṃ pāvakañca; khattiyañca yasassināṃ.

Bhikkhuñca silasampannaṃ; sammadeva samācare”ti.

“Do vậy, hiền hiền trí; tự thấy, hạnh phúc mình.

Đối với rắn và lửa; danh xưng Sátđêly.

Vị Tỳkhuu trì giới; với bốn vị kê trên.

Hãy biết cách cư xử; chân chánh và tốt đẹp”(HT. TMC d)⁽¹⁾.

Sau thời pháp Đức vua khởi lòng tin và xin quy ngưỡng Tam bảo, bấy giờ nàng Sumanā muốn xuất gia, nhưng vì còn phải phụng dưỡng bà nội nên hoãn lại việc xuất gia, cho đến khi bà nội mãn phần.

Sau khi bà nội mệnh chung, bà Sumanā cùng đi với Đức vua Pasenadi đến Ni viện cúng dường tẩm tắm quý cùng với những y quý, các vị Tỳkhuu ni khuyên bà cúng dường tẩm tắm quý đến Đức Thế Tôn.

Bà cùng Đức vua Pasenadi đi đến Đại tự cúng dường tẩm tắm quý, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp.

Nghe xong Pháp thoại bà Sumanā chứng Thánh quả Bất Lai, bà xin được xuất gia trong Ni đoàn.

Sau khi xuất gia bà sống tịnh cư để tu tập, khi duyên lành hội đủ Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trưởng Trưởng lão ni Sumanā, nói lên kệ ngôn.

14- Dhātuyo dukkhato disvā; mā jātiṃ punarāgami.

Bhave chandaṃ virājetvā; upasantā carissasī”ti.

“Đã thấy các giới đau khổ; đừng quay trở lại tái sinh.

Đã chấm dứt ước muốn hữu; thực hành đạt an tịnh”.

Nghe dứt kệ ngôn bà chứng Thánh quả ALaHán.

Bà nói lên kệ ngôn trên như tuyên bố Thánh trí của mình⁽²⁾.

Lưu ý. Bản Sớ giải Therīgāthā – atthakathā giải thích như vậy.

Trong bản Sớ giải kinh Tăng chi thì không đề cập đến điều này.

Nên ghi nhận.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đã tổ chức lễ hội này kéo dài 9 tháng, khi đó chưa thành lập Ni đoàn.

Bài kinh *Tuổi trẻ* (Daharasuttam - S. i.68) được thuyết lên khi Đức vua Pasenadi lần đầu tiên đến diện kiến Đức Thế Tôn, đó là vào thời điểm Đức Thế Tôn đến kinh thành Sāvatti tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên.

Do đó bà Sumanā có ý muốn xuất gia thì không hợp lý lắm.

Mặt khác, trong tập *Anguttara nikāya* (Tăng chi bộ kinh) có ghi nhận: “Sumanā là một trong những nữ cư sĩ ưu tú của Đức Thế Tôn”, nếu về sau bà Sumanā là Tỳkhuu ni, thì trong cuộc Kết tập Phật Ngôn lần I, các Ngài không nêu tên bà Sumanā trong danh sách những nữ cư sĩ ưu tú.

Nếu là lời dạy của Đức Thế Tôn, với Phật trí Đức Thế Tôn biết rõ nàng Sumanā sẽ xuất gia trở thành Tỳkhuu ni, Ngài cũng không nêu tên nàng Sumanā vào danh sách những cận sự nữ ưu tú. Và bài kinh này có tên cận sự nữ Mallikā (Hoàng hậu của vua Pasenadi), bài kinh này xuất hiện sớm lắm cũng phải vào năm Đức Thế Tôn 73 tuổi.

Như vậy, có gì nhầm lẫn giữa Trưởng lão ni Sumanā và Công nương Sumanā chăng?

Những nữ cận sự ưu tú của Đức Thế Tôn là:

Bojjhā, Sirimā, Padumā, Sudhanā, Manujā, Uttarā, Muttā, Khemā, Rucī, Cundī, Bimbī, Sumanā, Mallikā, Tissā, mẹ của Tissā, Soṇā, mẹ của Soṇā, Kāṇā, mẹ của Kāṇā, Uttarā mẹ của Nandā, Visākhā mẹ của Migāra, Khujjuttarā, Sāmāvatī, Suppavāsā Koliyadhītā (Suppavāsā thiếu nữ Koliya), Suppiyā, nữ gia chủ mẹ của Nakula⁽³⁾.

⁽¹⁾- S. i. 68. Daharasuttam. (kinh Tuổi trẻ).

⁽²⁾- Thig.14. Kệ ngôn Trưởng lão ni Sumanā (Sumanātherīgāthā).

⁽³⁾- A. iv. 347.

Có khả năng bài kinh trên được Đức Thế Tôn thuyết lên vào khoảng 8 năm sau cùng của Ngài. Vì rằng khi vua Ajātasattu (AXàThê) giết cha cướp ngôi, khi ấy Đức Thế Tôn đã 72 tuổi; trong cuộc chiến với vua Ajātasattu, vua Pasenadi thua trận, trên đường trở về kinh thành Sāvatti, vua Pasenadi đi đến vườn hoa, gặp nàng Mallikā và khi ấy vua Pasenadi mới lập nàng Mallikā con gái người thợ làm vòng hoa lên ngôi Hoàng hậu⁽¹⁾.

Bản Sớ giải kinh Tăng chi không nêu rõ đầy đủ nơi trú ngụ của các cận sự nữ ưu tú ấy.

***Kinh Sumanā (Sumanasuttam).**

Có lần Công nương Sumanā cùng với 500 cung nữ tùy tùng trên 500 cỗ xe đi đến Đại tự Kỳ Viên yết kiến Đức Thế Tôn, nàng bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, ở đây, có hai đệ tử của Thế Tôn đồng đẳng về tín, đồng đẳng về giới, đồng đẳng về tuệ, một có bố thí, một không bố thí. Sau khi thân hoại mạng chung, cả hai được sanh lên cõi lành Thiên giới. Giữa hai vị thiên ấy, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì?.

Đức Thế Tôn đáp rằng:

- Nay Sumanā, có sự sai biệt. Người có bố thí khi được làm chư Thiên sẽ vượt qua vị chư Thiên không bố thí năm phương diện: Thiên tuổi thọ, thiên dung sắc, thiên an lạc, thiên danh xưng và thiên quyền lực.

- Bạch Thế Tôn, sau khi mệnh chung trở lại trạng thái nhân loại, có gì khác biệt không?.

- Nay Sumanā, có. Người có bố thí được sinh làm người vượt hơn người không có bố thí được sinh làm người năm phương diện: Nhân tuổi thọ, nhân dung sắc, nhân an lạc, nhân danh xưng và nhân quyền lực.

- Bạch Thế Tôn, nếu cả hai đều xuất gia trong Giáo pháp này, có gì khác biệt không?.

- Nay Sumanā, có. Người có bố thí khi xuất gia trong Giáo pháp này vượt hơn người không có bố thí xuất gia trong Giáo pháp này năm phương diện: Thường được yêu cầu nhận y, thường được yêu cầu nhận vật thực, thường được yêu cầu nhận sàng tọa, thường được yêu cầu nhận thuốc trị bệnh và được các bậc Đồng Phạm hạnh mến mộ.

- Bạch Thế Tôn, nếu hai vị đều chứng Thánh quả ALaHán thì có gì sai khác không?.

- Nay Sumanā, hai vị đều chứng Thánh quả ALaHán thì không có gì sai khác, tức là so sánh với giải thoát⁽²⁾.

Bản Sớ giải có giải thích như sau.

Sở dĩ nàng Sumanā có các câu hỏi trên, vì nàng nghe được câu chuyện giữa hai bé trai sơ sinh được đặt kề nhau trong cung, một bé trai là hoàng tử, bé trai kia là con của một cung nữ.

Hai đứa bé này, nguyên trước là hai vị Tỳkhuu tu tập trong thời Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa.

Một vị thực hành “*cúng dường đến chư Tăng (sārāṇiyadhammapūra)*”, tức là khi đi khất thực có những vật thực tốt vị ấy thường trích ra cúng dường đến các vị Tỳkhuu đồng Phạm hạnh.

Còn vị Tỳkhuu kia thực hành hạnh “*ăn một chỗ ngồi (bhattagapūra)*”, sau khi dùng xong thì ra về.

Vị Tỳkhuu có cúng dường đến chư Tăng khuyên bạn:

- Bạn nên cúng dường vật thực tốt đến các bậc Đồng Phạm hạnh.

Nhưng vị kia không nghe.

(1)- DhA. iii. 121.

(2)- A.iii. 32.

Mệnh chung, cả hai vị đều sinh về Thiên giới, vị có bố thí hơn vị không bố thí năm phương diện.

Mệnh chung từ thiên giới tái sinh về nhân loại, vị có bố thí tái sinh là Từ hoàng, còn vị không có bố thí tái sinh là con một nàng cung nữ.

Cả hai cậu bé cùng chào đời trong một ngày và được đặt nằm bên nhau, vị Từ hoàng được che mát bên trên là cây cọng trắng 9 tầng, còn vị kia thì không. Do phước riêng nên hai cậu bé nhớ lại tiền kiếp, nên vị Từ hoàng nói với cậu bé kia rằng:

- Nay bạn, vì bạn không nghe lời tôi nên mới thua kém như vậy. Ngay trong kiếp chur thiên bạn cũng thua kém, nay tái sinh về nhân loại bạn cũng thua kém.

Cậu bé kia nói rằng:

- Nay bạn, nơi nào cũng chỉ là đất nước gió lửa mà thôi”.

Nàng Sumanā tình cờ nghe được sự bàn luận của hai cậu bé, suy nghĩ: “Hai đứa bé này vừa sinh ra đã nói được, lại nói những lời theo đúng chân pháp. Có lẽ tiền thân hai đứa bé này là người trong giáo pháp này”.

Nhưng nàng không dám nói ra, vì e ngại mọi người cho hai đứa bé bị quỷ nhập sẽ sát hại chúng. Nàng suy nghĩ: “Ta sẽ đến đánh lễ Đức Thế Tôn và hỏi về chuyện này”.

Và lập tức nàng ra lệnh thặng 500 cỗ xe của mình, cùng với 500 cung nữ tùy tùng đến Đại tự Kỳ Viên bạch hỏi Đức Thế Tôn vấn đề này⁽¹⁾.

b- Một số nữ cận sự ưu tú nơi thành Sāvatti .

Ngoài nàng Sumanā ra, nơi thành Sāvatti (XáVệ) còn có những cận sự nữ ưu tú khác như:

*Nàng *Visākhā* (sẽ trình bày ở tập sau).

*Nàng *Mallikā* (sẽ trình bày ở những tập sau).

*** Mẹ nàng *Kāṇā* và nàng *Kāṇā*.**

Mẹ nàng *Kāṇā* (*Kāṇamātā*) và nàng *Kāṇā* là hai nữ cư sĩ ưu tú của Đức Thế Tôn trong thành Sāvatti (XáVệ).

Hai người thường xuyên thọ trì ngày Bối sát (*uposatha*)⁽²⁾, nàng được gọi là *Kāṇā* vì có nhan sắc xinh đẹp, ai nhìn thấy cũng cảm mến (*ye ye taṃ passanti, tete rāgena kāṇā honti*)⁽³⁾.

Trước khi trở thành nữ cận sự ưu tú, nàng *Kāṇā* được gả cho người chồng ở một ngôi làng ngoài thành Sāvatti (XáVệ).

Có lần nàng *Kāṇā* về thăm mẹ do một vài công việc cần thiết, sau đó người chồng nhắn tin rằng: “*Kāṇā* hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của nàng *Kāṇā*”. Mẹ nàng *Kāṇā* suy nghĩ: “Thật hổ thẹn khi *Kāṇā* trở lại nhà chồng với bàn tay trống”, nên làm bánh ngọt để nàng *Kāṇā* mang về nhà chồng.

Khi bánh chín, có vị Tỳkhuu đi khất thực đến đứng trước cửa nhà, mẹ nàng *Kāṇā* bảo nàng *Kāṇā* mang bánh ngọt đến cúng dường vị Tỳkhuu.

Vị Tỳkhuu sau khi đi ra khỏi nơi ấy, thông báo đến vị Tỳkhuu bạn rằng:

- Hãy đến nhà mẹ nàng *Kāṇā*, hiền giả sẽ nhận được loại bánh ngọt thơm ngon.

Vị Tỳkhuu thứ 2 đi đến nhà mẹ nàng *Kāṇā* và được cúng dường bánh ngọt. Vị này lại thông báo đến vị Tỳkhuu thứ ba..., rồi thứ tư ...

Số bánh ngọt để nàng *Kāṇā* mang về nhà chồng được cúng dường đến 4 vị Tỳkhuu nên không còn.

(1)- AA. ii. 595 .

(2)- AA. ii. 791.

(3)- Sp.iv. 819.

Lần thứ nhì, chồng nàng Kāṇā lại nhắn tin rằng: “Kāṇā hãy trở về. Tôi muốn sự trở về của nàng Kāṇā”. Mẹ nàng Kāṇā lại nấu bánh ngọt để nàng Kāṇā mang về nhà chồng, nhưng rồi mẹ nàng Kāṇā lại cúng dường bánh ngọt đến bốn vị Tỳkhuu (như lần trước), nên số lượng bánh ngọt không còn.

Đến lần thứ ba, chồng nàng Kāṇā nhắn tin cho nàng Kāṇā trở về, nói rằng: “Nếu nàng Kāṇā không về, tôi sẽ cưới vợ khác”.

Lần này cũng như hai lần trước, số lượng bánh ngọt để nàng Kāṇā mang về nhà chồng, được cúng dường đến bốn vị Tỳkhuu, nên không còn.

Chồng nàng Kāṇā cưới cô vợ khác, nàng Kāṇā buồn khổ khóc than.

Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn sau khi vận y phục tề chỉnh, tay cầm lấy y bát đi đến nhà mẹ nàng Kāṇā, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn.

Mẹ nàng Kāṇā đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

- Vì sao nàng Kāṇā than khóc như vậy?

Mẹ nàng Kāṇā trình bạch lên Đức Thế Tôn mọi việc. Đức Thế Tôn với pháp thoại khuyến khích, sách tấn làm hân hoan đến nữ cư sĩ mẹ nàng Kāṇā, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về⁽¹⁾.

Bản Sớ giải kinh Pháp cú có chi tiết như sau.

Khi chồng nàng Kāṇā cưới vợ khác, nàng Kāṇā căm giận các vị Tỳkhuu, cho rằng: “Tại những vị Samôn này, nên hạnh phúc của ta bị gây đổ”.

Khi thấy mặt các vị Tỳkhuu, nàng si vả, mắng nhiếc: “Những ông này đã phá hoại hạnh phúc của ta”.

Các vị Tỳkhuu không dám đi trên con đường ấy nữa.

Đức Thế Tôn biết được sự việc, Ngài đi đến nhà mẹ nàng Kāṇā. Mẹ nàng Kāṇā đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, thỉnh Ngài ngự vào nhà ngồi vào nơi được soạn sẵn cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn.

Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn hỏi mẹ nàng Kāṇā rằng:

- Đây bà cận sự, nàng Kāṇā đâu rồi.

- Bạch Thế Tôn, Kāṇā thấy Đức Thế Tôn, nó hổ thẹn đang đứng khóc một mình.

- Vì sao thế?

- Bạch Thế Tôn, vì nó mắng chửi các vị Tỳkhuu, nên khi thấy Đức Thế Tôn nó hổ thẹn.

- Hãy nhân danh Như Lai gọi nàng Kāṇā đến đây.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Nàng Kāṇā đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn hỏi:

- Đây Kāṇā, vì sao nàng đứng một mình than khóc?.

Mẹ nàng Kāṇā trình lên Đức Thế Tôn mọi việc, Đức Thế Tôn hỏi mẹ nàng Kāṇā rằng:

- Đây mẹ nàng Kāṇā, như thế nào? Trong việc này các Tỳkhuu đệ tử Như Lai nhận vật thực dâng cúng, hay chưa được dâng cúng?.

- Bạch Thế Tôn, vật thực được cúng dường.

- Đây mẹ nàng Kāṇā, vị Tỳkhuu khát thực, đứng trước nhà người, nhận vật thực được cúng dường. Như vậy vị Tỳkhuu ấy có lỗi chăng?

- Bạch Thế Tôn, vị ấy không có lỗi chi cả.

- Đây nàng Kāṇā, như vậy các Tỳkhuu đệ tử Như Lai có lỗi chăng?

- Bạch Đức Thế Tôn, các vị ấy không có lỗi. Chỉ có con là người có lỗi.

Nàng Kāṇā sám hối tội trước Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn thuyết lên tuần tự Pháp, tiếp theo Ngài nói lên bốn sự thật.

⁽¹⁾- ĐĐ. Indacanda (d). Luân Phân tích Giới Tỳkhuu II. số 494.

Chấm dứt Pháp thoại, nàng Kāṇā an trú trong Thánh quả Dự Lưu.

Rồi Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, khi Ngài đi ngang qua Hoàng cung, vua Pasenadi đứng trên lầu 7 của Hoàng cung nhìn thấy Đức Thế Tôn, Đức vua Pasenadi ra khỏi Hoàng cung đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, chẳng hay Thế Tôn từ đâu đến đây vậy?

- Này Đại vương, Như Lai từ nhà mẹ nàng Kāṇā trở về.

- Bạch Thế Tôn, có việc gì vậy?

- Này Đại vương, vì nàng Kāṇā mắng chửi các Tỳkhuu, đệ tử Như Lai, nên Như Lai đến đó.

- Như vậy, bạch Thế Tôn, nàng Kāṇā đã im lặng rồi phải chăng?

- Đúng vậy, này Đại vương, Như Lai khiến nàng Kāṇā không còn mắng nhiếc các Tỳkhuu nữa, đồng thời Như Lai còn ban cho nàng tài sản bậc Thánh (lokuttarakuṭuma).

- Bạch Thế Tôn, Ngài đã ban cho nàng Kāṇā tài sản bậc Thánh, tôi sẽ ban cho nàng Kāṇā tài sản thế tục (lokiyakuṭuma).

Đức vua Pasenadi đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi trở lại Hoàng cung.

Đức vua cho cỗ xe của Hoàng gia đến rước nàng Kāṇā về Hoàng cung, bảo các cung phi trang điểm cho nàng thật xinh đẹp, ban cho nàng những trang sức quý đeo trên người, nhận nàng Kāṇā là con gái của mình.

Hôm sau, Đức vua Pasenadi cho hội các vị Đại thần đến, nói rằng:

- Này các Đại thần, đây là Kāṇā con gái của ta. Ai có thể nuôi dưỡng được nàng, hãy nhận lấy nàng.

Khi ấy có vị Đại thần Tế lễ sư thưa rằng:

- Thưa Đại vương, tôi xin lãnh nàng Kāṇā.

Vị Đại thần Tế lễ sư mang nàng Kāṇā về lầu đài của mình, nhận nàng làm con gái, nói rằng:

- Này con, những tài sản này thuộc về của con, con hãy tùy ý sử dụng.

Nàng Kāṇā cho nhiều gia nhân đứng canh giữ cửa lầu đài, khi nào thấy các Tỳkhuu hay Tỳkhuu đi khát thực báo nàng biết, để nàng cúng dường vật thực đến các Ngài, Nhưng nàng không hề gặp được vị Tỳkhuu hay Tỳkhuu ni nào đi khát thực ngang qua lầu đài của nàng cả.

Nhưng từ khi ấy, mọi người đều biết đến hạnh bố thí của nàng Kāṇā.

Theo Tập *Samantapāsādikā*, chuyện nàng Kāṇā có chi tiết khác chút ít là: “Khi nghe Đức Thế Tôn đến Giáo giới nàng Kāṇā, chồng nàng hồi tâm đến rước nàng về nhà”⁽¹⁾.

Có lần, nơi Giảng Pháp đường, các vị Tỳkhuu ngồi bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền, Phật lực thật là vô biên, nàng Kāṇā trước mắng chửi các Tỳkhuu nhiều điều. Đức Thế Tôn đến nhà nàng đã khiến nàng trở nên thuận tín, nhưng hiện nay nàng muốn có vị Tỳkhuu hay Tỳkhuu ni đi khát thực đến lầu đài của mình cũng không hề có được.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, hỏi các vị Tỳkhuu rằng:

- Này các Tỳkhuu, các người đang thảo luận về đề tài gì? Vấn đề gì được khởi lên ở đây?

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn đề tài đang thảo luận, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, không phải hiện tại bốn Tỳkhuu này làm cho nàng Kāṇā phải khổ sầu, trong quá khứ cũng từng như thế rồi.

⁽¹⁾- Sp.iv. 819.

Này các Tỳkhuu, không phải đây là lần đầu tiên Như Lai khiến nàng Kāṇā phải vâng lời, trong quá khứ cũng đã như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Babbu, với kệ ngôn mở đầu là.

Yattheko labhati babbu; dutiyo tattha jāyati.

Tatiyo ca cattuttho ca; idante babbukā bilanti:

“Nơi đó được con mèo; con thứ hai sinh lên nơi đó.

Con thứ ba và thứ tư; ở đây những con mèo bị chết”.

Dứt Pháp thoại Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn.

82- Yathāpi rahado gambhīro; vippasanno anāvilo.

Evam dhammāni sutvāna; vippasīdanti paṇḍitā.

“Như lòng sâu biển hồ; yên lặng không nhiễm ô.

Khi đã nghe Chánh pháp; tâm trí giả thanh tịnh” (HT.TMC d).

Dứt kệ ngôn nhiều vị chứng đắc Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

Cũng do sự kiện bốn vị Tỳkhuu lần lượt đến nhà mẹ nàng Kāṇā nhận bánh ngọt, cùng với sự kiện sau đây khởi lên.

Trong Tạng Luật có ghi nhận.

Một cận sự nam dự định đi chung với đoàn xe đi từ thành Rājagaha về hướng Tây. Cận sự nam chuẩn bị bánh lúa mạch để dự phòng đi đường xa.

Có vị Tỳkhuu đến đoàn xe khất thực, cận sự nam cúng dường bánh lúa mạch đến vị Tỳkhuu, vị Tỳkhuu sau khi ra đi thông báo đến vị Tỳkhuu khác, vị cận sự nam lại cúng dường bánh lúa mạch đến vị thứ hai. Rồi vị thứ ba vị thứ tư ...

Khi ấy lương thực dự phòng của cận sự nam đã hết, cận sự nam nói với chủ đoàn xe rằng:

- Thưa các ông, lương thực dự phòng của tôi được cúng dường đến các vị Tỳkhuu. Hãy chờ đến ngày mai, tôi sẽ chuẩn bị lương thực dự phòng đi đường xa.

- Này ông, chúng tôi không thể chờ đợi được.

Và đoàn xe đã khởi hành ngay hôm ấy.

Cận sự nam sau khi chuẩn bị lương thực đi đường xa, lên đường sau.

Bọn cướp dọc đường đã trấn lột, cướp đoạt tài sản của cận sự nam ấy.

Dân chúng ta thán, chỉ trích rằng:

- Vì sao các Samôn Thích tử thọ dụng không biết chừng mực? Cận sự nam này vì cúng dường hết lương thực dự phòng đi đường xa, đi sau đoàn xe nên bị bọn cướp trấn lột cướp hết tài sản.

Kết hợp hai sự kiện này, Đức Thế Tôn chế định học giới cho các vị Tỳkhuu rằng:

“Vị Tỳkhuu đi khất thực, thọ lãnh bánh ngọt hay bánh lúa mạch chỉ nên nhận hai hoặc ba bát. Nếu thọ lãnh qua số lượng, phạm Pācittiya”⁽²⁾.

***Bốn sự Babbu** (con mèo).

Duyên khởi.

Câu chuyện của nàng Kāṇā ở trên.

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī. Bô tát sinh ra trong một gia đình người thợ làm đá, khi trưởng thành Ngài tinh xảo trong nghệ thuật làm đá.

Trong làng có vị Trưởng giả có đại tài sản, ông chôn giấu tài sản trị giá 400 triệu tiền vàng. Vợ Trưởng giả khi sắp mệnh chung bà nhớ đến tài sản

(1)- Dhpa. Câu số 82.

(2)- Vin. iv. 78.

được chôn dấu là 400 triệu tiền vàng, mệnh chung bà tái sinh thành con chuột cái cạnh nơi chôn dấu tài sản.

Vị Trưởng giả sau đó mệnh chung, ngôi làng trở nên hoang phế vắng người.

Riêng Bôtát vẫn ở lại ngôi làng cũ hành nghề làm đá. Con chuột cái khi đi tìm vật thực, nhiều lần trông thấy Bôtát, nó phát sinh tâm luyện ái, nghĩ rằng: “Ta sẽ cùng người này hưởng số tài sản này, nếu không ta cũng phải bỏ chúng lại”.

Một hôm nó ngậm một đồng tiền vàng đi đến Bôtát, nhìn Bôtát rồi thả đồng tiền vàng ra, Bôtát hỏi:

- Đây thân hữu, người cần gì mà mang tiền vàng đến đây?
- Đây chủ, đây là tiền để chủ tiêu dùng, chủ hãy mang thịt đến cho tôi.
- Được rồi, này thân hữu.

Bôtát mua nửa đồng tiền vàng thịt mang đến cho chuột cái. Chuột mang thịt về hang của mình dùng thỏa thích.

Hằng ngày chuột mang đến cho Bôtát một đồng tiền vàng và Bôtát cung cấp thịt cho chuột.

Một hôm trong lúc đi ăn, chuột bị con mèo tóm được, chuột sợ chết nói với mèo rằng:

- Đây chủ, chủ chớ có giết ta.
- Vì sao? Hiện ta đang đói, người chính là lương thực của ta.
- Ngày nào chủ cũng đói hay chỉ đói hôm nay?
- Ta ngày nào cũng đói.
- Chủ có muốn ngày nào cũng no chăng?
- Điều ấy dĩ nhiên là ta muốn.
- Vậy chủ hãy thả tôi đi, mỗi ngày tôi sẽ mang thịt đến cho chủ.

Nghe vậy con mèo thả chuột ra, nói rằng:

- Người hãy giữ lời đấy.

Chuột chia phần thịt của mình ra hai phần, một phần hằng ngày đem đến dâng cho con mèo.

Một hôm nó lại bị con mèo khác bắt. như lần trước nó cũng được thả ra và phải chia thịt đến con mèo thứ hai. Rồi con mèo thứ ba ... con mèo thứ tư... Vì chia thịt đến bốn con mèo, nên chuột không đủ ăn trở nên gầy ốm, suy nhược, lông không còn mượt mịn như trước.

Thấy chuột như vậy, Bôtát hỏi:

- Đây thân hữu, vì sao bạn trở nên tiêu tụy như vậy?

Khi nghe rõ sự việc, Bôtát nói:

- Vì sao bạn không nói cho ta biết. Ta biết cách phải làm sao giúp bạn mà.

Bôtát trở về nhà tạo ra một hang động trong suốt như pha lê, mang đến chỗ chuột nói rằng:

- Bạn hãy nằm trong hang này, khi mèo đến dọa nạt, bạn đừng sợ hãy nặng lời với nó. Hằng ngày ta sẽ mang thịt đến cho bạn.

Chuột nằm trong hang Phalê, một con mèo đi đến hỏi chuột:

- Đây chuột, sao hôm nay người không mang thịt đến cho ta?
- Đây con mèo ác độc kia, tại sao ta phải mang thịt đến cho người. Nếu muốn ăn thịt, người hãy ăn thịt các con mèo con của người đi.

Tức giận, mèo phóng đến định vồ lấy chuột vật chết, nó lao mạnh vào hang Phalê, đầu chạm mạnh vào vách hang bị nứt ra, ngã xuống chết.

Con mèo thứ hai cũng vậy, rồi mèo thứ ba ... con mèo thứ tư...

Từ đó chuột không còn sợ hãi, cùng sống thân ái với Bôtát.

Nhận diện tiền sự.

Chuột nay là nàng Kāṇā; bốn con mèo nay là bốn vị Tỳkhu; người thợ làm đá nay là Đấng Như Lai⁽¹⁾.

3- Sự tiếp rước Đức Thế Tôn của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.

Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhu đến kinh thành Sāvatti (XàVệ) vào lúc xế chiều. Trưởng giả Anāthapiṇḍika đã tổ chức tiếp rước Đức Thế Tôn long trọng theo cách riêng của mình.

Trước tiên, Trưởng giả Anāthapiṇḍika bảo con trai mình là thanh niên Kāla cùng với 500 tùy tùng (là những người con trai của những vị Trưởng giả trong thành Sāvatti) cầm 500 cây cờ lớn, tiếp rước Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhu đi vào Đại tự Kỳ Viên.

Để làm theo ý cha, thanh niên Kāla cùng với 500 thanh niên tùy tùng mặc lễ phục năm màu, đứng phân làm hai bên đường, trên tay mỗi người là cây đại kỳ để tiếp rước Đức Thế Tôn.

Khi Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhu đến nơi được ấn định trước, đoàn đại kỳ tiên phong tiếp rước Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhu.

Kế đến là đoàn thanh nữ có nàng Mahāsubhaddhā là trưởng cùng với 500 nữ tùy tùng của mình (đó là những cô con gái của những Trưởng giả trong thành Sāvatti), trên tay mỗi cô gái là một bình nước thơm với cánh hoa, vừa đi vừa rảy nước thơm cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng (cũng đứng thành hai bên).

Tiếp theo đoàn thanh nữ có nàng Cūlasubbhaddā là trưởng cùng 500 nữ tùy tùng (cũng là những cô con gái của các Trưởng giả trong thành Sāvatti), trên tay mỗi cô cầm bình nước thơm vừa đi vừa rảy nước thơm ...

Tiếp đến là 500 bà Trưởng giả có bà Puññalakkhaṇā (vợ Trưởng giả Cấp Cô Độc) là trưởng. Trên tay mỗi bà là chiếc bát bằng vàng hay bằng bạc, đựng những cánh hoa tươi cùng bột thơm, tung lên không trung cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Ở cuối đoàn tiếp rước chính là Trưởng giả Cấp Cô Độc cùng 500 Trưởng giả, tất cả đều mặc lễ phục Trưởng giả còn nguyên chưa hề mặc.

Khung cảnh khắp khu vực Đại tự Kỳ Viên rực sáng bởi hào quang hoàng kim như vàng ròng tinh anh của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhu đi vào Đại tự Kỳ Viên.

Sau khi Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngồi vào nơi được soạn sẵn nơi Đại tự Kỳ Viên. Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài cùng đại chúng Tỳkhu nhận lời thọ thực vào ngày mai tại tư gia của con.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, Trưởng giả Cấp Cô Độc từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ Đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi từ giã ra về.

Ngày hôm sau, sau khi chuẩn bị sẵn sàng những loại vật thực thượng vị loại cứng, loại mềm hoàn tất. Trưởng giả Cấp Cô Độc gọi sứ giả đến Đức Thế Tôn thông báo giờ.

- Bạch Thế Tôn, vật thực đã chuẩn bị xong.

Đức Thế Tôn sau khi vận y tề chỉnh, tay cầm y bát đi đến tư gia của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Sau khi đến, Ngài ngồi vào nơi được soạn sẵn cùng đại chúng Tỳkhu. Trưởng giả Cấp Cô Độc tự tay làm hải lòng và thỏa mãn hội chúng Tỳkhu có Đức Phật đứng đầu với thức ăn thượng hạng loại cứng loại mềm.

⁽¹⁾- JA. Babbujātaka Chuyện số 137.

Khi đức Thế Tôn thọ thực xong bàn tay đã rời khỏi bình bát, Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến, ngồi xuống ở một bên, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, con tiến hành như thế nào về Jetavanavihāra?

- Nay gia chủ, người hãy dâng Jetavanavihāra đến Tăng chúng tứ phương hiện tại và vị lai.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường Đại tự Kỳ Viên đến Tăng chúng tứ phương hiện tại và vị lai.

Đức Thế Tôn đã tùy hỷ với gia chủ Cấp Cô Độc bằng những kệ ngôn.

1- Sītaṃ uṇhaṃ paṭihanti; tato vālamigāni ca.

Sarīsape ca makase; sisire cāpi vuṭṭhiyo.

“Chúng ngăn ngừa nóng lạnh; và các loài thú dữ.

Các loài rắn, muỗi mòng; luôn các cơn mưa lạnh (từ nơi ấy)”.

2- Tato vātātapo ghore; sañjāto paṭihaññati.

Leṇatthañca sukhatthañca; jhāyituñca vipassitum.

Cơn gió nóng dữ dội; sanh lên bị dội lại (từ nơi ấy).

Sự bố thí trú xá đến hội chúng để hành; thiên định và minh sát”.

3- Vihāradānaṃ saṅghassa; aggamaṃ buddhena vaṇṇitaṃ.

Tasmā hi paṇḍito; poso sampassaṃ atthamattano.

“Dem lại sự nương nấu, đem lại sự an lạc;

đã được chư Phật Đà, ngợi khen là tối thắng”.

Vì thế người trí tuệ, thấy lợi ích cho mình”.

4- Vihāre kāraye ramme; vāsayettha bahussute.

Tesaṃ annañca pānañca; vatthasenāsanāni ca.

Dadeyya ujubhūtesu, vippasannena cetasā..

“Cho xây trú xá đẹp; để các bậc đa văn,

Có thể ngụ nơi ấy;

Nên cúng dường cơm nước, y áo, chỗ trú ngụ

đến các chân tu ấy, có tâm tư thanh tịnh.

5- Te tassa dhammaṃ desenti, sabbadukkhāpanūdanam;

Yaṃ so dhammaṃ idhaññāya, parinibbāti anāsavo”ti.”

Đến người, các vị thuyết pháp, xua mọi khổ đau;

Người thấy pháp đời này, không còn ô nhiễm nữa;

Và chứng ngộ Nípàn”. (ĐĐ Indacanda d).

Sau khi tùy hỷ phước đến Trưởng giả Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi⁽¹⁾.

Trưởng giả Cấp Cô Độc tổ chức lễ Lạc thành Đại tự Kỳ Viên kéo dài 9 tháng⁽²⁾ với kinh phí là 180 triệu tiền vàng.

Như vậy, Trưởng giả đã cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng tất cả là 540 triệu tiền vàng.

Trong thời gian trú ngụ tại Đại tự Kỳ Viên (của lễ hội Lạc thành này), Đức Thế Tôn đã tế độ Tỳkhu Nanda (con bà Di mẫu Gotamī) thoát ra sự say đắm nạng Kalyānī Nandā, bằng cách đưa Ngài Nanda lên cung Trời Tāvatisa (Ba mươi Ba)⁽³⁾.

4- Những vị Thánh ALaHán xuất phát từ lễ hội này.

***Trưởng lão Nandaka** (Đệ nhất Giáo giới Tỳkhu ni)⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Brahmadata**⁽⁵⁾.

(1)- Xem ĐĐ Indacanda (d), Luật Tiểu phẩm II. Số 269 – 271.

(2)- JA. i. 92

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 11).

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 11)

(5)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 5).

***Trường lão Nigrodha⁽¹⁾.**

***Trường lão Ekudāna** (Ekudāniya)⁽²⁾.

***Trường lão Upavāna⁽³⁾.**

***Trường lão Ajina.**

Trong thời Đức Thế Tôn tại tiền, Ngài sinh ra trong một gia đình nghèo nơi kinh thành Sāvattthi (XáVệ), khi sinh ra hài tử được bọc trong tấm da dê rừng, nên được đặt tên là Ajina.

Trong lễ hội Lạc thành Đại tự Kỳ Viên, Ngài chứng kiến được uy nghi và đức độ của Đức Thế Tôn, nên khởi niềm tin xin được xuất gia trong Giáo đoàn. Sau khi xuất gia, Ngài tinh tấn thực hành pháp, không bao lâu chứng đạt Thánh quả ALaHán, vì nghiệp duyên quá khứ, Ngài không có được danh tiếng, ít được biết đến thậm chí một số Sadi khinh thường. Để cảnh tỉnh những Sadi này, Ngài nói lên kệ ngôn.

129- Apī ce hoti tevijjo; maccuhāyī anāsavo.

Appaññātoti nam bālā; avajānanti ajānatā.

“Vị đạt ba mình như vậy; diệt chết, không ô nhiễm.

Những kẻ ngu tít biết; có thể sinh khinh thường”.

130- Yo ca kho annapānassa; lābhī hotidha puggalo.

Pāpadhammopi ce hoti; so nesaṃ hoti sakkato”ti.

“Kẻ nhận được rất nhiều; lợi đắc từ người khác.

Dẫu sống trong ác pháp; vẫn được chúng kính trọng⁽⁴⁾; ⁽⁵⁾”.

Tiền sự.

Trong một kiếp, tiền thân Ngài có cúng dường sữa đặc đến vị Độc Giác Phật Sucintita để vị ấy làm thuốc. Ngài có thể là Trường lão Ghatamaṇḍadāyaka được nói trong tập Ký sự (Apadāna)⁽⁶⁾.

***Trường lão Heraññākāni.**

Trong thời Đức Phật tại tiền, Ngài là con của viên thừa sai trong thành Sāvattthi, đồng thời cầm đầu sử dụng một đám cướp.

Khi cha Ngài mất, Ngài thế chức vụ của cha. Chứng kiến uy đức của Đức Thế Tôn khi Ngài tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên, Ngài khởi sinh tâm tịnh tín, xin xuất gia trong Giáo đoàn, giao chức vụ của mình đến người em.

Tinh cần thực hành pháp, không bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả ALaHán. Ngài đi đến người em trai, khuyên em xuất gia từ bỏ nghề cũ.

Nhưng thấy người em còn thích thú nghề của mình, Ngài khuyến khích sách tấn người em với kệ ngôn sau.

145- Accayanti ahorattā; jīvitam uparujjhati.

Āyu khīyati maccānaṃ; kunnadīnaṃva odakaṃ.

“Đêm ngày chạy trôi qua; mạng sống bị tổn giảm.

Tuổi thọ bị hủy diệt; như nước giòng suối con”.

146- Atha pāpāni kammāni; karaṃ bālo na bujjhati.

Pacchāssa kaṭukaṃ hoti; vipāko hissa pāpako”ti.

“Kẻ ngu làm ác hạnh; không hiểu việc mình làm.

Vê sau bị khổ đau; khi ác nghiệp chín muồi” (HT. TMC d).

Nghe lời khuyên của Ngài, người em xin phép Đức vua nghi việc và xuất gia trong Tăng đoàn, không bao lâu chứng đạt ALaHán⁽⁷⁾.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 10).

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 10).

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 4).

(4) Sakkato.

(5)- Thag. 129 – 130; ThagA. i. 250.

(6)- Ap.ii. 436.

(7)- Tha. 145 – 146; ThagA. i. 266.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân của Ngài Heraññākāni là một người làm công (bhataka).

Khi thấy đệ tử Đức Thế Tôn là Ngài Sujāta đi tìm vải vá chiếc y của mình, người làm công này đã cúng dường đến Ngài Sujāta nửa chiếc y đang mặc trên mình.

Ngài là Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka được nói đến trong tập Apadāna (Ký sự)⁽¹⁾.

***Trưởng lão Adhimutta.**

Ngài sinh ra trong một gia tộc Balamôn Trưởng giả nơi thành Sāvatthi trong thời Đức Phật còn hiện tiền. Ngài không hài lòng với Giáo thuyết Balamôn vì nhận thấy chúng không có cốt lõi.

Trong lễ hội Lạc thành Đại tự Kỳ Viên, Ngài chứng kiến uy đức của Đức Thế Tôn và nghe được Pháp thoại từ Đức Thế Tôn, Ngài xin xuất gia trong Giáo pháp này.

Tinh cần hành pháp, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả ALaHán⁽²⁾. Có nhiều Tỳkhuu lực lưỡng cộng trú với Ngài, các vị ấy lo chăm sóc thân quá đáng, để giáo giới những vị Tỳkhuu này, Ngài nói lên kệ ngôn.

114- Kāyaduṭṭhullagaruno; hiyyamānamhi jīvite.

Sarīrasukhagiddhassa; kuto samaṇasādhutā”ti.

“Thân thô xấu nặng nề; sống hưởng đến từ bỏ⁽³⁾.”

Chăm sóc thân, hưởng dục lạc; từ đâu đạt hạnh Samôn”⁽⁴⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara, tiền thân Ngài là một Balamôn tinh thông ba Tạng Veda (VệĐà), xuất gia tu tập theo đường lối khổ hạnh.

Có lần Balamôn khổ hạnh này được gặp Đức Thế Tôn và ông cúng dường đến Đức Thế Tôn chiếc y bằng vỏ cây của mình, đồng thời nói lên những kệ ngôn tán thán ân đức Phật.

Ngài có thể là Trưởng lão Sabbakittika trong tập Apadāna⁽⁵⁾.

***Trưởng lão Usabha⁽⁶⁾.**

***Trưởng lão Gotama.**

Còn được gọi là Trưởng lão Aparagotama.

Ngài lớn tuổi hơn Đức Thế Tôn, sinh ra trong một tộc học Udicca ở kinh thành Sāvatti.

Ngài là một Balamôn thông thái, thông thạo ba Tạng Veda(VệĐà), là nhà hùng biện lỗi lạc.

Khi Đức Thế Tôn đến kinh thành Sāvatti tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên, trong lễ hội Lạc thành ấy, Balamôn Gotama được nghe Pháp thoại từ Đức Thế Tôn, tâm Balamôn hân hoan xin được xuất gia trong Giáo pháp này.

Ngay trong phòng cạo tóc, Ngài đã chứng đạt Thánh quả ALaHán khi đang cạo tóc.

Sau thời gian dài sống nhiều nơi trong quốc độ Kosala, Ngài trở lại kinh thành Sāvatti. Nhiều thân tộc bạn hữu khi xưa đến viếng thăm Ngài, hỏi Ngài những giáo thuyết trong sạch (*suddhivādā*) đang phổ biến trong dân chúng lúc bấy giờ.

Ngài thuyết lên mười kệ ngôn lập lại lời Đức Thế Tôn dạy⁽¹⁾.

(1)- Ap. ii. 435.

(2)- ThagA. i. 224.

(3)- Hiyyamānamhi.

(4)- Thag. 114.

(5)- Ap.i. 323- 324.

(6)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 10).

***Trưởng lão Subhūti (hai hạnh tối thắng).**

Ngài là con của Trưởng giả Sumana, là em trai của Trưởng giả Cấp Cô Độc. Trong ngày tiếp rước Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu đến kinh thành Sāvattthi, chứng kiến uy đức của Đức Thế Tôn, tâm Subhūti khởi sinh niềm tịnh tín vô biên với Đức Thế Tôn, sau khi nghe Pháp từ Đức Thế Tôn Ngài xin được xuất gia trong Giáo pháp này.

Sau khi thọ Đại giới, Ngài thông hiểu hai loại Mâu đề (Dve mātikā), Ngài xin Đức Thế Tôn đề mục thiền quán, rồi đi vào rừng sống nơi thanh vắng để thực hành pháp.

Ngài triển khai thiền quán dựa trên nền tảng tâm từ (mettā), chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Ngài giảng pháp một cách khách quan chỉ chú ý vào pháp (dhammādiṭṭhāṇa) không chú ý đối tượng (Apuggalādiṭṭhāṇa) sang hay hèn... như cách Đức Thế Tôn đã làm.

Điều này đưa Ngài lên địa vị Tối thắng về hạnh sống được an lạc và thoát khỏi sự ô nhiễm.

Giữa hàng Tứ chúng Đức Thế Tôn tuyên bố rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ araṇavihārīnaṃ yadidaṃ subhūti.

“Này các Tỳkhuu, trong hàng Tỳkhuu đệ tử của Ta, trong các vị trú không có ô nhiễm tối thắng là Subhūti”⁽²⁾.

Giải thích.

**Về hạnh trú không có ô nhiễm (araṇavihārī).*

Các ô nhiễm là rāga (tham ái), dosa (sân)... gọi chung là raṇa (vì sẽ dẫn đến than khóc), các vị Thánh ALaHán điều không còn raṇa, thoát ra khỏi mọi raṇa và các Ngài là những bậc Araṇavihārī (sống không ô nhiễm).

Nhưng khi Giảng pháp đến hội chúng, các Ngài chú ý đến một người nào đó (puggalādiṭṭhāṇa dhammadesanā), hoặc tán thán hay khiển trách.

Riêng Ngài Subhūti khi thuyết pháp, Ngài chỉ đề cập đến những gì Đức Thế Tôn dạy, không chú ý đến bất cứ đối tượng nào.

Do vậy, Đức Thế Tôn ban cho Ngài Subhūti địa vị: *“Tối thắng sống không có ô nhiễm”*.

Trong Uparipañṇāsa pāli có bài kinh *Araṇavibhaṅga* (Phân tích không ô nhiễm) có nêu ra 6 cách *sống an lạc*.

1- *Thực hành theo Trung đạo (Majjhimapaṭipadā).*

Là tránh xa hai cực đoan: Lợi dưỡng và khổ hạnh.

2- *Nhìn theo pháp (dhammādiṭṭhāṇa).*

Tức là nói rằng: Điều này được khen ngợi, điều này đáng bị khiển trách...”; còn nhìn theo người (puggalādiṭṭhāṇa) là nói rằng: “người này đáng được tán thán, người này đáng bị khiển trách ...”.

Nếu nói: “người này đáng được khen ngợi”, là tăng bốc; nếu nói “người này đáng bị khiển trách” là si nhục.

3- *Phát triển an lạc bên trong (ajjhattasukhaṃ).*

Có hai sự an lạc: An lạc bên ngoài (bahiddhāsukhaṃ) là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc được tăng trưởng.

An lạc bên trong là an lạc từ thiên chỉ tịnh và an lạc từ thiên quán minh.

4- *Nói điều có lợi ích đến người.*

Cho dù người đó hiện diện hay vắng mặt.

5- *Nói hay thuyết giảng từ tốn và trôi chảy.*

(1)- Thag. 587-596; ThagA. i. 529

(2)- A.i. 24.

6- *Không tranh cãi về ý nghĩa chế định* (atthapaññatti).

Khi đi khất thực Ngài Subhūti suy nghĩ: “Nếu ta an trú trong đề mục *Từ*, thì điều này sẽ mang lại lợi ích lớn, quả báo lớn cho người cúng dường”.

Nên trên đường đi khất thực hay khi đứng trước cửa nhà tín chủ, Ngài luôn an trú tâm trong đề mục *Từ*, sau đó xuất khỏi thiền mới nhận vật thực cúng dường.

Điều này đưa Ngài lên địa vị tối thắng là “*bậc đáng được cúng dường tuyệt hảo* (dakkhineyyo)”.

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng Tứ chúng, Đức Thế Tôn tuyên bố.

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ dakkhiṇeyyānaṃ yadidaṃ subhūti.

“*Này các Tỳkhuu, trong hàng Tỳkhuu đệ tử của Ta, trong các vị đáng được cúng dường tuyệt hảo tối thắng là Subhūti*”(sđd).

Giải thích.

Những bậc ALaHán khác cũng là bậc đáng nhận lãnh những *vật cúng dường tuyệt hảo* (dakkhineyyo). Mỗi khi đứng trước cửa nhà tín chủ, các vị ALaHán thường an trú tâm trong định nhập, khi xuất khỏi định nhập, các Ngài mới nhận vật thí, vì các Ngài suy nghĩ rằng: “Nếu ta làm như thế, các tín chủ sẽ có được nhiều lợi ích cùng quả báo lớn”.

Các Ngài thanh lọc tâm cho thật trong sạch trước khi nhận vật thí, tuy nội tâm của các Ngài không còn tham, sân, si, phiền não, nhưng trước đó năm trần cảnh: Sắc, thính, hương, vị và xúc có thể còn do tướng mang đến, khiến tâm các Ngài chưa an tịnh, các Ngài an trú tâm trong định như tẩy rửa cho sạch lần cuối, để tâm hoàn toàn trong sáng.

Về điểm này, các vị Đại trưởng lão như Trưởng lão Sāriputta, Trưởng lão Mahā Kassapa... cũng an trú tâm trong đề mục *Từ*, đôi khi tẩy rửa tâm bằng Diệt thọ tướng định. Tuy vậy, các Ngài vẫn gặp phải sự bất bình khởi lên trong tâm của người cúng dường, điển hình Ngài Sāriputta gặp phải sự bất bình của bà Sārī (mẹ của Ngài).

Khi đứng trước cửa nhà tín chủ, Trưởng lão Sāriputta an trú tâm trong thiền cho đến khi tín chủ mang mang vật thực ra, Ngài mới xuất thiền.

Do vậy, đôi khi Ngài Sāriputta còn gặp phải những bất bình nơi tâm thí chủ, điển hình như mẹ của Ngài là bà Sārī.

Còn Trưởng lão Subhūti chỉ xuất khỏi thiền khi thí chủ đi đến trước mặt Ngài, bấy giờ tâm người thí chủ chạm phải luồng tâm từ của Ngài, trở nên nhu nhuyễn, mềm mại và đầy nhiệt tâm trong sự cúng dường vật thí đến Ngài.

Có lần khi du hành sang kinh thành Rājagaha (Vương Xá), Vua Bimbisāra (BìnhSa) nghe tin Ngài đến trú nơi kinh thành, liền đi đến diện kiến Ngài và hứa cúng dường Ngài một am thất để Ngài trú ngụ.

Nhưng Đức vua lại quên, Ngài Subhūti hành thiền ở nơi trống trải. Do hạnh tâm *Từ* của Ngài khiến chư thiên cảm mến và các vị chư Thiên làm mưa không chịu mưa xuống, kinh thành Rājagaha (Vương Xá) bị hạn hán.

Đức vua Bimbisāra chợt nhớ lại lời hứa của mình với Ngài Subhūti. Lập tức Đức vua cho người làm một am thất bằng lá cho Ngài Subhūti, thỉnh Ngài Subhūti ngụ vào am thất.

Khi Ngài Subhūti đi vào am thất thiền tịnh, trời đang nắng bỗng kéo mây đen rồi mưa kéo đến nhưng không lớn hạt.

Muốn chúng dân thoát khỏi hạn hán, Ngài nói lên kệ ngôn kêu gọi thần mưa hãy mưa như ý, Ngài tuyên bố “không có sự sợ hãi nào có đến cho Ngài, dù là bên ngoài hay bên trong”.

1- Channā me kuṭikā sukhā nivātā; vassa deva yathāsukhaṃ.

Cittaṃ me susamāhitaṃ vimuttaṃ; ātāpī viharāmi vassa devā”ti.

“Am thất ta khéo lợp; an lạc gần cận gió.

Thần mưa hãy mưa đi; mưa như ý người muốn.

Tâm ta khéo định tinh; giải thoát, sống tinh cần.

Thần mưa, hãy mưa đi; (Thần mưa, hãy mưa đi) (HT. TMC d)⁽¹⁾.

Trong tập Udāna (Cảm hứng ngữ) có ghi nhận.

Khi ở Đại tự Kỳ Viên, Ngài Subhūti rất nhiệt tâm thực hành thiền định.

Có lần, Ngài ngồi không xa Đức Thế Tôn, an trú tâm vào định không tầm.

Đức Thế Tôn nhìn thấy Ngài Subhūti ngồi *tréo chân* (pallaṅka), lưng thẳng, đang an trú tâm trong định không tầm.

Sau khi thấu hiểu ý nghĩa này, cảm hứng, Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn.

7- Yassa vitakkā vidhūpitā; ajjhattaṃ suvikappitā asesā.

Taṃ saṅgamicca arūpasaññī; catuyogātigato na jātu meti”ti.

“Với ai, tâm quét sạch; nội tâm khéo cắt đứt

Không còn chút dư tàn; vượt qua ái nhiễm ấy.

Đạt được tướng vô sắc; vượt khỏi bốn ách nạn”

Không đi đến thọ sinh”(HT. TMC d)⁽²⁾.

Trong tập Tăng chi kinh (Aṅguttara nikāya) có ghi nhận.

Đức Thế Tôn thuyết đến Ngài Subhūti bài kinh có liên hệ với vị Tỳkhuu Saddha (có niềm tin).

Có lần Ngài Subhūti cùng với vị Tỳkhuu Saddha đến yết kiến Đức Thế Tôn. Sau khi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn hỏi.

- Nay Subhūti , vị Tỳkhuu này là ai?

- Bạch Thế Tôn, Tỳkhuu này là Saddha, con một nam cư sĩ có lòng tin.

Nhân đó Đức Thế Tôn giảng 11 pháp tiêu chuẩn về lòng tin.

Cuối bài kinh, Đức Thế Tôn cho phép Ngài Subhūti cùng với Tỳkhuu Saddha có thể đến viếng Đức Thế Tôn bất kỳ thời điểm nào⁽³⁾.

Ngài Buddhaghosa có giải thích: “Vị Tỳkhuu Sadda này là con trai của Trưởng giả Cấp Cô Độc, là cháu của Trưởng lão Subhūti”⁽⁴⁾.

Tiền sự.

Cách đây 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân Ngài Subhūti sinh vào một gia tộc Balamôn giới hạnh trưởng giả trong thành Hamsavatī, được đặt tên là Nanda.

Tập Apadāna (Ký sự) cho biết, Balamôn Nanda này thuộc tộc họ Kosiya⁽⁵⁾.

Khi thanh niên Nanda trưởng thành, thông thạo ba Tạng Veda (VệĐà), nhận thấy ba Tạng kinh điển này không có cốt lõi.

Sau khi cha mẹ mệnh chung, Balamôn Nanda bố thí hết tài sản của mình, xuất gia làm ẩn sĩ trú ở rặng núi Nisabha, nỗ lực tu tập thiền định, chứng đạt 8 thiền chứng cùng năm pháp thần thông phạm.

Ẩn sĩ tóc bện Nanda có 44 ngàn môn đệ là những thanh niên Balamôn, xuất gia theo ẩn sĩ Nanda tu tập, tất cả đều chứng Thiền và 5 pháp thần thông.

Khi Đức Thế Tôn Padumuttara ngự trú nơi kinh thành Hamsavatī, vào buổi sáng, Đức Thế Tôn Padumuttara đưa Phật trí quán xét thế gian, thấy được duyên lành ALaHán của 44 ngàn ẩn sĩ tóc bện, riêng ẩn sĩ Nanda sẽ trở

(1)- Thag.1.

(2)- Ud. 7.

(3)- Xem A.v. 337. Subhūtisuttaṃ (kinh Subhūti).

(4)- AA. . ii. 865.

(5)- Ap. i. 67.

thành vị Tỳkhuu tối thắng về hạnh “trú không ô nhiễm, sống an lạc” và tối thắng về hạnh “đáng nhận vật thí tuyệt hảo” trong thời Giáo pháp của Đức Chánh giác tương lai.

Sau khi làm sạch sẽ cơ thể, Đức Thế Tôn vận y phục tề chỉnh, tay cầm lấy y bát theo đường hư không đến núi Nisabha, đi đến thảo lư của ẩn sĩ tóc bện Nanda (diễn tiến tương tự như câu chuyện *tiên sự* của Ngài Sāriputta, 44 ngàn ẩn sĩ môn đệ đã kiến tạo những Bảo tọa cúng dường đến Đức Thế Tôn và chư Thánh Tỳkhuu).

Đức Thế Tôn an trú tâm trong định Diệt thọ Tướng, ẩn sĩ tóc bện Nanda hân hoan cầm lọng che nắng cho Đức Thế Tôn suốt 7 ngày.

Sau khi xuất khỏi Đại định, Đức Thế Tôn dạy vị Đại đệ tử có hai hạnh tối thắng là: “Trú không ô nhiễm, sống an lạc” và “xứng đáng nhận vật thí tuyệt hảo” thuyết lên pháp thoại đến các ẩn sĩ tóc bện, liên hệ đến sự cúng dường bảo tọa bằng hoa đến Đấng Như Lai.

Vị Trưởng lão an trú tâm vào Tam Tạng, thuyết lên pháp thoại, nhưng không ai chứng đắc Thánh quả chi cả.

Tiếp đến, Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại với Phật trí, dứt pháp thoại cả 44 ngàn ẩn sĩ tóc bện chứng Thánh quả ALaHán.

Riêng ẩn sĩ tóc bện Nanda không chú tâm nghe Pháp của Đức Thế Tôn, vị ấy mãi chăm chú vào vị Trưởng lão có hai hạnh tối thắng, suy nghĩ rằng: “Vị Tỳkhuu này được Đức Thế Tôn dạy giảng lên Pháp thoại, như vậy không phải là tầm thường. Ta hãy đạt được địa vị như vị Tỳkhuu ấy trong thời Đức Thế Tôn tương lai”. Nên ẩn sĩ Nanda không chứng Thánh quả chi cả.

Cả 44 ngàn vị ẩn sĩ tóc bện xin được xuất gia trong Giáo pháp này, Đức Thế Tôn Padumuttara duỗi cánh tay phải hướng về 44 ngàn ẩn sĩ tóc bện, gọi: *Etha bhikkhavo ... Hã đến đây, này các Tỳkhuu ...*. Và 44 ngàn ẩn sĩ trở thành những vị Thánh Tỳkhuu.

Ẩn sĩ Nanda đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn Padumuttara, rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳkhuu thuyết lên pháp thoại khi nãy là gì trong Giáo pháp này?

- Này ẩn sĩ, đó là một trong những Đại đệ tử của Như Lai, Tỳkhuu ấy tối thắng về hai hạnh: “Trú không ô nhiễm, sống an lạc” và “xứng đáng nhận vật thí tuyệt hảo”.

- Bạch Thế Tôn, với hạnh sự con cầm lọng che nắng cho Đức Thế Tôn suốt 7 ngày qua, xin cho con đạt được địa vị như vị Tỳkhuu ấy trong thời Giáo pháp của Đức Chánh giác tương lai.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri rằng: “Sau 100 ngàn kiếp trái đất kể từ kiếp trái đất này, hạnh nguyện của thiện gia nam tử này sẽ thành hiện thực trong thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác Gotama”.

Rồi Đức Thế Tôn Padumuttara cùng đại chúng Tỳkhuu theo đường hư không trở lại kinh thành Hamsavatī.

Hậu thân ẩn sĩ Nanda là vị chúa cõi trời 80 lần⁽¹⁾.

Về sau, hậu thân ẩn sĩ Nanda có 500 kiếp liên tục xuất gia làm ẩn sĩ, sống một mình trên núi Nisabha, tu tập thiền tịnh.

***Trưởng lão Dhammīla.**

Ngài là một Bàlamôn trong xứ Kosala (KiềuTấtLa), trong lễ hội Lạc thành Đại tự Kỳ Viên, chứng kiến uy đức vô song của Đức Thế Tôn, Bàlamôn Dhammīla phát sinh tâm cảm phục, xin được xuất gia trong Giáo đoàn.

⁽¹⁾- AA. i. 124 ; ThagA. i. 17 ; UdA. 348 .

Sau khi thọ Đại giới, Ngài đi đến một Tự viện nơi sinh trưởng của mình để trú ngụ. Tại nơi ấy, đối với Tỳkhuu khách đến viếng Tự viện, Ngài Dhammila thường mắng nhiếc (akkosati), quở trách (paribhāsati), gây khó chịu (vihimsati), châm biếm (vitudati)...

Các vị Tỳkhuu khách bỏ đi, Tỳkhuu Dhammila sống một mình. Rồi cư dân nơi ấy đã yêu cầu Tỳkhuu Dhammila ra khỏi trú xứ ấy.

Ngài Dhammila đã bị cư dân nơi trú ngụ (là những vùng thuộc nơi sinh trưởng của Tỳkhuu Dhammila) tẩn xuất 7 lần.

Tỳkhuu Dhammila sau khi bị tẩn xuất 7 lần ở 7 nơi thuộc vùng sinh trưởng của mình, Ngài tìm đến Đức Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi núi Gijjhakūṭa (Kên kên) gần thành Rājagaha. Đức Thế Tôn khiển trách Ngài Dhammila không gìn giữ *cây Pháp* (rukkhadhamma) bằng những mẫu chuyện quá khứ, hậu quả là: "nhận lãnh kết quả xấu, vì nhục mạ kẻ khác".

Tiếp theo Đức Thế Tôn dạy Tỳkhuu Dhammila phải gìn giữ Samôn pháp là gìn giữ *cây Pháp*⁽¹⁾.

Bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão Tăng (Theragāthā- Atthakathā) giải thích có khác chút ít là.

Các vị Tỳkhuu khách bỏ đi, Ngài Dhammila sống một mình nơi Tự viện ấy. Một cư sĩ đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, trình bày sự việc lên Đức Thế Tôn. Ngài cho gọi Tỳkhuu Dhammila đến, sau khi khiển trách Ngài Dhammila, Đức Thế Tôn nói lên ba kệ ngôn.

303- Dhammo have rakkhati dhammacāriṃ;

dhammo suciṇṇo sukhamāvahati,

Esānisamso dhamme suciṇṇe;

na duggatiṃ gacchati dhammacārī.

"Pháp che chở hộ trì, người hành trì chánh pháp;

Pháp đem lại an lạc, cho người khéo hành pháp.

Đây là những lợi ích, khi pháp khéo hành trì;

người hành trì chánh pháp; không đi xuống ác thú."

304- Nahi dhammo adhammo ca; ubho samavipākino.

Adhammo nirayaṃ neti; dhammo pāpeti suggatiṃ.

"Cả hai pháp, phi pháp; kết quả không giống nhau.

Phi pháp dẫn địa ngục; pháp đưa đến cõi lành".

305- Tasmā hi dhammesu kareyya chandaṃ;

iti modamāno sugatena tādina.

Dhamme ṭhitā sugatavarassa sāvakā;

nīyanti dhīrā saraṇavaraggagāmino.

"Do vậy, đối Chánh pháp, khởi ý muốn hành trì;

Tâm tư sinh hoan hỷ, khéo thiện lai như vậy.

Vững trú trên chánh pháp, đệ tử Bạc Thiện Thệ;

Sáng suốt tiến bước lên, nương nhờ bậc tối thượng".

Ngài Dhammila đưa tâm quán xét theo lời Phật dạy, khi vừa dứt ba kệ ngôn Ngài chứng Thánh quả ALaHán.

Để tuyên bố lên Thánh trí của mình, Ngài lập lại ba kệ ngôn trên và nói thêm kệ ngôn thứ tư.

306- Phoṭṭito gaṇḍamūlo; taṇhājālo samūhato.

So khiṇasamsāro na cattī kiñcanaṃ;

Cando yathā dosinā puṇṇamāsiya^{nti}.

"Phá vỡ cột ung nhọt, nhổ lên lưới ái trần;

(1)- Xem A.iii. 366.

luân hồi được đoạn tận, không còn có sanh y.
Nhu trắng vào ngày rằm;
trong đêm thanh trong sáng” (HT.TMC d)⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Thế Tôn Sikhī, tiền thân Ngài Dhammila là một thợ săn, từng được nghe Đức Thế Tôn giảng pháp cho thiên chúng trong rừng⁽²⁾.

Ngài có thể là Ghosasañña được nói đến trong tập Ký sự (Apadāna)⁽³⁾.

***Trưởng lão Sabbamitta.**

Trong thời Đức Phật tại tiền, Ngài sinh ra nơi kinh thành Sāvatti thuộc một gia tộc Balamôn, được đặt tên là Sabbamitta.

Chúng kiến uy đức vô song của Đức Thế Tôn trong lễ hội Lạc thành Đại tự Kỳ Viên, Ngài xin được xuất gia trong Tăng đoàn.

Sau khi thọ đại giới, Ngài xin đề mục thiền quán từ Đức Thế Tôn, rồi đến khu rừng vắng trú ngụ để thực hành pháp.

Khi mãn mùa an cư, Ngài lên đường đi đến kinh thành Sāvatti để đánh lễ Đức Thế Tôn.

Trên đường đi, Ngài thấy con nai con bị sa vào bẫy của người thợ săn, nai mẹ không bị sa bẫy, nhưng thương con nên không đi xa bẫy cũng không dám đến gần bẫy, trong khi nai con đau đớn lăn lộn kêu lên những tiếng kêu thảm thiết, nai mẹ chảy nước mắt. Ngài Sabbamitta suy nghĩ: “Ôi! Tình thương đã đem lại đau khổ cho các loài hữu tình”.

Đi xa hơn nữa, Ngài chứng kiến một bọn cướp đang vẩn rơm chung quanh một người để thiêu sống tế thần rừng của chúng. Người ấy lăn lộn trên đất van xin bọn cướp tha mạng.

Trưởng lão Sabbamitta kinh cảm đối với sự khổ trước hai sự kiện trên, đưa tâm quán sát khổ não và chúng đắc Thánh quả ALaHán.

Ngài nói lên hai kệ ngôn để giáo giới bọn cướp.

149- Jano janamhi sambaddho; janamevassito jano.

Jano janena heṭhīyati; heṭheti ca jano janam.

“Người trói buộc người; người bám víu vào người.

Người bị người làm hại⁽⁴⁾; và người làm hại người”.

150- Ko hi tassa janenattho; janena janitena vā.

Janam ohāya gaccham tam; heṭhayitvā bahum jana”nti.

“Lợi ích gì người ấy; hay con cháu người sinh?

Hãy bỏ⁽⁵⁾ người ấy đi; người làm hại nhiều người” (HT. TMC d)⁽⁶⁾

Nghe lời Giáo giới của Ngài Sabbamitta, tên chánh đảng cảm thấy xúc động tâm liền thả người tử tội ra.

Sau đó, tất cả đều từ bỏ đời sống thế tục xin được xuất gia theo Ngài Sabbamitta thực hành Chánh pháp.

Tiền sự.

Vào thời Đức Thế Tôn Tissa, tiền thân Ngài Sabbamitta là người thợ săn. Một hôm, vì lòng bi mẫn với người thợ săn, Đức Thế Tôn đi vào khu rừng có người thợ săn này, Ngài lưu lại ba dấu chân nơi chồi lá của người thợ săn, rồi đến một cội cây cổ thụ để thiền tịnh.

(1)- Thag. 303- 306.

(2)- ThagA. i. 396.

(3)- Ap. ii. 451.

(4)- Heṭhīyati

(5)- Ohāya.

(6)- Thag. 149 – 150.

Nhìn thấy ba dấu chân của Đức Thế Tôn, người thợ săn biết: “Đây là dấu chân của bậc Đại nhân” (do nhờ tạo những hạnh lành trong quá khứ), y lần theo tìm thấy Đức Thế Tôn Tissa đang thiền tịnh nơi cội cổ thụ.

Người thợ săn khởi tâm tịnh tín, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi cúng dường đến Ngài những cánh hoa *koranda* xinh đẹp.

Mệnh chung, hậu thân người thợ săn tái sinh về cõi Tāvatisa⁽¹⁾.

Ngài là Trưởng lão Sugandha được đề cập trong tập Ký sự (Apadāna), kệ ngôn của Ngài trong tập Apadāna được gọi là *Koraṇḍapupphiyagāthā*⁽²⁾.

***Trưởng lão Rāmaneyyaka.**

Trong thời Đức Thế Tôn tại tiền, Ngài sinh ra trong một gia tộc Trưởng giả nơi thành Sāvatti (XáVệ).

Trong lễ cúng dường Đại tự Kỳ Viên đến Đức Thế Tôn do Trưởng giả Cấp Cô Độc tổ chức. Ngài hoan hỷ với phước cúng dường Đại tự của Trưởng giả, đồng thời được nghe Pháp thoại từ Đức Thế Tôn, xin được xuất gia trong Giáo đoàn; sau khi thọ giới Tỳkhuu, Ngài đi vào nơi thanh vắng, nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Vì gương mặt khả ái cùng với hạnh dễ mến của Ngài, các vị Tỳkhuu gọi Ngài là Rāmaneyyaka (hạnh khả ái dễ thương).

Một hôm khi Ngài trú trong rừng thiền tịnh, Māra (Ác ma) muốn dọa nạt Ngài, đã phát ra tiếng động lớn, Ngài biết là Māra, nên nói lên kệ ngôn.

Cihacihābhīnadite; sippikābhīrutehi ca.

Na me taṃ phandati cittaṃ; ekattanirataṃ hi me”ti.

“Dù tiếng người hò hét; tiếng náo động chim muông.

Tâm ta không giao động; ta ưa thích độc cư” (HT. TMC d).

Tiên sự.

Vào thời Đức Phật Sikhī, tiền thân Ngài có cúng dường hoa đến Đức Phật. Vào 29 kiếp trái đất trước, tiền thân của Ngài là Đức vua có vương hiệu là Sumedhayasa⁽³⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Minelapupphiya trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

***Trưởng lão ni Sakulā (Tối thắng về Thiên nhân).**

(Lần Kết tập Phật ngôn lần thứ VI tại Rangoon, Bản Sớ giải kinh Tăng chi (Aṅguttara nikāya – atthakathā) của Miến Điện gọi bà là Bakulā.

Bản Sớ giải Kệ ngôn Trưởng lão ni (Therīgāthā- atthakathā) của Miến Điện gọi bà là Sakulā.

Bản Sớ giải kinh Tăng chi của Sri Laṅkā (Tích Lan) gọi bà là Sakulā).

Trong thời Đức Thế Tôn tại tiền, bà tái sinh vào gia tộc Balamôn trưởng giả danh tiếng trong thành Sāvatti, được đặt tên là Sakulā.

Trong lễ hội Lạc thành Đại tự Kỳ Viên, bà nghe được pháp thoại từ Đức Thế Tôn, bà trở thành cận sự nữ của Giáo pháp này.

Về sau bà được Pháp thoại từ vị Thánh ALaHán, bà sinh khởi tâm kích cảm (saṃvegacitta), xin được xuất gia vào Ni đoàn.

Sau khi thọ Đại giới, bà nỗ lực thực hành thiền tịnh chứng đạt Thiên nhân thông, phát triển tuệ quán chứng đắc Thánh quả ALaHán.

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng Tứ chúng Đức Thế Tôn ban cho Tỳkhuu ni Sakulā địa vị tối thắng trong hàng Tỳkhuu ni về hạnh Thiên nhân.

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvikanāṃ bhikkhunīnaṃ dibbacakkhukānaṃ yadidaṃ sakulā:

(1)- ThagA. i. 269.

(2)- Ap. ii. 383, 434.

(3)- ThagA. i. 120; Thag. Câu số 49.

(4)- Ap. i. 203.

“*Này các Tỳkhuu, trong hàng Tỳkhuu ni đệ tử của Như Lai, tối thắng về thiên nhãn là Sakulā*”⁽¹⁾.

Khi suy tư đến sự chứng đạt của mình, bà hân hoan nói lên năm kệ ngôn như sau⁽²⁾.

97- Agārasmiṃ vasantīhaṃ; dhammaṃ sutvāna bhikkhuno.

Addasaṃ virajaṃ dhammaṃ; nibbānaṃ padamaccutaṃ.

“*Khi sống ở gia đình; nghe Tỳkhuu thuyết pháp.*

Ta thấy pháp vô uế; được Nípàn bất tử.

98- Sāhaṃ puttaṃ dhītarāñca; dhanadhaññañca chaḍḍiya.

Kese chedāpayitvāna; pabbajīṃ anagāriyaṃ.

“*Từ bỏ con trai, gái; cả tài sản lúa gạo.*

Cạo tóc ta xuất gia; sống đời sống không nhà”.

99- Sikkhamānā ahaṃ santi; bhāventī maggamañjasaṃ.

Pahāsiṃ rāgadosañca; tadekaṭṭhe ca āsave.

“*Ta làm người học nữ; tu tập con đường chánh.*

Đoạn tận tham và sân; đoạn từng ô nhiễm một”.

100- Bhikkhunī upasampajja; pubbajātimanussariṃ.

Dibbacakkhu visodhitāṃ; vimalaṃ sādhubhāvitāṃ.

“*Thọ giới Tỳkhuu ni; Ta nhớ đời quá khứ.*

Thiên nhãn ta thanh tịnh; không uế, khéo tu tập”.

101- Sañkhāre parato disvā; hetujāte palokite.

Pahāsiṃ āsave sabbe; sītibhūtāmi nibbutā”ti.

“*Thấy các hàng ngoại diệu*⁽³⁾; *do nhân sinh biến hoại.*

Ta đoạn mọi ô nhiễm; mát lạnh ta tịch tịnh”(HT. TMC d).

Tiền sự.

Cách trái đất này trở về trước 100 ngàn kiếp, vào thời Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân bà Sakulā là Công nương Nandā, con của Đức vua Ānanda.

Công nương Nandā là em cùng cha khác mẹ với Bồ tát Padumuttara.

Khi trưởng thành, nhân dịp chứng kiến Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho một vị Tỳkhuu ni địa vị “đệ nhất Thiên nhãn thông”.

Công nương Nandā có ước vọng mãnh liệt về địa vị tối thắng ấy, nàng cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn Padumuttara cùng 68 ngàn vị Tỳkhuu trọn 7 ngày. Vào ngày thứ 7, Công nương Nandā phát nguyện dưới chân Đức Thế Tôn Padumuttara, thành tựu được địa vị “đệ nhất thiên nhãn thông” trong thời Giáo pháp bậc Chánh Giác tương lai.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri: “Sau 100 ngàn kiếp trái đất nữa, ước nguyện nữ gia chủ này sẽ thành hiện thực trong thời Đức Thế Tôn Gotama”.

***Nữ tu sĩ lang thang.**

Công nương Nandā tạo thiện nghiệp trong suốt cuộc sống ấy, mệnh chung nàng tái sinh về Thiên giới.

Suốt 100 ngàn kiếp trái đất hậu thân Công nương Nandā chỉ có hai sinh thú: Người và chư thiên.

Vào thời Đức Thế Tôn Kassapa, hậu thân Công nương tái sinh về nhân giới, là con gái trong một gia tộc Balamôn.

Nhân nghe được Pháp thoại từ Đức Thế Tôn Kassapa, bà xuất gia trở thành Tỳkhuu ni trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa.

Vị Tỳkhuu ni này tìm nơi thanh vắng để thực hành pháp.

(1)- A.i. 25.

(2)- Thig. 99-101.

(3)- Parato disvā.

Sau khi Đức Thế Tôn Kassapa viên tịch, đại chúng kiến tạo Bảo tháp bằng vàng ròng để tôn thờ Xá Lợi Đức Thế Tôn.

Vào một ngày nọ, vị Tỳkhuu ni này phát sinh được đầu đốt đèn, bà mang đầu đến cúng dường Bảo tháp Xá Lợi suốt đêm.

Mệnh chung, bà tái sinh về cõi Tāvatiṃsa.

Giữa hai thời Đức Phật (từ Đức Phật Kassapa đến Đức Phật Gotama), hậu thân vị Tỳkhuu ni này chỉ sống trên Thiên giới.

Đến thời Đức Thế Tôn Gotama hiện tại, hậu thân vị nữ ni tái sinh vào gia tộc Balamôn danh tiếng trong thành Sāvatti, như đã nói ở trên⁽¹⁾.

D- Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Tiền sự.

Cách kiếp trái đất này trở về trước 100 ngàn kiếp (trái đất). Vào thời Giáo pháp của Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa) đang chiếu sáng thế gian, tiền thân Trưởng giả Anāthapiṇḍika là một Đại trưởng giả trong thành Hamsavati, được nghe pháp từ Đức Thế Tôn Padumuttara, Đại trưởng giả trở thành cận sự nam trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Padumuttara.

Có lần chứng kiến cận sự nam Vitiṇṇa được Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho địa vị “đệ nhất bố thí trong hàng cận sự nam”. Đại trưởng giả có ước vọng thành tựu địa vị này trong thời Đức Chánh giác tương lai.

Đại Trưởng giả cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trọn 7 ngày, vào ngày thứ 7, Đại trưởng giả đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn Padumuttara, phát nguyện rằng:

- Với phước lành con cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn 7 ngày qua, xin cho con thành tựu địa vị “đệ nhất bố thí trong hàng cận sự nam” của Đức Chánh giác thời vị lai.

Đức Thế Tôn Padumuttara đưa Phật trí quán xét thế gian, rồi Ngài tiên tri rằng: “Sau 100 ngàn kiếp trái đất kể từ kiếp trái đất này, ước nguyện của thiện gia nam tử này trở thành sự thật trong thời Đức Thế Tôn Gotama”.

Đại trưởng giả nghe lời tiên tri của Đức Thế Tôn, tâm phát sinh hân hoan nỗ lực thực hành thiện pháp để hỗ trợ cho ước nguyện này.

Mệnh chung Đại trưởng giả tái sinh về Thiên giới, trải qua 100 ngàn kiếp trái đất, hậu thân Đại trưởng giả chỉ luân lưu trong hai cõi: Người và chư thiên.

***Kiếp sống hiện tại.**

Trước khi Bô tát Santusita giáng sinh vào lòng bà Hoàng Māyā, vị thiên tử hậu thân của Đại trưởng giả nói trên tái sinh về kinh thành Sāvatti (Xá Vệ), là con trưởng của Đại trưởng giả Sumana (quan Chương khố của Đức vua Kosala), được cha mẹ đặt tên là Sudatta.

Ngay từ thuở nhỏ đã có tính hào phóng, thường trợ cấp cho những người nghèo khổ, nên được gọi là Anāthapiṇḍika (lâu dần mọi người quên cả tên tộc là Sudatta, chỉ gọi biệt danh này).

Anātha nghĩa là: Người nghèo khổ, người cô đơn; piṇḍika là: cho lương thực.

Khi đến tuổi trưởng thành, gia chủ Anāthapiṇḍika kết hôn với nàng Puññalakkhaṇā (hay Puññalakkhaṇā)⁽²⁾ là con gái của Đại trưởng giả thành Rājagaha (Rājagahasetṭhi)⁽³⁾ (vị này cũng là quan Chương khố của vua Bimbisāra), bà là em gái của Rājagahasetṭhi (Trưởng giả thành Rājagaha)⁽⁴⁾.

(1)- ThigA. 91 ; Ap. ii. 569 ; AA. i. 199.

(2)- JA. ii. 410; JA. iii. 435.

(3)- JA. ii. 410, 415; JA. iii. 435.

(4)- SA. i. 240.

Em gái của Trưởng giả Cấp Cô Độc kết hôn với con trai của Rājagahaseṭṭhi (khi vị Rājagahaseṭṭhi cha mệnh chung, chức vụ này được giao lại cho người con trai trưởng. Và Rājagahaseṭṭhi được xem như là một chức vụ, không phải là một danh hiệu).

Khi cha mẹ mệnh chung, thanh niên Cấp Cô Độc thừa kế địa vị Trưởng giả cùng tài sản của cha mẹ để lại. Trưởng giả Anāthapiṇḍika đôi khi được gọi là Mahā Anāthapiṇḍika để phân biệt với Trưởng giả Cūḷa Anāthapiṇḍika.

Trưởng giả Cấp Cô Độc chứng Thánh quả Dự Lưu vào hạ thứ hai của Đức Thế Tôn.

Việc kiến tạo Đại tự Kỳ Viên cùng với tổ chức lễ hội Lạc thành Đại tự Kỳ Viên đã đưa danh tự Anāthapiṇḍika chói sáng.

1- Những người con của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika và bà Puññalakkhaṇā có bốn người con là: Nàng Mahā Subhaddā, nàng Cūḷa Subhaddā⁽¹⁾, thanh niên Kāḷa và nàng Sumanā. Vợ của thanh niên Kāḷa là nàng Sujātā con gái của Trưởng giả Dhanañjaya cũng là em út của bà Visākhā, nàng Sujātā rất cao ngạo với gia đình bên chồng, đồng thời khắc nghiệt với những nô tỳ, nô lệ trong nhà⁽²⁾.

a- Thanh niên Kāḷa.

Là em trai của hai nàng Mahāsubhaddā và Cūḷasubhaddā, khác với hai người chị là người sùng tín nơi Tam Bảo (hai nàng đã chứng đạt Thánh quả Dự Lưu) riêng thanh niên Kāḷa không hoan hỷ với Đức Thế Tôn và Tăng chúng vì thấy gia đình mình hao tổn quá nhiều tài sản với Giáo Pháp này.

Thanh niên Kāḷa không muốn thân cận với Đức Thế Tôn cũng không muốn nghe Pháp từ Ngài.

Thanh niên Kāḷa không hoan hỷ khi thấy Đức Thế Tôn ngự đến nhà mình, cũng không muốn phục vụ Tăng chúng, cho dù Trưởng giả Cấp Cô Độc nhiều lần khuyên giải.

Thấy thanh niên Kāḷa như vậy, Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ:

- Con ta là thanh niên Kāḷa cứ mãi chấp giữ thành kiến sai lệch này, nó sẽ phải rơi vào khổ cảnh là địa ngục Avīci (Atỳ) trong tương lai thôi, ta thấy con mình phải rơi vào khổ cảnh mà làm ngơ thì không hợp lẽ.

Lẽ thường, chúng sinh thường thích thú tài sản, hân hoan với tài sản, ta sẽ chấn chỉnh tri kiến của nó, đưa nó quay về chánh kiến bằng tài vật vậy.

Sau khi suy nghĩ rồi, vào ngày Bōttát (uposatha) Trưởng giả Cấp Cô Độc nói với thanh niên Kāḷa rằng:

- Nay Kāḷa con thân yêu, con hãy thọ trì ngày Bōttát, con đến Đại tự Kỳ Viên nghe pháp trọn đêm, cha sẽ cho con 100 đồng tiền vàng.

- Thừa cha, có thật như thế không?

- Nay con thân, nếu con thực hiện được như vậy, cha sẽ cho con ngay.

Tuy không thích thú với việc này, nhưng với số tiền lớn là 100 đồng vàng cũng hấp dẫn, nên thanh niên Kāḷa nhận lời.

Thanh niên Kāḷa đi đến Đại tự Kỳ Viên, thọ trì Bōttát giới, nhưng chàng chẳng màng nghe pháp, chỉ tìm chỗ ngủ cho thỏa thích. Khi trời hừng sáng, thanh niên Kāḷa ra bờ hồ Kỳ Viên súc miệng, rửa mặt rồi trở về nhà.

Trưởng giả Cấp Cô Độc chờ đón con ở trước cửa với tâm hân hoan: “Con ta đã thọ trì Giới hạnh trọn một ngày đêm rồi”, ông bảo các gia nhân trong nhà.

- Hãy mang những loại vật thực thượng vị ra, để con ta là Kāḷa dùng sáng.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 12).

(2)- JA. ii. 347.

Trưởng giả sai người mời thanh niên Kāḷa vào dùng sáng. Khi ngồi vào bàn ăn, thanh niên Kāḷa không dùng ngay, nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng: “Thưa cha, cha hứa cho con 100 đồng vàng nếu con thọ trì ngày Bôttát và nghe Pháp của Đức Thế Tôn trong Đại tự Kỳ Viên. Vậy cha hãy ban thưởng cho con đi”.

- Nay con thân, con hãy dùng vật thực đi. Cha sẽ cho con món tiền như đã hứa.

- Thưa cha, nếu chưa được 100 đồng vàng, con không dùng vật thực.

Nghe thanh niên Kāḷa nói như thế, Trưởng giả Cấp Cô Độc cho người mang ra 100 đồng vàng, nói với thanh niên Kāḷa rằng:

- Nay con thân, đây là 100 đồng vàng của con.

Cầm 100 đồng vàng trong tay, khi ấy thanh niên Kāḷa mới chịu dùng vật thực.

Hôm sau Trưởng giả Cấp Cô Độc nói với thanh niên Kāḷa rằng:

- Nay Kāḷa con thân, nếu con đến nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng, con thuộc được một kệ ngôn từ Đức Thế Tôn, cha sẽ cho con 1.000 đồng vàng.

- Thưa cha, có thật như thế chăng?

- Nay con thân, cha hứa với con như vậy.

Thanh niên Kāḷa liền đi đến Đại tự Kỳ Viên để nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, với ý nghĩ rằng: “Ta đến nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, cố học thuộc một kệ ngôn rồi trở về”.

Theo thông lệ, vào buổi chiều Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ hàng tứ chúng. Đức Thế Tôn có 5 phận sự trong ngày như sau.

1- Pubbaṇhe piṇḍapātaṃ. *Buổi sáng đi khất thực.*

2- Sāyaṇhe dhammadesanaṃ. *Buổi chiều giảng pháp.*

3- Padoṣe bhikkhu ovādaṃ. *Buổi tối Giáo giới Tỳkhuu.*

4- Aḍḍharatte devapañhānaṃ. *Nửa đêm trả lời những câu hỏi của chư Thiên.*

5- Paccūseva gote kāle bhabb’ābhabbe vilokanaṃ. *Hừng sáng quán xét thế gian, tìm chúng sinh có duyên lành đáng tế độ.*

Vào hừng sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thế gian, thấy hình ảnh thanh niên Kāḷa lọt vào võng trí của Ngài, Ngài thấy thanh niên Kāḷa có duyên lành với Thánh quả Dự Lưu”.

Khi thanh niên Kāḷa đến Giảng Pháp đường nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, khi thuộc được câu kệ ngôn, chàng liền ra về. Đức Thế Tôn dùng Phật lực khiến thanh niên Kāḷa vừa bước ra khỏi cổng Đại tự Kỳ Viên thì quên mất câu kệ ngôn vừa rồi. Thanh niên Kāḷa lại trở vào Giảng Pháp đường nghe Pháp, khi thuộc được câu kệ ngôn, chàng lại ra về, khi ra đến cổng Đại tự lại quên mất.

Lần thứ ba, thanh niên Kāḷa quyết ý rằng: “Ta phải chăm chú lắng nghe thật kỹ, khi học thuộc sẽ không bị quên nữa, sau đó mới ra về”.

Nhưng thanh niên Kāḷa không hiểu được rằng: “Đó chính là tư cách tôn kính Pháp”.

Lẽ thường khi nghe Pháp với tâm tôn kính Pháp, tâm sẽ được an tịnh và nhờ duyên này sẽ nhận được nhiều lợi ích, có nhiều quả báo lớn vì đó thuộc về *Văn Thánh sản* (nghe nhiều là tài sản bậc Thánh).

Duyên lành được tích lũy từ quá khứ đã chín muồi, nhờ ân đức Pháp khai thông, khi chăm chú lắng nghe Pháp để cố ghi nhớ, trí thanh niên Kāḷa được khai mở và nở bùng. Thanh niên Kāḷa chứng đạt Thánh quả Dự Lưu.

Hân hoan với Thánh quả vừa đạt được, thanh niên Kāḷa không trở về nhà, trú lại trong Đại tự trọn đêm.

Khi trời hừng sáng, thanh niên đi đến nơi Đức Thế Tôn an ngự, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, thanh niên Kāla ngồi vào nơi phải lễ bạch rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, con xin thỉnh Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu thọ thực nơi tư gia của con vào ngày hôm nay.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, hiểu biết Đức Thế Tôn đã nhận lời, thanh niên Kāla đánh lễ Đức Thế Tôn, hướng tay phải về Đức Thế Tôn đi nhiều quanh Ngai ba vòng rồi ra về.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đang trông chờ thanh niên Kāla trở về nhà, nhìn thấy thanh niên Kāla từ xa, ông hân hoan rằng:

- Ô! Trạng thái của con ta thật khác xa với trước đây.

Thanh niên Kāla về đến nhà, nói với cha rằng:

- Thưa cha, hôm nay con có thỉnh Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu thọ thực nơi nhà của mình.

Trưởng giả Cấp Cô Độc hân hoan rằng:

- Lành thay, lành thay, này con thân.

Thanh niên Kāla cùng với gia nhân sửa soạn chỗ ngồi của Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu (việc này chưa từng có với thanh niên Kāla trước đây).

Sau khi chuẩn bị vật thực xong rồi, thanh niên Kāla cử sứ giả đến Đại tự Kỳ Viên bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã đến giờ, vật thực đã chuẩn bị sẵn sàng.

Khi Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu ngự đến tư gia của Trưởng giả Cấp Cô Độc, gia đình Trưởng giả có cả thanh niên Kāla bước ra khỏi cổng đánh lễ Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu, Trưởng giả Cấp Cô Độc rước bát của Đức Thế Tôn.

Khi Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu ngồi vào nơi được soạn sẵn, thanh niên Kāla phát sinh sự hổ thẹn trong tâm rằng: “Mong rằng cha ta hãy giữ kín việc ta giữ gìn ngày Bótát chỉ vì 100 đồng vàng, và việc ta đi nghe Pháp từ Đức Thế Tôn chỉ vì 1.000 đồng vàng”.

Đức Thế Tôn với tâm mình, Ngai thấu rõ mọi diễn tiến trong tâm của thanh niên Kāla.

Trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường cháo đến Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhuu xong rồi, nói với thanh niên Kāla rằng:

- Này Kāla con thân, con hãy dùng vật thực sáng đi. Một ngàn đồng vàng cha đặt sẵn trên bàn rồi, số tiền ấy thuộc về con vì cha có hứa: “Nếu con thuộc được một câu kệ ngôn từ Đức Thế Tôn, cha sẽ ban thưởng cho con 1.000 đồng vàng”.

Nghe cha nói như vậy trước mặt Đức Thế Tôn cùng Đại chúng Tỳkhuu, thanh niên Kāla hổ thẹn thưa với cha rằng:

- Thưa cha, giờ đây con không mong có được số tiền như thế nữa.

Mặc cho Trưởng giả Cấp Cô Độc nài ép nhiều lần, thanh niên Kāla cương quyết không nhận số tiền 1.000 đồng vàng.

Ngạc nhiên trước thái độ hy hữu ấy, Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con rất oan hỷ về tư cách của Kāla.

- Này Trưởng giả Cấp Cô Độc, có việc gì thế?.

- Bạch Thế Tôn, hôm qua thanh niên Kāla thọ trì ngày Bótát, trú trọn đêm trong Đại tự Kỳ Viên, khi trở về nhà chưa có 100 đồng vàng thì không dùng điểm tâm. Nhưng hôm nay, với số tiền 1.000 đồng vàng, thanh niên Kāla cương quyết chối từ.

- Nay Trưởng giả, thật vậy, hôm nay Kāḷa chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, địa vị này còn cao quý hơn địa vị vua Chuyển Luân, chư Thiên hay Phạm thiên. Tài sản bậc Thánh này cao quý hơn nhân sản và thiên sản kia vậy.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

178- Pathabyā ekarajjena; saggassa gamanena vā.

Sabbalokāhipaccena; sotāpattiphalaṃ varam.

“Hơn thống lĩnh cõi đất; hơn được sinh cõi trời.

Hơn chủ trì vũ trụ; quả Dự Lưu tối thắng” (HT.TMC d).

Dứt kệ ngôn nhiều chúng sinh chứng Thánh đạo⁽¹⁾.

***Trưởng lão Kāḷa.**

Có vị Trưởng lão cũng có tên gọi là Kāḷa. Trưởng lão được một bà cận sự nữ trong thành Sāvattthi (XáVệ) hộ độ. Bà cận sự nữ này là người có tâm sùng đạo, bà hộ độ Trưởng lão như người mẹ chăm sóc người con của mình.

Thân tộc của bà thường xuyên đến Đại tự Kỳ Viên nghe pháp từ Đức Thế Tôn, khi trở về đã tán thán những pháp âm vi diệu của Đức Thế Tôn.

Nghe thân tộc tán thán ân đức Pháp Bảo, bà cận sự nữ thưa với Trưởng lão Kāḷa rằng:

- Bạch Ngài, tôi muốn đến Đại tự Kỳ Viên để nghe Đức Thế Tôn giảng pháp.

- Nay bà cận sự nữ, bà chớ nên đến đó.

Cả ba lần, Trưởng lão Kāḷa đều cản ngăn như thế.

Hỏi. Vì sao Trưởng lão Kāḷa lại cản ngăn bà cận sự nữ?

Đáp. Người ta nói rằng: “Vì vị ấy có sự suy nghĩ rằng: “Nếu bà cận sự nữ này nghe được pháp của Đức Thế Tôn, bà ấy sẽ bỏ rơi ta”, nên vị ấy cản ngăn bà cận sự nữ như thế”.

Một hôm vào ngày Bōttát, sau khi thọ giới Bōttát, dùng điểm tâm sáng xong, bà dặn con gái của mình rằng:

- Con hãy ở nhà lo vật thực cúng dường đến Trưởng lão cho chu đáo.

Bà cận sự nữ đến Đại tự Kỳ Viên để nghe pháp từ Đức Thế Tôn.

Trưởng lão Kāḷa theo thường lệ đến nhà bà cận sự nữ nhận lấy vật thực hộ độ hằng ngày, không thấy bà cận sự nữ, Trưởng lão Kāḷa hỏi cô con gái rằng: “Bà cận sự nữ đi đâu rồi?

- Bạch Ngài, mẹ con đến Đại tự Kỳ Viên nghe pháp từ Đức Thế Tôn.

Nghe vậy, tâm Trưởng lão Kāḷa cảm thấy bất an, suy nghĩ rằng: “Như vậy bà cận sự nữ này sẽ rời bỏ ta rồi”.

Trưởng lão Kāḷa lập tức đi nhanh đến Đại tự Kỳ Viên.

Vào buổi chiều, khi Đức Thế Tôn sắp giảng pháp thoại đến hàng Tứ chúng, Trưởng lão Kāḷa nhìn thấy bà cận sự nữ đang ngồi trong đại chúng nghe pháp. Trưởng lão Kāḷa bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, người nữ này rất tối trí, không thể hiểu được những pháp thâm sâu, xin Ngài đừng giảng thuyết về Uẩn, Xứ, Giới, Đế ... Ngài chỉ cần giảng về Bōttát, Trì giới đến bà là đủ.

Đức Thế Tôn khiển trách rằng:

Này Tỳkhuu, chính người là người tối trí, suy nghĩ lệch lạc. Người đã khinh thường Giáo pháp của Đấng Như Lai, điều này mang đến sự tự hủy diệt cho người.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

164- Yo sāsanaṃ arahataṃ; ariyānaṃ dhammajīvināṃ.

Paṭikkosati dummedho; diṭṭhiṃ nissāya pāpikaṃ.

Phalāni kaṭṭhakasseva; attagātāya phallati.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 178.

“Kẻ ngu si miệt thị; Giáo pháp bậc LaHán.

Bậc Thánh, bậc Chánh mạng; chính do ác kiến này.

Như quả hoại cây lau; mang quả tự hoại diệt” (HT. TMC d).

Nghe dứt kệ ngôn, bà cận sự nữ chúng đắc Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

b-Nàng Sumanā.

Trong nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc lúc nào cũng có sẵn 500 phần dành cho khách vắng lai, người tàn tật, người đói khổ⁽²⁾, mỗi ngày Trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường đến 1.000 vị Tỳkhuu theo thẻ (phiếu thực)⁽³⁾.

Trưởng giả Cấp Cô Độc giao việc cúng dường vật thực chư Tăng cho nàng Mahāsubhaddā đảm trách, nàng Mahāsubhaddā nghe pháp chứng Thánh quả Dự Lưu, khi có chồng nàng theo về quê hương chồng.

Trưởng giả Cấp Cô Độc giao việc cúng dường vật thực chư Tăng cho nàng Cūlasubhaddā (cũng chứng đạt Thánh quả Dự Lưu), nàng Cūlasubhaddā khi có chồng, đi về quê hương chồng.

Trưởng giả Cấp Cô Độc giao việc cúng dường vật thực chư Tăng cho nàng con gái út là Sumanā.

Nàng Sumanā chứng đạt quả Nhất Lai, do duyên phận không có ai đến hỏi cưới nàng cả. Thất vọng vì không tìm được tấm chồng, nàng tuyệt thực và nhắm cha về gặp mặt.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đến gặp nàng Sumanā, hỏi rằng:

- Này con, vì sao con bệnh như vậy?

- Này em, em nói gì vậy?

- Này con, con có mê sáng không?

- Chị không có mê sáng đâu em.

- Này Sumanā con, có phải con sợ chết không?

- Này em, chị không có sợ chết đâu.

Nói xong, nàng Sumanā mệnh chung.

Tuy đắc Thánh quả Dự Lưu nhưng Trưởng giả Cấp Cô Độc không thể ngăn được phiền muộn. Sau khi hỏa táng thi hài nàng Sumanā xong, Trưởng giả với gương mặt đầy ngấn lệ đi vào Đại tự Kỳ Viên đánh lễ Đức Thế Tôn.

- Này gia chủ, có việc gì mà người sầu khổ như thế?

- Bạch Thế Tôn, con gái của con là Sumanā vừa mệnh chung.

- Này gia chủ, chẳng phải người không hiểu rằng: “Tất cả chúng sinh đều phải chịu chết” sao?

- Bạch Thế Tôn, con hiểu, nhưng con gái của con có đầy đủ sự hổ thẹn tội lỗi, ghê sợ tội lỗi, thế mà lúc lâm chung lại mê sáng. Đó là điều khiến con buồn khổ.

- Này gia chủ, con gái người đã nói những gì?

- Bạch Thế Tôn, con gái của con đã gọi con là em.

- Này gia chủ, con gái của người không mê sáng đâu. Vì xét về Thánh quả, người là em của Sumanā, nàng Sumanā đã chứng Thánh quả Nhất Lai.

- Lành thay, bạch Thế Tôn, hiện con gái con tái sinh về cảnh giới nào?

- Này gia chủ, Sumanā hiện tái sinh về cõi Tusita (Đầusuất).

- Bạch Thế Tôn, con gái con khi sống được hân hoan, mệnh chung được tái sinh về cõi an lạc như thế sao?

- Thật vậy, này gia chủ, ai sống không buông lung (appamatta), dù là tại gia hay xuất gia đều được hoan hỷ trong kiếp này lẫn kiếp sau như thế.

⁽¹⁾- Dhpa. Câu số 164.

⁽²⁾- AA. i. 208-9.

⁽³⁾- Bản Sớ giải Kinh Pháp cú của Miến Điện ghi nhận là 2.000 vị (dve bhikkhūsaḥassāni). Theo DhA. i. 128, mỗi ngày Trưởng giả Anāthapiṇḍika hộ độ 2.000 Tỳkhuu; nhưng JA. iii. 119 nói rằng có Tỳkhuu từ xa đến, nhưng không nhận được vật thực cúng dường vì đến trễ.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

18- Idha nandati pecca nandati; katapuñño ubhayattha nandati.

Puññaṃ me kata”nti nandati; bhiyyo nandati suggaṭṭi gato.

“Sống hân hoan, chết hân hoan; kẻ thiện hai đời hân hoan.

Hân hoan thấy làm phúc; mệnh chung sinh nhàn cảnh”

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Tỳkhuu chứng Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

c-Nàng Sujātā (con dâu của Trưởng giả).

Nàng Sujātā là con gái của Trưởng giả Dhanañjaya, là em gái út của nàng Visākhā. Khi về làm dâu gia đình Trưởng giả Cấp Cô Độc, nàng tự hào về tài sản của gia tộc mình, nàng đã kiêu hãnh với gia tộc bên chồng, nàng rất bướng bỉnh, thô lỗ, nóng nảy và hung tợn.

Nàng Sujātā từ chối các bổn phận đối với cha mẹ chồng, đối với chồng, nàng đi khắp nhà nói năng thô lỗ và còn đánh đập cả mọi người⁽²⁾.

* (Tóm lược) **Sattabhariyāsutta** (kinh Bảy hạng vợ).

Một hôm, vào buổi sáng Đức Thế Tôn đắp y, tay cầm y bát đi đến tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc.

Sau khi đến, Đức Thế Tôn ngồi vào nơi được soạn sẵn, gia chủ Cấp Cô Độc đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ trong nhà gia chủ Cấp Cô Độc có nhiều người nói cao tiếng (*uccāsaddā*), lớn tiếng (*mahāsaddā*) như những người đánh cá (*kevaṭṭā*) đang giành giựt cá (*macchavilope*).

Đức Thế Tôn nói với gia chủ Cấp Cô Độc đang ngồi một bên rằng:

- Nay gia chủ, vì sao trong nhà của người lại có nhiều người nói cao tiếng, lớn tiếng như những người đánh cá đang giành giựt cá?

- Bạch Thế Tôn, có nàng dâu Sujātā giàu có, đến đây từ một gia đình giàu có. Nàng không vâng lời cha mẹ chồng, không vâng lời chồng; không cung kính cha mẹ chồng, không cung kính chồng; cũng không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn cho gọi nàng Sujātā đến. Đức Thế Tôn giảng thuyết về 7 hạng vợ:

1- Vadhakasamā. *Vợ như kẻ sát nhân.*

Là hạng vợ khinh rẽ chồng, không có tâm từ mẫn, bị người khác mua chuộc rồi giết chồng.

2- Corīsamā. *Vợ như kẻ trộm.*

Là hạng vợ tiêu xài hoang phí tài sản do chồng kiếm được.

3- Ayyasamā. *Vợ như chủ nhân.*

Là hạng vợ đàn áp, chỉ huy, ác khẩu, nói lời khó chịu với chồng.

4- Mātāsamā. *Vợ như mẹ.*

Là hạng vợ có lòng từ mẫn với chồng, chăm sóc chồng chu đáo.

5- Bhaginīsamā. *Vợ như em.*

Là hạng vợ chăm sóc chồng như người em đối với người chị.

6- Sakhīsamā. *Vợ như bạn.*

Là hạng vợ đối với chồng như đối với người bạn tốt.

7- Dāsīsamā. *Vợ như nô tỳ.*

Là hạng vợ có giới hạnh, luôn có sự gìn giữ thân, ngữ và ý.

Với những kệ ngôn Đức Thế Tôn giảng rộng về 7 hạng vợ, rồi Ngài hỏi nàng Sujātā rằng:

- Nay Sujātā, người thuộc hạng vợ nào trong 7 hạng vợ ấy?

(1)- DhpA. câu số 18.

(2)- JA. chuyện số 279.

- Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay con là người vợ như nô tỳ đối với chồng⁽¹⁾.

Bản Sớ giải có giải thích: “Nàng Sujātā nghe xong Pháp thoại, chứng đắc Thánh quả Dự Lưu, và nàng quy ngưỡng Tam bảo đến trọn đời”⁽²⁾.

***Bốn sự Sujātā.**

Duyên khởi.

Đề cập đến nàng Sujātā như đã nói ở trên.

Vào buổi chiều, nơi Giảng Pháp đường các Tỳkhuu ngồi bàn luận cùng nhau rằng:

- Nay các hiền giả, Phật lực thật kỳ diệu, chỉ một lần khuyên bảo Đức Thế Tôn đã thuần hóa người nữ bướng bỉnh, xấu tính chứng đắc Thánh quả Dự Lưu.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường và các vị Tỳkhuu trình lên Ngài vấn đề đang được bàn luận. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Đây không phải là lần đầu Như Lai thuần hóa nàng Sujātā bằng một lời khuyên bảo duy nhất. Trong quá khứ đã từng có như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu , Đức Thế Tôn nói lên Bốn sự Sujātā.

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bô tát tái sinh vào Hoàng tộc này, là Thái tử của vua Brahmadata.

Trưởng thành, Ngài theo học nghiệp nghệ nơi kinh thành Takkaṣilā, khi thông thạo nghiệp nghệ, Ngài trở về kinh thành Bārāṇasī và trở thành vị Phó vương của Vương quốc Kāsi.

Khi vua cha mệnh chung, Bô tát nối ngôi vua, trị nước theo Pháp.

Mẹ Ngài là người đàn bà nóng nảy, thô lỗ, thường hay gắt gỏng.

Bô tát muốn khuyên giải nhưng cố tránh sự bất kính với mẹ, nên Ngài tìm cơ hội.

Một hôm Ngài cùng triều thần có cả Hoàng thái hậu đi vào Ngự Uyển để du ngoạn. Trên đường đi vào vườn Ngự Uyển, có con chim cú kêu lên, tiếng kêu của nó the thé, triều thần bịt tai lại nói rằng:

- Ôi! Thật khủng khiếp, tiếng kêu con chim này thật là ghê rợn, khó nghe quá. Đừng để nó kêu lên nữa.

Đoàn người đi vào vườn Ngự Uyển du ngoạn, khi đi qua vườn hoa xinh đẹp, trên tàn cây Sāla có con chim Tước (một loại chim sẻ, có giọng hót rất thanh tao) đang hót thật du dương, êm dịu. Cả đoàn người đứng lại khen ngợi rằng:

- Nay chim Tước, hãy hót nữa đi, tiếng hót thật du dương làm sao.

Và họ chú ý lắng nghe tiếng hót con chim Tước.

Bô tát thấy được hai sự kiện này, suy nghĩ: “Đây là cơ hội giúp mẹ ta cải thiện lại tính hung hăng, thô lỗ”. Ngài thưa với mẹ rằng:

- Thưa mẹ, tiếng con chim Cú bên đường làm ai cũng bịt tai vì khó chịu, do âm thanh khó nghe của nó. Còn con chim Tước tuy thân hình xấu nhưng tiếng hót của nó thật thanh tao, nên ai cũng khen ngợi, thích thú.

Bô tát nói lên ba kệ ngôn.

55- Na hi vaṇṇena sampannā; mañjukā piyadassanā.

Kharavācā piyā hoti; asmim loke paramhi ca.

Kẻ hưởng được vẻ ngoài duyên dáng,

Thoạt nhìn vào, tươi sáng đẹp thay,

Nhưng buông lời nói chối tai,

(1)- A.iv. 91.

(2)- AA. ii. 724.

Đời này đời kế chẳng ai yêu vì!

56- Nanu passasimam kālīṃ; dubbaṇṇam tilakāhatam.

Kokilam saṅhavācena; bahūnam paṇinam piyam.

Chim Tước kia, thường khi mẹ thấy,

Lốm đốm đen xấu vậy mặc dẫu,

Tiếng kêu êm dịu ngọt ngào,

Bao nhiêu kẻ đón người chào mến thương.

57- Tasmā sakhilavācassa; mantabhāṇī anuddhato.

Attham dhammañca dīpeti; madhuram tassa bhāsitanti.

Mong tiếng mẹ dịu dàng thanh lịch,

Lời khôn ngoan bỏ hết tự kiêu,

Âm thanh êm ái mỹ miều,

Giảng bày Thánh pháp ý nêu tỏ tường (B. Trần Phương Lan d).

Nghe lời này, bà Thái hậu từ bỏ lời nói gắt gỏng, thô lỗ.

Chỉ một lời nói, Bôtát đã thuần hóa tính của Thái hậu như thế.

Nhận diện Bốn sự.

Thái hậu nay là nàng Sujātā, còn Bôtát nay là Đấng Như Lai⁽¹⁾.

2- Cháu của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Có khả năng Trưởng giả Cấp Cô Độc có rất nhiều người cháu, nhưng trong Kinh điển Pāli chỉ ghi nhận hai sự kiện có liên hệ đến hai người cháu của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

a- Thanh niên Khemaka (còn viết là Khema).

Thanh niên Khemaka là cháu của Trưởng giả Cấp Cô Độc, chàng rất xinh đẹp, nhiều nữ nhân xinh đẹp trong thành Sāvattī mề mẩn chàng và rơi vào vòng tay của chàng.

Có lần Khemaka bị bắt về tội tà hạnh với vợ người, dẫn đến vua Pasenadi (PaTuNặc) xét xử, vua Pasenadi nể tình Trưởng giả Cấp Cô Độc nên thả về. Cả ba lần như thế, đều được vua Pasenadi tha thứ.

Trưởng giả Cấp Cô Độc thấy thế, đưa Khemaka đến đánh lễ Đức Thế Tôn, để Thế Tôn dạy bảo.

Đức Thế Tôn thuyết giảng về ác quả do tà hạnh với vợ người đến thanh niên Khemaka. Rồi Ngài nói lên hai kệ ngôn.

309- Cattāri ṭhānāni naro pamatto;

āpajjati paradārūpasevī.

Apuññalābham na nikāmaseyyam;

nindam tatīyam nirayam catuttham.

“Bốn nạn chờ đợi người phóng dật;

do quan hệ với vợ người.

Không phúc lợi, ngủ không yên;

Ba bị chê trách, địa ngục là thứ tư”.

310- Apuññalābho ca gatī ca pāpikā;

bhītassa bhītāya ratī ca thokikā.

Rājā ca daḍḍam garukam paṇeti;

tasmā naro paradāram na seve.

“Vô phúc lợi và đến cõi khổ;

Luôn kinh hoàng, ít vui.

Vua trừng phạt trọng hình.

Do vậy, không quan hệ vợ người”.

Nghe dứt kệ ngôn, thanh niên Khemaka chứng Thánh quả Dự Lưu, từ đó cư dân trong thành Sāvattī an tâm với thanh niên Khemaka.

⁽¹⁾- JA. Sujātājātaka (Bốn sự Sujātā) (chuyện số 269).

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Kassapa, tiền thân thanh niên Khemaka là một võ sĩ vô địch, có cúng dường đến Bảo tháp tôn thờ Xá Lợi Đức Phật Kassapa tấm vải chòang, chàng phát nguyện rằng: “Ngoại trừ nữ nhân trong thân tộc của con, bất cứ nữ nhân nào nhìn thấy con đều thương mến. Và xin cho con chứng đạt Thánh quả, giải thoát khỏi sinh tử luân hồi”.

Do lời nguyện này, những nữ nhân nhìn thấy thanh niên Khemaka đều phát sinh tâm thương mến và cũng nhờ duyên lành này thanh niên Khemaka chứng đạt Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

b- Cháu Trưởng giả Anāthapiṇḍika (2).

Có một người con trai của người chị⁽²⁾ (hay em) của Trưởng giả Cấp Cô Độc. Sau khi cha mẹ chết, người này thừa hưởng tài sản là 400 triệu tiền vàng, nhưng anh không lo làm ăn, chỉ ăn chơi trụy lạc, hoang phí cả tài sản lớn 400 triệu tiền vàng, trở nên nghèo khổ.

Anh đến tìm Trưởng giả Cấp Cô Độc nhờ giúp đỡ, Trưởng giả cho anh 1.000 đồng vàng, bảo rằng:

- Cháu hãy dùng số tiền này xây dựng sự nghiệp, để sinh sống. Chớ có lêu lổng hoang phí nữa.

Nhưng anh không chịu tu chỉnh thân, vẫn cứ lêu lổng trụy lạc. Khi hết tiền, anh lại đến xin Trưởng giả trợ cấp. Lần này Trưởng giả Cấp Cô Độc cho anh 500 đồng vàng, nói rằng:

- Ta cho cháu lần này nữa, nếu không chịu tu thân để có phương tiện sinh sống thì đứng đến đây nữa.

Nhưng rồi anh lại tiêu phí 500 đồng vàng, lại tìm đến Trưởng giả Cấp Cô Độc với bộ y nghèo khổ. Lần này, Trưởng giả chỉ cho hai bộ y phục bằng vải thô mà thôi.

Sau đó, Trưởng giả Cấp Cô Độc bảo gia nhân: “Khi kẻ hư hỏng ấy đến, chớ cho vào nhà này nữa”.

Vài ngày sau, anh đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc, bị những gia nhân tóm lấy ném ra khỏi cửa.

Anh chẳng còn ai giúp đỡ, bị đói khát và mệnh chung bên cạnh bờ tường, người ta kéo xác anh ném vào hố rác.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Đại tự Kỳ Viên, trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay gia chủ, làm sao người có thể thỏa mãn một kẻ không thể làm chủ mình như thế được. Ngay chính Ta ngày xưa cũng không thể làm hơn được, dù ta đã cho kẻ hư hỏng thân cái Bát ước.

Theo lời thỉnh cầu của Trưởng giả Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Bhadrāghata (cái Bát ước).

***Bốn sự Bhadrāghata (Cái bát ước).**

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmādatta trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại). Bô tát tái sinh vào một gia tộc Trưởng giả, sau khi cha mẹ mệnh chung Ngài thừa hưởng tài sản cha mẹ để lại và trở thành một Đại trưởng giả.

Bô tát có người con trai duy nhất, nhưng người này rất lười nhát. Bô tát thực hành thiện pháp, mệnh chung Ngài tái sinh về cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba) là Thiên vương Sakka (Đế Thích).

Trong nhà Ngài có chôn tài sản trị giá 400 triệu tiền vàng. Con Bô tát thừa hưởng tài sản lớn, nhưng cứ say sưa chè chén, anh cho dựng trước cửa

(1)- DhpA. Câu số 309 – 310.

(2)- Bhāgineyya. Chữ này có nghĩa là: “Cháu trai con của người chị hay em gái”.

nhà một rạp lớn để ngồi uống rượu với những bạn hữu ác xấu, hoang phí tài sản vào những cuộc vui không có ích lợi chi cả.

Trong thời gian ngắn, anh đã tiêu xài cả tài sản lớn và trở nên nghèo khổ, phải đi ăn xin khắp nơi.

Trên Thiên giới, Thiên chủ Sakka quán xét thấy được con mình đang đi xin ăn từng ngày.

Do tình thương con, Ngài cho con cái Bát Ước, dặn rằng:

- Con phải gìn giữ cái Bát này cẩn thận, đừng làm vỡ nó. Bao giờ Bát này còn thì con không thể nghèo khổ.

Từ khi có Bát Ước, anh cũng chẳng chịu làm việc chi cả, cả ngày say sưa chè chén. Một hôm trong lúc say rượu, anh tung bát lên để hứng chụp lấy bát, nhưng rồi có lần anh chụp hụt chiếc Bát, Bát rơi xuống đất vỡ tan tành.

Thế là anh trở lại nghèo khổ, cuối cùng ngã chết nơi bờ tường.

Nhận diện Bốn sự.

Con Bôtát nay là người cháu lêu lổng của Trưởng giả Cấp Cô Độc⁽¹⁾.

3- Bạn hữu của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika có rất nhiều bạn hữu, hai trong số những người bạn ấy là cha chồng của hai nàng: Mahāsubhaddā và Cūlasubhaddā (đã nói đến ở trước).

a- Năm trăm người bạn.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) có 500 người bạn đều là những đệ tử của những Tôn chủ dị giáo.

Một hôm, Trưởng giả Cấp Cô Độc cùng 500 người bạn đệ tử của ngoại đạo, mang theo nhiều hương hoa cùng mật ong, dầu mè ... đi đến Đại tự Kỳ Viên đánh lễ Đức Thế Tôn, cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu.

Sau khi đánh lễ xong rồi, Trưởng giả Cấp Cô Độc cùng 500 người bạn ngồi xuống một bên nghe Pháp từ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn với pháp âm vi diệu đã phá vỡ sự nương nhờ nơi ngoại đạo của 500 gia chủ bạn Trưởng giả Cấp Cô Độc và 500 người này xin nương nhờ Đức Thế Tôn.

Từ đó, những người này thường xuyên cùng Trưởng giả Cấp Cô Độc đến Đại tự Kỳ Viên cúng dường hương hoa, nghe Pháp và giữ gìn ngày Bôtát.

Có những thời Đức Thế Tôn không trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên, Ngài đi đến thành Rājagaha, hay đi du hành tế độ chúng sinh nơi này, nơi kia.

Năm trăm người này lại quay lại nương nhờ nơi ngoại giáo như trước.

Sau thời gian dài du hành (7 hay 8 tháng), Đức Thế Tôn trở lại kinh thành Sāvatti (XáVệ). Trưởng giả Cấp Cô Độc cùng 500 người bạn này đến Đại tự Kỳ Viên đánh lễ Đức Thế Tôn.

Trưởng giả Cấp Cô Độc trình lên Đức Thế Tôn về việc này, Đức Thế Tôn hỏi.

- Đây các gia chủ, có đúng là các người đã trở về nương nhờ nơi ngoại giáo chăng?

Biết không thể che dấu được, họ đành thú thật.

- Thật vậy, Bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Đây các gia chủ, trong Tam giới này, từ địa ngục ATỳ cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng, Đấng Như Lai là bậc tối thượng.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên những ân đức tối thượng của Tam Bảo. Rồi Ngài nói lên kệ ngôn.

Ye keci buddham saraṇaṃ gatāse; na te gamissanti apāyabhūmiṃ.

⁽¹⁾- JA. Bhadratajātaka (Bốn sự cái Bát ước) (chuyện số 291).

Pahāya mānusam deham; devakāyaṃ paripūressanti.
*“Ai đến nương nhờ Phật; không đi đến cõi khổ.
 Từ bỏ thân làm người; sẽ ngập tràn thiên giới.*
 Ye keci dhammaṃ saraṇaṃ gatāse; na te gamissanti apāyabhūmiṃ.
 Pahāya mānusam deham; devakāyaṃ paripūressanti.
*“Ai đến nương nhờ Pháp; không đi đến cõi khổ.
 Từ bỏ thân làm người; sẽ ngập tràn thiên giới.”*
 Ye keci saṅghaṃ saraṇaṃ gatāse; na te gamissanti apāyabhūmiṃ.
 Pahāya mānusam deham; devakāyaṃ paripūressanti.
*“Ai đến nương nhờ Tăng; không đi đến cõi khổ.
 Từ bỏ thân làm người; sẽ ngập tràn thiên giới”⁽¹⁾.*
 Bahum ve saraṇaṃ yanti; pabbatāni vanāni ca.
 Ārāmarukkhacetyāni; manussā bhayatajjitā.
*“Đến nương nhờ nhiều nơi; núi cao hay rừng sâu.
 Vườn cây hay đền tháp; người không thoát ra lo sợ”.*
 Netam kho saraṇaṃ khema; netam saraṇamuttamaṃ.
 Netam saraṇamāgama; sabbadukkhā pamuccati.
*“Nương nhờ đó không lạc; không phải nương nhờ cao tốt.
 Nương nhờ những nơi ấy; không thoát mọi khổ đau”.*
 Yo ca buddhañca dhammañca; saṅghañca saraṇaṃ gato.
 Cattāri ariyasaccāni; sammappaññāya passati.
*“Người nương nhờ Phật, Pháp; đến nương nhờ Tăng.
 Bốn sự thật cao quý; với chánh trí thấy được”.*
 Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ; dukkhassa ca atikkamaṃ.
 Ariyañcatthaṅgikaṃ maggaṃ; dukkhūpasamaḡāmiṇaṃ.
*“Khổ, tập hợp khổ; vượt qua sự khổ.
 Đường tám nhánh cao quý; đưa đến chấm dứt khổ”.*
 Etaṃ kho saraṇaṃ khema; etaṃ saraṇamuttamaṃ.
 Etaṃ saraṇamāgama, sabbadukkhā pamuccati”ti.
*“Đó nương nhờ an ổn; đó nương nhờ cao tốt.
 Đó là nơi nương nhờ; thoát ra mọi đau khổ”⁽²⁾.*

- Đây các gia chủ, trong thời quá khứ những ai theo tà thuyết, tà luận không dùng trí suy xét đã lâm đại nạn, bị Dạ xoa ăn thịt trong sa mạc. Còn người không theo tà thuyết, tà luận được bình an trở về.

Theo lời thỉnh cầu của Trưởng giả Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Aparaṇaka (*Không lỗi lầm*).

**(Tóm lược) Bốn sự Aparaṇaka.*

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại) của Vương quốc Kāsi. Bấy giờ Bôtát là trưởng đoàn thương buôn với 500 cỗ xe hàng hóa, khi thì đi từ Đông sang Tây, khi thì đi từ Tây sang Đông để buôn bán.

Một trưởng đoàn thương buôn khác ở kinh thành Bārāṇasī còn trẻ hơn, thiếu kinh nghiệm, không giỏi tùy cơ ứng biến, cũng có 500 cỗ xe hàng hóa.

Sau khi chất đầy 500 cỗ xe hàng hóa có giá trị cao, Bôtát chuẩn bị lên đường, có tin báo người thương buôn trẻ cũng chuẩn bị xong 500 cỗ xe hàng hóa có giá trị cao đang chuẩn bị lên đường đến thành phố mà Bôtát dự định sẽ đến.

(1)- D.2.322.

(2)- Dhp. Câu 188 – 192.

Bồ tát suy nghĩ: “Nếu cả hai đoàn cùng đi một lần với 1.000 cỗ xe hàng hóa, băng qua sa mạc. Thật khó tìm đủ nước, cỏ và củi cho người cùng những con vật. Vậy hoặc nó đi trước, hoặc ta đi trước”.

Bồ tát nhắn tin đến người thương buôn trẻ rằng:

- Vì phải băng qua sa mạc, nếu cả hai đoàn cùng khởi hành thì sẽ rất khó khăn về nước, cỏ và củi. Vậy bạn khởi hành trước hay là ta khởi hành trước?

Người thương buôn trẻ suy nghĩ: “Nếu khởi hành trước sẽ có nhiều lợi ích hơn. Con đường chưa bị hư phá, các con bò được ăn cỏ còn nguyên, chúng ta hái được những lá rau còn nguyên; người và vật uống nước còn tốt chưa bị vẩn đục; và định giá hàng theo ý”.

Người thương buôn trẻ nói rằng:

- Bây bạn, tôi sẽ đi trước.

Bồ tát suy nghĩ:

- Đi trước sẽ phải san bằng những nơi đường chưa được san bằng, như thế đi sau ta sẽ đi trên đường được san bằng. Các con vật của ta sẽ ăn những cỏ non mới mọc, người của ta sẽ tìm được lá rau mới còn non, tại những chỗ không nước họ phải đào giếng để lấy nước uống, ta sẽ uống nước trong những giếng được đào trước. Người đi trước đã định sẵn giá hàng hóa, ta cứ theo giá đã định mà bán.

Bồ tát nói:

- Bây bạn, vậy bạn hãy đi trước đi.

- Lành thay, lành thay, bây bạn.

Người thương buôn trẻ cho 500 cỗ xe hàng hóa lên đường, sau khi vượt qua các làng mạc, đoàn thương buôn đi đến biên giới sa mạc.

Thuở ấy có 5 loại sa mạc: Sa mạc trộm cướp, sa mạc thú dữ, sa mạc phi nhân, sa mạc không có nước và sa mạc không có lương thực.

**Sa mạc trộm cướp.* Là có những bọn cướp trú ẩn, chúng chặn đường những đoàn lữ hành hay đoàn người băng qua sa mạc để cướp đoạt tài sản.

**Sa mạc thú dữ.* Là sa mạc có những loài thú dữ như Sư tử, cọp ... trú ẩn.

**Sa mạc phi nhân.* Là Sa mạc có những phi nhân hung bạo như dạ xoa, hay những loài ma đói (peta) trú ẩn.

**Sa mạc không có nước.* Là Sa mạc không thể tìm ra nguồn nước để tắm hay uống.

**Sa mạc không có vật thực.* Là sa mạc không thể tìm được cây cỏ hay loài động vật, thực vật có thể ăn được.

Trong năm loại sa mạc này, nguy hiểm nhất là sa mạc phi nhân và sa mạc không nước.

Sa mạc mà đoàn thương buôn sắp vượt qua là sa mạc phi nhân và sa mạc không nước. Người trưởng đoàn trẻ cho đặt lên xe những ghè lớn chứa đầy nước và đi vào sa mạc dài 60 do tuần.

Khi đi được nửa đường, dạ xoa trú nơi sa mạc này suy nghĩ: “Ta sẽ khiến những người này đổ hết nước tích trữ, nhưng vậy chúng sẽ chết khát và ta sẽ ăn thịt bọn chúng”.

Dạ xoa hóa ra một cỗ xe xinh đẹp với những con bò mộng trắng mập, có 12 người tùy tùng hộ vệ, tay cầm binh khí, dạ xoa trang sức bằng những vòng hoa sen xanh, sen trắng, đầu tóc mình đều tắm ướt nước, bánh xe dính đầy bùn tựa như vừa mới từ hồ nước lớn đi lên.

Những người tùy tùng trước và sau tay cầm những cọng súng trắng, súng đỏ ... miệng nhai những cọng súng ấy, mình đắm ướt nước. Cỗ xe dạ xoa đi ngược chiều với đoàn thương buôn.

Khi đi trong sa mạc, nếu gió thổi từ sau ra trước, người chủ đoàn sẽ ngồi trong cỗ xe trước với những người tùy tùng để tránh bụi cát; nếu gió thổi từ trước ra sau, người trưởng đoàn ngồi ở cỗ xe sau.

Bấy giờ gió sa mạc thổi từ sau ra trước, nên người trưởng đoàn ngồi ở cỗ xe trước. Khi thấy đoàn thương buôn tiến đến gần, đạ xoa cho đậu xe ở bên đường, chào đón thăm hỏi thân tình với người trưởng đoàn, hỏi rằng:

- Này các bạn, các bạn từ đâu đến?

- Này bạn, tôi từ kinh thành Bārāṇasī đến kinh thành bên kia sa mạc để buôn bán. Còn các bạn trang sức với hoa sen xanh, hoa sen trắng, mình ướt đẫm nước lại ăn những cọng sừng, củ sen, bánh xe đẫm bùn. Vậy phải chăng trên đường có mưa lớn? Có những ao hồ với những loại hoa sen, sừng chẳng?

- Này bạn, đường lầy xanh kia là khu rừng, từ đó trở đi toàn là rừng. không có gì ngoài những ao hồ và nước. Trời mưa liên tục, những ao hồ ngập tràn nước, khắp nơi toàn là hoa sen và hoa sừng.

Khi cỗ xe đạ xoa đi ngang qua những cỗ xe, nó hỏi:

- Những cỗ xe này chứa gì thế?

- Này bạn, là hàng hóa.

Khi đến những cỗ xe cuối cùng, đạ xoa hỏi:

- Còn những cỗ xe này chở gì, vì sao xem nặng nhọc như thế?

- Này bạn, đó là những cỗ xe chứa nước, dùng để băng qua sa mạc.

- Từ nơi khởi hành đến đây, các bạn mang theo nước là tốt rồi, Nhưng từ đây trở đi không cần phải mang theo nước nữa, vì trước mặt các bạn là ao hồ, hãy trút nước xuống cho xe nhẹ nhàng các bạn sẽ mau chóng vượt qua sa mạc. Thôi xin chào các bạn, chúng tôi phải lên đường kéo trở.

Nhóm đạ xoa đi khuất tầm mắt đoàn thương buôn, rồi theo đường tắt trở về thành đạ xoa của nó.

Người trưởng đoàn do thiếu trí nhận định, đã nghe lời đạ xoa cho đổ hết nước tích trữ, cuối cùng do thiếu nước tất cả đều kiệt sức và trở thành vật thực cho nhóm đạ xoa trong sa mạc.

Khoảng tháng sau, Bôtát cho 500 cỗ xe hàng hóa của mình lên đường. Khi đến biên giới sa mạc, Bôtát cho tích trữ nước đầy đủ để vượt sa mạc, cẩn thận Ngài còn ra lệnh:

- Nếu chưa có lệnh ta, một ngụm nước cũng không được dùng. Trong sa mạc có nhiều loại cây độc, nếu chưa hỏi ta không được dùng trái hay lá lạ chưa từng ăn qua.

Khi đến giữa sa mạc, đạ xoa lại giở cách thức như trước để lừa Bôtát đổ bỏ nước tích trữ. Với kinh nghiệm dày dặn, Bôtát đã nhận ra: “Đây là sa mạc không có nước. Người này con mắt đỏ, lại không bóng dọi phía sau, hẳn là đạ xoa. Không còn nghi ngờ gì nữa, đoàn thương buôn đi trước đã bị nhóm đạ xoa này sát hại rồi, nay nó toan lừa ta, nhưng nó không biết rằng: “Ta đã biết nó, và ta có tài ứng phó”.

Bôtát nói rằng:

- Được rồi, các bạn hãy đi đi, chúng tôi là thương buôn, bao giờ thấy được nước chúng tôi mới yên tâm, đổ bỏ nước cho nhẹ xe.

Nhóm đạ xoa đi khuất tầm mắt đoàn thương buôn, chúng quay trở về thành đạ xoa của mình.

Khi nhóm đạ xoa đi rồi, những tùy tùng của Bôtát hỏi rằng:

- Thưa chủ, những người này nói “xa xa là khu rừng xanh với những ao hồ đầy nước, với những hoa sen xanh trắng ..., trời luôn luôn có mưa”. Vì sao chủ không cho đổ bỏ nước để xe nhẹ đi nhanh hơn?

Bôtát cho dừng các cỗ xe lại, họp người trong đoàn lại hỏi rằng:

- Từ trước giờ các người có nghe nói: “Nơi sa mạc này có ao hồ không”.
- Thưa chủ, không? Vì đây là sa mạc không có nước.
- Nay có người nói: “Rừng xanh kia luôn luôn có mưa”. Vậy gió mưa có thể thổi xa bao nhiêu?
- Thưa chủ, khoảng một do tuần.
- Có ai trong các người bị gió mưa chạm trúng chẳng?
- Thưa chủ, không.
- Cách xa bao nhiêu có thể thấy được mây đen?
- Thưa chủ, khoảng một do tuần.
- Có ai trong các người thấy mây đen không?
- Thưa chủ, không.
- Cách xa bao nhiêu có thể thấy được ánh chớp trời mưa?
- Thưa chủ khoảng 4 hay 5 do tuần.
- Có ai trong các người thấy được ánh chớp trời mưa chẳng?
- Thưa chủ, không.
- Cách xa bao nhiêu có thể nghe được tiếng sấm nổ?
- Thưa chủ, khoảng một hay hai do tuần.
- Có ai trong các người nghe tiếng sấm nổ không?
- Thưa chủ, không.

- Nay các người, những người khi này không phải là người, chúng là đạ xoa vì mắt chúng đỏ, lại không có bóng dọi sau lưng. Chắc chắn đoàn thương buôn trước đã bị chúng sát hại do nghe lời chúng đổ bỏ nước tích trữ và họ đã kiệt sức chết trong sa mạc này rồi. Hôm nay chúng ta sẽ thấy được điều này, hãy đi nhanh vượt qua vùng này, ngay cả một ngụm nước chúng ta cũng không được phí phạm chứ đừng nói là đổ bỏ nước dự trữ.

Đoàn thương buôn đi không lâu đã thấy 500 cỗ xe hàng hóa của đoàn thương buôn trước, chung quanh rải rác khắp nơi những ống xương người xương thú.

Khi đêm đến, Bôtát cho tháo dây buộc những cỗ xe làm thành vòng đai bảo vệ, Bôtát cho những con vật cùng tùy tùng ăn chiều sớm, đặt những con bò vào giữa, Bôtát tuyển chọn những người gan dạ, khỏe mạnh cầm vũ khí chia nhau canh gác. Riêng Bôtát tự mình cầm gươm đứng canh gác trọn đêm.

Sáng ra, Bôtát cho làm những công việc cần thiết cho những con vật ăn no, thay thế những cỗ xe yếu bằng những cỗ xe vững chắc (từ 500 cỗ xe của đoàn thương buôn trước), chọn những hàng hóa ít giá trị bỏ đi thay vào đó là những hàng hóa có giá trị cao.

Bôtát đốc thúc đoàn đi nhanh đến nơi an toàn và đến nơi đã định, bán xong hàng hóa Ngài cùng với tùy tùng trở về kinh thành Bārāṇasī an toàn.

Cuối thời pháp, năm trăm người bạn Trưởng giả Cấp Cô Độc chứng quả Dự Lưu⁽¹⁾.

b- Kāḷakaṇṇi.

Một người bạn thân của Trưởng giả Anāthapiṇḍika có tên là Kāḷakaṇṇi (Vận đen), hai người học chung một thầy.

Về sau, Kāḷakaṇṇi trở thành nghèo khổ, đi đến sống nương nhờ nơi Trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc tiếp nhận Kāḷakaṇṇi (Vận đen), là quản gia cho mình.

Một hôm những người bạn của Trưởng gia Cấp Cô Độc đến thăm, nói với Trưởng giả rằng:

- Nay bạn, chớ để người này sống gần bạn, vì tên người này mang lại điều không an lành cho bạn.

⁽¹⁾- JA. Apanṇakajātaka (Bốn sự Không lỗi lầm) (chuyện số 1).

Trưởng giả Cấp Cô Độc nói rằng:

- Không phải vậy đâu, tên chẳng ảnh hưởng gì đến may hay rủi cả. Tôi không thể bỏ người bạn thân của mình chỉ vì cái tên.

Một lần nọ, Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến làng bên do vài việc cần phải làm. Có bọn cướp biết Trưởng giả Cấp Cô Độc đi vắng, trong đêm chúng chuẩn bị tấn công vào nhà Trưởng giả để cướp tài sản.

Vào buổi chiều, Kāḷakaṇṇī (Vận đen) đi tuần quanh lâu đài của Trưởng giả, nhìn thấy có nhiều kẻ lạ mặt lai vãng với dáng khả nghi. Kāḷakaṇṇī suy nghĩ: “Có lẽ đêm nay bọn cướp sẽ đánh cướp nơi đây, chúng nghĩ: Dinh thự trống vắng vì Trưởng giả cùng tùy tùng đi đến làng bên thu thuế”.

Viên quản gia cho chuẩn bị tù và, chiêng, trống ... đặt nhiều nơi quanh dinh thự. Ông không ngủ ngồi chờ đợi.

Khi bọn cướp kéo đến với đèn cùng vũ khí từ xa, viên Quản gia Kāḷakaṇṇī cho đánh chiêng, trống, thổi tù và báo động, người trong dinh thự cũng đánh chiêng trống thổi tù và inh ỏi. Bọn cướp vừa kéo đến nghe tiếng báo động, kinh hoàng rằng:

- Chúng ta ngỡ Trưởng giả Cấp Cô Độc đi vắng, người nhà chẳng ai phòng bị. Té ra bọn họ đã phòng thủ rồi.

Nghe tiếng báo động, cư dân kinh thành kéo đến đông đảo, làm bọn cướp kinh hoàng ném bỏ vũ khí cùng đèn đuốc bỏ chạy trốn.

Cư dân kinh thành Sāvatti (XáVệ) đã khen ngợi Kāḷakaṇṇī khôn ngoan bảo vệ được tài sản cho chủ.

Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc trở về, biết được việc này đã ban thưởng cho Kāḷakaṇṇī, rồi nói với những người bạn của mình rằng:

- Nếu trước đây ta nghe theo lời các người, giờ đây ta chẳng còn tài sản chi cả. Cái tên gọi không phải là điềm tốt hay xấu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Đây là bài học có giá trị lớn”.

Trưởng giả mang câu chuyện này trình lên Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Nay gia chủ, chẳng phải hôm nay Kāḷakaṇṇī bảo vệ được tài sản cho chủ, trong quá khứ Kāḷakaṇṇī cũng đã từng như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của Trưởng giả Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Kāḷakaṇṇī.

***Bốn sự Kāḷakaṇṇī (Hắc vận).**

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī, Bôtát là một Đại trưởng gia trong kinh thành. Bôtát có người bạn thân tên là Kāḷakaṇṇī (diễn tiến như câu chuyện ở trên).

Bôtát từ làng bên trở về, đã nói với những người bạn kia rằng:

-Nếu trước kia ta theo lời các người, thì giờ đây ta không còn tài sản chi cả. Cái tên gọi không phải là điềm tốt hay xấu.

Nhận diện Bốn sự.

Kāḷakaṇṇī trong quá khứ nay là Ngài Ānanda⁽¹⁾.

c- Người bạn thân tình (2).

Trưởng giả Cấp Cô Độc cũng có người bạn thân tình khác, khi còn đi học chung thầy. Giống như câu chuyện trước, nhưng ở đây, người bạn này xuất thân từ một gia tộc thấp kém hơn gia tộc Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Những người bạn khác khuyên Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Thừa Trưởng giả, người này không ngang bằng với Trưởng giả về thọ sanh, dòng tộc, tài sản. Trưởng giả chớ thân cận người này.

Trưởng giả trả lời rằng:

⁽¹⁾- JA. Kaal.akan.n.iijaataka (Chuyện số 83).

- Tôi không thể bỏ người bạn thân chi vì thọ sanh, dòng tộc, tài sản.

Câu chuyện diễn ra giống như câu chuyện trên.

Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc trình lên Đức Thế Tôn vấn đề này, Ngài dạy rằng:

- Nay gia chủ, người bạn chân thật được xem trọng hơn thọ sanh, dòng tộc, tài sản, vì sao? Vì người ấy sẽ giúp ta giải quyết được gánh nặng hay khó khăn khi hữu sự. Thuở trước nhờ có được người bạn thân tình, vị Thần cây (rukkhadeva) đã cứu được cung điện của mình

Theo lời thỉnh cầu của Trưởng giả Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn nói lên Bốn sự Kusanāli.

***Bốn sự Kusanāli (Chư Thiên cỏ Kusa).**

Bốn sự.

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanai), Bôtát là vị thần cây cỏ Kusa trong vườn Ngự Uyển của Đức vua.

Nơi phiến đá Đức vua thường nằm nghỉ trong vườn Ngự Uyển, có cây cỏ thụ tàn lá rậm rạp, gọi là cây Điem lành.

Cây Điem lành là nơi trú ngụ của vị Nữ thần cây (rukkhadevī), Bôtát kết bạn thân tình với Nữ thần cây này.

Một trụ cột nơi lâu đài của vua Brahmadatta bị mục nên lung lay, Đức vua bảo những người thợ mộc Hoàng cung tìm danh mộc thay cột trụ lâu đài.

Nhóm thợ mộc vào rừng tìm cây quý, nhưng chưa tìm thấy, khi đi vào vườn Ngự Uyển, nhìn thấy cây Điem lành, nói với nhau rằng: “Đây là cây gỗ quý, có thể thay thế cột trụ lâu đài. Chúng ta hãy trình lên Đức vua”.

- Thưa Đại vương, chúng tôi tìm trong rừng không thấy nào có thể thay thế cây trụ cột của lâu đài. Trong vườn Ngự Uyển có cây Điem lành là thích hợp hơn cả, nhưng chúng tôi không dám đốn.

- Hãy đốn cây Điem lành để thay thế cây trụ cột lâu đài cho ta, ta sẽ trồng cây điem lành khác.

- Vâng, thưa Đại vương.

Nhóm thợ mộc mang lễ vật đi vào vườn Ngự Uyển tế lễ Thần cây, trình cho biết ngày mai sẽ đốn cây. Nữ thần cây suy nghĩ: “Ngày mai, nhà của ta bị phá vỡ rồi, ta ôm các con ta đi đâu bây giờ?”

Không tìm được chỗ trú ngụ, Nữ thần cây ôm con ngồi khóc, các vị thần cây khác đi đến tìm hiểu nguyên nhân, khi hiểu được sự việc, các vị Thần cây khác cũng không tìm được cách ngăn chặn nhóm thợ mộc đừng đốn cây Điem lành này, đành ngồi than vãn với Nữ thần cây.

Thần cây cỏ Kusa cũng đi đến thăm Nữ thần cây, biết được sự việc liền nói rằng:

- Nay Nữ thần cây, đừng buồn phiền nữa, ta có cách không cho nhóm thợ mộc đốn cây của nàng đâu.

- Nay Thần cây cỏ Kusa, có được như vậy không?

- Hãy đợi đến mai sẽ biết.

Hôm sau khi nhóm thợ mộc mang dụng cụ để đốn cây Điem lành, Bôtát hóa ra con Cắc kè chạy đến trước nhóm thợ mộc, rồi chui vào giữa gốc cây Điem lành, sau đó xuất hiện ở một nhánh cây cao giữa thân cây, tựa như thân cây bị rỗng ruột, nằm trên đó đưa cái đầu lắc qua lắc lại, nhìn nhóm thợ mộc. Người thợ mộc trưởng nói rằng:

- Ô ! Thì ra cây này bị rỗng ruột, chúng ta quên xem xét kỹ khi làm lễ tế Thần cây.

Cho rằng cây Điem lành không thể dùng làm cột trụ lâu đài được vì bị rỗng ruột, nhóm thợ mộc bỏ đi. Nhờ vậy cung điện của Nữ Thần cây không bị đốn ngã. Các Thần cây cùng Nữ thần cây tán thán trí tuệ Thần cây cỏ Kusa:

- Chúng ta là những Thần cây lớn, nhưng kém trí hơn Thần cây cỏ Kusa khiêm thốn. Chúng ta cần có những người bạn thân tình hơn ta, bằng ta hay kém hơn ta, người bạn thân tình này sẽ giúp đỡ chúng ta khi hữu sự.

Nhận diện Bốn sự.

Nữ thần cây Đìem lành nay là Ngài Ānanda, thần cây cỏ Kusa nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

d- Người bạn bán rượu.

Nhưng không phải bạn của Trưởng giả Cấp Cô Độc toàn là người tốt. Có những người bạn của Trưởng giả Cấp Cô Độc không tốt lắm.

Trưởng giả Cấp Cô Độc có người bạn bán rượu. Người này tích trữ rượu mạnh để bán cho đại chúng, người mua phải trả tiền mua rượu bằng vàng hay bạc. Đại chúng thường tụ tập đông đảo nơi quán rượu của y để uống rượu.

Y có người đệ tử học việc, một hôm khi khách mua rượu đến quán rượu đông đảo, y dạy người đệ tử rằng:

- Nay con thân, hãy lấy tiền trước khi giao rượu.

Sau khi dạy người học trò như vậy rồi, y đi tắm, người học trò bán rượu cho những người uống rượu. Những người uống rượu sau khi mua rượu, bảo người học trò mang đến cho họ muối và đường thề để vừa uống rượu vừa ăn muối với đường.

Người học trò suy nghĩ: “Có lẽ rượu thiếu muối, ta sẽ bỏ muối vào rượu rồi tăng tiền bán rượu lên”.

Người học trò bỏ vào bình rượu một ký muối, mang rượu ấy bán cho khách. Khi vừa uống vào, họ liền nhổ ra hỏi rằng:

- Người bỏ gì vào rượu thế?

- Các ông uống rượu đòi tôi mang muối đến, tôi bỏ muối vào trong rượu.

- Ô! Kê ngu kia, người đã làm hư rượu ngon rồi.

Khách mua rượu đứng dậy bỏ ra về. Khi biết chuyện, thầy của nó mắng rằng: “Này kê ngu kia, người đã phá rượu ngon của ta rồi”. Và đuổi người học trò ra khỏi quán rượu.

Y nói điều này với Trưởng giả Cấp Cô Độc, Trưởng giả suy nghĩ: “Đây là bài học lý thú”, nên trình lên Đức Thế Tôn về sự kiện này.

Đức Thế Tôn dạy:

- Nay gia chủ, không phải hôm nay kê học việc kia mới phá hư rượu, trong quá khứ nó cũng đã từng như vậy rồi. Và theo lời thỉnh cầu của Trưởng giả Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Vāruni (chuyện Rượu mạnh)⁽²⁾. Diễn tiến câu chuyện tương tự như trên.

e- Kê vong ân.

Tương truyền có một Trưởng giả sống ở vùng biên địa, cũng là một thương nhân và là bạn của Trưởng giả Cấp Cô Độc, nhưng hai người chưa từng gặp nhau.

Có lần vị Trưởng giả vùng biên địa cho năm trăm cỗ xe chất đầy hàng hóa đến thành Sāvatti (XáVệ) để buôn bán, Trưởng giả vùng biên địa bảo gia nhân rằng:

- Hãy đi, hãy mang những quà tặng này đến Trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng: “Thưa chủ, chủ tôi là Trưởng giả ... ở vùng biên địa, là bạn của chủ, chủ tôi có lễ vật mang đến biểu chủ”. Rồi nhờ Trưởng giả Cấp Cô Độc bán những hàng hóa này, đổi những hàng hóa ở thành Sāvatti mang về đây bán.

- Vâng, thưa chủ.

⁽¹⁾- JA. Kusanālijātaka . Chuyện số 121.

⁽²⁾- JA. Vārūnijātaka. Chuyện số 47.

Những gia nhân mang năm trăm cỗ xe hàng hóa đi đến kinh thành Sāvattthi, tìm gặp Trưởng giả Cấp Cô Độc, làm theo lời chủ dặn.

Trưởng giả Cấp Cô Độc tiếp đãi những người nhà của Trưởng giả vùng biên địa rất niềm nở, cho họ chỗ ở và tiền tiêu xài, hỏi thăm Trưởng giả vùng biên địa có được an lạc không? Rồi bán giúp những người này số hàng hóa, mua hộ họ những hàng hóa cần thiết đầy năm trăm cỗ xe mang về vùng biên địa bán. Những gia nhân trở về báo mọi việc đến Trưởng giả vùng biên địa.

Thời gian sau, Trưởng giả Cấp Cô Độc cho người nhà mang năm trăm cỗ xe chất đầy hàng hóa đến vùng biên địa để bán, mang theo tặng phẩm biểu Trưởng giả vùng biên địa. Trưởng giả vùng biên địa hỏi:

- Các người từ đâu đến?

- Thưa chủ, chúng tôi từ kinh thành Sāvattthi đến, chủ tôi là Trưởng giả Cấp Cô Độc, là bạn của chủ. Chủ tôi có lễ phẩm tặng cho chủ.

Những người nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc mang tặng phẩm ra, Trưởng giả vùng biên địa nhận tặng phẩm. Khi nghe những người nhà Trưởng giả nói lên ý định của Trưởng giả Cấp Cô Độc là nhờ Trưởng giả vùng biên địa bán hộ thương phẩm, đồng thời mua những thổ sản vùng biên địa mang về kinh thành Sāvattthi bán.

Trưởng giả vùng biên địa nói.

- Ô ! Nhiều người cũng có tên là Cấp Cô Độc.

Rồi bảo người nhà trực khách, không cho những người nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc chỗ ngụ, cùng với tiền tiêu xài.

Những người nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc phải tự xoay sở để bán hàng hóa mang theo, rồi mua những thổ sản vùng biên địa mang về kinh thành Sāvattthi. Khi trở về, những người nhà trình lện mọi việc đến Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Một lần nữa, Trưởng giả vùng biên địa lại cho mang 500 cỗ xe hàng hóa đến kinh thành Sāvattthi bán và lại nhờ Trưởng giả Cấp Cô Độc giúp đỡ như lần trước.

Thấy người nhà của Trưởng giả vùng biên địa đến, người nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc, không cho họ gặp Trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng:

- Chúng tôi sẽ lo chỗ ở, cơm ăn và tiền tiêu xài cho các bạn.

Những người nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc đưa năm trăm cỗ xe của họ ra ngoài thành Sāvattthi, nơi được lựa chọn sẵn, bảo họ thả những con bò ra cho chúng ăn cỏ, những cỗ xe được gom lại một chỗ, nói rằng.

- Các bạn hãy ở đây, chúng tôi sẽ cho mang vật thực cùng tiền tiêu xài đến các bạn.

Vào lúc nửa đêm, có bọn cướp đến tấn công nhóm người của Trưởng giả vùng biên địa, cướp sạch 500 cỗ xe hàng hóa, những người của Trưởng giả vùng biên địa chỉ còn bộ y phục mang trên người.

Sợ hãi, chúng cùng nhau bỏ chạy, trở về vùng biên địa.

Ngày hôm sau, Trưởng giả Cấp Cô Độc đi vào Đại tự Kỳ Viên, trình lên sự việc trên. Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Akataññū (kẻ vong ân). Diễn tiến tương tự như câu chuyện trên⁽¹⁾.

Bốn sự Hirī⁽²⁾ có nội dung tương tự như Bốn sự này

4- Những người làm của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.

Kinh điển Pāli có ghi nhận những câu truyện về những nô tỳ và người làm của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

a- Nữ nử tỳ Puṇṇā.

(1)- JA. Chuyện số 90.

(2)- JA. Chuyện số 363.

Nhờ thỉnh được Đức Thế Tôn ở lại kinh thành Sāvatti, nàng được thoát khỏi giai cấp nô tỳ, là con nuôi của Trưởng giả Cấp Cô Độc. Về sau, nàng xuất gia vào Ni đoàn và trở thành vị Thánh nữ ALaHán⁽¹⁾.

b- Nữ tỳ của bà Puññalakkhaṇā.

Vào một ngày lễ hội của kinh thành Sāvatti, người nữ hầu thân tín của bà Puññalakkhaṇā (vợ của Trưởng giả Cấp Cô Độc) cùng gia nhân trong nhà được chủ cho phép đi vui chơi lễ hội.

Nàng nữ tỳ mượn chủ món trang sức để đeo, bà Puññalakkhaṇā cho nàng nữ tỳ mượn món trang sức trị giá 100 ngàn tiền vàng.

Nàng nữ tỳ cùng với những gia nhân đi vào vườn Ngự Uyển để vui chơi, một tên cướp nhìn thấy món trang sức đặc giá của nàng nữ tỳ đang đeo trên người, muốn giết nàng để đoạt món trang sức đó.

Tên cướp lân la, làm quen với nàng nữ tỳ, cùng nàng đến một bãi cỏ trong Ngự Uyển, bày tiệc rồi mời nàng uống rượu.

Nàng nữ tỳ suy nghĩ: “Chàng này có lẽ thích ta”.

Vào buổi chiều tối, khi mọi người nằm nghỉ sau một ngày vui chơi mỗi mệt, nàng nữ tỳ đi đến tìm tên cướp, tên cướp bảo:

- Đây đây, nơi này không kín đáo, chúng ta hãy tìm nơi thuận tiện hơn.

Hắn đưa nàng nữ tỳ đến góc khu vườn vắng vẻ, rồi nhìn láo liên chung quanh, nàng nữ tỳ suy nghĩ:

- Nơi đây vắng vẻ, kín đáo, có lẽ anh này gạt ta đến đây giết ta để cướp đoạt món trang sức đặc giá này. Ta sẽ cho anh biết tay ta.

Nàng giả vờ khát nước, nói với tên cướp rằng:

- Thưa anh, em uống rượu nhiều nên khát nước quá, anh tìm nước em uống đi.

Tên cướp suy nghĩ:

- Giờ hãy còn sớm chưa thể thuận tiện ra tay, nhưng nếu trong thời gian ta đi tìm nước có người đến phỏng tay ta. Như vậy sẽ phí bao công sức của ta trong ngày hôm nay.

Tên cướp dẫn nàng nữ tỳ đến một giếng nước, khi tên cướp khom người kéo nước, nàng nữ tỳ xô tên cướp rơi xuống giếng, dùng đá lấp miệng giếng.

Khi trở về nhà, nàng thuật chuyện đến bà Puññalakkhaṇā, bà thuật lại cho Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Đại tự Kỳ Viên, trình câu chuyện lên Đức Thế Tôn.

Do nhân này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Sulasā⁽²⁾.

c- Nữ tỳ Rohinī.

Một người nữ tỳ của Trưởng giả Cấp Cô độc có tên là Rohinī.

Một hôm, mẹ của nữ tỳ Rohinī đi đến nơi giã gạo, nằm nghỉ, những con ruồi lớn (ruồi trâu) bu quanh cắn bà như đâm với mũi kim, bà kêu con gái:

- Đây con, những con ruồi này cắn ta, hãy đuổi chúng đi.

- Vâng, con sẽ đuổi chúng.

Nó cầm chày trên tay, khi con ruồi bu vào bà mẹ, nó nói:

- Ta sẽ giết ngươi.

Nó dùng chày đánh mạnh vào con ruồi, ruồi bay đi và bà mẹ của nó đã chết. Nó ngồi than khóc “mẹ ôi, mẹ ôi”.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp độ sinh (tập 11).

(2)- JA. Sulasājātaka. Chuyện số 419.

Người ta báo cho Trưởng giả Cấp Cô Độc biết, sau khi hỏa táng thi hài mẹ nữ tỳ Rohinī, Trưởng giả Cấp Cô Độc đi vào Đại tự Kỳ Viên trình lên Đức Thế Tôn việc này.

Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Rohinī rằng: “Trong quá khứ, nữ tỳ Rohinī này cũng đã từng giết chết mẹ mình bằng chiếc chày với ý định đập chết con ruồi đang bu trên mặt bà mẹ”.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

45- Seyyo amitto medhāvī; yañce bālānukampako.

Passa rohiṇikaṃ jammiṃ; mātaraṃ hantvāna socatī”ti.

“Tốt hơn là kẻ thù có trí; hơn kẻ thương mình không có trí”.

Như nhìn Rohini tệ hại; giết mẹ rồi than khóc⁽¹⁾.

d- Chủ trại bò Nanda.

Tương truyền trong thành Sāvatti (XáVệ) có người chủ trại bò tên là Nanda (Nandagopālaka), là thuộc hạ của Trưởng giả Cấp Cô Độc, cũng là người chăn bò của Đức vua Pasenadi.

Nanda rất giàu, có tài sản lớn nhưng tình nguyện là thuộc hạ của Trưởng giả Cấp Cô Độc, người ta bảo rằng: “Như Đạo sĩ tóc bện Keniya⁽²⁾ xuất gia làm đạo sĩ để bảo vệ tài sản của mình, cũng vậy Nanda tình nguyện làm thuộc hạ của Trưởng giả Cấp Cô Độc để bảo vệ tài sản của mình”.

Nanda thỉnh thoảng đem năm món ngư vị đến biếu Trưởng giả Cấp Cô Độc, rồi Nanda theo Trưởng giả Cấp Cô Độc đến Đại tự Kỳ Viên nghe pháp.

Nanda cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhu đến nhà để cúng dường vật thực, nhưng Đức Thế Tôn dời ngày đến nhà Nanda vì Ngài nhận thấy trí của Nanda chưa đến thời chín muồi.

Khi nhận thấy Nanda có khả năng chứng Thánh quả Dự Lưu, Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhu du hành đến nhà của chủ trại bò Nanda.

Đức Thế Tôn đến ngồi nơi cội cây gần nhà của Nanda, Nanda nghe gia nhân báo tin “Đức Thế Tôn đang ngồi nơi gốc cây gần nhà của mình”,

Chủ trại bò Nanda đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tỳkhu vào tư gia của mình để cúng dường vật thực thượng vị với 5 món ngư vị liên tục 7 ngày.

Vào ngày thứ 7, sau khi thọ thực xong Đức Thế Tôn tùy hỷ phước cúng dường vật thực đến chủ trại bò Nanda, rồi Ngài thuyết lên Tuần tự pháp (pubbakathā), tiếp đến Đức Thế Tôn thuyết lên lý Tứ Đế.

Khi chấm dứt Pháp thoại, chủ trại bò Nanda chứng Thánh quả Dự Lưu.

Hân hoan với Thánh quả vừa chứng đạt, Nanda ôm bát theo tiền Đức Phật trở về Tự viện, khi đi được một quãng đường xa, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Nanda, đến đây vừa đủ rồi, ngươi hãy trở về đi.

- Vâng, bạch Thế Tôn.

Nanda trao bát lại Đức Thế Tôn, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi quay trở về nhà. Trên đường trở về nhà, một người thợ săn nhìn lầm ngõ Nanda là con thú rừng, y bắn tên trúng Nanda và Nanda đã mệnh chung.

Các vị Tỳkhu ở phía sau bàn luận rằng:

- Nếu như Đức Thế Tôn không ngự đến đây thọ thực, Nanda không tiền Ngài thì không bị mũi tên sát hại.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhu, cho dù Như Lai có ngự đến đây hay không ngự đến đây, trong 4 phương 8 hướng cho dù Nanda đi hướng nào cũng bị mũi tên sát

(1)- JA. Rohinijātaka . Chuyện số 45.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 4).

hại. Thật vậy, cái hại từ kẻ thù hay từ bọn cướp gây ra cho ta, cái hại ấy còn nhỏ. Chính tâm tà vậy là cái hại lớn nhất nó dẫn người ấy rơi vào khổ cảnh.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

42- Diso disaṃ yaṃ taṃ kayirā; verī vā pana verinaṃ.

Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ; pāpiyo naṃ tato kare.

“Kẻ cướp hại kẻ cướp; nghịch thù hại nghịch thù.

Tâm hướng tà vậy; khiến kẻ ấy rơi khổ xứ”.

Đứt kệ ngôn nhiều vị Tỳkhuu chứng Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

e- Người thợ rừng.

Trong thành Sāvatti (XáVệ) có người nam nghèo khổ, anh đến xin làm công cho Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Hằng ngày anh phải vào rừng làm việc, tối mới trở về nhà.

Vào ngày Bótát (uposatha), cả nhà Trưởng giả đều thọ trì giới Bótát, Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi người nhà rằng:

- Người thợ rừng mới vào giúp việc có hiểu thông lệ nhà của ta chưa?

- Thưa chủ, chưa.

- Vậy hãy chuẩn bị vật thực cho người ấy theo thường lệ đi.

- Vâng thưa chủ.

Người nhà để dành phần cơm chiều cho người thợ rừng. Người thợ rừng làm việc vất vả trong rừng, chiều đến trở về nhà chủ.

Vừa đến nhà anh đã gọi lớn rằng:

- Hãy cho tôi cơm ăn, tôi quá đói rồi.

Người nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc dọn phần cơm của anh ra cho anh, anh nhìn quanh thấy chỉ có phần cơm của mình, ngạc nhiên anh hỏi:

- Mọi hôm, giờ này mọi người đều dùng cơm, sao hôm nay vắng lặng như thế?

- Vì anh mới vào làm nên chưa rõ thông lệ của chủ. Vào ngày Bótát cả nhà đều phải giữ gìn giới Bótát.

Rồi người nhà giải thích cho anh hiểu ngày Bótát, cách gìn giữ và lợi ích giới Bótát, anh nói:

- Nếu vậy, tôi cũng giữ giới Bótát có được không?

- Anh hãy đến hỏi chủ đi.

Anh thợ rừng đi đến Trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng:

- Thưa chủ, hôm nay là ngày Bótát, cả nhà chủ đều giữ giới Bótát, con cũng muốn giữ giới Bótát có được không?

- Nay con, muốn giữ giới Bótát con phải nguyện từ ban sáng. Nếu giờ này con giữ giới Bótát con chỉ được một nửa phước báu mà thôi.

- Thưa chủ, được nửa phần phước còn hơn không được gì.

Rồi theo lời dạy của chủ, anh súc miệng thật sạch, phát nguyện giữ Bótát giới. Vì làm việc mệt nhọc cả ngày lại không ăn tối nên trong đêm anh bị gió độc xâm nhập vào cơ thể, anh đau bụng dữ dội phải dùng sợi dây thắt chặt bụng, rồi nằm úp bụng xuống để chịu đựng.

Nghe người thợ rừng trúng gió đang đau bụng oằn oại, Trưởng giả Cấp Cô Độc sai người nhà thấp đuốc đi đến nơi anh thợ rừng, mang theo kẹo mật, bơ, dầu cùng cháo loãng. Trưởng giả bảo:

- Nay con, con đang đau bụng gió, hãy dùng cháo nóng cùng bơ, mật kẹo đường này đi.

- Thưa chủ, như vậy con có phước hay không?

- Không, vì con đã dứt giới Bótát.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 42.

- Nếu vậy, con không dùng. Con vốn vô phước nên là người nghèo khổ, nay may mắn tìm được chút phước lại hủy hoại phước này hay sao?

Mặc cho Trưởng giả cố gắng thuyết phục, anh kiên quyết không dùng vật thực. Khi mặt trời vừa lên cũng là lúc anh kiệt sức mệnh chung, tái sinh thành vị Thần cây (rukkhadeva) trong khu rừng gần kinh thành Kosambī⁽¹⁾.

5- Được ban địa vị Tối thắng.

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng Tứ chúng. Đức Thế Tôn tuyên bố:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ upāsakaṇaṃ dāyakaṇaṃ yadidaṃ sudatto gahapati anāthapiṇḍiko.

“Này các Tỳkhuu, trong hàng cận sự nam đệ tử của Ta, tối thắng về hạnh bố thí là gia chủ Sudatta Anāthapiṇḍika”⁽²⁾.

Tối thắng về Bố thí hạnh vì Trưởng giả Cấp Cô Độc đã:

- Bỏ ra 180 triệu tiền vàng mua đất của Vương tử Jeta.
- Bỏ ra 180 triệu tiền vàng xây dựng Đại tự Kỳ Viên.
- Bỏ ra 180 tiền vàng tổ chức lễ Lạc thành.

Cúng dường đến chư Tăng như sau:

*Dâng vật thực hằng ngày đến:

- 500 vị Tỳkhuu được dâng cháo loãng mỗi ngày qua phiếu thực.
- 500 vị Tỳkhuu được cúng dường vật thực qua phiếu thực.
- 500 vị Tỳkhuu vừa đến thành Sāvatti và vị không quen với việc khát thực hằng ngày (mới xuất gia).

- 500 vị Tỳkhuu sắp đi xa.

- 500 vị Tỳkhuu bệnh.

- 500 vị Tỳkhuu phục vụ vị Tỳkhuu bệnh.

*Luôn có 500 chỗ ngồi và vật thực cho các vị Tỳkhuu vắng lai.

*Cúng dường theo thời.

- 500 vị Tỳkhuu được dâng cháo loãng vào ngày trăng tròn và ngày không trăng.

- 500 vị Tỳkhuu được dâng vật thực vào ngày trăng tròn và ngày không trăng của tháng.

Ngoài ra, Trưởng giả Cấp Cô Độc có một cơ sở buôn bán ở làng Kāsī, ông dặn người quản lý cửa hàng rằng:

- Khi người thấy vị Tỳkhuu nào đến làng này, người hãy thay ta cúng dường đến vị Tỳkhuu ấy⁽³⁾.

***Bốn sự Piṭha (Ghế ngồi)**

Tuy vậy, trong Bản Sớ giải kinh Bốn sự (Jātaka-atthakathā) có ghi nhận:

Có vị Tỳkhuu từ vùng quê đến kinh thành Sāvatti, sau khi đi vào Đại tự Kỳ Viên, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi. Vị Tỳkhuu hỏi thăm những vị Sadi rằng: “Này các Sadi, nơi kinh thành này vị thí chủ nào là người hộ độ khách Tăng từ xa đến?”

- Thưa Ngài, có Trưởng giả Cấp Cô Độc và bà đại tín nữ Visākhā.

- Lành thay, lành thay, này các Sadi.

Vào sáng sớm hôm sau, vị Tỳkhuu khách ra đi thật sớm đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc, vì đến không hợp thời nên không ai ra đón tiếp vị ấy.

Không nhận được gì nơi đây, vị Tỳkhuu đi đến nhà bà Visākhā, cũng không hợp thời nên cũng không nhận được gì.

(1)- Dhpa. câu số 21 – 23.

(2)- A.i. 25.

(3)- Vin. iv. 162.

Vị Tỳkhuu khách đi quanh trong thành, đến giờ đến nhà Trưởng giả lại lạc đường, khi đến nơi thì các vị Tỳkhuu đã dùng sáng xong rồi ra đi, vị ấy lại đến nhà bà Visākhā, thấy cháo sữa đã hết.

Vị Tỳkhuu khách trở về Đại tự Kỳ Viên, nói rằng:

- Ở đây ai cũng nói hai gia đình ấy là những cận sự tín thành mộ đạo; nhưng thật ra chẳng tín thành mộ đạo chi cả.

Và như thế, ông đi khắp nơi ta thán hai gia đình này, khi các vị Tỳkhuu hỏi chuyện, vị Tỳkhuu khách thuật lại câu chuyện.

Câu chuyện được trình lên Đức Thế Tôn, Ngài cho gọi vị Tỳkhuu khách đến dạy rằng:

- Nay Tỳkhuu, vì sao ngươi lại phiền hà về chuyện nhỏ nhặt ấy? Thuở xưa trước khi Bạc Chánh Giác xuất hiện trên thế gian, những đạo sĩ khổ hạnh dù chẳng nhận được vật gì khi đến viếng thăm gia đình gia chủ, nhưng các vị ấy vẫn thản nhiên.

Theo lời thỉnh cầu các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Pīṭha.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên lý Tứ đế. dứt Pháp thoại vị Tỳkhuu khách chứng Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

6- Trưởng giả Anāthapiṇḍika thoát hiểm.

Kinh điển Pāli ghi nhận: “Trưởng giả Cấp Cô Độc có hai lần thoát khỏi nguy hiểm, đó là do Trưởng giả là người có trí tuệ sắc bén”.

a- Bị ám hại bằng rượu mê.

Trong thành Sāvattthi (XáVệ) có một nhóm du thủ, chúng thường tụ tập với nhau để uống rượu. Một hôm chúng hội với nhau bàn luận rằng:

- Tiền chúng ta đã cạn, làm thế nào chúng ta có tiền để uống rượu?

Một tên trong bọn nói:

- Tôi đã có cách.

- Cách gì?

- Trưởng giả Cấp Cô Độc thường mặc y phục quý đi vào Hoàng cung yết kiến Đức vua, trên tay ông đeo những chiếc nhẫn quý. Chúng ta sẽ dựng một quán rượu trên đường từ nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc đến Hoàng cung, pha thuốc mê vào trong bình rượu. Khi Trưởng giả yết kiến Đức vua trở về, chúng ta sẽ mời ông uống rượu, khi ông ấy mê, chúng ta sẽ lột y phục cùng những chiếc nhẫn của ông ta. Như vậy chúng ta sẽ có tiền mua rượu uống.

Chúng đã thực hiện kế hoạch ấy, khi Trưởng giả Cấp Cô Độc vào hầu vua trở về, chúng đi đến Trưởng giả Cấp Cô Độc, ân cần mời rằng:

- Thưa chủ, chúng con có loại rượu rất ngon, chúng con mời chủ hãy uống vài chung rồi hãy ra về.

Trưởng giả nhìn thấy quán rượu suy nghĩ: “ Bạc Thánh đệ tử Đức Thế Tôn làm sao có thể uống rượu. Quán này mới dựng lên, khi đi vào hầu vua ta không thấy, trở về lại thấy, hẳn là bọn này muốn thuốc mê ta để đoạt tài vật. Ta sẽ làm cho chúng vỡ mộng”.

Trưởng giả Cấp Cô Độc theo chúng vào quán, nhìn vào bình rượu còn đầy, Trưởng giả nói với bọn chúng rằng:

- Nay bọn nghiện rượu ác ý kia, các người đã pha thuốc mê vào rượu để gạt những người qua lại, rồi chiếm đoạt tài sản của người phải không? Quán này các người vừa dựng lên, lại khen ngợi rượu ngon đủ điều, nhưng bình rượu còn đầy, chúng tỏ không một ai trong các người dám uống rượu này.

Nếu rượu không pha thuốc mê, các người hãy uống trước cho ta xem nào.

Nghe vậy, bọn du thủ hoảng sợ bỏ chạy trốn tán loạn.

⁽¹⁾- JA. Pīṭhajātaka. Chuyện số 337.

Trưởng giả Cấp Cô Độc trình lên Đức Thế Tôn việc này.
Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Puṇṇapāti⁽¹⁾.

b- Bọn cướp phục kích.

Trưởng giả Cấp Cô Độc là thôn trưởng một ngôi làng, có lần ông phải đến ngôi làng để thu thuế ruộng.

Có bọn cướp hay tin Trưởng giả đến làng, chúng phục kích Trưởng giả trên đường trở về, chúng sai một đồng bọn thám thính xem Trưởng giả trở về chưa.

Trên đường trở về, Trưởng giả nhìn thấy tên cướp thám thính với dáng điệu khả nghi, Trưởng giả suy nghĩ: “Ta phải nhanh chóng trở về, không nên chậm trễ; chắc chắn tên kia là đồng bọn với bọn cướp, nó chạy báo tin cho bọn cướp biết”.

Trưởng giả Cấp Cô Độc thúc bò đi nhanh (chạy) trước tên cướp thám thính, và ông trở về kinh thành Sāvattthi (XáVệ) an toàn.

Hôm sau, Trưởng giả đến Đại tự Kỳ Viên trình lên Đức Thế Tôn về việc này. Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Verī⁽²⁾.

E- Một số việc liên quan với Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Trưởng giả Cấp Cô Độc tin mộ Đức Thế Tôn tuyệt đối, ngay cả việc gả hai người con gái của mình là Mahāsubhaddā và nàng Cūla Subhaddā, Trưởng giả cũng thỉnh ý Đức Thế Tôn⁽³⁾. Ngoài ra, Trưởng giả rất cung kính các vị Tỳkhuu.

1- Với Trưởng lão Kuṇḍadhāna (nhận phiếu thực đầu tiên).

Trong thời Đức Phật tại tiền, Ngài sinh ra trong gia tộc Bālamôn danh tiếng nơi kinh thành Sāvattthi (XáVệ), Ngài được đặt tên là Dhāna.

Khi trưởng thành Ngài Dhāna thông thạo ba tạng Veda, nghe được Pháp thoại từ Đức Thế Tôn, Ngài khởi tâm tịnh tín xuất gia trong Giáo pháp này.

Khi thọ Đại giới Tỳkhuu, do ác nghiệp trong quá khứ, một bóng hình nữ nhân xuất hiện sau lưng Ngài, bản thân Ngài không thấy nữ nhân ấy, nhưng mọi người đều trông thấy rõ ràng.

Khi Ngài Dhāna đi khất thực, các nữ cận sự thường châm biếm rằng: “Muỗng này dành cho Ngài, muỗng này dành cho người nữ bạn đồng hành của Ngài”.

Vì có bóng người nữ ở phía sau lưng, nên các vị Tỳkhuu trẻ hay Sadi trong Tự viện đã trêu cợt rằng:

- Vị Đại đức của chúng ta đã trở thành *koṇḍa* (chịu chuộng) nữ nhân”.

Nên Ngài được gọi là Kuṇḍadhāna (hay Kuṇḍadhāna).

Sự tình này đã tạo cho Ngài nhiều bức xúc, nhưng không có lời gì để biện bạch, nên Ngài cố gắng im lặng chịu đựng.

Trong Đại tự Kỳ Viên, sự kiện Ngài Kuṇḍadhāna có nữ nhân theo sau lưng đã làm cho chư Tăng bị ảnh hưởng không ít, các du sĩ ngoại giáo có cơ xuyên tạc châm biếm rằng: “Đệ tử Samôn Gotama có người thích dùng cám gạo (*kuṇḍa*), nhưng Samôn Gotama vẫn im lặng”.

Các vị Tỳkhuu phạm đi đến gặp Trưởng giả Cấp Cô Độc, nói rằng:

- Đây gia chủ, có một việc chúng tôi nhờ gia chủ trợ giúp.

- Thưa các Ngài, việc gì thế?

- Về Tỳkhuu Kuṇḍadhāna có nữ nhân theo phía sau lưng, Tỳkhuu này đã phá giới. Gia chủ hãy trục xuất ông này ra khỏi Tự viện, kéo chư Tăng trong Đại tự mang tiếng xấu chung vì ông này.

(1)- JA. Puṇṇapāti. Chuyện số 53.

(2)- JA. Verījātaka. Chuyện số 103.

(3)- DhpA. iii. 466.

- Bạch các Ngài, Đức Thế Tôn không có trong Đại tự sao?
- Nay gia chủ, Đức Thế Tôn hiện trú ngụ trong Đại tự, nhưng Ngài không nói gì đến việc này.
- Bạch các Ngài, Đức Thế Tôn thấu rõ mọi việc. Đức Thế Tôn sẽ xử lý việc này.

Trưởng giả Cấp Cô Độc từ chối việc yêu cầu của các vị Tỳkhuu. Các vị Tỳkhuu này lại đến thỉnh cầu bà Visākha tấn xuất Ngài Kuṇḍadhāna ra khỏi Đại tự Kỳ Viên. Tương tự như Trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Visākha cũng từ chối yêu cầu của các vị Tỳkhuu.

Các vị Tỳkhuu lại mang việc này đến vua Pasenadi (PaTưNặc), nói rằng:

- Thưa Đại vương, Tỳkhuu Kuṇḍadhāna đi đâu cũng dắt theo một nữ nhân, khiến chúng tôi bị mang tai tiếng rất nhiều. Xin Đại vương hãy tấn xuất Tỳkhuu Kuṇḍadhāna ra khỏi Tự viện đi.

- Bạch các Ngài, Tỳkhuu Kuṇḍadhāna đang trú ngụ nơi đâu?

- Thưa Đại vương, Tỳkhuu Kuṇḍadhāna đang trú trong Đại tự Kỳ Viên, nơi khu vực này.

- Vậy các Ngài hãy về đi, tôi sẽ cho người bắt vị ấy.

Vào buổi chiều Đức vua Pasenadi cùng quân binh đi đến Đại tự Kỳ Viên, cho bao vây liêu thất của Ngài Kuṇḍadhāna.

Nghe tiếng ồn ào bên ngoài, Ngài Kuṇḍadhāna bước ra khỏi liêu thất, thấy Đức vua Pasenadi đang đi đến, Ngài trở vào liêu thất, ngồi vào chỗ ngồi của mình. Đức vua Pasenadi nhìn thấy có một nữ nhân theo sau lưng Ngài Kuṇḍadhāna, liền đi đến liêu thất của Ngài Kuṇḍadhāna, thấy Ngài đang ngồi nơi chỗ ngồi của mình, Đức vua không đánh lễ Ngài, nhưng khi đến gần thì không thấy người nữ nào cả.

Đức vua nhìn chung quanh, dưới gầm giường đều không thấy, liền hỏi rằng: “Bạch Ngài, tôi vừa thấy một nữ nhân, nữ nhân ấy đâu rồi?”.

- Thưa Đại vương, tôi không thấy nữ nhân nào cả.

- Thưa Ngài, tôi vừa thấy một nữ nhân đứng sau lưng Ngài.

- Thưa Đại vương, tôi không thấy có nữ nhân nào cả.

Đức vua suy nghĩ: “Thế này là thế nào?”, nên thỉnh Ngài Kuṇḍadhāna:

- Xin thỉnh Ngài hãy bước ra khỏi liêu thất.

Khi Ngài Kuṇḍadhāna vừa bước ra khỏi liêu thất đứng trước sân, bóng hình nữ nhân lại xuất hiện. Đức vua lại thỉnh:

- Xin thỉnh Ngài trở vào liêu thất, ngồi vào chỗ ngồi của mình.

Khi ấy Đức vua đang đứng trong liêu thất của Trưởng lão, đưa mắt theo dõi nữ nhân. Khi Ngài Kuṇḍadhāna vào trong liêu thất thì bóng nữ nhân biến mất.

Cả ba lần đều như thế, Đức vua suy nghĩ: “Việc này có điều bí ẩn chi đây”, nên nói rằng:

- Thưa Ngài, tôi thấy rõ có bóng người nữ theo sau lưng Ngài, nhưng khi vào liêu thất thì bóng người nữ biến mất, nếu không tận mắt thấy, việc này thật khó tin. Bạch Ngài, có lẽ ngoài tôi ra, không ai đặt bát cúng dường đến Ngài đâu, tôi xin thỉnh Ngài, hằng ngày đến Hoàng cung để nhận vật thực cùng tứ sự của tôi cúng dường.

(Ngài Kuṇḍadhāna là người đầu tiên nhận phiếu thực từ Đức vua Pasenadi).

Rồi Đức vua trở lại Hoàng cung, các vị Tỳkhuu than phiền rằng:

- Chúng ta mời Đức vua Pasenadi đến để trục xuất Tỳkhuu Kuṇḍadhāna, không ngờ đã không trục xuất lại còn cúng dường vật thực cùng tứ sự hằng ngày đến Tỳkhuu Kuṇḍadhāna.

Các vị Tỳkhuu nói với Ngài Kuṇḍadhāna rằng:

- Nay Ngài phóng đấng, giờ đây Ngài được vua Pasenadi chiếu cố rồi.

Trước đây, vì chưa có ai xác minh mình vô tội, nên Ngài Kuṇḍadhāna cố gắng im lặng chịu đựng, nay đã có vua Pasenadi xác minh: “Đó là bóng ảo”, nên Ngài Kuṇḍadhāna không còn dẫn tâm nữa, trả đũa rằng:

- Các người mới là kẻ phóng đấng, thầy Tế độ của các người là kẻ phóng đấng, thầy nương nhờ của các người là kẻ phóng đấng nên đã không dạy dỗ các người.

Các vị Tỳkhuu nghe Ngài Kuṇḍadhāna nói những lời thô tục như thế, nên trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn cho gọi Ngài Kuṇḍadhāna đến, hỏi rằng:

- Nay Tỳkhuu, được nghe người mắng những vị Tỳkhuu vô tội phải chăng?

- Bạch Thế Tôn, có thật là như thế?

- Nay Tỳkhuu, vì sao vậy?

- Bạch Thế Tôn, vì những vị Tỳkhuu đã trêu cợt châm biếm con.

- Nay các Tỳkhuu, vì sao các người lại trêu cợt châm biếm Tỳkhuu Kuṇḍadhāna?

- Bạch Thế Tôn, vì chúng con thấy một nữ nhân theo sau lưng của Tỳkhuu Kuṇḍadhāna.

Đức Thế Tôn hỏi Ngài Kuṇḍadhāna rằng:

- Nay Tỳkhuu, vì các Tỳkhuu này thấy có người nữ theo sau lưng người đã trêu cợt châm biếm người. Còn người có thấy nữ nhân nào đi theo sau các vị Tỳkhuu ấy chăng mà người lại nói như thế?

- Bạch Thế Tôn, con không thấy.

- Nay Tỳkhuu, trong quá khứ người đã tạo một ác bất thiện nghiệp, nay sao lại còn tạo ác bất thiện nghiệp nữa?

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nói lên tiền nghiệp của Tỳkhuu Kuṇḍadhāna như sau.

****Tiền nghiệp bất thiện.***

Vào thời Đức Phật Kassapa, tuổi thọ chúng sinh là 20.000 năm, tiền thân Ngài Kuṇḍadhāna là vị Thiên nhân địa cầu.

Có hai vị Tỳkhuu sống rất hòa thuận tương kính lẫn nhau như anh em ruột thịt. Vào thời ấy, cứ 6 tháng chư Tăng mới làm lễ Uposatha (Bồ tát) một lần, vào ngày lễ Bồ tát hai vị rủ nhau rằng: “Chúng ta hãy đến nơi chư Tăng tụ hội để làm lễ Bồ tát”.

Rồi từ nơi cư trú cùng đi với nhau đến nơi làm lễ Bồ tát.

Vị Thiên nhân địa cầu nhìn thấy hai vị Tỳkhuu này, hiểu rõ sự tương hòa của hai vị, suy nghĩ rằng: “Hai vị Tỳkhuu này rất hòa thuận với nhau, có thể nào ly gián hai vị ấy được chăng?”.

Trên đường đi, một vị Tỳkhuu nói rằng:

- Hiền giả hãy từ từ đi, tôi cần phải giải quyết bức bách cơ thể.

Vị Tỳkhuu kia đi đến một khoảng cách rồi dừng lại chờ đợi Tỳkhuu bạn.

Vị chư Thiên địa cầu nảy ra cách gây ly gián hai vị Tỳkhuu, khi vị Tỳkhuu giải quyết bức bách cơ thể xong, đi ra khỏi lùm cây. Vị Thiên nhân hóa thân thành một nữ nhân xinh đẹp từ trong lùm cây (nơi vị Tỳkhuu vừa giải quyết bức bách cơ thể) đi ra theo sau lưng vị Tỳkhuu, nhưng vị này không hề thấy nữ nhân, vị thiên nhân chỉ cho vị Tỳkhuu kia thấy mà thôi.

Nữ nhân một tay cuốn lại mái tóc đang xổ tung ra, một tay vịn lại chiếc y hạ, tựa như vừa mới giao hợp xong.

Khi biết vị Tỳkhuu kia đã nhìn thấy, nữ nhân liền tách ra đi đường khác, khi khuất tầm nhìn của vị Tỳkhuu thì biến mất.

Vị Tỳkhuu kia phẫn nộ rằng: “Ta không hề nghĩ Tỳkhuu này lại hèn hạ như thế, bao lâu nay thiện ý của ta lại dành cho kẻ xấu xa phá giới rồi. Ta sẽ cắt đứt sự kết giao với người, ta sẽ không đi chung đường với kẻ phá giới như người nữa”.

Khi vị Tỳkhuu giải quyết bức bách cơ thể đi đến, vị kia bảo:

- Nay hiền giả, hiền giả đã làm hoại giới rồi phải không?

- Nay hiền giả, hiền giả nói gì thế? Tôi không hề làm hoại giới.

- Chính mắt tôi vừa nhìn thấy một nữ nhân đi sau lưng ông, dáng điệu như vậy ... như vậy... Ông còn che dấu được sao? Đây là y bát của ông, ông hãy nhận lại đi, tôi không bao giờ đi chung đường với ông nữa.

Như bị sét đánh ngang tai, vị Tỳkhuu bị cáo (*cuditaka*) cảm thấy như có mũi dao bén đâm vào tim, nên nói rằng:

- Nay hiền giả, chớ nên nói vậy. Tôi không có phá giới, tôi không làm hoại giới hạnh của mình đâu. Tôi đã làm gì mà hiền giả gọi tôi là kẻ phá giới?

- Nay ông, những vi phạm nhỏ tôi có thể bỏ qua, nhưng đây là trọng giới, ông đã cùng một nữ nhân xinh đẹp đi vào lùm cây và đã phá giới cùng nữ nhân ấy.

- Nay hiền giả, không có chuyện ấy đâu, vì sao hiền giả lại nói như vậy? Tôi không hề thấy một nữ nhân nào như lời hiền giả vừa nói.

Vị Tỳkhuu bị cáo đã ba lần phủ nhận, nhưng không thể làm cho vị Tỳkhuu nguyên cáo (*codaka*) chuyển tâm, vì vị nguyên cáo tin chắc chắn vào sự thấy của mình.

Vị Tỳkhuu bị cáo cảm thấy mình bị sỉ nhục, nên phẫn nộ nói rằng:

- Nay hiền giả, tôi không ngờ hiền giả lại đê tiện đến như thế, đặt điều vu khống cho tôi. Thiện ý bao lâu nay đặt vào hiền giả thật là vô vị, phí công tôi đã dành thiện cảm cho kẻ không ra gì. Vậy chúng ta, đường ai nấy đi, tôi không đi chung đường với ông nữa.

Thế là hai vị Tỳkhuu đang hòa thuận, bỗng chốc tách ly nhau.

***Vị Thiên nhân hối hận.**

Trong Bồ tát đường, nơi thực hành lễ Uposatha (Bồ tát), vị Tỳkhuu nguyên cáo nhìn thấy vị Tỳkhuu bị cáo đang ngồi trong hội chúng Tỳkhuu, đã tố cáo vị kia trước Tăng chúng rằng:

- Kính bạch các Ngài, vị Tỳkhuu kia đã làm hoại giới hạnh, ông ấy không thể làm lễ Bồ tát chung với chúng ta được. Tôi không thực hành lễ Uposatha với kẻ phá giới như ông ấy.

Vị Tỳkhuu bị cáo phẫn nộ nói rằng:

- Kính bạch các Ngài, chính ông ấy là kẻ đê tiện đã vu khống tôi làm hoại giới. Bạch các Ngài, tôi không hề phạm lỗi nào dù nhỏ như hạt mè.

- Bạch các Ngài, chính mắt tôi đã nhìn thấy một nữ nhân xinh đẹp đi sau lưng ông ấy với dáng điệu như vậy ... như vậy...

- Bạch các Ngài, việc này không hề có, ông ấy đã vu khống cho tôi. Ông ấy thật là kẻ đê tiện.

Một vị buộc tội, một vị lại phủ nhận, chư Tăng không biết phải xử lý ra sao? Vị thiên nhân cảm thấy toàn thân như bị lửa nóng thiêu đốt, hối hận vị ấy suy nghĩ: “Ta đã tạo một ác trọng nghiệp rồi, ta đã ngu muội gây ly gián hai vị Tỳkhuu có giới hạnh. Nếu không sám hối và làm rõ việc này, e rằng đầu ta sẽ bị nứt thành 7 mảnh”.

Vị thiên nhân liền hiện thân nơi Bồ tát đường, đứng giữa hư không bạch với các vị Tỳkhuu rằng:

- Bạch các Ngài, đây là việc làm của tôi. Tôi ngu muội khi nghĩ rằng: “Có cách nào để gây ly gián giữa hai vị Tỳkhuu này chăng?”.

Vị Thiên nhân tường thuật lại việc mình làm và sám hối hai vị Tỳkhuu, đồng thời xác minh rằng: “Vị Tỳkhuu bị cáo là vô tội”.

Và chư Tăng thực hành lễ Bớtát cùng nhau, nhưng hai vị Trưởng lão không còn giữ được tình thân hữu với nhau như trước nữa.

Mệnh chung, hai vị Trưởng lão sinh về thiên giới, còn vị thiên nhân rơi vào địa ngục Avīci (Atỳ) suốt thời gian hai vị Phật.

Đến thời Đức Phật hiện tại, vị ấy thoát ra khỏi địa ngục Atỳ, tái sinh là Ngài Kuṇḍadhāna hiện tại.

Sau khi nói lên tiền nghiệp của Ngài Kuṇḍadhāna, Đức Thế Tôn dạy Ngài Kuṇḍadhāna rằng:

- Nay Tỳkhuu, trước người đã tạo một ác trọng nghiệp như thế, giờ tại sao người còn tạo ác khẩu nghiệp như thế?.

Nay Tỳkhuu, người hãy là người im lặng như cái chuông bị bể không còn âm thanh dễ chịu, khi thực hành như thế người sẽ đến Nípàn, người sẽ không còn phần nộ, hiềm hận.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn:

133- Māvoca pharusam kañci; vuttā paṭivadeyyu tam .

Dukkā hi sārambhakathā; paṭidaṇḍā phuseyyu tam .

“Chớ nói lời ác độc; nói ác bị nói lại.

Khổ thay lời phần nộ; đao trượng phần chạm người”.

134- Sace neresi attānam; kaṃso upahato yathā.

Esa pattosi nibbānam; sārambho te na vijjati.

“Nếu tự mình yên lặng; như chiếc chuông bị bể.

Người đã chứng Nípàn; người không còn phần nộ” (HT.TMC d)⁽¹⁾.

Dứt kệ ngôn nhiều vị Tỳkhuu có cả Ngài Kuṇḍadhāna chứng Thánh quả Dự Lưu.

Từ khi được Đức vua Pasenadi hộ độ, Ngài Kuṇḍadhāna nỗ lực tu tập chứng đắc thiên tịnh rồi phát triển tuệ quán chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Khi Ngài chứng Thánh quả ALaHán, bóng nữ nhân theo sau lưng biến mất.

Tiền sự.

Cách hiền kiếp này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân Ngài Kuṇḍadhāna tái sinh vào một gia tộc Trưởng giả danh tiếng nơi thành Hamsavatī.

Có lần vị Trưởng giả này chứng kiến một vị Trưởng lão được Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho địa vị: “Tối thắng được nhận phiếu thực đầu tiên (của hàng tín thí)”.

Trưởng giả mong ước đạt được địa vị này, nên cúng dường đến Đức Phật Padumuttara cùng 68 ngàn vị Tỳkhuu trọn 7 ngày, rồi ước nguyện đạt được địa vị trên trong thời Giáo pháp của Đức Chánh giác tương lai.

Đức Phật Padumuttara tiên tri rằng: “Sau 100 ngàn kiếp trái đất, ước vọng của thiện gia tử này sẽ thành tựu như ý trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Gotama”.

Mệnh chung, tiền thân Ngài Kuṇḍadhāna tái sinh về thiên giới. Luân lưu trong vòng luân hồi, đến thời Đức Thế Tôn Kassapa, tiền thân Ngài Kuṇḍadhāna tái sinh thành vị thiên nhân địa cầu như đã thuật ở trên.

Trong tập Ký sự (Apadāna) có ghi nhận: “Có lần gia chủ này cúng dường đến Đức Phật Padumuttara một nải chuối chín, khi Đức Thế Tôn vừa xuất

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 133 – 134; AA. i. 146 ff.; Thag. A. i. 62. Chuyện trong DhpA có chút ít khác biệt.

khỏi đại định. Do quả phước này, hậu thân gia chủ ấy làm vua trên Thiên giới 11 kần, làm vị Đại đế nơi nhân loại là 24 lần⁽¹⁾.

***Có danh xưng tối thắng.**

Trong những chuyến Đức Phật du hành đến thành phố Ugga theo lời thỉnh cầu của nàng Mahā Subhaddā, đến thị trấn Sāketa theo lời thỉnh cầu của nàng Cūḷa Subhaddā, đến xứ Sunāparanta.

Ngài Kuṇḍadhāna đều tháp tùng theo Đức Thế Tôn (chỉ có những vị Thánh ALaHán mới được tháp tùng theo Đức Thế Tôn trong những lần này), Ngài Kuṇḍadhāna là người đầu tiên nhận phiếu thực từ những tín thí.

Vào thời điểm thích hợp giữa hàng tứ chúng, Đức Thế Tôn tuyên bố:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ paṭhamam salākaṃ gaṇhantānaṃ yadidaṃ kuṇḍadhāno:

“Này các Tỳkhu, trong số những Tỳkhu đệ tử Như Lai, tối thắng về nhận phiếu thực (salāka) đầu tiên là Kuṇḍadhāna”⁽²⁾.

Trong tập Kệ ngôn Trưởng lão Tăng (Theragāthā) có ghi nhận kệ ngôn của Ngài Kuṇḍadhāna như sau.

Khi chúng đạt Thánh quả ALaHán, để nói lên sức mạnh cùng Thánh trí của mình, Ngài Kuṇḍadhāna nói với các vị Tỳkhu như sau.

15- Pañca chinde pañca jahe; pañca cuttari bhāvaye.

Pañcasaṅgātigo bhikkhu; oghatiṇṇoti vuccati”ti.

“Cắt đứt năm⁽³⁾, từ bỏ năm⁽⁴⁾; năm cần tu tập⁽⁵⁾.

Tỳkhu thoát ra năm⁽⁶⁾, gọi là vượt dòng nước xoáy”⁽⁷⁾.

Trong buổi Đức Thế Tôn thuyết kinh Naḷakapāna nơi rừng Palāsa (Palāsavana) trong làng Naḷakapāna đến các Thích tử như Ngài Anuruddha, Kimbila, Nandiya ... có sự hiện diện của Ngài Kuṇḍadhāna⁽⁸⁾.

2- Trưởng giả Anāthapiṇḍika đuổi Thiên nữ.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika với tâm hào phóng, ngoài ba ngôi báu là Phật Pháp Tăng, Trưởng giả không xem nặng tài vật.

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên, mỗi ngày Trưởng giả Cấp Cô Độc đi vào Đại tự Kỳ Viên đánh lễ Đức Thế Tôn ba lần: Sáng, trưa và chiều, ngoài ra còn những lần ngoại lệ khác.

Có khi Trưởng giả đi một mình, có khi đi với những người bạn, khi đi Trưởng giả luôn suy nghĩ: “Ta nên đến cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng những gì?”, đồng thời các Sadi hay Tỳkhu trẻ thường nhìn trên tay ông có mang theo gì không.

Vào buổi sáng, Trưởng giả cho người nhà mang theo cháo loãng; sau buổi điểm tâm Trưởng giả cúng dường sữa chua (thục tô), sữa lỏng (sanh tô)... buổi chiều Trưởng giả mang theo hương hoa, vật thơm, vật thoa, vải ... cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Những thương buôn vay Trưởng giả 180 triệu tiền vàng, nhưng Trưởng giả chẳng màng đòi, do vậy họ yên lặng không chịu trả lại. Tài sản trị giá 180 triệu tiền vàng chôn cạnh bờ sông Aciravāṅga, bị nước lũ làm sụp đổ và nước cuốn trôi đi vào lòng đại dương.

Thế là, tài sản Trưởng giả Cấp Cô Độc từ từ khánh tận.

(1)- Ap. i. 81

(2)- A.i. 24.

(3)- Chỉ cho 5 sợi giây trời buộc bậc thấp là: Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ.

(4)- Chỉ cho 5 sợi giây trời buộc bậc cao là: Ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

(5)- Chỉ cho 5 quyền, năm lực.

(6)- Chỉ cho: Tham, sân, si, mạn, kiến.

(7)- Thag. 15. Kuṇḍadhānattheragāthā.

(8)- M.i. 462.

Tuy sa sút tài sản, nhưng Trưởng giả vẫn cúng dường vật thực đến các vị Tỳkhuu hằng ngày, nhưng không thể có loại vật thực tốt như thuở trước.

Hiểu rõ tâm trạng áy náy của Trưởng giả Cấp Cô Độc, khi Trưởng giả Cấp Cô Độc đi vào Đại tự Kỳ Viên, đến đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Này gia chủ, người có bố thí trong gia đình của người không?

- Bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí, nhưng chỉ có món ăn thô tẻ làm bằng bột gạo bễ (lūkhaṃ kanājakam) và cháo chua (bilanga dutiyam).

Đức Thế Tôn dạy: “Phẩm chất vật thí không quan trọng bằng tâm người bố thí (có chú tâm, tự tay bố thí...) và người thọ thí.

Tiếp đến Đức Thế Tôn thuật lại sự bố thí của Bàlamôn *Velāma*, bố thí này rộng lớn tựa như dòng sông do 5 con sông lớn hợp lại, nhưng không có Thánh nhân thọ nhận.

Đức Thế Tôn xác nhận rằng: “Bàlamôn *Velāma* chính là tiền thân của Ngài”, Đức Thế Tôn dạy thêm rằng:

- Nếu có ai bố thí đến một người có chánh kiến⁽¹⁾, bố thí này có quả lớn hơn bố thí của Bàlamôn *Velāma*.

- Nếu có ai bố thí đến một vị Nhất Lai, bố thí này có quả lớn hơn người bố thí như Bàlamôn *Velāma* đến 100 vị có chánh kiến.

- Nếu có ai bố thí đến một vị Bất Lai, bố thí này có quả lớn hơn người bố thí như Bàlamôn *Velāma* đến 100 vị Nhất Lai.

Nếu có ai bố thí đến một vị ALaHán, bố thí này có quả lớn hơn người bố thí như Bàlamôn *Velāma* đến 100 vị Bất Lai.

- Nếu có ai bố thí đến một vị Độc Giác, bố thí này có quả lớn hơn người bố thí như Bàlamôn *Velāma* đến 100 vị ALaHán.

- Nếu có ai bố thí đến một vị Chánh Giác, bố thí này có quả lớn hơn người bố thí như Bàlamôn *Velāma* đến 100 vị Độc Giác.

Đức Phật dạy thêm rằng: “Quan trọng hơn bố thí rộng lớn, xây dựng Tự viện là nương nhờ Tam Bảo, giữ gìn 5 giới; quan trọng hơn nương nhờ Tam Bảo, giữ gìn 5 giới, là thực hành tu tập tâm Từ; quan trọng hơn tu tập tâm Từ, là tu tập tướng Vô thường. Tu tập tướng Vô thường là quan trọng

Cũng trong nhân duyên này, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự *Khadiraṅgara*.

***Bàlamôn *Velāma*.**

Velāma (Bồ tát) là con vị Cố vấn Tế lễ sư của Đức vua trị vì kinh thành *Bārāṇasī*.

Ngài cùng Thái tử con Đức vua trị vì kinh thành *Bārāṇasī* theo học ở *Takkasilā*.

Bàlamôn *Velāma* là một danh sư nổi tiếng có 84 ngàn Vương tử là học trò, Ngài cũng là vị Cố vấn Tế lễ sư của Đức vua.

Hằng năm, 84 ngàn Vương tử về yết kiến Đức vua, gây nhiều phiền hà cho dân chúng. Để trấn an mọi than phiền, Bàlamôn *Velāma* ban cho 84 ngàn lãnh địa (tinh) đến 84 ngàn Vương tử cai quản.

Bàlamôn *Velāma* có đại tài sản, Ngài muốn tìm Thánh nhân để bố thí. Ngài nguyện rằng: “Nếu có Thánh nhân trong thế gian này, nước sẽ chảy xuống. Nếu không có Thánh nhân thì nước ở nguyên trong ghè”.

Rồi Ngài lật úp ghè nước xuống, nước vẫn ở nguyên trong ghè không chảy xuống. Bàlamôn *Velāma* biết rằng: “Thời này không có Thánh nhân, như vậy sự bố thí của ta không có kết quả lớn, không có lợi ích lớn”.

(1)- Chỉ cho bậc Dự Lưu.

(2)- A.iv. 392. Kinh này được trích dẫn trong *DhpA. iii. 11; KhA. 22; DA.i. 234; VibhA. 414.*

Tuy vậy, Ngài vẫn bố thí rộng lớn, không khác chi nước dòng sông do năm con sông lớn hợp lại. Sự bố thí của Bàlamôn Velāma kinh điển gọi là *Velāmahāyañña*⁽¹⁾.

Trong nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc luôn có 500 phần vật thực dành cho 500 vị Tỳkhuu, giống như giếng nước trong xanh ở ngã tư đường cho các vị Tỳkhuu, nên Đức Chánh Giác, 80 vị Đại Trưởng lão, cùng các vị Tỳkhuu có giới hạnh thường đi đến.

Nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc có 7 tầng lầu với 7 cửa gác, cửa gác thứ tư là nơi trú ngụ của nàng Thiên nữ tà kiến.

Khi Bậc Chánh Giác hay các Thánh đại đệ tử đến nhà của Trưởng giả Cấp Cô Độc, nàng thiên nữ không thể ở trong nhà được, phải ẩm những đứa con nhỏ xuống tầng cuối cùng, nàng Thiên nữ suy nghĩ: “Khi Samôn Gotama hay các đệ tử Samôn Gotama đến, ta không thể ở nơi tầng thứ tư, phải xuống tận tầng cuối cùng, ta phải làm cho Samôn Gotama cùng các đệ tử không đến căn nhà này được nữa. Khi gia chủ này tài sản còn sung mãn, ta không thể nói gì được, nay tài sản của gia chủ này khánh tận, ông ta sẽ nghe theo lời ta”.

Vào ban đêm, nàng Thiên nữ với hào quang sáng chói, đi vào phòng riêng của Trưởng giả Cấp Cô Độc, đứng trên hư không. Trưởng giả hỏi:

- Ai vậy?

- Đây Trưởng giả, là Thiên nữ trú ngụ nơi tầng cửa thứ tư nơi lầu đài của ông.

- Nàng đến đây có việc gì?

- Ta có lời muốn khuyên giáo ông.

- Nàng hãy nói đi.

- Đây Trưởng giả, ông không chịu nhìn xa nên đã phung phí rất nhiều tài sản có được cho Giáo pháp của Samôn Gotama cùng các đệ tử Samôn Gotama, nên giờ đây tài sản của ông khánh tận, nhưng ông vẫn chưa tỉnh ngộ. Nếu ông tiếp tục bố thí như trước, chỉ vài hôm nữa ông sẽ chẳng còn gì. Ông hãy ngưng bố thí đến Samôn Gotama cùng các đệ tử Samôn Gotama đi

- Đây Thiên nữ, đây là huấn từ của nàng đây ư?

- Đúng vậy, này Trưởng giả.

- Vậy nàng hãy đi khỏi nơi đây đi. Dù một trăm, một ngàn hay một trăm ngàn người như người cũng không lay chuyển ý cứng dường đến Đức Đạo sư cùng đệ tử Đức Đạo sư nơi tâm ta được. Lời của người không đúng với chân Pháp, người không thể ở trong nhà của ta được, người hãy đi đi.

Lời của vị Thánh Dự Lưu có uy lực lớn, khiến Thiên nữ không thể đứng yên được, phải ẩm những đứa con ra khỏi lầu đài của Trưởng giả Cấp Cô Độc. Nhưng nàng không thể tìm ra chỗ trú ngụ mới. nàng suy nghĩ: “Ta phải sám hối Trưởng giả để có thể trở về nơi trú ngụ cũ”.

Nàng đi đến vị chư Thiên cai quản kinh thành Sāvatti (XáVệ) khẩn cầu rằng: “Xin Ngài hãy giúp tôi một việc”.

- Đây Thiên nữ, việc gì thế?

Nàng Thiên nữ thuật lại câu chuyện, rồi thưa rằng:

- Xin Ngài đưa tôi đến gặp Trưởng giả Cấp Cô Độc, nói hộ tôi vài lời. Tôi sẽ sám hối với Trưởng giả để được trở về chỗ ngụ cũ.

Vị chư Thiên cai quản thành Sāvatti từ chối rằng:

- Ô ! Lời của người nói nghe không thích hợp, ta không thể giúp người được. Người hãy tìm đến Tứ Đại vương xem sao.

(1)-MA. ii. 616.

Nàng Thiên nữ tìm đến Tứ Đại Vương, khi nghe rõ sự việc Tứ Đại vương cũng từ chối rằng:

- Nay Thiên nữ, người đã tạo một ác nghiệp rất lớn. Chúng ta không thể giúp nàng được.

Nàng Thiên nữ suy nghĩ: “Giờ đây ai có thể giúp được ta? Chỉ còn có Thiên vương Sakka. Ta hãy đến van nài Thiên vương Sakka”.

Nàng đi đến đánh lễ Thiên vương Sakka, sau khi thú nhận mọi lỗi lầm rồi van cầu thiết yếu rằng:

- Thưa Đại vương, hiện giờ tôi không có chỗ nương trú, lại phải ẩm theo mấy con nhỏ rất khổ sở. Xin Đại vương giúp tôi đến gặp Trưởng giả Cấp Cô Độc, nói giúp hộ tôi, tôi sẽ sám hối với vị ấy để được trở về chỗ ngụ cũ.

Thiên vương Sakka (Đế Thích) nói rằng:

- Ta không thể có lời bào chữa cho người được, vì người đã khinh thường pháp của bậc Thượng nhân. Tuy nhiên, ta sẽ dạy người cách thức chuộc lỗi, để người có thể trở về chỗ ngụ cũ.

- Lành thay, lành thay, xin Ngài hãy chỉ dạy tôi đi.

- Người hãy hóa thân thành người thư ký của Trưởng giả Cấp Cô Độc, đi thu tiền nợ 180 triệu đồng vàng mà những thương nhân vay của Trưởng giả, mang về kho cho Trưởng giả.

Trưởng giả Cấp Cô Độc có tài sản là 180 triệu tiền vàng bị nước cuốn trôi vào lòng biển, người hãy dùng thần lực của mình mang hết số tài sản ấy về kho cho Trưởng giả.

Nơi đáy biển có số tài sản vô chủ là 180 triệu tiền vàng của những thương nhân bị bão đánh chìm, người hãy mang số tài sản ấy về kho cho Trưởng giả.

Khi người làm xong ba việc này, rồi đến sám hối với Trưởng giả Cấp Cô Độc, người mới được trở về chỗ ngụ cũ.

- Lành thay, lành thay, thưa Thiên vương Sakka.

Nàng Thiên nữ làm theo lời dạy của Thiên vương Sakka, sau khi hoàn tất ba việc để chuộc lỗi. Vào ban đêm nàng đi đến phòng riêng của Trưởng giả với hào quang sáng chói, đứng trên hư không. Trưởng giả hỏi:

- Ai vậy?

- Thưa Ngài, tôi là Thiên nữ ở cửa gác tầng thứ tư. Lần trước vì ngu muội đã có lời xúc phạm đến Giáo pháp, xúc phạm đến Ngài. Tôi đã theo lời dạy của Thiên vương Sakka, làm ba việc để chuộc lỗi. Xin Ngài hãy tha thứ lỗi cho tôi, cho tôi được trở về chỗ ngụ cũ.

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ:

- Thiên nữ này nói: “Đã làm ba việc để chuộc lỗi”, như vậy nàng đã biết hối lỗi, Ta hãy đưa nàng đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nói với nàng Thiên nữ rằng:

- Nay Thiên nữ, người hãy sám hối lỗi lầm của mình trước Bậc Đạo sư, khi ấy ta mới tha lỗi cho người.

- Lành thay, lành thay, thưa Trưởng giả.

Hùng sáng, Trưởng giả Cấp Cô Độc đi vào Đại tự Kỳ Viên yết kiến Đức Thế Tôn. Vào hùng sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn với Phật trí quán xét thế gian, thấy được duyên lành Thánh quả Dự Lưu của nàng Thiên nữ và hiểu rõ toàn bộ sự việc.

Khi nhìn thấy Trưởng giả Cấp Cô Độc từ xa, Đức Thế Tôn rời khỏi con đường kinh hành đến ngồi vào nơi được soạn sẵn.

Trưởng giả Cấp Cô Độc cùng Thiên nữ đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi Trưởng giả Cấp Cô Độc tường trình mọi việc đến Đức Thế Tôn.

Bấy giờ nàng Thiên nữ mọp đầu dưới chân Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con vì mê si mù quáng, không biết được ân đức của Thế Tôn, nên có lời ác quấy xúc phạm đến Ngài. Xin Ngài từ mẫn tha thứ tội lỗi ấy cho con.

Rồi Thiên nữ quay sang Trưởng giả Cấp Cô Độc thưa rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm cho tôi đi.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay gia chủ, thật vậy, trong thế gian này khi quả ác nghiệp chưa chín muồi, kẻ hành ác thấy là lạc. Nhưng khi ác quả trở sinh, bấy giờ kẻ hành ác mới thấy là khổ. Khi quả thiện chưa chín muồi, người hành thiện thấy là khổ, khi thiện quả trở sinh, người hành thiện thấy là lạc.

Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại, cuối thời Pháp Ngài thuyết lên hai kệ ngôn:

119- Pāpopi passati bhaddam; yāva pāpam na paccati.

Yadā ca paccati pāpam; atha pāpo pāpāni passati.

“Người ác thấy là hiền; khi ác chưa chín muồi.

Khi ác nghiệp chín muồi; người ác mới thấy ác”.

120- Bhaddopi passati pāpam; yāva bhaddam na paccati;

Yadā ca paccati bhaddam; atha bhaddo bhadrāni passati.

“Người thiện thấy là ác; khi thiện chưa chín muồi.

Khi thiện được chín muồi; người hiền thấy là thiện” (HT. TMC d).

Nghe dứt kệ ngôn, nàng Thiên nữ chứng Thánh quả Dự Lưu⁽¹⁾.

Bấy giờ, Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, cho dù Thiên nữ này cố ngăn chặn con đừng cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, nhưng không làm con lay chuyển. Cho dù Thiên nữ này cố ngăn chặn con đừng bố thí, nhưng không làm con lay chuyển hạnh bố thí.

- Nay gia chủ, người là bậc Thánh Dự Lưu, có tri kiến thanh tịnh nên có niềm tin bất động nơi Tam Bảo, không thối chuyển hạnh lành như thế, chẳng có chi là lạ. Bậc hiền trí thuở xưa, khi thế gian này chưa xuất hiện Bậc Chánh giác, trí chưa được chín muồi, cho dù Ác ma là chủ cõi Dục đứng giữa hư không, nói lớn: “Nếu người bố thí, người sẽ bị thiêu sống trong địa ngục này” và Ác ma chỉ rõ hố than hừng hực lửa đỏ, sâu 80 hắc tay (# 40 m).

Bậc hiền trí vẫn kiên quyết thực hành bố thí hạnh sau khi nói lên kệ ngôn: *“Ta thà rơi địa ngục...”*.

Theo lời thỉnh cầu Trưởng giả Cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn thuật lại Bốn sự Khadiraṅgāra.

***Bốn sự Khadiraṅgāra (Hâm lửa đỏ).**

Thuở xưa khi vua Brahmaddatta trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bô tát sinh vào một gia tộc đại trưởng giả trong thành Bārāṇasī, được nuôi dưỡng trong nhung lụa như một vị Tử hoàng.

Khi trưởng thành Ngài thông thạo mọi nghệ thuật đương thời. Khi cha mẹ mệnh chung, Ngài thừa kế gia sản cùng tước vị đại trưởng giả.

Bô tát cho kiến tạo 6 Bồ thí đường, bốn nơi bốn cửa thành, một ở trung tâm kinh thành và một ở trước cổng lâu đài của mình, để bố thí cho những người nghèo khổ.

Bô tát gìn giữ những ngày Bô tát (uposatha) rất nghiêm chỉnh, tổ chức những cuộc đại thí...

Có vị Phật Độc giác, sau 7 ngày an trú tâm trong định Diệt thọ tưởng, khi xuất khỏi định nhập, Đức Phật Độc giác thấy duyên lành của Đại trưởng giả, Ngài quyết định đến tế độ đại trưởng giả hào phóng này.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 119 – 120.

Sau khi chà răng với cây chà răng, súc miệng rửa mặt và tắm rửa ở hồ Anotatta (hồ Lạnh) xong, Ngài đi đến cao nguyên Mahosilātala phơi khô mình. Khi đến giờ đi khát thực, Ngài theo đường hư không đến kinh thành Bārāṇasī, đến đứng trước cửa nhà đại trưởng giả hào phóng.

Khi ấy món điểm tâm là loại vật thực thượng vị dành cho đại trưởng giả vừa mang đến, đại trưởng giả nhìn thấy vị Samôn đang ôm bát đứng trước cửa nhà, với oai nghi thanh tịnh, các quyền trong sáng được gìn giữ, tâm Bôtát hân hoan rằng:

- Hôm nay hạnh phúc đã đến với ta. Ngài đến đây để tế độ ta.

Bôtát đứng dậy, ra hiệu người hầu đang sẵn sàng phục vụ những món vật thực đi đến.

- Thưa chủ, con phải làm gì?

- Nay con thân, hãy thỉnh bát vị Samôn đang đứng ngoài cửa vào đây cho ta.

- Vâng, thưa chủ.

Ngay khi ấy toàn thân Ác ma ở cõi Tha Hóa tự tại nóng bừng lên, quán xét và biết rõ sự việc, Ác ma suy nghĩ: “Vị Samôn này không ăn uống đã 7 ngày rồi, nếu hôm nay không được ăn uống y sẽ chết. Ta sẽ làm cho ông Samôn kia chết, khiến ông trưởng giả không còn dám bố thí, đồng thời chứng tỏ uy lực của ta”.

Ác ma hóa hiện ở giữa nhà một hố than hừng rực lửa ngọn bằng những cây keo gai, hố than hừng sâu 80 hắc tay (# 40 m) tựa như địa ngục than hồng đang hiển lộ. Người hầu đang tiến ra thỉnh bát vị Samôn, thấy hố lửa ngọn kinh hoàng, quay lui trở lại. Bôtát hỏi:

- Nay con thân, vì sao con quay trở lại.

- Thưa chủ, có một than hừng hực lửa ngọn xuất hiện giữa nhà chúng ta.

Khi ấy những người nhà của Bôtát cũng kinh hoàng bỏ chạy trốn.

Bôtát suy nghĩ: “Đây hẳn là việc làm của ác ma, ác ma chúng tỏ uy lực của mình, ác ma muốn ngăn chặn sự bố thí của ta. Ta cần phải cho ác ma biết: “Cho dù có hằng trăm ác ma, hằng ngàn ác ma, hằng trăm ngàn ác ma cũng không làm ta dao động. Hôm nay ta sẽ chứng tỏ cho ác ma biết: Ai mạnh hơn ai, ai có uy lực hơn ai”.

Bôtát cầm trên tay bát cơm thượng vị, đi ra khỏi nhà, đứng bên bờ hố than đang hừng hực lửa ngọn, nhìn lên không trung Ngài thấy ác ma đang đứng giữa hư không, Bôtát hỏi rằng:

- Người là ai vậy?

- Ta là Thiên vương cõi Tha hóa tự tại.

- Có phải hố than lửa hừng này do người làm ra?

- Phải, chính ta đã tạo ra.

- Người tạo ra hố than lửa hừng này với mục đích gì?

- Để không cho người bố thí, để giết chết ông Samôn kia.

- Người không thể ngăn chặn sự bố thí của ta, người không thể đoạt mạng sống của vị Samôn kia được. Hôm nay ta sẽ cho người biết: Ai mạnh hơn ai, ai có uy lực hơn ai? .

Vẫn đứng bên hố hừng hực lửa, Bôtát bạch với Đức Phật Độc giác rằng:

- Kính bạch Ngài Samôn khả kính, cho dù hôm nay đầu con có lộn ngược vào hố than lửa này, con cũng không trở lui. Con kính dâng đến Ngài bát vật thực này.

Rồi Bôtát nói lên kệ ngôn:

40- Kāmaṃ patāmi nirayaṃ; uddhampādo avamsiro,

Nānariyaṃ karissāmi; handa piṇḍaṃ paṭiggahā”ti.

“Ta thả rơi địa ngục; chân trên, đầu phía dưới”.

Ta sẽ làm việc Thánh; hãy nhận lấy món ăn” (HT. TMC d).

Với quyết tâm cao độ Bôtát bước vào hố lửa hừng, từ đáy hố lửa một đóa hoa sen nổi lên hứng lấy đôi chân Bôtát, Bôtát đứng trên đài sen, nhụy sen khoảng một đấu lớn phún lên hư không rồi rơi xuống phủ khắp toàn thân Bôtát như rắc những hạt bụi vàng dày đặc và thơm ngát.

Trên cánh hoa sen trong lửa đỏ, Bôtát cung kính đặt vào bát vị Độc Giác Phật bát cơm thượng vị của mình.

Đức Phật Độc Giác tùy hỷ phước đến Bôtát, rồi Ngài tung chiếc bát lên không trung, theo đường mây Ngài trở về nơi ngụ của mình.

Bôtát hân hoan trọn đời làm thiện sự, mệnh chung Ngài đi theo nghiệp riêng của mình⁽¹⁾.

Theo Bản Sớ giải kinh Pháp cú (Dhammapāda- atthakathā), Bốn sự *Khadiraṅgāra* được thuyết lên từ duyên sự hai vị Trưởng giả Sirigutta và Garahadinna.

a- Hai Trưởng giả Sirigutta và Garahadinna.

Trong thành Sāvatti có hai Trưởng giả là bạn thân với nhau, một người tên là Sirigutta, một người tên là Garahadinna (sở dĩ Trưởng giả này được gọi là Garahadinna, vì khi cho ai món vật gì, ông thường hay cầu nhàu, hoặc quở trách người nhận một điều gì đó).

Trưởng giả Sirigutta là môn đệ của Đức Thế Tôn (Ngài là cậu của Trưởng lão Sirimitta⁽²⁾), còn Trưởng giả Garahadinna là đệ tử của nhóm ngoại giáo Nigaṅṭha Nātaputta, các du sĩ ngoại giáo này thường xúi giục Garahadinna rằng: “Này Garahadinna, người là bạn của Trưởng giả Sirigutta, sao người không nói với bạn người rằng: “Bạn theo Giáo thuyết của Samôn Gotama làm chi, chủ thuyết của Samôn Gotama là chủ thuyết vô vọng. Bạn theo chủ thuyết ấy có được lợi ích gì?”. Người nên bảo bạn người đến nghe chúng ta thuyết giáo”.

Theo lời thầy của mình, Trưởng giả Garahadinna thường thăm viếng Trưởng giả Sirigutta, những lúc thuận tiện, Trưởng giả Garahadinna nói với Trưởng giả Sirigutta rằng:

- Này bạn, bạn theo Samôn Gotama làm gì, chủ thuyết của ông ấy là vô vọng; bạn theo chủ thuyết ấy có lợi ích gì? Sao bạn không đến nghe pháp từ những vị Đại đức của tôi, rồi cúng dường đến những vị Đại đức ấy.

Mặc dù nghe bạn nói nhiều lần như vậy, nhưng Trưởng giả Sirigutta vẫn lặng thinh rồi bỏ qua.

Một hôm, Trưởng giả Sirigutta nghe bạn nói như thế, Trưởng giả Sirigutta nói rằng:

- Này bạn, bạn thường nói với tôi điều này. Xin lỗi bạn đừng buồn, các vị Đại đức của bạn có biết chi đâu.

- Này bạn, bạn chớ nên nói thế, các vị Đại đức của tôi cái gì mà không biết chứ. Các Ngài thông suốt các nghiệp từ thân, ngữ hay ý tạo ra cả ba đời: Quá khứ, hiện tại lẫn vị lai. Các vị ấy biết trước những gì đang hay sẽ xảy ra, những gì không xảy ra trong hiện tại lẫn vị lai.

- Này bạn, bạn có chắc thật vậy chăng?

- Này bạn, tôi chắc chắn với bạn như thế.

- Nếu thật sự như vậy, đến hôm nay nhờ bạn tôi mới biết tuệ giác của những vị ấy. Vậy nhờ bạn thỉnh hộ tôi các vị Đại đức của bạn đến tư gia của tôi, để tôi có dịp cúng dường đến các vị vị ấy và nghe pháp từ những vị ấy.

- Lành thay, lành thay, này bạn.

(1)- JA. Kadirīṅgārajātaka. Chuyện số 40.

(2)- ThagA. i. 488.

Trưởng giả Garahadinna đi đến Tự viện của nhóm ngoại đạo Niganṭha, đánh lễ các vị thầy của mình rồi bạch rằng:

- Bạch các Ngài, bạn tôi là Trưởng giả Sirigutta xin thỉnh các Ngài đến tư gia thọ thực vào ngày mai.

- Này gia chủ, có thật là bạn người thỉnh chăng?

- Bạch các Ngài, chính tự thân bạn tôi nói với tôi điều này và nhờ tôi thỉnh các Ngài giúp bạn tôi.

Nhóm ngoại giáo Niganṭha vui mừng rằng: “Thế là chúng ta có thêm một môn đệ là Trưởng giả nữa rồi. Nếu được Trưởng giả Sirigutta tin tưởng chúng ta, từ nay chúng ta sẽ có nhiều lợi đắc”.

Nơi ở của Trưởng giả Sirigutta rất rộng, có khoảng đất trống ở giữa hai ngôi nhà. Trưởng giả cho người nhà đào một hầm lớn ở giữa, dùng thân cây chuối làm vách hầm, cho đổ vào đó là sinh non cùng với phần. Bên trên mặt hầm, Trưởng giả cho lót những tấm ván mỏng, trải vải trắng trên những tấm ván mỏng, cho đóng những cột cừ căng dây giữ những tấm ván bên trên.

Ngôi nhà phía sau, Trưởng giả cho làm Sảnh đường, xếp những ghế ngồi bên trong, trên ghế trải thảm lót xinh đẹp.

Trưởng giả dùng những chiếc lu trống, bên trên chỉ chứa chút ít vật thực thượng vị.

Hôm sau Trưởng giả Garahadinna đến nhà bạn thật sớm, hỏi rằng:

- Này bạn, vật thực cúng dường đến các Ngài Đại đức đã sẵn sàng chưa?

- Này bạn, tất cả đã sẵn sàng rồi.

Trưởng giả Sirigutta chỉ cho bạn xem những lu chứa vật thực, nói rằng: “Đây là cháo, đây là sữa tươi, đây là sữa chua, đây là vật thực loại cứng, đây là vật thực loại mềm ...”.

- Lành thay, lành thay, này bạn.

Vừa khi ấy 500 du sĩ ngoại giáo Niganṭha đi đến tư gia của Trưởng giả Sirigutta. Trưởng giả Sirigutta ra khỏi nhà, đánh lễ nhóm du sĩ theo cách “*năm chi chạm đất*”, như là rất cung kính.

Khi đứng lên, Trưởng giả Sirigutta nguyện trong tâm rằng:

- Được nghe nói các Ngài thông mọi việc: Quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu thật sự như vậy, xin các Ngài đừng bước vào nhà tôi, quý Ngài sẽ té rơi xuống hầm phần trộn với bùn non và tôi sẽ cho gia nhân dùng gậy đánh đòn các Ngài đấy.

Nguyện rồi, Trưởng giả Sirigutta thỉnh rằng:

- Kính thỉnh các Ngài ngự vào nơi được soạn sẵn. Kính bạch các Ngài, theo thông lệ nhà tôi, khi khách đến đây dù nơi sân, sau đó cùng đi vào ngồi trên những chiếc ghế được soạn sẵn.

- Được thôi, này gia chủ.

Các gia nhân đã được dặn trước nên không cho các du sĩ đứng riêng rẽ, tập trung vào bên trong sân.

Khi gia chủ Sirigutta nói: “Kính thỉnh các Ngài đến nơi ngồi được soạn sẵn”. Các gia nhân liền rút dây cột nút, dây dù xuống, những miếng ván sụp xuống và 500 du sĩ lọt xuống hầm phần.

Trưởng giả Sirigutta ra lệnh: “Hãy đóng cửa lại, dùng gậy đánh vào nhóm du sĩ Niganṭha, không cho leo lên miệng hầm”, Trưởng giả nói với nhóm du sĩ đang bị bõm dưới hầm phần rằng:

- Các ông thông suốt quá khứ, hiện tại, vị lai. Sao không biết nơi đây có hầm phần, lại té rớt xuống?

Nhóm du sĩ bị những thân chuối trơn trượt, không thể bám víu vào đâu, lại phải né tránh những lần gậy từ trên bổ xuống, chúng than khóc vang dậy

Sau khi làm nhục bọn du sĩ ngoại giáo Nigantha tới tả, Trưởng giả Sirigutta ra lệnh gia nhân mở cổng thả nhóm du sĩ Nigantha ra về.

Nhóm du sĩ Nigantha chạy đến nhà Trưởng giả Garahadinna, vừa khóc vừa trách móc rằng:

- Người đã làm hại chúng ta rồi.

Nhìn sự thảm hại của nhóm du sĩ, Trưởng giả Garahadinna nổi giận:

- Ông này thật quá lắm rồi, dám sỉ nhục đến các vị ALaHán của ta.

Trưởng giả Garahadinna làm đơn thưa Trưởng giả Sirigutta đến Đức vua Pasenadi (PaTuNặc), xin Đức vua Pasenadi phạt Trưởng giả Sirigutta 1.000 đồng vàng về tội “làm nhục các vị ALaHán của Trưởng giả Garahadinna”.

Đức Vua Pasenadi cho gọi hai Trưởng giả vào Hoàng cung để phân xử, Trưởng giả Sirigutta trình lên vua Pasenadi rõ ràng mọi chi tiết về sự kiện này. Đức vua hỏi Trưởng giả Garahadinna rằng:

- Nay Trưởng giả Garahadinna, có đúng sự thật như lời của Trưởng giả Sirigutta vừa trình bày không?

- Thưa Đại vương, sự thật là như thế.

- Nay Trưởng giả Garahadinna, những kẻ ngu dốt như vậy mà người tôn xưng là bậc ALaHán, tôn là thầy. Đến nơi nào người cũng tán thán khen ngợi những kẻ ngu dốt ấy là thông hiểu tất cả mọi việc từ quá khứ, hiện tại, vị lai.

Người dối gạt đệ tử của Đức Thế Tôn sao được, người kiện Trưởng giả Sirigutta là người vô tội, vậy người sẽ bị phạt.

Trưởng giả Garahadinna bị thất kiện, mất cả tiền đóng cho vụ kiện là 1.000 đồng vàng, đồng thời còn bị đánh đòn phạt.

(Ông Burlingame dịch là: Trưởng giả Garahadinna bị vua phạt, 500 du sĩ bị đánh đòn rồi bị trục xuất ra khỏi kinh thành Sāvatti).

Căm tức cùng hổ thẹn vì thua bạn, cả nửa tháng Trưởng giả Garahadinna lánh mặt Trưởng giả Sirigutta.

Nhưng rồi ông suy nghĩ: “Ta làm như thế có lợi ích gì? Ta hãy tìm kế trả thù cho các vị ALaHán của ta, có phải là tốt hơn không”.

Vào hôm các vị Trưởng giả vào Hoàng cung để yết kiến Đức vua Pasenadi. Khi tan buổi họp trên đường trở về, Trưởng giả Garahadinna đi đến bên Trưởng giả Sirigutta nói với Trưởng giả Sirimitta rằng:

- Nay bạn Sirigutta.

- Có chi không bạn?

- Nay bạn, thân quyến còn có khi xích mích, tranh chấp với nhau, nhưng không thể làm mất tình thân. Vì sao bạn lại lạnh nhạt với tôi như vậy?

- Ô! Nay bạn, vì bạn lánh mặt, không trò chuyện cùng tôi đấy chứ. Thôi bạn hãy bỏ qua đi, chúng ta vẫn là bạn với nhau như cũ.

- Lành thay, lành thay, này bạn.

Hai người lại cư xử tốt đẹp với nhau như trước.

Thời gian sau, Trưởng giả Sirigutta nói với Trưởng giả Garahadinna rằng:

- Nay bạn, bạn theo chủ thuyết của Nigantha nào có ích lợi gì. Sao bạn không đến nương nhờ Đức Thế Tôn, nghe Pháp từ Đức Thiện Thế.

Chỉ đợi có thế, Trưởng giả Garahadinna nói rằng:

- Nay bạn, Samôn Gotama có biết gì đâu, tôi theo chủ thuyết vô vọng ấy có lợi ích gì.

- Nay bạn, bạn chớ nói thế. Đức Thế Tôn là bậc Chánh Giác, Ngài toàn kiến toàn tri. Thông suốt mọi sự từ quá khứ, hiện tại đến vị lai.

- Ô! Có thật như lời bạn nói chẳng?

- Nay bạn, sự thật là như thế.

- Nay bạn, nghe bạn tán thán Đức Đạo sư, tâm tôi hoan hỷ muốn cúng dường vật thực đến Ngài cùng đệ tử của Ngài để gieo duyên. Nhờ bạn thay tôi thỉnh Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu thọ thực vào ngày mai nơi tư gia của tôi đi.

- Lành thay, lành thay, này bạn.

Trưởng giả Sirigutta đi đến Đại tự Kỳ Viên yết kiến Đức Thế Tôn. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, bạn con là Trưởng giả Garahadinna kính thỉnh Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu thọ thực vào ngày mai, nơi tư gia của vị ấy.

Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét, thấu rõ mọi việc cùng duyên lành Thánh quả Dự Lưu của Trưởng giả Garahadinna, Sirigutta cùng với 84 ngàn chúng sinh khác. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Hiểu biết Đức Thế Tôn đã nhận lời, Trưởng giả Sirigutta đánh lễ Đức Thế Tôn ra về, đến báo tin cho Trưởng giả Garahadinna biết:

- Nay bạn, Đức Thế Tôn đã nhận lời, bạn hãy chuẩn bị vật thực cúng dường đến Đức Thế Tôn và các vị Tỳkhuu đi”.

- Lành thay, lành thay, này bạn.

Tương tự như Trưởng giả Sirigutta đã làm, nhưng Trưởng giả Garahadinna không đổ xuống hầm là phần trộn với sinh non, ông cho đổ vào đó là 80 cỗ xe củi khô, cho đốt cháy thành lửa than đỏ hồng rực.

Sáng sớm, Trưởng giả Sirigutta đến nhà Trưởng giả Garahadinna hỏi:

- Nay bạn, bạn đã chuẩn bị vật thực sẵn sàng chưa?

- Nay bạn vật thực đã sẵn sàng rồi.

Trưởng giả Garahadinna dẫn bạn cho xem vật thực, ông nói rằng:

- Nay bạn, đây là cháo sữa, đây là sữa tươi, đây là sữa chua, đây là vật thực cứng, đây là vật thực mềm...

Nhưng thật ra những lu ấy trống không, Trưởng giả cho phủ lớp khăn bên trên miệng hủ tựa như giúp vật thực không bị bụi lọt vào.

Tin Trưởng giả Garahadinna cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng lan nhanh trong kinh thành Sāvattthi và đại chúng đi đến tư gia của Trưởng giả Garahadinna chứng kiến.

Vào thời ấy, Trưởng giả Garahadinna là người có danh tiếng trong thành Sāvattthi, lại là môn đệ của Nigaṇṭha. Nên nghe tin Trưởng giả Garahadinna cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, đại chúng kéo đến để chứng kiến.

Nhóm chánh kiến suy nghĩ rằng: “Hôm nay chúng ta sẽ chứng kiến uy lực của Đức Thế Tôn, Ngài sẽ nhiếp phục nhóm ngoại giáo”.

Nhóm đệ tử ngoại giáo suy nghĩ: “Hôm nay chúng ta sẽ chứng kiến Gotama sẽ bị mất mặt (vipakara)”.

Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu đi đến nhà Trưởng giả Garahadinna, Trưởng giả ra khỏi nhà, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn theo cách “*nām chi chām dāt*”, rồi đứng lên nguyện trong tâm rằng: “Nếu như Ngài thông suốt mọi việc quá khứ, hiện tại, vị lai, xin Ngài đừng vào nhà tôi. Nhà tôi chẳng có vật thực để cúng dường đâu, chỉ có hầm lửa đỏ, Ngài cùng môn đệ của Ngài sẽ té vào hầm lửa rồi bị thiệt mạng”.

Nguyện trong tâm rồi, Trưởng giả thỉnh Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu ngự vào trong nhà, sau khi bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, theo thông lệ nhà chúng tôi, bao giờ các Ngài yê tựu đầy đủ, khi ấy cùng đi vào Sân đường rồi ngồi vào ghế được soạn sẵn.

- Lành thay, này Trưởng giả.

Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu đến hầm lửa, khi hiệu lệnh được phóng ra, ván miệng hầm sụp xuống, lộ ra bên dưới là hầm lửa đỏ.

Từ đáy hầm 500 đóa hoa sen lớn nổi lên, đóa sen lớn nhất đỡ lấy hai chân Đức Thế Tôn, những đóa sen còn lại đỡ lấy hai chân của các vị Tỳkhuu. Đức Thế Tôn ung dung đi đến Bảo tọa được soạn sẵn, chư Tỳkhuu bước lên những đóa hoa sen qua hầm lửa đến nơi ghế ngồi được soạn sẵn.

Khi ấy thân hình Trưởng giả Garahadinna nóng rang lên như đang bị lửa thiêu đốt, kinh hoàng ông chạy đến nhà Trưởng giả Sirigutta kêu lên rằng:

- Ngài ơi!. Xin hãy cứu tôi.

(Trong lúc kinh hoàng Trưởng giả Garahadinna đã gọi bạn là Ngài).

- Này bạn, việc gì thế?

- Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu đến nhà, mà tôi chẳng có chi cúng dường cả.

- Thế bạn đã làm gì?

Trưởng giả Garahadinna thuật lại mọi việc đến Trưởng giả Sirigutta.

- Thế bạn sáng bạn bảo: “Đây là cháo sữa ... đây là vật thực mềm ...” thì như thế nào?

- Thưa bạn, chỉ là những lu trống không, tôi đã nói dối bạn.

- Không sao, bạn hãy trở về xem lại những lu trống ấy đi.

Khi Trưởng giả Garahadinna trở về dỡ xem những lu trống, lu nào bạn sáng ông bảo: “Đây là cháo sữa” thì đây cháo sữa, lu nào ông bảo “đây là vật thực cứng” thì đây vật thực cứng ...

Thấy uy lực siêu việt của Đấng Như Lai, Trưởng giả Garahadinna phát sinh năm loại hỷ lạc, tâm vô cùng thành kính với Đức Thế Tôn.

Ông cung kính cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu.

Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn tùy hỷ phước đến Trưởng giả Garaahdinna bằng pháp thoại. Đức Thế Tôn dạy rằng:

“Chúng sinh do không có trí nên không nhận thức ân đức của Đấng Như Lai cùng đệ tử của Như Lai, Như Lai gọi những chúng sinh ấy là kẻ mù.

Người có trí nhận thức được ân đức của Như Lai và đệ tử Như Lai, Như Lai gọi những chúng sinh ấy là người mắt sáng”.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

58- Yathā saṅkāraṭhānasmim; ujjhitasmim mahāpathe.

Padumaṃ tattha jāyetha; sucigandhaṃ manoramaṃ.

“Như từ đồng rác đen; vút trên bờ đại lộ.

Mọc lên một đóa sen; sạch thơm ai cũng mộ”.

59- Evaṃ saṅkārabhūtesu; andhabhūte puthujjane.

Atirocati paññāya; sammāsambuddhasāvako.

“Từ chúng sinh như rác; phạm tục và ngu si.

Sáng ngời với tuệ giác; đệ tử Đấng Toàn tri”.

Dứt pháp thoại có 84 ngàn chúng sinh với hai Trưởng giả Garahadinna và Sirigutta chứng Thánh quả Dự Lưu.

Vào buổi chiều, nơi Giảng Pháp đường các vị Tỳkhuu bàn luận về điều kỳ diệu “hoa sen trong biển lửa” uy lực của Đức Phật.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng đường, sau khi nghe các Tỳkhuu trình bày điều đang được bàn luận, Ngài thuyết lên Bốn sự *Khadiraṅgāra*⁽¹⁾.

***Bốn sự Visayha.**

Việc Trưởng giả Cấp Cô Độc không nghe lời Thiên nữ, “cương quyết không từ bỏ sự bố thí”, cũng là duyên khởi cho *Bốn sự Visayha*.

Bốn sự.

(1)- DhpA. Kệ ngôn số 58-59; Mil. 350.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bôtát là đại trưởng giả Visayha, có tài sản là 800 triệu đồng vàng, Bôtát là người gìn giữ giới hạnh rất tốt đẹp, tâm Ngài rất phóng khoáng ưa thích sự bố thí. Bôtát cho kiến tạo 6 Bồ thí đường: Bốn ở bốn cổng kinh thành, một giữa trung tâm kinh thành và một trước cổng lâu đài của Ngài.

Hằng ngày Ngài bỏ ra 600 ngàn tiền vàng để bố thí cho người nghèo khổ, cô đơn...

Do hạnh lành của Ngài, khiến ngại vàng của Thiên vương Sakka (ĐềThích) nóng ran lên, đưa Thiên nhân quán xét, thấy được hạnh lành của Bôtát. E ngại ngôi thiên chủ của mình bị Bôtát chiếm lấy, vua Trời Sakka khiến cho tất cả tài sản, gia nhân ... của Bôtát đột nhiên biến mất, để Bôtát không có cơ hội bố thí, những tặng phẩm mà trước đây Bôtát bố thí đến người khác cũng biến mất.

Những người bị mất tặng phẩm đến nói với Bôtát rằng:

- Thưa Ngài, các Bồ thí đường biến mất, ngay cả những tặng vật của Ngài cho cũng biến mất.

Vợ Trưởng giả cũng đến báo tin rằng:

- Thưa chủ, ngoại trừ quần áo chúng ta đang mặc, tôi chẳng thấy có thứ gì cả; bầy kho ngọc biến mất, cả đến nô tỳ, tớ trai, gia súc ... cũng không còn.

Bôtát nói với vợ rằng:

- Chúng ta không thể từ bỏ sự bố thí, bà hãy tìm xem có thứ gì chúng ta có thể bố thí được không?

Nhưng hai người không tìm thấy thứ gì cả. Một người cắt cỏ bị truy đuổi do y làm một việc xấu nào đó, khi chạy ngang qua hai ông bà Trưởng giả, y ném dây thừng, liềm hái cùng bó cỏ trước mặt hai người, rồi bỏ chạy trốn.

Bôtát nói rằng:

- Trước đây ta chưa hề đi cắt cỏ, nhưng nay ta sẽ đi cắt cỏ để sống và thực hiện việc bố thí.

Bôtát cầm liềm hái cùng dây thừng ra ngoài thành Bārāṇasī tìm nơi nhiều cỏ cắt cỏ. Ngài cắt được hai bó cỏ, suy nghĩ rằng:

- Một bó là của gia đình ta, bó kia ta dành để bố thí.

Khi bán được hai bó cỏ với giá là hai đồng, Ngài cho những người nghèo khổ một đồng, thấy vậy những người ăn xin kéo đến van xin Ngài cho họ tiền.

Thế là Ngài cho họ nốt đồng tiền còn lại và cả hai ông bà Trưởng giả nhịn đói ngày hôm ấy.

Tương tự như thế đến ngày thứ sáu, vào ngày thứ 7 trong lúc cắt cỏ Trưởng giả té xỉu, vì Bôtát vốn mảnh mai, phải nhịn đói suốt 6 ngày qua, lại phải làm việc mệt nhọc.

Theo dõi việc làm của Bôtát suốt 7 ngày qua, Thiên vương Sakka cảm xúc rằng: “Người này thật kiên cường, thà nhịn đói chứ không từ bỏ hạnh lành bố thí”. Thiên vương Sakka đứng giữa hư không, khiến Bôtát hồi tỉnh rồi nói rằng: “Này Visayha, xưa nay người bố thí rất nhiều. Nay mất hết tài sản, người cần phải giữ mạng sống chứ, sao lại còn bố thí”.

- Ngài là ai?

- Ta là Thiên vương Sakka.

- Chính Ngài là người thực hành hạnh bố thí, giữ gìn ngày Bôtát cùng với 7 hạnh lành, nên Ngài mới thành đạt địa vị chúa chư Thiên. Vì sao Ngài bảo tôi ngừng bố thí, có phải Ngài đi trái ngược với điều Ngài đã từng thực hành chẳng? Tôi không nghe lời Ngài đâu.

- Này Visayha, vì sao người kiên quyết phải bố thí, bất kể mạng sống của mình.

- Nay Thiên vương Sakka, tôi bố thí chẳng phải vì ngôi Thiên chủ, Phạm thiên đầu. Tôi thực hành Bố thí để đạt đến địa vị Chánh giác.

Nghe Bôtát nói như thế, tâm Thiên chủ Sakka hoan hỷ rằng: “Người này chẳng ham ngôi vị Thiên vương, chỉ mong đạt được địa vị Chánh Giác”.

Thiên vương Sakka đưa tay vuốt lưng Bôtát, khi ấy toàn thân Bôtát ngập tràn thiên lạc, Ngài cảm thấy khỏe mạnh hơn xưa.

Thiên vương Sakka làm cho toàn bộ tài sản của Bôtát hiện khởi trở lại như cũ, nói rằng:

- Nay Visayha, từ nay người hãy bố thí gấp đôi khi trước đi. Tài sản của người không bao giờ vơi cạn.

Sau khi làm cho mưa 7 bảy báu tràn ngập các kho còn trống của Bôtát, Thiên vương Sakka trở về Thiên giới của mình.

Nhận diện Bốn sự.

Vợ Trưởng giả Visayha nay là bà Rāhulamātā, còn Trưởng giả Visayha nay là Đấng Như Lai⁽¹⁾.

b-Trưởng lão Sirimitta.

Trong thời Đức Phật còn tại tiền, Ngài sinh ra trong kinh thành Rājagaha (Vương xá), là con trai của một điền chủ giàu có. Mẹ Ngài là chị của Trưởng giả Sirigutta.

Khi Devadatta xúi giục vua Ajātasattu (AXàThế) thả voi chúa hung dữ Dhanapāla (tên gọi khác của voi Nālāgiri) để sát hại Đức Thế Tôn.

Chứng kiến uy lực của Đức Thế Tôn khi thu phục voi chúa Dhanapāla, Ngài khởi niềm tin xin xuất gia trong Giáo đoàn.

Ngài tinh cần thực hành pháp, chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Một hôm vào ngày Uposatha, Ngài từ chỗ ngồi bước lên Pháp tọa để tụng Giới bốn Pāṭimokkha, Ngài cầm quạt sơn màu rồi ngồi xuống, thuyết lên Pháp thoại, rồi thuyết lên 8 kệ ngôn để Giáo giới các vị Tỳkhuu.

502- Akkodhanonupanāhī; amāyo rittapesuṇo.

Sa ve tādisako bhikkhu; evaṃ pecca na socati.

“Không phần nộ, không hận; không gian dối, không hai lữĩ.

Vị Tỳkhuu được như thế; như vậy, sau không sâu”.

503- Akkodhanonupanāhī; amāyo rittapesuṇo.

Guttadvāro sadā bhikkhu; evaṃ pecca na socati.

“Không phần nộ, không hận; không gian dối, không hai lữĩ.

Tỳkhuu luôn gìn giữ cửa; như vậy, sau không sâu”.

504- Akkodhanonupanāhī; amāyo rittapesuṇo.

Kalyāṇasīlo so bhikkhu; evaṃ pecca na socati.

“Không phần nộ, không hận; không gian dối, không hai lữĩ.

Vị Tỳkhuu thiện giới; như vậy, sau không sâu”.

Akkodhanonupanāhī; amāyo rittapesuṇo.

Kalyāṇamitto so bhikkhu; evaṃ pecca na socati.

“Không phần nộ, không hận; không gian dối, không hai lữĩ.

Vị Tỳkhuu thiện hữu; như vậy, sau không sâu”.

506- Akkodhanonupanāhī; amāyo rittapesuṇo.

Kalyāṇapañño so bhikkhu; evaṃ pecca na socati.

“Không phần nộ, không hận; không gian dối, không hai lữĩ.

Vị Tỳkhuu thiện tuệ; như vậy, sau không sâu”.

Sau khi thuyết giảng về phần nộ, sân... Ngài tuyên bố lên Chánh trí của mình qua ba kệ ngôn.

⁽¹⁾- JA. Visayhajātaka. Chuyện số 340.

507- Yassa saddhā tathāgate; acalā suppatitṭhitā.
Sīlañca yassa kalyāṇaṃ; ariyakantaṃ pasamsitaṃ.
*Người tin Đấng Như Lai; không giao động, an trú thiện.
Thiện hữu tán thán giới; được bậc Thánh ái kính”.*

508- Saṅghe pasādo yassatthi; ujubhūtañca dassanaṃ.
Adaliddo’ti taṃ āhu; amoghaṃ tassa jīvitaṃ.
*“Trong sạch với Tăng chúng; hiển lộ đúng và thấy rõ.
Vị ấy không dối khổ; đời sống không trống rỗng”.*

509- Tasmā saddhañca sīlañca; pasādaṃ dhammadassanaṃ.
Anuyuñjetha medhāvī; saraṃ buddhāna sāsana”nti.
*“Thế nên, tín và giới; trong sạch thấy được pháp.
Bậc hiển trí chú tâm; cốt lõi lời Phật dạy”⁽¹⁾.*

c-Bôn sự Siri (Vận may).

Duyên khởi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đang từ khánh tận gia tài, bỗng chốc có đại tài sản (do Thiên nữ mang về) lan truyền khắp kinh thành Sāvatti (XáVệ) và danh tiếng của Trưởng giả Cấp Cô Độc phất chốc càng rực sáng hơn trước.

Có một Balamôn sống gần Đại tự Kỳ Viên, Balamôn này có biệt tài xem được dấu hiệu vận may.

Balamôn suy nghĩ: “Trưởng giả Cấp Cô Độc đang nghèo khó, bỗng chốc trở nên giàu, lại nổi tiếng hơn trước. Ta giả vờ đến viếng thăm y, xem vận may của y ở đâu, ta sẽ tìm cách đánh cắp vận may của y”.

Balamôn đến viếng thăm Trưởng giả Cấp Cô Độc, được Trưởng giả tiếp đón niềm nở. Sau những lời thăm hỏi thân tình, Trưởng giả hỏi:

- Nay Balamôn, chẳng hay ông đến thăm tôi có việc gì chăng?

Khi đi vào nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc, Balamôn ngấm quan sát tìm kiếm vận may của Trưởng giả Cấp Cô Độc đang trú ở đâu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc có con gà trống màu trắng như chiếc vỏ sò được rửa sạch và đánh bóng, con gà được nuôi trong chiếc lồng bằng vàng, trên chiếc mào gà màu vàng ánh của con gà có viên ngọc Siri.

Balamôn biết rằng: “Vận may của Trưởng giả Cấp Cô Độc là viên ngọc Siri, viên ngọc này đang ở trên mào gà trống trắng”.

Khi nghe Trưởng giả Cấp Cô Độc hỏi mục đích viếng thăm của mình, Balamôn nói rằng:

- Thưa Tôn giả, tôi có dạy kinh điển Balamôn cho 500 môn đệ, nhưng con gà trống của tôi thường gáy không đúng lúc, chúng tôi gặp khó khăn không ít trong việc dạy và học tập.

Con gà trống trắng của ông gáy rất đúng giờ, chúng tôi muốn có được nó. Tôn giả có thể cho tôi xin con gà trống trắng như tuyết của Tôn giả được chăng?

- Vâng, này Balamôn, điều này chẳng có gì là khó khăn cho tôi cả.

Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc vừa đồng ý cho con gà trống lông trắng như tuyết, lập tức viên ngọc Siri rời khỏi mào gà, bay đến nằm trong viên ngọc khác được gắn trên gối.

Ông Balamôn thấy thế, nói với Trưởng giả cấp Cô Độc rằng:

- Thưa Tôn giả, tôi thường bị đau lưng, Tôn giả có thể cho tôi chiếc gối kia để kê lưng được chăng?

- Vâng, này Balamôn, hãy lấy chiếc gối đi.

Vừa khi ấy, viên ngọc Siri từ viên ngọc bay sang đậu trên đầu chiếc gậy dùng để bảo vệ khi đi đường của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

⁽¹⁾- Thag. Sirimittattheragāthā. 502-509; ThagA.i. 488.

Ông Balamôn nói tiếp rằng:

- Thưa Tôn giả, nhân tiện Tôn giả hãy cho tôi xin cây gậy này đi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Balamôn này tham lam quá đáng”, nên nói rằng:

- Được, này Balamôn, hãy cầm lấy cây gậy rồi ra về đi.

Viên ngọc Siri lại rời khỏi đầu gậy, bay đến đậu vào búi tóc của bà Puññalakkhaṇā.

Thấy thế, Balamôn suy nghĩ: “Ta không thể đánh cắp vận may của Trưởng giả này được rồi”. Nên nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Thưa Trưởng giả, tôi đến nhà Ngài để tìm xem vận may của Ngài đang trú ở đâu. Trước tiên vận may của Ngài trú nơi mào của con gà trống trắng, khi tôi xin con gà trống trắng, vận may của Ngài lại đến đậu trong chiếc gối; khi tôi xin chiếc gối thì nó lại đến ở nơi đầu gậy.

Giờ đây nó nằm trên búi tóc của bà Trưởng giả rồi. Tôi muốn có nó, nhưng vận may không thể nhượng hoặc đánh cắp được. Tôi xin trả lại Ngài những vật vừa xin.

Nói xong, Balamôn đứng lên từ giả Trưởng giả Cấp Cô Độc rồi ra về.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Đại tự Kỳ Viên trình lên Đức Thế Tôn về sự kiện kỳ diệu này. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này gia chủ, hiện tại vận may của người này không thể đi sang người khác. Nhưng thuở xưa, vận may của những người kém trí lại đi sang người có nhiều trí.

Theo lời thỉnh cầu của Trưởng giả cấp Cô Độc, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Siri.

Bốn sự.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanaị), Bôtát sinh ra trong một gia tộc Balamôn.

Ngài theo học nơi kinh thành Takkasilā, tinh thông nghệ thuật của dòng dõi Balamôn.

Khi cha mẹ mệnh chung, Bôtát xuất gia làm ẩn sĩ tu tập nơi vùng núi Tuyết tu tập thiên tịnh, chứng đạt các Thiền chứng cùng năm Thăng trí.

Thời gian sau, ẩn sĩ xuống kinh thành Bārāṇasī để tìm muối dấm cùng những gia vị khác, ẩn sĩ trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển ngoài kinh thành Bārāṇasī.

Sáng hôm sau, ẩn sĩ cầm lấy y bát đi vào thành khát thực, ẩn sĩ đứng trước cửa nhà người huấn luyện voi của Đức vua Brahmadata.

Người huấn luyện voi nhìn thấy vị Samôn với phong cách đỉnh đạc, oai nghi nghiêm chỉnh, các quyền trong sáng được gìn giữ chu đáo. Kính phục vị Samôn, người huấn luyện voi thỉnh ẩn sĩ vào nhà, cúng dường vật thực đến ẩn sĩ, rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, hiện Ngài đang trú ngụ nơi nào?

- Này gia chủ, ta đang trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển của Đức vua ở ngoài kinh thành này.

- Bạch Ngài, thỉnh Ngài đến trú ngụ nơi vườn cây của con, rất thuận tiện cho chúng con được cúng dường vật thực đến Ngài.

- Lành thay, lành thay, này gia chủ.

Người huấn luyện voi hằng ngày hộ độ đến ẩn sĩ rất chu đáo.

Bấy giờ có người kiếm củi trong rừng, một hôm anh đi tìm củi trong rừng sâu, trở về thành quá muộn nên cửa thành đã đóng lại. Anh kiếm củi đến ngủ tạm nơi ngôi đền bỏ hoang lâu năm, anh đặt bó củi làm gối rồi nằm ngủ chờ sáng để vào thành.

Cạnh ngôi đèn có cây cổ thụ, đàn gà rừng thường về đó trú đêm, gần sáng con gà trống đậu phía trên thái phân xuống trúng con gà trống bên dưới, gà bên dưới hỏi:

- Ai dám thái phân lên người ta vậy?

- Chính ta đấy.

Con gà bên trên lại thái phân xuống trúng con gà bên dưới, tức tối con gà bên dưới nói:

- Tại sao người làm như thế, người không biết giá trị của ta ư?

- Giá trị của người như thế nào?

Con gà bên dưới khoe khoang rằng:

- Người không biết được giá trị của ta nên mới khinh thường ta, ta là con gà quý. Ai ăn được thịt ta, mỗi buổi sáng sẽ phát sinh một ngàn đồng vàng.

- Có thể mà người cũng khoe khoang là quý.

- Thế còn người được gì nào?

- Ta còn có giá trị hơn người gấp trăm ngàn lần. Ai ăn được thịt ta sẽ được làm vua, ai ăn được da của ta, nếu là người nam sẽ là vị quan đứng đầu các Đại thần, nếu là nữ sẽ là Hoàng hậu; ai ăn xương của ta, nếu là tại gia sẽ là quan chưởng khố của Đức vua, nếu là bậc xuất gia sẽ được Đức vua trọng vọng, cung kính như vị Cố vấn Đại thần.

Anh kiếm củi nghe đây đủ cuộc cãi nhau giữa hai con gà, anh suy nghĩ: “Nếu ta làm vua thì đâu cần gì 1.000 đồng vàng phát sinh cho mỗi ngày”.

Nghĩ vậy, anh rón rén trèo lên cây cổ thụ, chộp được con gà đậu phía trên, cẩn thận anh giết chết con gà rồi nhét vào túi vải đựng cơm hằng ngày mang theo vào rừng.

Khi cổng thành vừa mở, anh đi nhanh về nhà bảo vợ làm thịt gà cho ngon. Khi gà đã làm xong, đựng trong chiếc mâm, vợ anh mời anh ra ăn thịt gà, anh nói rằng:

- Con gà này rất quý, ai ăn được thịt nó sẽ làm vua, nữ nhân ăn da nó sẽ là Hoàng hậu, tôi và bà sẽ là Đức vua và Hoàng hậu. Để được trong sạch, chúng ta hãy ra sông Hằng tắm rửa rồi dùng thịt con gà này.

Hai vợ chồng mang mâm thịt gà ra đặt cạnh bờ sông Hằng, rồi xuống sông Hằng tắm rửa cho sạch sẽ. Những cơn sóng do gió thổi đến lan đến bờ, dần dần kéo mâm thịt gà xuống sông, trôi về phía hạ nguồn.

Vào lúc ấy, người huấn luyện voi đưa voi ra bến tắm voi nơi sông Hằng, nhìn thấy mâm thịt trôi lững lờ, anh bơi ra nhặt lấy mâm thịt gà, nghĩ thầm:

- Hôm nay đã có vật thực dâng cho thầy ta rồi.

Vị ẩn sĩ vốn có thẳng trí, suy nghĩ rằng: “Đệ tử ta rất cung kính nhiệt thành với ta, nhưng cứ mãi huấn luyện voi thì sao sao có thể tiến triển được”.

Với Nhân thông, ẩn sĩ thấy người đệ tử có được thịt gà trên sông Hằng, nhờ Thẳng trí ẩn sĩ hiểu được giá trị thịt gà này.

Lập tức ẩn sĩ đi đến nhà người huấn luyện voi, ngồi vào nơi được soạn sẵn chờ đợi.

Khi người huấn luyện voi trở về, đánh lễ ẩn sĩ xong rồi ngồi xuống một bên bảo vợ:

- Ta vừa nhặt được mâm thịt gà trôi trên sông Hằng, bà hãy làm vật thực dâng cho thầy chúng ta đi.

Ẩn sĩ nói:

- Nay gia chủ, chớ nên làm vậy, con gà này rất quý, ai ăn được thịt của nó sẽ làm vua, người nữ ăn được da của nó sẽ là Hoàng hậu.

Nói rồi ẩn sĩ lấy phần thịt gà cho người đệ tử, da gà dành cho người vợ còn mình chỉ ăn lấy xương gà.

Xong rồi, ẩn sĩ bảo: “Ba ngày nữa vận may sẽ đến với con, con nên cẩn thận đừng để mất cơ hội”.

Rồi ẩn sĩ ra về nơi ngụ của mình.

Ba ngày sau, nước láng giềng kéo quân vây chặt thành Bārāṇasī, Đức vua bảo người huấn luyện voi trang bị con voi chúa dũng mãnh từng xông pha chiến trận, Đức vua cùng các tướng sĩ xung trận.

Để nguy trang, Đức vua bảo người huấn luyện voi mặc áo Đức vua giả làm Đức vua, còn Đức vua giả dạng người huấn luyện voi để đánh lừa nghịch quân.

Trong lúc lâm trận, chẳng may Đức vua bị trúng tên tử trận, người huấn luyện voi nhanh trí suy nghĩ: “Nếu giờ ta la lên: “Đức vua đã chết”, lập tức Tướng sĩ sẽ mất tinh thần, chúng ta sẽ thua trận. Kinh thành trù phú này sẽ rơi vào tay nghịch quân, chúng ta khó sống với kẻ chiến thắng”.

Người huấn luyện voi ra lệnh rằng: “Tất cả tài sản, vàng ngọc trong kho sẽ chia đều cho các tướng sĩ, nếu chúng ta chiến thắng được nghịch quân”.

Người huấn luyện voi thúc voi thiện chiến xông lên phía trước, chỉ huy trận đánh. Lệnh vua ra lan nhanh khắp chiến trận, các tướng sĩ nghe: “Chiến thắng sẽ được thưởng” nên dũng mãnh chiến đấu và nghịch quân đã bị sự dũng mãnh ấy đánh cho tan tác, kinh hoàng chạy trở về nước, không còn dám xâm phạm kinh thành Bārāṇasī nữa.

Khi tàn chiến trận, các tướng sĩ mới biết: “Đức vua đã tử nạn, người chỉ huy chiến trận lại là người huấn luyện voi”.

Các vị Đại thần bàn luận cùng nhau rằng: “Người huấn luyện voi này thật tài trí, nếu không kinh thành này đã rơi vào tay nghịch quân. Chúng ta chiến thắng được nghịch quân nhờ tài trí người này. Người này đáng được chúng ta làm lễ Tôn vương”.

Và tất cả đồng lòng tôn người huấn luyện voi lên làm vua, dĩ nhiên vợ người huấn luyện voi trở thành Hoàng hậu và vị ẩn sĩ được Đức vua kính trọng như bậc thầy.

Nhận diện Bốn sự.

Người huấn luyện voi nay là Trưởng lão Ānanda, vị ẩn sĩ nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

3- Trưởng giả Anāthapiṇḍika với cây Bồ đề Ānanda.

Đức Thế Tôn thường đi du hành để tế độ những người hữu duyên, đồng thời mang lại lợi ích cho nhân thiên, mang Giáo pháp giải thoát đến Đại chúng. Các cận sự thành Sāvatti (XáVệ) khi đến Đại tự Kỳ Viên, trên tay cầm hương hoa để cúng dường, khi không thấy Đức Thế Tôn ngự nơi Hương thất, liền đặt những vòng hoa trước cửa Hương thất của Đức Thế Tôn rồi ra về.

Việc làm này mang lại ấn tượng lớn cho Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Khi Đức Thế Tôn trở lại Đại tự Kỳ Viên, Trưởng giả Cấp Cô Độc khi đến thăm viếng Trưởng lão Ānanda, đã bạch với Trưởng lão Ānanda rằng:

- Bạch Ngài, khi Đức Thế Tôn đi du hành, Đại tự Kỳ Viên dường như trở nên trống vắng. Các cận sự không tìm thấy nơi nào đáng tôn kính cúng dường, nên đặt những vòng hoa thơm trước cổng Hương thất của Đức Thế Tôn. Xin Ngài trình lên Đức Thế Tôn về việc này, xin Đức Thế Tôn một biểu tượng như đang có Đức Thế Tôn ngự tại Đại tự Kỳ Viên, để hàng cận sự có cơ hội bày tỏ tâm tín thành đến Đức Thế Tôn.

- Lành thay, lành thay, này gia chủ.

Trưởng lão Ānanda đi vào đánh lễ Đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

⁽¹⁾- JA. Sirijātaka. Chuyện số 284.

- Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu loại Bảo tháp?

- Nay Ānanda, có ba loại.

- Bạch Thế Tôn, đó là những loại Bảo tháp nào?

- Bảo tháp thờ kim thân, Bảo tháp thờ các vật dụng thường dùng hay mang trên người, Bảo tháp thờ những dấu tích.

- Bạch Thế Tôn, trong lúc Thế Tôn còn tại thế, có thể xây một Bảo tháp để cúng dường không?

- Nay Ānanda, không được, Bảo tháp chỉ được xây dựng khi Đấng Như Lai viên tịch.

- Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn đi du hành, các hàng tại gia đến Đại tự Kỳ Viên, khi không tìm thấy nơi đáng thành kính cúng dường, đã đặt những vòng hoa thơm nơi cổng Hương thất của Đức Thế Tôn.

Kính xin Đức Thế Tôn cho một biểu tượng, để hàng tại gia xem như có Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên và họ có nơi đặt tâm tín thành cúng dường.

- Nay Ānanda, có cây Đại giác (Mahābodhi), là nơi Như Lai thành đạo. Cây Đại giác xứng đáng là biểu tượng của Đấng Như Lai, cây Đại giác nên được tôn thờ khi Như Lai còn tại tiền hay khi Như Lai viên tịch.

- Như vậy, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn cho phép con trồng trước cổng Đại tự Kỳ Viên một cây Giác ngộ (Bodhi) từ cây Đại giác.

Hàng cư sĩ nhìn thấy cây Giác ngộ này như thấy Đức Thế Tôn đang trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên.

- Tốt lắm, nay Ānanda, cây Giác ngộ được xem như là biểu tượng của Đấng Như Lai.

Trưởng lão Ānanda thông báo tin này đến Trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Visākhā, Đức vua Pasenadi (PaTư Nặc).

Trước cổng Đại tự Kỳ Viên nơi được chỉ định, Trưởng giả Cấp Cô Độc cho đào một lỗ để trồng cây Giác ngộ (Bodhi).

Ngài Ānanda nói với Ngài Moggallāna (MụcKiềnLiên) rằng:

- Thưa Tôn giả Moggallāna, Đức Thế Tôn đã cho phép trồng cây Giác ngộ trước cổng Đại tự Kỳ Viên. Xin Tôn giả với thần lực của mình, tìm hộ tôi hạt giống từ cây Đại giác (Mahābodhi).

- Lành thay, lành thay, nay hiền giả Ānanda.

Ngài Moggallāna theo đường hư không đến Bodhigayā, vừa khi ấy một hạt Bodhi vừa rụng xuống, Ngài Moggallāna đưa vật y hứng lấy hạt Bodhi rồi trở về Đại tự Kỳ Viên, trao hạt Bodhi đến Ngài Ānanda.

Ngài Ānanda trao hạt Bodhi đến Trưởng giả Cấp Cô Độc, Trưởng giả Cấp Cô Độc ươm hạt Bodhi vào trong chậu vàng chứa đất thơm.

Buổi lễ trồng cây Giác ngộ được Ngài Ānanda tổ chức trọng thể, có Đức vua Pasenadi (PaTưNặc) cùng các vị Đại thần, Trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Visākhā, Trưởng giả Cūḷa Anāthapiṇḍika ... tham dự đông đảo, nên về sau cây Giác ngộ này có tên là Ānandabodhi (cây Giác ngộ Ānanda).

Trước tiên Ngài Ānanda trao chậu vàng có hạt giống Bodhi đến Đức vua Pasenadi, nói rằng:

- Thưa Đại vương, xin Đại vương hãy trồng cây Giác ngộ này.

Vua Pasenadi suy nghĩ: “Ta không thể cai trị đất nước này mãi mãi, cây Giác ngộ này của đại chúng, ta hãy trao về cho đại chúng”.

Và Đức vua Pasenadi nhận thấy trong hàng cận sự nam của Đức Thế Tôn chỉ có Trưởng giả Cấp Cô Độc là vượt trội hơn cả, nên trao chậu vàng có hạt giống Bodhi đến Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Trưởng giả Cấp Cô Độc xới đất thơm lên, tự tay đưa hạt giống Bodhi vào lỗ có chứa đất thơm. Vừa chạm đất hạt Bodhi nảy mầm, phút chốc vươn lên cao khoảng 50 hắc tay (#25 m), thân cây to như đầu lưỡi cày.

Đức vua Pasenadi bày tỏ sự sùng kính của mình đối với cây Đại giác, cho mang đến 800 bình vàng chứa nước thơm tưới vào cội Đại giác, các vị Đại thần, Trưởng giả theo gương ấy cho tưới nước thơm đựng trong bình vàng vào cội Đại giác này.

Trưởng lão Ānanda thỉnh Đức Thế Tôn vì lợi ích chúng sinh, Thánh hóa cây Đại Giác. Đức Thế Tôn cho biết sẽ nhập Đại định nơi cội Đại giác này trọn đêm. Lễ trồng cây Giác ngộ có tên gọi là “lễ hội Giác Ngộ”.

Sau khi “lễ hội Giác Ngộ” kết thúc, các Tỳkhuu ngồi nơi Giảng Pháp đường đàm luận về sự kỳ diệu của cây Giác ngộ cùng với uy lực của Trưởng lão Ānanda đã hướng dẫn đại chúng tổ chức thành công “lễ hội Giác Ngộ”.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng Pháp đường, sau khi nghe các Tỳkhuu trình bày đề tài vừa thảo luận, Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, đây không phải lần đầu tiên Ānanda hướng dẫn đại chúng tổ chức lễ hội Giác Ngộ. Trong quá khứ đã có lần như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Kalingabodhi.

**(Tóm lược) Bốn sự Kalingabodhi.*

Thuở xưa, khi vua Kalinga (còn viết là Kaḷiṅga) cai trị Vương quốc Kalinga, có kinh thành là Dantapura.

Đức vua Kalinga có hai vị Tử hoàng là Mahākaliṅga và Cullakaliṅga.

Các nhà tiên tri tiên đoán rằng: “Thái tử Mahākaliṅga sẽ thay cha cai trị vương quốc Kalinga, còn Vương tử Cullakaliṅga sẽ trở thành ẩn sĩ, nhưng con trai của Vương tử này là vị Chuyển Luân vương (Rāja Cakkavatti)”.

Thời gian sau, khi vua Kalinga mệnh chung, Thái tử Mahākaliṅga thay cha cai trị Vương quốc Kalinga, phong cho Vương tử Cullakaliṅga là Phó vương. Do lời tiên đoán của các nhà tiên tri, nên Phó vương CullaKaliṅga sinh kiêu mạn vì nghĩ rằng: “Con trai ta sẽ là vua Chuyển Luân sau này”.

Càng về sau, Phó vương Cullakaliṅga càng lộng hành, e ngại Phó vương Cullakaliṅga cướp ngôi, vua Mahākaliṅga ra lệnh truy bắt Phó vương về trị tội. Vị Đại thần truy bắt Phó vương lại là bạn thân với Phó vương, ông thông tin đến Phó vương rằng:

- Thưa Phó vương, Đại vương sai tôi đến bắt Ngài. Vậy Ngài hãy lo cứu mạng mình đi.

Khi vị Đại thần kéo quân đến bắt Phó vương, Phó vương Cullakaliṅga cho vị Đại thần thấy ba tín vật của mình là: Chiếc nhẫn có dấu hiệu hoàng tộc Kalinga, tấm thảm quý và thanh gươm hoàng gia.

Nói với vị Đại thần rằng:

- Nay bạn thân, người có được ba tín vật này chính là con trai ta. Bạn hãy giúp nó cai trị Vương quốc này.

Rồi Cullakaliṅga chạy vào rừng sâu lánh nạn, đến một nơi có cảnh trí yên lặng vừa ý, Cullakaliṅga dựng một thảo am cạnh bờ sông Hằng, xuất gia làm ẩn sĩ.

Nơi vương quốc Madda có kinh thành là Sāgala, Đức vua xứ Madda sinh được một công nương.

Các nhà tiên tri tiên đoán rằng: “Công nương sẽ xuất gia làm nữ ẩn sĩ, nhưng con trai của nàng sẽ là vị vua Chuyển Luân”.

Khi Công nương Maddā được 16 tuổi, các vương quốc lân bang biết được lời tiên đoán của các nhà tiên tri, nên cùng nhau kéo đến kinh thành Sāgala cầu hôn Công nương Maddā.

Các nước lân bang vây chặt kinh thành Sāgala, vua xứ Madda kinh sợ, suy nghĩ rằng:

- Nếu ta gả con gái cho vua nước này, sẽ kết oán với những nước còn lại. Ta phải cố gắng cứu mạng con gái ta.

Đức vua xứ Madda, Hoàng hậu và Công nương Maddā bỏ Hoàng cung trốn vào rừng sâu, đi về phía thượng nguồn sông Hằng. Đến một nơi thanh vắng vừa ý, dựng một thảo am cạnh bờ sông Hằng, cả ba xuất gia làm ẩn sĩ.

Hằng ngày, hai ẩn sĩ để con gái ở lại gìn giữ thảo am, đi vào rừng tìm trái cây rừng mang về làm lương thực.

Nữ ẩn sĩ Maddā hằng ngày đi tìm hoa đẹp trong rừng để trang trí am thất của mình. Bên bờ sông Hằng có cây xoài to cao, tàn nhánh rậm rạp, một hôm nàng tìm những cánh hoa đẹp kết lại thành vòng hoa, rồi đi đến cây xoài du ngoạn vì khi ấy cây xoài đang trở hoa rất thơm.

Nàng trèo lên nhánh xoài ngắm cảnh thiên nhiên, rồi cao hứng nàng ném vòng hoa xinh đẹp xuống giòng sông Hằng, nàng nhìn vòng hoa trôi lững lờ trên nước với sự thích thú.

Theo dòng nước, vòng hoa trôi xuống vùng hạ nguồn, khi ấy ẩn sĩ Cullakaliṅga đi đến sông Hằng để tắm rửa, vòng hoa trôi vướng trên búi tóc của ẩn sĩ. Nhìn vòng hoa, ẩn sĩ suy đoán:

- Một nữ nhân đã kết vòng hoa này, nhưng không phải là người nữ đã có chồng, đó là cô gái còn ngây thơ. Ta phải tìm gặp được nàng.

Ẩn sĩ đi ngược lên thượng nguồn sông Hằng, nghe được tiếng hát du dương của nữ ẩn sĩ. Ẩn sĩ tìm đến thấy nữ ẩn sĩ đang ngồi trên nhánh xoài ca hát véo von. Ẩn sĩ hỏi:

- Nàng xinh đẹp kia, nàng là gì? Người hay phi nhân?

- Thưa Ngài, tôi là người.

- Vậy nàng hãy xuống đất đi.

- Không được, tôi thuộc giòng vua, nên không thể đứng ngang hàng với giai cấp thấp hơn.

- Nàng, ta cũng thuộc dòng vua đây.

- Ta không thể tin lời nói suông được. Nếu Ngài thuộc dòng vua, hãy nói cho ta biết nghi thức truyền thống của Hoàng gia đi.

Ẩn sĩ trình bày những nghi thức của Hoàng gia để chứng minh mình cũng thuộc dòng vua, ẩn sĩ nói lên những bí mật của dòng vua.

Đồng thời để xác minh nàng có phải là dòng vua không, ẩn sĩ hỏi những điều bí ẩn của dòng vua, nữ ẩn sĩ trả lời những câu hỏi ấy.

Sau khi xác nhận cả hai thuộc dòng vua, nữ ẩn sĩ từ cây xoài leo xuống đất, và cả hai thấy hài lòng lẫn nhau.

Khi hai ẩn sĩ tìm trái cây từ rừng sâu trở về, nàng thuật cho cha mẹ biết lai lịch của ẩn sĩ Cullakaliṅga. Ẩn sĩ Cullakaliṅga xin cưới nữ ẩn sĩ Maddā, hai ẩn sĩ vua xứ Madda ưng thuận.

Thời gian sau nàng Maddā thụ thai, sau 10 tháng nàng sinh ra một hài tử có những quý tướng của vua Chuyển Luân, hài tử được đặt tên theo dòng họ là Kaliṅga.

Khi trưởng thành Vương tử Kaliṅga tinh thông mọi môn nghệ thuật từ cha mẹ. Một hôm nhìn thiên tượng, ẩn sĩ Cullakaliṅga biết rằng: “Vương huynh ta đã mệnh chung, đây là thời điểm ta cho con trai ta trở về cai trị vương quốc Kaliṅga”. Ẩn sĩ gọi con trai đến bảo rằng:

- Nàng con thân, con không nên phí tuổi xuân cũng như tài trí của mình nơi rừng sâu này. Vương huynh ta là vua MahāKaliṅga vừa mệnh chung, ông ấy không có con trai, con đi đến kinh thành Dantapura, tìm gặp vị Đại thần là

bạn thân của ta, cho vị ấy biết: “Con là con trai của ta”. Vị ấy sẽ giúp con lên ngôi vua.

Sau khi đưa ba tín vật cùng với tên của vị Đại thần, ẩn sĩ Cullakaliṅga bảo con trai lên đường.

Nhờ phước riêng, Vương tử Kaliṅga theo đường hư không đến kinh thành Dantapura, hạ thân xuống ngay phòng riêng của vị Đại thần.

Vương tử Kaliṅga trưng bày ba tín vật, đồng thời nói rõ: “Ta là con trai của Phó vương Cullakaliṅga”, nhờ vị Đại thần giúp mình lên ngôi vua cai trị Vương quốc Kaliṅga.

Nhờ ba tín vật, triều thần xứ Kaliṅga thừa nhận Vương tử Kaliṅga là hậu duệ của Hoàng tộc Kaliṅga.

Vua Mahākaliṅga không có con trai, nên ngôi vua thuộc về Vương tử Kaliṅga.

Vị Đại thần Tế lễ sư là Kaliṅga Bhāradvāja tinh thông Đại nhân tướng, nhìn thấy Vương tử Kaliṅga có 32 Đại nhân tướng, hiểu rằng; “Đây là vua Chuyển Luân hiện khởi”.

Sau khi dạy Vương tử Kaliṅga 10 pháp trị nước của vua Chuyển Luân, vị Tế lễ sư Kaliṅga Bhāradvāja cùng triều thần làm lễ Tôn vương cho Vương tử Kaliṅga lên ngôi trị vì Vương quốc Kaliṅga.

Vào ngày trăng tròn, xe báu xuất hiện cho vua Chuyển Luân Kaliṅga; rồi lần lượt voi báu Uposatha, ngựa báu Valāha. Từ núi Vepulla, ngọc báu xuất hiện cho vua Chuyển Luân Kaliṅga, kế đến nữ báu, Vương tử báu và cư sĩ báu xuất hiện đến vua Chuyển Luân.

Một hôm nghĩ đến cha mẹ đang trú ngụ nơi rừng sâu, vua Chuyển Luân muốn trở về thăm cha mẹ và rước cha mẹ về Hoàng cung, Ngài cùng tùy tùng đầy đặc 36 dotuần tiến về vùng núi Tuyết.

Đức vua Chuyển Luân ngự trên lưng voi báu Uposatha theo đường hư không đến núi Tuyết, nhưng khi đi ngang qua vùng đất có cây Đại giác, voi báu Uposatha không thể bay ngang qua được, vua Chuyển Luân cứ thúc ép voi nhưng không thể nào vượt qua, cuối cùng voi báu Uposatha vỡ đầu chết.

Vị Tế lễ sư Kaliṅga Bhāradvāja quan sát vùng đất trung tâm này rồi thưa với vua Chuyển Luân rằng:

- Thưa Đại vương, đây là vùng đất thiêng, nơi Đức Chánh giác chiến thắng năm loại ma, trở thành bậc Tối thượng trong thế gian. Không một ai cho dù đó là Chư thiên, Phạm thiên cũng không thể bay ngang qua được.

Vua Chuyển Luân Kaliṅga nghe đến danh hiệu Đức Phật Chánh giác, tâm vô cùng hân hoan, ra lệnh cho đại chúng mang hương hoa đủ loại đến cúng dường vùng đất thiêng này suốt 7 ngày đêm.

Nhận diện tiên thân.

Vua Chuyển luân Kaliṅga nay là Ngài Ānanda, vị Tế lễ sư Kaliṅga Bhāradvāja nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

***Kinh thành Dantapura.**

Là kinh đô của Vương quốc Kaliṅga do vua Sattabhū trị vì vào thời vua Reṇu⁽²⁾. Một số vua trị vì kinh thành Dantapura là: Nālikīra, Karaṇḍu⁽³⁾.

Kinh thành Dantapura được đề cập trong Kurudhammajātaka⁽⁴⁾, CullakāliṅgaJātaka⁽⁵⁾, Kaliṅgabodhijātaka.

⁽¹⁾- JA. Kalingabodhijātaka. Chuyện số 479.

⁽²⁾- D.ii. Mahāgovindasutta (Kinh Đại Điển Tôn).

⁽³⁾- JA. Chuyện số 512. Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 11).

⁽⁴⁾- JA. Chuyện số 276. Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 9).

⁽⁵⁾- JA. Chuyện số 301.

Một Xá lợi răng nhọn của Đức Thế Tôn được tôn thờ trong Bảo tháp nơi kinh thành Dantapura cho đến khi được Thái tử Dantakumāra thỉnh sang xứ Tích Lan, Xá lợi này được Trưởng lão Khema (là bậc Thánh ALaHán) nhặt được bên trái giàn hỏa thiêu kim thân của Đức Phật. Khi du hành đến xứ Kāliṅga, Trưởng lão Khema dâng cho vua Brahmadaṭṭa của xứ Kāliṅga.

Vua xứ Kāliṅga kiến tạo một Bảo tháp tôn thờ Xá lợi Răng nhọn nơi kinh thành Dantapura⁽¹⁾.

***Vua Nālikīra (Nālikera).**

Là vị vua cai trị quốc độ Kāliṅga, có kinh thành là Dantapura.

Có lần một vị ẩn sĩ cùng 500 đệ tử đến kinh thành Dantapura trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển của Đức vua ở ngoài thành Dantapura.

Vua Nālikīra nghe có 500 ẩn sĩ đến trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển nên cùng triều thần đến viếng thăm.

Khi được ẩn sĩ trưởng hỏi: “Đại vương có trị nước theo đúng Thập vương pháp không?”

Vua Nālikīra không hoan hỷ, thỉnh các vị ẩn sĩ vào cung, cho dùng những vật thực như bần, cho quân lính đánh đập các ẩn sĩ và cho những con chó hung dữ cắn xé các ẩn sĩ.

Do tạo ác trọng nghiệp này, lập tức vua Nālikīra bị đất rút vào địa ngục Sunakkha, chịu nhiều cực hình trong địa ngục ấy.

Vương quốc Kāliṅga của vua Nālikīra bị tiêu tan⁽²⁾.

Chuyện này thường được truyền tụng tại xứ Ấn cổ.

4- Với mẹ của Trưởng lão Kumāra Kassapa.

Trưởng giả Cấp Cô Độc là một nam cư sĩ có uy tín lớn, có lần ông được mời đến xét xử một Tỳkhu ni có mang trước khi xuất gia.

Duyên sự.

Trong thành Rājagaha (Vương xá) có cô gái con một gia tộc Trưởng giả danh tiếng. Khi tuổi trưởng thành, nàng có ý muốn được xuất gia, nhưng cha mẹ không chấp thuận vì nàng là con gái duy nhất của gia tộc này.

Nàng được gả cho một thanh niên con nhà vọng tộc tương xứng với gia tộc và nàng trở thành người vợ chung thủy đức hạnh, chu toàn mọi phận sự làm vợ. Tâm nàng luôn có khuynh hướng xuất gia tu tập để chứng Thánh quả ALaHán, nên chẳng mang đến thế tục.

Một hôm trong thành Rājagaha (Vương xá) khai mở lễ hội 7 ngày để chúng dân vui chơi.

Kinh thành Rājagaha được trang hoàng như thành phố chư Thiên, nhưng nàng chẳng màng trang điểm lại chẳng tha thiết đến lễ hội, lấy làm lạ, chồng nàng hỏi nguyên nhân, nàng thú thật với chồng rằng:

- Thưa anh, thân này chứa đầy 32 thể trước, trang điểm thân này làm gì? Thân này không phải là hóa sinh như thân chư Thiên, Phạm thiên, không phải được hóa sinh từ hoa sen trắng, sen hồng, không là ngọc vàng châu báu.

Thân này là kết tinh từ những ô trước của mẹ cha, thân này luôn bị định luật vô thường làm cho biến hoại. Như vậy trang điểm để làm gì?

Rồi nàng nói lên kệ ngôn của Đức Thế Tôn dạy (trong tập Suttanipāta – Kinh Tập).

194- Aṭṭhinahārusaṃyutto; tacamaṃsāvalepano.

Chaviyā kāyo paṭicchanno; yathābhūtaṃ na dissati.

“Ràng buộc với xương gân; trét thoa⁽³⁾ với da thịt.

(1)- Dāṭhavaṃsa ii. 52, 57; xem thêm CAGI. 593.

(2)- JA. v. 119, 143, 144 ; MA. ii. 602 ; Mt. iii. 361, 368, 369.

(3)- Avalepano.

Thân được da che đậy; không thấy rõ như thật⁽¹⁾.

Như vậy, thưa anh trang điểm thân này làm gì? Phải chăng để trang điểm bên ngoài chiếc bình chứa đầy phấn và nước tiểu bên trong?

- Thế sao nàng không đi xuất gia đi?

- Em rất mong muốn được như thế, nếu anh cho phép, ngay hôm nay em sẽ xuất gia.

- Lành thay, lành thay, này em thân.

Chồng nàng vô cùng hoan hỷ và chấp thuận cho nàng được phép xuất gia, khi ấy nàng đã có mang nhưng nàng không hề biết điều này.

Chồng nàng tổ chức lễ xuất gia cho nàng thật long trọng, nàng xuất gia vào Ni đoàn, thuộc nhóm của Tôn giả Devadatta (Đề Bà Đạt Đa).

Thời gian sau, thai bào phát triển, mọi người biết nàng đã mang thai, các Tỳkhuu ni hỏi nàng rằng:

- Này Tỳkhuu ni, chuyện này như thế nào?

- Thưa chư Hiền tỷ, tôi cũng chẳng biết như thế nào cả. Nhưng tôi không hề phạm giới hủy diệt đời sống Phạm hạnh.

Các vị Tỳkhuu ni mang việc này trình lên Tôn giả Devadatta.

- Bạch Ngài, Tỳkhuu ni này xuất gia vì niềm tin, nhưng chúng tôi không rõ vì sao nàng mang thai.

Do e ngại mang tiếng nhơ, Tôn giả Devadatta không suy nghĩ cặn kẽ, không cho truy gạn lý do rõ ràng, vội quyết định rằng:

- Hãy trục xuất Tỳkhuu ni này ra khỏi Ni đoàn, trả nàng về với đời sống thế tục. Đừng để mang tai tiếng đến Ni giới trong trú xứ của chúng ta, những ni giới này luôn được chính ta giáo giới.

Nghe quyết định của Tôn giả Devadatta, nàng thưa với các vị Tỳkhuu ni rằng: “Thưa chư Hiền tỷ, tôi xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, không phải xuất gia trong giáo thuyết của Tôn giả Devadatta, hãy mang tôi đến Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy như thế nào tôi sẽ thực hành theo lời dạy của Đức Thế Tôn”.

Vì nàng là con gái duy nhất của một gia đình vọng tộc, nên các vị Tỳkhuu ni không dám đi quá giới hạn, theo lời yêu cầu của nàng, đưa nàng vượt đường dài 45 do tuần đến Đại tự Kỳ Viên, trình bạch việc này lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thấu rõ mọi việc, Ngài suy nghĩ: “Tuy thai bào hình thành khi nàng còn cư sĩ, nhưng cũng là cơ để cho ngoại giáo xuyên tạc rằng: “Samôn Gotama nhận một Tỳkhuu ni mà Tôn giả Devadatta đã tẩn xuất do phạm giới”. Để minh bạch, việc này cần làm sáng tỏ trước đại chúng”.

Đức Thế Tôn cho mời Đức vua Pasenadi cùng các vị Đại thần, Trưởng giả Mahā Anāthapiṇḍika, Trưởng giả Cūla Anāthapiṇḍika, bà Visākhā ... đến Đại tự Kỳ Viên.

Vào buổi chiều khi đại chúng có mặt đông đủ, Đức Thế Tôn dạy Ngài Upāli rằng:

- Này Upāli, trước đại chúng, hãy làm sáng tỏ sự kiện của Tỳkhuu ni trẻ này đi.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Trưởng lão Upāli cho mời bà Visākhā đến nói rằng:

- Này Visākhā, nàng hãy xét nghiệm thai bào này hình thành trước hay sau khi nàng Tỳkhuu ni này xuất gia?

- Vâng, bạch Ngài.

⁽¹⁾- Sn. 34. Vijayasuttam (kinh Thắng trận).

Bà Visākhā cho người che màn kín đáo chung quanh, cho vị Nữ ni vào bên trong màn, tư thân bà kiểm nghiệm từ tay chân, rún, bụng của nàng Nữ ni. Rồi tính ra ngày vị Nữ ni mang thai, sau khi tính toán xong, bà Visākhā công bố ngày vị Nữ ni mang thai.

So với ngày vị Nữ ni xuất gia thì nàng đã có mang trước, nhưng không hề hay biết.

Giữa hàng tứ chúng, Trưởng lão Upāli tuyên bố: “Vị Tỳkhuu ni này vô tội, giới của nàng hoàn toàn trong sạch”.

Vị Tỳkhuu ni đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn và Tăng chúng, xin Đức Thế Tôn cho nương trú nơi Ni viện trong thành Sāvatti (XáVệ), không trở về thành Vương xá nữa.

Do nàng có ước nguyện từ thời Đức Phật Padumuttara là: “Sinh được hài tử có uy lực lớn”.

Thời gian sau, nàng sinh hạ một hài tử xinh đẹp như pho tượng vàng nhỏ, một hôm Đức vua viếng Ni viện Rājakārāma của Đức vua xây dựng, cúng dường đến các Tỳkhuu ni.

Nghe tiếng trẻ thơ khóc, Đức vua hỏi quan tùy tùng rằng:

- Đây các Đại thần, tiếng khóc con của ai vậy?

- Thưa Đại vương, là con trai của vị Nữ ni có mang trước khi xuất gia.

Đức vua chợt nhớ lại sự kiện mà mình được chứng kiến trước đây, nên nói rằng:

- Đây các Đại thần, nuôi con là một chương ngại cho sự tu tập, chúng ta sẽ nuôi dưỡng hài tử ấy, để vị Tỳkhuu ni hàm oan này yên tâm tu tập.

Đức vua Pasenadi mang hài tử về Hoàng cung, giao cho những nữ mẫu nuôi dưỡng, vào ngày lễ đặt tên, hài tử được đặt tên là Kassapa.

Khi đồng tử Kassapa được 7 tuổi, trong những lúc vui chơi cùng những Vương tử cùng trang lứa, vì đồng tử Kassapa rất khỏe mạnh, đã đánh bại những vương tử khác, nên chúng nói:

- Chúng ta thua kẻ không cha mẹ này rồi.

Nghe vậy, đồng tử Kassapa đi vào cung vua Pasenadi hỏi rằng:

- Thưa cha, vì sao những chúng bạn của con gọi con là “kẻ không cha mẹ”. Chẳng phải cha không phải là cha của con hay sao?

Đức vua Pasenadi suy nghĩ: “Ta không nên dối gạt trẻ thơ”, nên nói rằng:

- Đây con, con là con của một Tỳkhuu ni, mẹ con có mang con trước khi xuất gia. Khi sinh con ra, ta mang con về Hoàng cung để nuôi dưỡng, ta không phải là cha của con.

Nghe vậy, đồng tử Kassapa phát sinh tâm kinh cảm, suy gẫm rằng:

- Theo lời cha ta nói: “Ta không thuộc dòng Hoàng tộc”. Như vậy, tuy sống giữa Hoàng cung, ta vẫn là kẻ đơn độc, vì chẳng có ai là thân tộc của mình, ta chỉ là đứa bé không cha không mẹ ở chốn này.

Vậy ta nên theo mẹ xuất gia, ta sẽ có cơ hội gặp lại mẹ của mình.

Sau khi suy gẫm kỹ lưỡng, đồng tử Kassapa nói với Đức vua Pasenadi rằng: “Thưa cha, con muốn được xuất gia, như vậy con sẽ tìm được mẹ của con”.

- Lành thay, lành thay, này con thân.

Đức vua Pasenadi mang đồng tử Kassapa đi đến Đại tự Kỳ Viên, trình lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, hài tử này là con của vị Tỳkhuu ni có mang trước khi xuất gia. Nay hài tử muốn được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

- Lành thay, lành thay, này Đại vương.

Đồng tử Kassapa được xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, vì Ngài còn nhỏ lại được Đức vua Pasenadi nuôi dưỡng, nên các vị Tỳkhuu thường gọi Ngài là Kumāra Kassapa để phân biệt với những vị Trưởng lão có cùng tên là Kassapa, cho dù khi Ngài đã trưởng thành vẫn được gọi là Kumāra Kassapa.

Từ khi trao con cho Đức vua Pasenadi nuôi dưỡng, vị Tỳkhuu ni này nhớ thương con, suốt 12 năm dài không ngày nào nàng không rơi nước mắt vì thương nhớ con.

Khi Kumāra Kassapa trưởng thành, Ngài nỗ lực thực hành pháp, chứng đạt Thánh quả ALaHán Lục thông.

Một hôm vị Tỳkhuu ni đi khất thực trong thành Sāvatti (XáVệ), bỗng nhìn thấy Ngài Kumāra Kassapa ở bên kia đường, bà hân hoan chạy đến gọi lớn rằng: “Con ơi! Con ơi”, bất ngờ bà vấp ngã té nhào xuống đất, hai vú bà tuôn ra giòng sữa ướt cả tấm y lót bên trong, bà đứng lên chạy đến nắm chiếc y của Ngài Kumāra Kassapa.

Ngài Kumāra Kassapa suy nghĩ: “Nếu ta dùng lời êm dịu với mẹ ta, khiến bà càng dính mắc vào tình mẫu tử, sẽ là chướng ngại cho Đạo quả của bà. Như thế chẳng có ích lợi gì đến mẹ ta, ta nên dùng lời cứng rắn, vô tình với bà là tốt hơn cả”.

Ngài Kumāra Kassapa nghiêm nét mặt, khiển trách rằng:

- Nay bà Tỳkhuu ni, vì sao bà xuất gia rồi, lại không cắt đứt được sự duyên ái ấy chứ? Mắt bà để đâu, sao không nhìn thấy pháp của Đức Thế Tôn? Tai bà để đâu, sao không nghe Giáo pháp của Đức Thế Tôn giảng dạy?.

Như bị gáo nước lạnh tạt vào mặt, vị Tỳkhuu ni suy nghĩ: “Ôi ! Lời lẽ này sao bạc bẽo đến như thế”. Bà hỏi rằng:

- Nay con, con vừa nói gì thế?

Ngài Kumāra Kassapa lập lại những lời như trên, bà suy nghĩ rằng: “Ta vì thương nhớ con, suốt 12 năm dài không ngăn được giòng lệ, nhưng con ta sao vô tình quá. Thì ra tâm của nó sắt đá, chẳng nghĩ gì đến ta cả. Như vậy ta còn thương nhớ nó làm gì nữa chứ”.

Vị Tỳkhuu ni buông chiếc y của Ngài Kumāra Kassapa ra, lặng lẽ trở về liêu thất của mình, bà nỗ lực thực hành pháp để quên đi đứa con vô tình bạc bẽo. Sự thương nhớ con không còn tha thiết như trước nữa, nhờ áp chế được sự duyên ái tình mẫu tử, bà chứng đạt Thánh quả ALaHán ngay trong ngày hôm ấy.

Thời gian sau, nơi Giảng Pháp đường trong Đại tự Kỳ Viên, các vị Tỳkhuu bàn luận với nhau rằng:

- Nay chư Hiền, vị Tỳkhuu ni cùng với Tỳkhuu Kumāra Kassapa có duyên lành Thánh quả ALaHán như thế. Thế mà suýt nữa bị Tôn giả Devadatta làm tổn hại. Còn Bạc Đạo sư là nơi nương nhờ của hai vị ấy, thật là điều kỳ diệu thay. Chư Phật Chánh giác là bậc tế độ thế gian là thế.

Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được sự luận bàn của các vị Tỳkhuu, Ngài ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, hỏi các vị Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các người đang thảo luận đề tài gì thế? Vấn đề gì được khởi lên ở nơi đây?

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn đề tài đang thảo luận, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, nay Như Lai là Đấng Chánh Giác nên là nơi nương nhờ của hai mẹ con Tỳkhuu Kumāra Kassapa, điều ấy chẳng có chi là kỳ diệu.

Thuở trước, khi còn là phạm nhân, Như Lai cũng đã từng là nơi nương tựa cho hai mẹ con Tỳkhuu Kumāra Kassapa rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Nigrodhamiga⁽¹⁾.

Con nai cái trong đàn của nai chúa Nighodha sinh ra con nai đực xinh đẹp như nụ hoa.

Khi thấy nai con giao du với đàn nai Sakha, nai mẹ khuyên con bằng kệ ngôn.

Nigrodhameva seveyya; na sākhamapasamvase.

Nighodhasmim matam seyyo; yañce sākhasmim jivitanti.

“Sống với Nigrodha; không sống với Sakha.

Chết với Nigrodha; tốt hơn sống với Sakha”.

Khi những con nai thoát khỏi sự sợ hãi, nên chúng ăn lúa của dân chúng, dân chúng nhớ lệnh vua: “Không được giết nai”, nên không dám sát hại nai, cũng không dám đánh đập hay xua đuổi.

Dân chúng cùng nhau đi đến Hoàng cung, báo lên cho Đức vua biết.

- Thừa Đại vương, đàn nai chúng ăn lúa, làm thiệt hại đến tài sản của chúng tôi. Xin Đại vương hãy thu hồi lệnh “cấm sát hại nai” đi.

- Nay chúng dân, ta đã bằng lòng ban cho nai chúa Nigrodha một đặc ân rồi, Ta thà mất nước chứ không bỏ lời đã hứa. Trong quốc độ của ta không một con nai nào bị sát hại hay bị đánh đập cả.

Nai chúa Nigrodha biết được việc này, cho họp đàn nai lại, dạy rằng:

- Kể từ hôm nay, các người không được ăn lúa của người khác.

Rồi nai chúa Nigrodha báo tin đến dân chúng rằng:

- Kể từ hôm nay các người làm ruộng không cần phải đi vào ruộng lúa để bảo vệ lúa nữa, chỉ cần làm dấu “cột lá lúa lại” là đủ.

Và tục lệ cột lá lúa lại ở ven bờ ruộng có từ khi ấy, những con nai thấy dấu hiệu này không dám vào ruộng lúa để ăn lúa.

Mệnh chung tất cả đều đi theo nghiệp riêng của mình.

Nhận diện tiên thân.

Nai chúa Sakha nay là Tôn giả Devadatta, nai cái nay là vị Trưởng lão ni mẹ của Ngài Kumāra Kassapa, nai con nay là Ngài Kumāra Kassapa, còn nai chúa Nighodha nay là Đấng Như Lai⁽²⁾.

Liên hệ đến sự chứng đắc Thánh quả ALaHán của vị Trưởng lão ni mẹ của Ngài Kumāra Kassapa, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, sự nương tựa vào người khác không thể chứng đắc được Đạo quả Siêu thế. Phải tự mình nương tựa chính mình, khi ấy mới có khả năng chứng đắc Thánh quả.

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

160- Attā hi attano nātho, ko hi nātho paro siyā;

Attanā hi sudantena, nātham labhati dullabham.

“Ta là nơi nương chính ta; không nương tựa nơi khác.

Tự mình khéo điều phục; là nơi nương khó được”

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Tỳkhuu chứng Thánh quả⁽³⁾.

a- Trưởng lão Kumāra Kassapa (đệ nhất biện thuyết).

Khi tròn 20 tuổi (tính luôn tuổi trong bụng mẹ)⁽⁴⁾ Ngài Kumāra Kassapa được thọ giới Tỳkhuu, rồi đi đến khu rừng thanh vắng để thực hành pháp Samôn, nhưng không thể chứng đạt Thiên tịnh cùng Thánh quả.

Ngài Kumāra Kassapa dự định trở về đánh lễ Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn đề mục hành thiên hợp theo cơ tánh của mình.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoảng pháp (tập 2).

(2)- JA. Nigrodhamigajātaka. Chuyện số 12.

(3)- DhpA. Cấu kệ số 160.

(4)- Vin. i. 93; Sp. iv. 867.

Trên đường về, Ngài tạm trú ngụ nơi rừng Mù (Andhavana)⁽¹⁾, một vị Phạm thiên ANaHàm (vị này là bạn đồng Phạm hạnh với Ngài Kumāra Kassapa ở kiếp trước, là một trong 7 vị Tỳkhuu trong thời Đức Phật Kassapa, cùng nhau lên đỉnh núi cao thực hành Samôn Pháp. Một vị chứng Thánh quả ALaHán đã viên tịch, vị chứng Thánh quả ANaHàm mệnh chung tái sinh về cõi Tịnh cư (Suddhāvāsā), năm vị còn lại không chứng chi cả, mệnh chung tái sinh về Thiên giới.

Trong thời Đức Phật Gotama, hậu thân năm vị ấy là: Ngài Sabhiya⁽²⁾, Ngài Pukkusāti⁽³⁾, Ngài Bāhiya Dārucīriya⁽⁴⁾, Ngài Kumāra Kassapa và Ngài Dabba Mallaputta.

Vị Phạm thiên ANaHàm xuất hiện trước Ngài Kumāra Kassapa, hỏi 15 câu hỏi, chỉ có Đức Thế Tôn mới giải được.

Theo lời dạy của vị Phạm thiên ANaHàm, Ngài Kumāra Kassapa đi đến Đại tự Kỳ Viên, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên bạch với Đức Thế Tôn về 15 câu hỏi của vị Phạm Thiên.

Do nhân duyên này, Đức Thế Tôn thuyết giảng Vammikasuttaṃ (kinh Gò Mối).

**Tóm lược kinh Gò Mối⁽⁵⁾.*

Một Thiên nhân xuất hiện trước Tôn giả Kumāra Kassapa đang trú trong rừng Andhavana (rừng Mù) và nói lên câu đố như sau.

Có gò mối ban đêm phun khói, ngày chiếu sáng; một Balamôn bảo kẻ trí hãy cầm gươm đào lên. Kẻ trí làm theo lời Balamôn, tuân tự đào và lấy lên những vật sau đây: Then cửa, con nhái, cái chĩa hai, cái lọc nước, con rùa, con dao phay, miếng thịt; cuối cùng gặp một con rắn hổ và đánh lễ nó.

Vị Thiên bảo Ngài Kumāra Kassapa hãy đến nhờ Phật giải ẩn ngữ trên, vì chỉ có Đức Phật mới giải nổi.

Đức Phật giải thích: *Gò mối* là thân tứ đại, *ban đêm phun khói* là ban đêm suy nghĩ, *ban ngày chiếu sáng* là ban ngày thực hiện những gì ban đêm đã nghĩ, *Balamôn* là Đấng Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác, *kẻ trí* là vị Tỳkhuu hữu học, *cây gươm* là trí tuệ bậc thánh, *đào* là tinh tấn (viriyā), tinh cần (padhāna), *then cửa* là vô minh (avijjā), *đem (then cửa lên)* là từ bỏ (vô minh), *con nhái* là phần nộ hiềm hận (bvāpāda), *cái chĩa hai* là nghi hoặc (vicikicchā), *đồ lọc nước* là năm chướng ngại (nīvaraṇa), *con rùa* là năm thủ uẩn (pañcupādānakkhandha), *con dao phay* là ngũ dục, *miếng thịt* là hỷ tham, *đào lên* có nghĩa là từ bỏ tất cả thứ ấy.

Cuối cùng *con rắn hổ* (nāga) là vị Thánh ALaHán, là bậc đáng đánh lễ.

Nghe xong lời Đức Thế Tôn giảng giải, Ngài Kumārakassa đi vào rừng Mù (Andhavana), nỗ lực hành pháp, không bao lâu Ngài chứng Thánh quả ALaHán Lục thông⁽⁶⁾.

Giải.

1'- *Gò mối*. Chỉ cho thân tứ đại. Gò mối là nơi trú ẩn của nhiều chúng sinh như mối, chuột, rắn ... Cũng vậy, thân xác này là nơi có nhiều chúng sinh trú ẩn bên trong như xán, lã ... bên ngoài có chí, rận ...

Lại nữa, gò mối có những cửa để những con vật vào ra, thân xác này có những cửa để tuôn ra chất bẩn đồng thời để đi vào như miệng, tai, mắt ...

Do vậy, Đức Thế Tôn giải: *Gò mối* chỉ cho thân tứ đại.

(1)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 4).

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 3).

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 9).

(4)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 12).

(5)- M.i. Vammikasuttaṃ. Kinh số 23.

(6)- AA. i. 172.

2'- *Phun khói vào ban đêm*. Chỉ cho những suy nghĩ.

Thông thường trước khi đi vào giấc ngủ, chúng sinh thường nhớ lại những gì đã, đang và sẽ xảy ra, tâm tư suy gẫm những gì cần phải thực hiện vào ngày mai. Những suy nghĩ này, Đức Thế Tôn gọi là “*phun khói*”.

3'- *Chiếu sáng vào ban ngày*. Là những gì đêm qua suy gẫm để thực hiện thì vào ngày hôm sau thực hiện.

4'- *Bàlamôn*. Chỉ Đức Thế Tôn.

5'- *Người trí*. Chỉ cho vị Tỳkhuu.

6'- *Thanh gươm*. Chỉ cho trí tuệ,

7'- *Đào lên*. Chỉ cho tinh tấn, nỗ lực.

(Bốn điều này rõ ràng, không cần phải giải thích).

8'- *Then cửa*. Chỉ cho vô minh.

Nơi cổng thành, cổng nhà có cánh cửa; then cửa gài lại thì cửa đóng kín và chắc chắn, khiến người bên ngoài không thể đi vào, người bên trong cũng không thể đi ra và không nhận thức được cảnh bên ngoài.

Cũng vậy, chính vô minh ngăn che không cho chúng sinh thấy được Thánh Đạo tám ngành, khiến cho tâm không thể đến gần với Nípàn.

9'- *Con nhái*. Chỉ cho phần nộ, hiềm hận.

Khi con nhái (hay cóc) có gì va chạm vào nó, nó nhảy vọt đi, nổi giận lên nó phùng ức nơi cổ to ra, thổi phù phù vật chạm vào nó.

Khi phần nộ quá mức, người nó nở phồng ra không thể di chuyển được, và nó làm môi cho những con quạ, kên kên, rắn, chuột ...

Cũng vậy, phần nộ nổi lên khi có người chạm vào *cái ta* hay *cái của ta*, và khi phần nộ, người như được thổi phồng ra.

Khi phần nộ quá độ, người đó không còn đủ sáng suốt, giúp cho kẻ thù có cơ hội tấn công và làm hại.

Lại nữa, khi phần nộ dâng cao, khiến người đó đi vào ác ngữ nghiệp, thân ác nghiệp để rồi bị dẫn đến khổ cảnh.

10'- *Chĩa hai*. Chỉ cho hoài nghi.

Người lữ hành mang nhiều tài sản có giá trị, đến ngã ba đường, không chọn được con đường nào để đi tiếp, người đó đứng nơi ngã ba với thời gian dài, người đó sẽ trở thành mục tiêu vừa bọn trộm cướp tấn công và sẽ thiệt hại đến tài sản luôn cả sinh mạng.

Cũng vậy, vị Tỳkhuu không xác tín những huấn từ của vị thầy nên không thực hành theo lời dạy của thầy, do đó sẽ đứng lại và những ác bất thiện pháp có cơ hội xâm chiếm tâm người ấy, làm thiệt hại đến những thiện pháp đã và đang có. Cuối cùng người ấy bị ác bất thiện pháp dẫn xuống khổ cảnh.

11'- *Đồ lọc nước*. Chỉ cho năm chướng ngại.

Là hôn trầm, hoài nghi, sân, phóng dật (uddhacca) và tham dục (kāmacchanda).

Người đổ nước vào đồ lọc nước, nước trong trôi qua, chỉ còn lại những chất bẩn như cát, sạn, rong rêu ... Trong bình lọc nước, ngày càng chứa đầy những vật bẩn, nên càng về sau nước khó có thể đi qua, những vật bẩn này để trở thành trong sạch.

Do vậy, Đức Thế Tôn giải thích: Đồ lọc nước chỉ cho 5 chướng ngại, nó không cho tâm vượt qua để được trong sạch chứng đạt thiên tịnh hay đạo quả, Nípàn.

12'- *Con rùa*. Chỉ cho năm thủ uẩn.

Con rùa khi nằm nghỉ, nó thò đầu cùng bốn chân ra khỏi mai để hưởng ánh nắng, còn bình thường nó rút đầu cùng bốn chân vào trong mai.

Cũng vậy, khi nào người có trí buông lìa cái tôi, khi ấy mới thoát khỏi sự bám víu vào năm uẩn, khi ấy mới nhận được Nípàn cảnh.

Nếu còn bám víu vào cái tôi sẽ không nhận được giải thoát ví như con rùa rút cổ và 4 chân vào mai rùa.

13'- *Con dao phay*. Chỉ cho năm dục lạc.

Năm dục lạc là: Sắc tốt, âm thanh du dương, mùi hương thơm, vị chất ngon ngọt và thân xúc chạm lạc thú.

Con dao phay băm những lương thực trên thớt, từ đó tạo ra những món vật thực hấp dẫn đáng hài lòng để thụ hưởng. Con dao phay đã làm cho những lương thực không còn trong sạch, lương thực đã bị ô nhiễm khi chạm vào với nhau, khi chạm trên tấm thớt, ngay cả con dao phay cũng không còn trong sạch. Cũng vậy, tâm sẽ bị ô nhiễm (con dao phay) khi thụ hưởng 5 cảnh trần (ví như tấm thớt) khả ái đáng hài lòng.

14'- *Miếng thịt*. Chỉ cho hỷ tham.

Thịt là lương thực hấp dẫn với quạ, kên kên, chó, mèo ... ngay cả con người dù sang hay hèn, dù đó là người quyền quý hay kẻ nghèo khổ.

Khi nhận được miếng thịt ngon thì tất cả đều vui thích, hài lòng, cố gắng gìn giữ, chính miếng thịt ấy đã tạo ra tranh chấp, lo âu...

Cũng vậy, chính hỷ tham này chúng sinh mãi miết tâm cầu để có được, khi có được thì thích thú hài lòng, để rồi dẫn đến có nhiều kẻ thù, dẫn đến lo âu, phiền muộn khi nó không còn đến với họ.

Chính hỷ tham này dẫn chúng sinh cứ mãi chạy trong vòng sinh tử vì chúng sinh không nhận ra bản chất khổ của nó.

15'- *Con rắn hổ*. Chỉ cho vị Thánh ALaHán.

Con rắn có đặc tính “không bao giờ lạc lối (*chandādīhi nagacchantīti nāga*)”, vị Thánh ALaHán là vị không còn bị lạc lối để đi vào con đường tử sinh. Bốn nguyên nhân khiến bị lạc lối là: Ưa thích, lo âu, sợ hãi và phóng dật, do đạt được mục đích cao tột nên vị Thánh ALaHán không còn lạc lối.

Một đặc tính nữa của con rắn là: “Khi lìa bỏ con đường như bắn thì không bao giờ quay lại (*tena tena maggena pahīne kilese āgacchantīti nāga*)”; cũng vậy, vị Thánh ALaHán khi từ bỏ những ô nhiễm rồi, các Ngài không còn quay lại với những ô nhiễm ấy.

Một nghĩa khác, vị Thánh ALaHán khi lìa bỏ Tam giới rồi thì không bao giờ quay lại với Tam giới.

Lại nữa, bậc Thánh ALaHán không vi phạm bất cứ một ác bất thiện nào, dù nhỏ như hạt cải (*nānappakāraṇaṃ āgum na karontīti nāga*).

***Được Đức Thế Tôn ban địa vị tối thắng.**

Từ khi chứng Thánh quả ALaHán với những ẩn dụ trong Vammikasuttaṃ (*kinh Gò môi*), mỗi khi Giảng pháp, Ngài Kumāra Kassapa thường dùng những ví dụ cùng ngụ ngôn để dẫn dắt tâm thính chúng.

Theo Bản Sở giải kinh Tăng chi (*Anguttaranikāya – atthakathā*)⁽¹⁾, Đức Thế Tôn tán thán biện tài của Ngài Kumāra Kassapa khi Ngài thuyết giảng kinh Pāyāsi đến Lãnh chúa (*Rajāñña*) Pāyāsi⁽²⁾ ở thị trấn Setavyā⁽³⁾.

Nhưng theo Ngài Dhammapāla, bài kinh này được thuyết lên sau khi Đức Thế Tôn viên tịch⁽⁴⁾.

Dù vậy, bài kinh này đã chứng minh cho biện tài giảng thuyết của Ngài Kumāra Kassapa⁽⁵⁾.

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng tứ chúng Đức Thế Tôn tuyên bố rằng:

(1)- AA. i. 159.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 3).

(3)- Xem D.i. Pāyāsisuttaṃ. Kinh số 10.

(4)- VvA. 297.

(5)- Xem thêm MA. i. 500

Etadaggaṃ bhikkhave mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ cittakathikānaṃ yadidaṃ Kumāra Kassapo:

“Này các Tỳkhuu, trong những Tỳkhuu đệ tử của Như Lai, tôi thắng về biện thuyết là Kumāra Kassapa”⁽¹⁾.

Tuy là bậc đệ nhất về biện thuyết, nhưng Ngài Kumāra Kassapa rất ít thuyết Giảng pháp.

***Tiên sự.**

Cách hiền kiếp này trở về trước 100 ngàn kiếp trái đất. Vào thời Đức Thế Tôn Padumuttara (Liên Hoa) tiên thân Ngài Kumāra Kassapa là một học giả Balamôn trưởng giả trong thành Hamsavati.

Có lần vị học giả này đi nghe pháp từ Đức Thế Tôn Padumuttara, được chứng kiến một vị Trưởng lão được Đức Thế Tôn ban cho địa vị: “Tôi thắng về hạnh biện thuyết”. Vị Học giả ấy ao ước được địa vị ấy trong thời Đức Phật Chánh giác tương lai, nên cúng dường đến Đức Thế Tôn Padumuttara cùng Tăng chúng trọn 7 ngày.

Vào ngày thứ bảy, gia chủ này phát nguyện “đạt được địa vị tối thắng về hạnh biện thuyết trong thời Đức Chánh Giác tương lai”.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri rằng: “Ước nguyện của thiện gia tử này sẽ trở thành hiện thực trong thời Đức Thế Tôn Gotama”.

Trải qua 100 ngàn kiếp trái đất, hậu thân của gia chủ ấy chỉ luân lưu trong hai cõi: Người và chư thiên.

Vào thời Đức Phật Kassapa, hậu thân vị gia chủ ấy là một trong 7 vị Tỳkhuu cùng lên đỉnh núi cao hành pháp (như đã nói ở trên).

Khi được Đức Thế Tôn ban cho địa vị “tối thắng về hạnh biện thuyết”, Ngài Kumāra Kassapa nhớ lại công hạnh của mình, Ngài tán thán ba ngôi báu đồng thời nói lên Thánh trí của mình qua hai kệ ngôn.

201- Aho buddhā aho dhammā; aho no satthu sampadā.

Yattha etādisaṃ dhammaṃ; sāvako sacchikāhi”ti.

“Ôi !Đức Phật, ôi ! Giáo pháp; ôi ! Bậc Đạo sư hoàn hảo.

Chính pháp của Bậc Đạo sư; vị đệ tử thành tựu pháp ấy”.

202- Asaṅkheyyesu kappesu; sakkāyādhigatā ahū.

Tesamayaṃ pacchimako; carimoyaṃ samussayo.

Jātimaraṇasaṃsāro; natthi dāni punabbhavo”ti.

“Trải qua vô lượng kiếp; ta luôn có thân này.

Đây là thân cuối cùng; việc cần làm đã làm xong.

Đường sinh tử xoay vần; không còn trở lại sinh hữu”⁽²⁾.

b- Trưởng giả Culla- Anāthapiṇḍika.

Vị Trưởng giả này có tính tình hào phóng như Trưởng giả Cấp Cô Độc, không ai biết rõ tên thật của vị ấy là gì, thường gọi là Culla -Anāthapiṇḍika để phân biệt với Trưởng giả Anāthapiṇḍika.

Trưởng giả Culla- Anāthapiṇḍika là vị Thánh ANaHàm cư sĩ của Đức Thế Tôn, mỗi ngày, Trưởng giả cúng dường phước thực đến 500 vị Tỳkhuu⁽³⁾. Vào ngày cuối hạ thứ sáu, trước khi Đức Thế Tôn thi triển thần thông để nhiếp phục ngoại giáo trong lần Đức Thế Tôn thi triển Song thông lực để nhiếp phục ngoại giáo, Trưởng giả Culla - Anāthapiṇḍika có xin Đức Thế Tôn cho mình thi triển thần thông để nhiếp phục ngoại giáo, nhưng Đức Thế Tôn từ khước⁽⁴⁾.

(1)- A.i. 24.

(2)- Thag. Câu số 201-202.

(3)- DhpA. i. 339.

(4)- DhpA. i. 210.

Khi đại chúng rộng 36 dotuần chờ đợi Đức Thế Tôn trọn cả ba tháng, để dành lễ Đức Thế Tôn khi Ngài từ cung trời Tāvātimsa ngự về nhân giới.

Trưởng giả Culla-Anāthapiṇḍika là người cung cấp lương thực cho đại chúng trọn cả ba tháng.

Trưởng giả Culla-Anāthapiṇḍika thường đề cập chung với Đức vua Pasenadi, Trưởng giả Anāthapiṇḍika, bà Visākhā như là những đại cư sĩ hộ trì Phật Pháp.

c-Trưởng lão Upāli (đệ nhất nắm giữ Luật).

Vào thời Đức Thế Tôn hiện tiền, Ngài sinh vào gia đình thợ cạo trong thành Kapilavatthu (Catylavê), được đặt tên là Upāli (còn được gọi là Upālī).

Khi trưởng thành, Ngài trở thành người thợ cạo tóc thân tín của 6 vị Tử hoàng dòng ThíchCa là: Bhaddiya, Anuruddha, Kimbila, Bhagu, Ānanda và Devadatta. Theo *Mahāvastu* (Đại sử) của Bắc truyền, Upāli cũng là thợ cạo của Bô-tát Siddhattha (SĩĐạtTa) trước khi Ngài ra đi xuất gia⁽¹⁾.

Khi sáu vị Tử hoàng này đi đến Mahāvana (Đại lâm) xin Đức Thế Tôn cho xuất gia trong Giáo pháp của Ngài, sau khi cho bốn đạo binh chùng hộ tống ra về, các vị Tử hoàng cởi những trang sức, dùng y khoác ngoài buộc thành gói, nói với thợ cạo Upāli rằng:

- Này Upāli, hãy trở về, bấy nhiêu tài sản này đủ cho người yên tâm sống trọn đời rồi.

Trên đường trở lại kinh thành Kapilavatthu, thợ cạo Upāli khởi lên ý nghĩ: “Những người dòng ThíchCa rất hung dữ, khi họ nghĩ rằng: “Ta là người đã giết sáu vị Vương tử để chiếm đoạt tài sản này”, họ sẽ giết chết ta.

Các Vương tử này đã từ bỏ đời sống Vương giả, xuất gia làm vị Samôn, vì sao ta lại không trở thành Samôn chứ?”.

Thợ cạo Upāli treo những gói trang điểm trên cành cây, nói rằng:

- Đây là những vật vô chủ, ai thấy được cứ lấy.

Thợ cạo Upāli quay trở lại với sáu vị Tử Hoàng, sáu vị hỏi:

- Này Upāli, vì sao người trở lại?

- Thưa các Vương tử, trên đường trở về, tôi suy nghĩ: “Các người dòng ThíchCa rất hung dữ, khi thấy tôi mang những gói có vật trang điểm của sáu vị Vương tử, họ sẽ nghĩ: “Tên này đã sát hại sáu Vương tử để chiếm đoạt những vật trang điểm này”, những người dòng ThíchCa sẽ giết tôi.

Sáu vị Vương tử đã lia bỏ đời sống Vương giả để xuất gia, vì lý do gì tôi lại không xuất gia? Tôi treo những gói trên cành cây, nói rằng: “Đây là những vật vô chủ, ai thấy cứ lấy”. Và tôi đến đây xin các vị Vương tử hãy cho tôi được xuất gia như các Ngài.

- Lành thay, lành thay, này Upāli. Đó là ý nghĩ đúng đắn.

Các vị Vương tử dòng ThíchCa cùng với thợ cạo Upāli đi đến gặp Đức Thế Tôn, xin được xuất gia và đã thưa với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, chúng con thuộc dòng ThíchCa rất ngã mạn. Thợ cạo Upāli này là người hầu cận của chúng con, xin Đức Thế Tôn hãy cho thợ cạo Upāli xuất gia trước, chúng con sẽ thực hiện pháp cung kính với vị ấy, như thể sự ngã mạn của dòng ThíchCa trong chúng con sẽ không còn nữa.

Và Đức Thế Tôn cho phép thợ cạo Upāli xuất gia trước sáu vị Tử hoàng⁽²⁾.

(1)- MṬ.iii. 179.

(2)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Tiểu phẩm II. Số 342 – 343; Vin. ii. 182; DhA. i. 116. Xem thêm Bu. i. 61.

Thầy tế độ của Ngài Upāli là Trưởng lão Kappitaka, là một trong 1.000 vị Uruvelā Kassapa, Ngài Kappitaka thực hành pháp Dhutaṅga (Đầu đà) trú ngụ ở mộ địa.

Vào lúc bấy giờ, vị Tỳkhuu ni trưởng của nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư mệnh chung, các Tỳkhuu ni nhóm Sáu Sư đưa thi hài Tỳkhuu ni trưởng hỏa thiêu và làm Bảo tháp thờ, không xa trú xá của Ngài Kappitaka, những Tỳkhuu ni này thường ngày đến Bảo tháp than khóc. Trưởng lão Kappitaka bị quấy rầy bởi những tiếng khóc ấy, nên đập vỡ Bảo tháp rồi phân tán đi.

Nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư hội ý với nhau rằng:

- Lão Kappitaka này đã phá vỡ Bảo tháp ni sư của chúng ta, chúng ta hãy giết lão.

Có vị Tỳkhuu ni trong nhóm thuật lại kế hoạch này đến Trưởng lão Upāli, Trưởng lão Upāli thông báo cho Ngài Kappitaka biết. Ngài Kappitaka rời khỏi trú xá rồi ẩn nấp chờ đợi.

Nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư đi đến trú xá của Ngài, ném đá đất vào trú xá, làm sập ngã trú xá rồi bỏ đi vì ngỡ Ngài Kappitaka đã chết.

Vào buổi sáng Ngài Kappita cầm y bát đi vào thành Sāvatti khất thực, nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư nhìn thấy Ngài Kappita, đã nói:

- Lão Kappitaka này vẫn còn sống, ai tiết lộ kế hoạch của chúng ta?

Khi biết chính Ngài Upāli thông tin cho Ngài Kappitaka, các Tỳkhuu ni nhóm Sáu Sư đã mắng nhiếc Ngài Upāli rằng:

- Tại sao gã thợ cạo lau chùi bụi bặm, dòng dõi hạ tiện này lại tiết lộ kế hoạch của chúng ta?

Nhân đó, Đức Thế Tôn chế định học giới cho các Tỳkhuu ni rằng:

“Vị Tỳkhuu ni mắng nhiếc hoặc nguyền rủa Tỳkhuu, phạm pācittiya (Ứng đối trị)”⁽¹⁾.

Sau khi xuất gia, Ngài Upāli đến xin Đức Thế Tôn đi vào rừng để độc cư thiên tịnh, Đức Thế Tôn không chấp thuận, vì biết rằng: “Nếu sống trong rừng Upāli không thành tựu được mục đích của mình, chỉ chứng đạt thiên mà thôi”, Ngài Upāli cần sống gần Tăng chúng để còn học Pháp.

Vâng lời Đức Thế Tôn, Ngài Upāli sống với Tăng chúng⁽²⁾, Ngài tinh cần thiên tịnh và quán pháp, chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Tự thân Đức Thế Tôn dạy Ngài Upāli trọn Tạng Luật (Vinayapitaka)⁽³⁾.

***Được Đức Thế Tôn ban cho địa vị tối thắng về Luật.**

Ngài Upāli tự chứng tỏ mình là bậc thông Luật qua ba trường hợp.

1’- Vị Tỳkhuu xứ Bhārukaccha.

Một vị Tỳkhuu người thành Bhārukaccha, nằm mơ thấy mình quan hệ tình dục với người vợ cũ khi còn sống đời sống tại gia. Vị ấy nghi ngờ rằng: “Có lẽ ta không còn là vị Tỳkhuu nữa, ta sẽ hoàn tục”.

Trong lúc đi về thị trấn Bhārukaccha, giữa đường gặp Ngài Upāli, vị ấy thuật chuyện ấy đến Ngài Upāli. Ngài Upāli nói rằng:

- Đây hiền giả, trong giấc mơ thì không phạm tội⁽⁴⁾.

Ngài Upāli phân xử vấn đề chưa được Đức Thế Tôn chỉ dạy, nhưng Ngài Upāli biết rằng: “Giấc mơ ô nhiễm không phải là tội lỗi”, và có quyết định đúng đắn về việc này.

Khi nghe câu chuyện, Đức Thế Tôn khen ngợi Ngài Upāli rằng:

- Đây các Tỳkhuu, Upāli phân xử đúng, như người in dấu chân giữa hư không.

(1)- Xem ĐĐ Indacanda (d).Luật Phân tích Giới Tỳkhuu ni. Số 334.

(2)- A.v. 201. Upālisutta.

(3)- ThagA. i. 360; ThagA.i. 370; AA. i. 172.

(4)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳkhuu I. Số 71.

***Bhārukaccha.**

Đó là hải cảng trong xứ Bharu⁽¹⁾, các thương nhân thường từ Hải cảng này đi đến xứ Suvannabhūmi (Đất Vàng) để buôn bán⁽²⁾.

Bhārukaccha là trú xứ của Trưởng lão ni Vaḍḍhamatā⁽³⁾ và Trưởng lão Malitavambha⁽⁴⁾.

Bhārukaccha là một trong những trung tâm thương mại được nói đến trong tập Mahāniddeśa⁽⁵⁾.

Vua xứ Tích Lan là Vijaya trú tại đây ba tháng trước khi vượt biển đến Tích Lan⁽⁶⁾.

Theo *Divyāvadāna* (Thiện nghiệp thí dụ kinh), thành phố này được xây dựng bởi Bhiru, là một trong ba người thoát khỏi nanh vuốt của kẻ phản quốc trị vì xứ Sauvāra trong vương quốc Sikkhandi.

Vương quốc này bị sụp đổ sau khi vua Rudrāyān trị vì xứ Roruka bị sát hại. Trong truyện này Bhārukaccha được viết là Bhirukaccha (đâm lầy của Bhiru), nhưng theo truyền thống của Balamôn, từ Bhiru có nguồn gốc từ nhà hiền triết Bhr̥gu, giống như Barygaza trong Ptolemy và Periplus của biển Erythrea⁽⁷⁾.

Bhārukaccha là Broach trong bang Kathiawar hiện nay. Dân chúng trong xứ Bhārukaccha được gọi là Bhārukacchakā⁽⁸⁾.

2'- Câu chuyện Trưởng lão Ajjuka.

Trưởng lão Ajjuka sống nơi kinh thành Vesāli. Ngài được một người gia chủ tín thành hộ độ. Vị gia chủ ấy có một người con và một người cháu, người gia chủ đi chúc đến Ngài Ajjuka rằng:

- Bạch Ngài, trong hai đứa trẻ này, khi tôi mệnh chung Ngài hãy trao tài sản này đến đứa nào có đức tin và mộ đạo. Ngài nên thông báo (okāsaṃ) cơ hội đến chúng.

Sau khi người gia chủ mệnh chung, người cháu là người có đức tin và mộ đạo, còn người con không có đức tin.

Ngài Ajjuka đã trao tài sản đến người cháu trai, người cháu đã bảo quản được tài sản còn tạo phước cúng dường, bố thí.

Người con của vị gia chủ đi đến gặp Ngài Ānanda, hỏi rằng:

- Bạch Ngài Ānanda, ai thật sự là người thừa hưởng tài sản? Người con hay người cháu?

- Nay cư sĩ, chính người con trai là người thừa tự của người cha.

- Thừa Ngài Ānanda, Tôn giả Ajjuka đã bảo với tôi rằng: “Tài sản của cha tôi thuộc về người anh họ của tôi”.

- Nay cư sĩ, như vậy Tỳkhu Ajjuka không phải là Samôn.

Nghe vậy, Ngài Ajjuka đã nói với Ngài Ānanda rằng:

- Nay hiền giả Ānanda, hãy cho tôi cuộc phân xử.

Sự việc được đưa ra trước Tăng chúng, Ngài Upāli hỏi Ngài Ānanda rằng: “Nay hiền giả Ānanda, vị Tỳkhu được người chủ tài sản giao phó đến người xứng đáng thừa hưởng tài sản, *“hãy thông báo cơ hội này đến cho người tên này”*, rồi đã thông báo đến người ấy (điều đã được dặn dò), thì phạm tội gì?”

(1)- JA. iv. 137.

(2)- JA. iii. 188.

(3)- ThigA. 171.

(4)- ThagA. i. 211.

(5)- MNid. i. 155; xem thêm Mil. 331.

(6)- Dpv. ix. 26.

(7)- Dvy. 586.

(8)- DhsA. 305.

- Thừa Ngài, vị ấy vô tội, cho dù là tội dukkaṭa (làm sai quấy) cũng không phạm.

- Nay hiền giả Ānanda, như vậy Tỳkhuu Ajjuka vô tội trong trường hợp này⁽¹⁾.

Sự quyết định này được trình lên Đức Thế Tôn, Đức Phật tán thán Ngài Upāli quyết định đúng”.

3'- Giải oan cho mẹ ngài Kumāra Kassapa.

(Đã tường thuật ở trên).

Vào thời điểm thích hợp, giữa hàng Tứ chúng Đức Thế Tôn tuyên bố:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ
vinayadharānaṃ yadidaṃ upāli:

“Nay các Tỳkhuu, trong những Tỳkhuu đệ tử của Như Lai, đệ nhất năm giữ Luật là Upāli”⁽²⁾.

***Tiền sự.**

Cách đây 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân Ngài Upāli là một gia chủ Trưởng giả trong thành Hamsavati, có tên gọi là Sujāta.

Có lần vị gia chủ này thấy một ẩn sĩ khổ hạnh là Sunanda đứng cầm lọng hoa che nắng cho Đức Thế Tôn suốt 7 ngày. Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri “Ẩn sĩ Sunanada là Trưởng lão Puṇṇa Mantānīputta trong thời Đức Phật Siddhattha”.

Vị gia chủ này ước muốn: “Ta hãy có mặt trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Siddhattha”.

Sau đó, vị gia chủ chúng kiến Đức Thế Tôn Padumuttara ban cho Trưởng lão Pāṭika là vị “đệ nhất năm giữ Luật”.

Gia chủ Sujāta đã cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng trọn 7 ngày, rồi ước nguyện thành tựu địa vị “đệ nhất năm giữ Luật” trong thời Đức Chánh Giác tương lai.

Đức Thế Tôn Padumuttara tiên tri “ước vọng của thiện gia nam tử này sẽ thành hiện thực trong thời Đức Thế Tôn Siddhattha”.

Gia chủ Sujāta nỗ lực tạo phước lành, xây dựng Tự viện Sobhana với kinh phí là 100 ngàn tiền vàng, cúng dường đến Đức Thế Tôn Padumuttara và Tăng chúng.

Do công hạnh này, hậu thân gia chủ Sujāta sinh về Thiên giới 30 ngàn kiếp trái đất, là vị Thiên vương cõi trời 1,000 lần, có 1.000 lần là vua Chuyển luân.

Cách đây giữa hai kiếp sống của Đức Phật Kassapa và Đức Phật Gotama, hậu thân gia chủ Sujāta sinh vào Hoàng tộc Añjasa, có tên là Sunanda.

Một hôm cỡi voi Sirika đi dạo chơi trong vườn Ngự Uyển, vua Sunanda gặp Đức Phật Độc giác Devala, do ngã mạn vua Sunanda mắng Đức Phật Độc giác Devala là “tên thợ cạo hạ tiện”.

Lập tức thân thể vua Sunanda nóng bừng lên như bị lửa thiêu đốt, kinh hoàng vua Sunanda xuống voi, cùng đoàn tùy tùng đi đến đánh lễ Đức Phật Devala sám hối Đức Phật, khi ấy thân thể mới hết nóng bức.

Được biết rằng: “Nếu vua Sunanda không sám hối, sẽ bị rơi vào đại ngục Avīci (Atỳ) , đồng thời Vương quốc của vua Sunanda sẽ bị tiêu diệt.

Do những lời này, hậu thân vua Sunanda phải làm thợ cạo nhiều kiếp, sống. Đến thời Đức Phật Gotama, hậu thân của vua Sunanda là thợ cạo Upāli⁽¹⁾.

(1)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳkhuu I. Số 172.

(2)- A.i. 24.

Trong Tăng đoàn, Ngài Upāli là vị Trưởng lão nắm vững Luật của chư Tỳkhuu cùng Tỳkhuu ni và thường bạch hỏi Đức Thế Tôn về những vấn đề liên quan đến Luật.

Có lần Ngài Upāli hỏi Đức Thế Tôn về tính hợp pháp và không hợp pháp khi Tăng đoàn thi hành một điều Luật cần có sự hiện diện của vị Tỳkhuu phạm tội, nhưng vị Tỳkhuu ấy cố tình lánh mặt⁽²⁾.

Có lần trong Tăng đoàn có sự rạn nứt vì chia rẽ, Tăng chúng tuyên bố lập lại sự hòa thuận, nhưng không có sự điều tra thấu đáo, Ngài Upāli bạch hỏi Đức Thế Tôn: “Quyết định này có đúng Luật không?”⁽³⁾.

Hành sự nên thực thi với vị Tỳkhuu phải hội đủ bao nhiêu điều kiện? Trong khi thỉnh ý (để buộc tội) vị Tỳkhuu, phải hội đủ bao nhiêu điều kiện? Vị Tỳkhuu muốn khiển trách vị Tỳkhuu khác, nên quán xét nội tâm của mình hội đủ bao nhiêu pháp mới nên khiển trách vị khác⁽⁴⁾.

Trong thời gian nào, thời gian quản thúc được giảm với vị Tỳkhuu đang bị quản thúc?⁽⁵⁾.

Các câu hỏi của Ngài Upāli và câu trả lời của Đức Thế Tôn liên quan đến Luật được ghi nhận đầy đủ trong *nhóm năm của Upāli* (Upāli pañcaka) trong tập Parivāra (Tập Yếu)⁽⁶⁾.

Cũng thật khó biết câu nào của Ngài Upāli hỏi Đức Thế Tôn, câu nào được gán cho Ngài vì sự uyên bác của Ngài về Luật.

Theo Tạng Luật (Vinayapitaka), trong thời Đức Phật tại tiền, được theo học Giới Luật với Ngài Upāli là một đặc ân⁽⁷⁾.

Các vị Tỳkhuu xem Ngài Upāli là bậc đồng Phạm hạnh lỗi lạc, là vị mà các vị có thể được giúp đỡ khi gặp khó khăn về Luật.

Như trong Tạng luật có câu chuyện như sau:

Có nhiều vị Tỳkhuu đang từ thành Sāketa đến thành Sāvatti. Giữa đường bị bọn cướp trấn lột, lột sạch y phục của các vị.

Các vị Tỳkhuu suy nghĩ: “Đức Thế Tôn có cấm đoán, vị Tỳkhuu không được xin y phục nơi các cận sự không phải là thân quyến”.

Nên không dám xin y phục của các gia chủ không phải là thân tộc, cứ lỏa thể đi vào Đại tự Kỳ Viên, đành lễ các vị Tỳkhuu trưởng lão. Các vị Tỳkhuu nói với nhau rằng:

- Đây các Hiền giả, các đạo sĩ lỏa thể này thật tốt, đã đánh lễ các vị Tỳkhuu.

Các vị Tỳkhuu (lỏa thể) nói rằng:

- Đây các Hiền giả, chúng tôi không phải là những đạo sĩ lỏa thể, chúng tôi là Tỳkhuu.

Các vị Tỳkhuu đã nhờ Ngài Upāli rằng:

- Thưa hiền giả Upāli, hãy xét hỏi những người này đi.

Ngài Upāli sau khi xét hỏi các vị ấy đã nói rằng:

- Đây chư hiền, đây là những vị Tỳkhuu bị cướp trấn lột. Hãy cho y đến những vị ấy⁽⁸⁾.

Hoặc trường hợp Trưởng lão Ramaṇiyavīhāri.

***Trưởng lão Ramaṇiyavīhāri.**

(1)- Ap. i. 37.

(2)- Vin. i. 325.

(3)-Vin. i. 358.

(4)-Vin. ii. 248.

(5)- Vin. ii. 33.

(6)- Vin. v. 180-206; xem thêm *Upālivagga* trong Tăng Chi Bộ Kinh (A.v. 70).

(7)- Vin. iv. 142; Sp. iv. 876.

(8)- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳkhuu II. Số 54.

Trong thời Đức Phật còn tại tiền, Ngài là con một Trưởng giả giàu có, nhưng sống phóng dật, trác táng.

Một hôm thấy các quân lính của Đức vua bắt một người gian dân với vợ người, tâm Ngài giao động mạnh, Ngài đi đến Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvihāra) nghe pháp từ Đức Thế Tôn, rồi xin xuất gia thọ giới Tỳkhưu.

Tuy vậy, Ngài vẫn còn ái dục mạnh, vẫn sống sung túc như có am thất đầy đủ tiện nghi ... Do vậy, Ngài được gọi là *Ramaṇīyavihāri* (người sống trong dục lạc).

Nếp sống trác táng cũ khiến Ngài khó sống đời sống Samôn trong sạch, Ngài cảm thấy không xứng đáng nhận vật cúng dường của các tín thí.

Ngài lia bỏ am thất ra đi lang thang đây đó, trên đường đi Ngài ngồi nghỉ nơi cội cây, thấy các cỗ xe bò đi ngang qua, một con bò đuối sức vấp ngã quy.

Người chủ bò tháo xe ra, cho bò rơm và nước, làm cho nó đỡ mệt.

Khi con bò hồi sức, người chủ bò bắt bò cột vào xe và con bò kéo xe đi.

Ngài suy nghĩ: “Con bò kia vấp ngã, sau khi hồi sức đã kéo gánh nặng ra đi. Trước đây ta vấp ngã rơi vào dục lạc, ta phải đứng dậy và làm tròn phận sự Samôn của mình”.

Ngài trở về trú xứ cũ, đến đánh lễ và sám hối tội lỗi với Ngài Upāli. Ngài Upāli chấp nhận lỗi lầm của Ngài Ramaṇīyavihāri, giúp Ngài có được nếp sống chân chánh.

Ngài Ramaṇīyavihāri nỗ lực hành pháp, chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả ALaHán.

Khi hưởng an lạc của Thánh quả giải thoát, Ngài nói lên sai lầm đồng thời tuyên bố chánh trí của mình qua kệ ngôn.

45- Yathāpi bhaddo ājañño; khalitvā patitīṭṭhati.

Evam dassanasampannaṃ; sammāsambuddhasāvaka’nti.

“Như con thú hiền thiện; giống tốt, khéo huấn luyện.

Sau khi đã vấp ngã⁽¹⁾; lại đứng lên an trú.

Ta đây đủ chánh kiến; đệ tử Bậc Chánh Giác” (HT. TMC d).

Tiền sự.

Trong thời Đức Phật Vipassī, tiền kiếp Ngài có cúng dường đến Đức Thế Tôn hoa *Koraṇḍa*⁽²⁾.

Ngài có thể là Trưởng lão Koṇḍapupphayan được nói trong tập Apadāna.

Vào 57 kiếp trái đất trước, tiền thân Ngài là Đức vua Vitamala⁽³⁾.

Ngoại trừ Tạng Luật, trong kinh điển chỉ có vài bài kinh đề cập đến Ngài Upāli, ngoài bài kinh Upāli ở trên, còn có.

***Sattusāsanasuttaṃ** (kinh Lời dạy Bậc Đạo sư).

Ngài Upāli đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ rồi ngồi xuống một bên bạch rằng:

- Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp văn tẩn đến con; sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

- Này Upāli, những pháp nào người biết: “Những pháp này không đưa đến nhất hướng, nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ Nípàn. Thì này Upāli, người cần phải nhất hướng thọ trì là “Đây không phải là Pháp, không phải là Luật, đây không phải là lời dạy của Đức Thế Tôn”.

Và này Upāli, những pháp nào người biết: “Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ

(1)- Khalitvā.

(2)- ThagA. i. 116; Thag. Kệ ngôn số 45.

(3)- Ap.i. 206.

Nípàn”. Thì này Upāli, người cần phải nhất hướng thọ trì là “Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của Đức Thế Tôn”(1).

Trong *Anguttara nikāya* (Tăng chi bộ kinh), pháp 10 chi, có *Upālivagga* (Phẩm Upāli), ghi nhận những bài kinh do Ngài Upāli hỏi Luật đến Đức Thế Tôn.

Trong tập *Theragāthā* (Kệ ngôn Trưởng lão Tăng), có ba kệ ngôn của Ngài Upāli nhắc nhở các vị Tỳkhuu mới xuất gia như sau

249- *Saddhāya abhinikkhamma; navapabbajito navo.*

Mitte bhajeyya kalyāṇe; suddhājīve atandite.

“Vĩ lòng tin ra đi; mới xuất gia tâm học.

Hãy sống với bạn lành; mạng thanh tịnh không nhác”.

250- *Saddhāya abhinikkhamma, navapabbajito navo;*

Saṅghasmim viharaṃ bhikkhu; sikkhetha vinayaṃ budho.

“Vĩ lòng tin ra đi; mới xuất gia tâm học.

Tỳkhuu trú giữa chúng; sáng suốt học Luật tạng”.

251- *Saddhāya abhinikkhamma; navapabbajito navo.*

Kappākappesu kusalo; careyya apurakkhato”ti.

“Vĩ lòng tin ra đi; mới xuất gia tâm học.

Khéo biết việc nên làm; và việc không nên làm.

Hãy để vị ấy sống; không đề cao tôn xưng”(HT.TMCD)(2).

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: “Khi Đức Phật còn tại tiền, Ngài Upāli có ghi lại một số chỉ thị của Đức Thế Tôn, theo đó những vị thông Luật Tạng (*Vinayaṭṭaka*) thường nương theo để dẫn giải Luật”.

Ngài Buddhaghosa còn ghi nhận thêm rằng: “Cùng với những chỉ thị khác của Đức Thế Tôn, Ngài Upāli có hợp soạn lời giải thích về Luật”(3).

Đệ tử truyền thừa của Ngài Upāli là Ngài Dāsaka mà Ngài Upāli gặp tại trú xứ của mình là *Vālikārāma*(4).

Ngài Dāsaka được Ngài Upāli dạy trọn Tạng Luật (*Vinayaṭṭaka*).

****Vālikārāma* (còn viết là *Vālukārāma*).**

Là một Tự viện trong kinh thành *Vesālī*, nơi mà “mười điều phi Luật” của nhóm Tỳkhuu *Vajjiputtaka* được bác bỏ, cũng là nơi Kết tập Phật ngôn lần II(5).

Theo tập *Dīpaṃsa* (Đảo sử), “mười điều phi Luật” được nhóm Tỳkhuu *Vajjiputtaka* thành lập nơi Tự viện *Kuṭāgārasālā*(6).

Trong cuộc Kết tập Phật ngôn lần I ở thành *Rājagaha* (Vương Xá), Ngài Upāli giữ vai trò lãnh đạo và quyết định mọi trùng tuyên liên quan đến Luật, như Ngài *Ānanda* giữ vai trò lãnh đạo và quyết định mọi trùng tuyên liên quan đến Pháp(7).

Trưởng lão Upāli viên tịch vào năm thứ sáu của triều đại vua *Udāyibhadda*(8). Vua *Ajātasattu* (AXàThế) giết cha cướp ngôi, làm vua được 32 năm, con vua *Ajātasattu* là *Udāyibhadda* giết cha soán ngôi, làm vua được 16 năm. Vào năm thứ 16 của triều đại này, Ngài *Ānanda* viên tịch.

F- Kinh điển liên quan đến Trưởng giả *Anāthapiṇḍika*.

(1)- A.iv. 143.

(2)- Thag. Kệ ngôn số 249 -251.

(3)- Sp. i. 272, 283.

(4)- Mhv. v. 107.

(5)- Vin. ii. 306; Mhv. iv. 50, 63.

(6)- Dpv. v. 29.

(7)- Vin. ii. 286 ; DA. i. 11 ; Mhv. iii. 30.

(8)- Dpv. v. 7.

Được biết Trưởng giả Cấp Cô Độc không bao giờ hỏi Pháp từ nơi Đức Thế Tôn, vì Trưởng giả e ngại Đức Thế Tôn mệt, Trưởng giả không muốn Đức Thế Tôn phải nói Pháp vì ông, do ông là người nhiệt thành cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng⁽¹⁾.

Nhưng ít nhất cũng có một bài kinh ghi nhận: “Trưởng giả Cấp Cô Độc đã hỏi Đức Thế Tôn”.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đi đến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, đã hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu người đáng được cúng dường ở đời? Và chỗ nào cần được bố thí cúng dường?

- Này gia chủ, có hai hạng người đáng được cúng dường ở đời: “Hữu học và vô học”⁽²⁾. Đối với hai hạng người này đáng được cúng dường ở đời.

Này gia chủ, nơi đây cần phải bố thí cúng dường.

Rồi Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn.

Sekho asekho ca imasmim loke;

Āhuneyyā yajamānānaṃ honti;

Te ujjubhūtā kāyena; vācāya uda cetasā.

Khettam taṃ yajamānānaṃ;

Ettha dinnam mahapphala”nti.

“Hữu học và vô học; cả hai ở trong đời.

Điều đáng được cúng dường; đối với người dưng lễ.

Chúng giữ thân chánh trực; cả lời nói ý nghĩ”.

Phước điền người dưng cúng; đây thí có quả lớn” (HT. TMC d)⁽³⁾.

Phần lớn các bài Pháp được Đức Thế Tôn tự ý giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe, khi Trưởng giả Cấp Cô Độc đến đánh lễ Ngài, rồi ngồi xuống một bên.

Trong tập Tăng chi bộ kinh (Aṅguttara nikāya) có ghi nhận:

***Kūṭasuttaṃ** (kinh Nóc nhọn) (1).

Có khả năng hai bài kinh này, Đức Thế Tôn giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc vào hai thời điểm khác nhau.

Đức Phật giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng: “Khi tâm không được gìn giữ (*arakkhita*) thì ba nghiệp: Thân, ngữ, ý không được gìn giữ. Khi ba nghiệp: Thân, ngữ, ý không được gìn giữ thì tâm bị tham dục ứ đầy rồi rỉ chảy. Với người có ba nghiệp bị tham dục ứ đầy rồi rỉ chảy thì sự chết không được hiền thiện (nghĩa là bị rơi vào khổ cảnh).

Khi tâm được gìn giữ thì ba nghiệp được gìn giữ, khi ba nghiệp được gìn giữ thì tâm không bị tham dục ứ đầy rồi rỉ chảy. Với người tâm không bị tham dục ứ đầy rồi rỉ chảy, sự chết được hiền thiện.

Ví như ngôi nhà nóc nhọn vụng lợp, thời nóc nhọn, rui kèo, vách tường không được gìn giữ (do nước mưa thấm vào).

***Kūṭasuttaṃ** (2).

Tương tự như kinh trên, chỉ thay thế chữ *không gìn giữ* (*arakkhita*) bằng chữ lung lay (*byāpanna*)⁽⁴⁾.

***Sudattasutta** (kinh Sudatta).

(1)- DhA. i. 3.

(2)- Hữu học (sekha). Chỉ cho bậc Thánh từ Dự Lưu đến Bất Lai. Bậc Bất Lai là vị đã cắt đứt 5 sợi dây trói buộc bậc thấp là: “Thân kiến, hoài nghi, Giới cấm thủ, dục ái và sân”. Bậc Dự Lưu và Nhất Lai chỉ cắt đứt được ba sợi dây trói buộc là: “Thân kiến, hoài nghi và Giới cấm thủ”.

Vô học (asekha). Chỉ cho bậc Thánh ALaHán, bậc này đã cắt đứt 5 sợi dây trói buộc bậc trên là: “Sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật và vô minh”.

(3)- A.i. 63.

(4)- A.i. 262.

Đức Thế Tôn giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc biết bố thí vật thực là mang đến lợi ích đến người nhận bốn điều là: Cho tuổi thọ (āyu), cho dung sắc (vaṇṇa), cho an lạc (sukhaṃ), cho sức mạnh (balaṃ).

*Sau khi cho tuổi thọ, người cho được tuổi thọ chư Thiên hay người.

*Sau khi cho dung sắc, người cho được dung sắc chư Thiên hay người.

*Sau khi cho an lạc, người cho được an lạc chư Thiên hay người.

*Sau khi cho sức mạnh, người cho được sức mạnh chư Thiên hay người.

Rồi Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

282- Yo saññatānaṃ paradattabhojinaṃ;

Kālena sakkacca dadāti bhojanaṃ.

Cattāri tñānāni anuppavecchati;

Āyuñca vaṇṇaṅca sukhaṃ balañca.

“Người khéo gìn giữ, sống nhờ người cho vật thực;

Tùy thời, tự mình cho vật thực.

Là cho người nhận bốn điều;

Tuổi thọ, dung sắc, an lạc, sức mạnh.

So āyudāyī vaṇṇadāyī, sukhaṃ balaṃ dado naro.

Dīghāyu yasavā hoti, yattha yatthūpapajjati”ti.

“Người cho tuổi thọ, cho an lạc sức mạnh.

Được tuổi thọ dài, danh tiếng; dù sinh đến nơi đâu”⁽¹⁾.

***Pattakammasutta** (kinh Việc thành tựu).

Đức Phật dạy Trưởng giả Cấp Cô Độc: “Có bốn pháp khả lạc, khả ý khó được ở đời: Tài sản khởi lên đúng pháp, danh tiếng khởi lên đúng pháp, tuổi thọ dài, được sinh về cõi Trời”.

Có bốn pháp đưa đến chúng được bốn điều khả lạc, khả ý khó được ở đời ấy là: Đây đủ niềm tin, đây đủ giới, đây đủ thí và đây đủ tuệ.

**Đây đủ niềm tin.* Là tin tưởng vào sự Giác ngộ của Đấng Như Lai, là bậc ALaHán Chánh Giác, Minh hạnh túc ... Phật, Thế Tôn.

**Đây đủ giới.* Gìn giữ không vi phạm năm giới.

**Đây đủ thí.* Là tâm không bị bòn xén chi phối, bố thí với bàn tay rộng mở.

**Đây đủ trí.* Là từ bỏ tham, sân, hôn trầm, thụy miên, hối tiếc, hoài nghi⁽²⁾.

***Gihīsāmīcisuttaṃ** (kinh Bốn phận người gia chủ).

Đức Phật dạy Trưởng giả Cấp Cô Độc: “Thành tựu bốn pháp, vị Thánh đệ tử thích đáng bước vào con đường hộ trì chư Tăng, đó là:

- Cúng dường y phục đến các Tỳkhuu.

- Cúng dường vật thực đến các Tỳkhuu.

- Cúng dường sàng tọa đến các Tỳkhuu

- Cúng dường thuốc trị bệnh đến các Tỳkhuu⁽³⁾.

***Ānañayasuttaṃ** (kinh Không nợ).

Đức Thế Tôn giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc bốn sự an lạc của người gia chủ, tùy thời khởi lên.

**An lạc do sở hữu* (atthisukhaṃ). Là tài sản thu hoạch do tự tay, do sức lực của mình. do mồ hôi đổ ra đúng pháp. Làm chủ được tài sản của mình.

**Lạc tài sản* (bhogasukhaṃ). Là sử dụng tài sản phát sinh đúng pháp để tạo thiện nghiệp như bố thí...

**Lạc không mắc nợ* (ānañyasukhaṃ). Là không mang nợ một ai cả.

(1)- A.ii. 63.

(2)- Xem thêm A.ii. 65a.

(3)- A.ii. 65b.

**Lạc không phạm tội* (anavajjasukham). Là ba nghiệp: Thân, ngữ, ý vô tội⁽¹⁾.

**Ādiyasuttaṃ* (kinh Lý do).

Đức Thế Tôn giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc về 5 lý do người gia chủ gây dựng tài sản đúng pháp.

1'- Tự mình được an lạc, giúp cha mẹ, vợ con, người làm cho mình được an lạc và duy trì được sự an lạc đó.

2'- Giúp bạn bè thân hữu được an lạc và duy trì được sự an lạc đó.

3'- Chặn đứng được các tai họa từ lửa, từ nước, từ vua, từ kẻ thù, từ người thừa tự và gìn giữ tài sản được an toàn.

4'- Để bố thí hồi hướng phước đến thân bằng quyến thuộc, chư Thiên.

5'- Cúng dường đến các Samôn, Bàlamôn trong sạch. Mệnh chung được sinh về nhân cảnh⁽²⁾.

**Itthasuttaṃ* (kinh Khả lạc).

Đức Thế Tôn dạy Trưởng giả Cấp Cô Độc năm pháp khả lạc, khả ý, khó tìm ở đời là: Tuổi thọ, dung sắc, an lạc, sức mạnh và danh tiếng. Và thực hành pháp để có được năm pháp khả lạc, khả ý này, khó tìm ở đời⁽³⁾.

**Verasuttaṃ* (kinh Sợ hãi hận thù) (1).

Đức Thế Tôn dạy Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

“Người không đoạn tâm 5 pháp sợ hãi, hận thù là: Sát sinh, lấy của không cho, làm sái quấy trong dục lạc, nói dối và uống rượu men, rượu nấu. Được gọi là ác giới và bị tái sinh vào địa ngục.

Người đoạn tận được 5 pháp sợ hãi, hận thù là: Không sát sinh, không lấy của không cho, không làm sái quấy trong dục lạc, không nói dối, không uống rượu men, rượu nấu. Được gọi là có giới, được tái sinh về cõi Trời⁽⁴⁾.

**Pitisuttaṃ* (kinh Hoan hỷ).

Bài kinh này, Đức Thế Tôn khiển trách nhẹ nhàng Trưởng giả Cấp Cô Độc. Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc đến Đại tự Kỳ Viên cùng với 500 gia chủ doanh vậy, Đức Thế Tôn dạy Trưởng giả rằng:

- Nay gia chủ, người đã cung cấp cho các Tỳkhu: Y phục, vật thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh. Nhưng người chớ bằng lòng với ý nghĩ: “Chúng ta cung cấp cho các Tỳkhu: Y phục, vật thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh”.

Do vậy, nay gia chủ người cần phải học tập như sau: “*Với phương tiện nào*⁽⁵⁾, thỉnh thoảng chúng ta đạt và an trú hỷ lạc do viễn ly sinh”.

Ngài Sāriputta đã vì Trưởng giả Cấp Cô Độc giải thích lời dạy vắn tắt của Đức Thế Tôn ở trên.

Khi vị Thánh đệ tử đạt và an trú hỷ lạc do viễn ly sinh; trong thời gian ấy 5 sự việc không khởi sinh:

1'- Khổ và ưu liên hệ đến dục không khởi sinh.

2'- Lạc và hỷ liên hệ đến dục không khởi sinh.

3'- Khổ và ưu liên hệ đến bất thiện không khởi sinh.

4'- Lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện không khởi sinh.

5'- Khổ và ưu liên hệ đến **thiện** không khởi sinh.

Đức Thế Tôn tán thán lời giải thích rộng của Ngài Sāriputta⁽⁶⁾.

**Gihisutta* (kinh Gia chủ).

(1)- A.ii. 69.

(2)- A. iii. 45.

(3)- A.iii. 47.

(4)- A. iii. 204; S.ii. 68.

(5)- Kinti. Tập số giải thích: Kena nāma upāyena.

(6)- A.iii. 206.

Lần khác, Trưởng giả Cấp Cô Độc đến yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với Ngài Sāriputta rằng:

- Nay Sāriputta (Xá Lợi Phất), người có biết gia chủ áo trắng nào mà sở hành được bảo vệ trong 5 học giới, dễ dàng có được bốn tầng thượng tâm hiện tại lạc trú (*bhīcetasikadhammā*), vị ấy có niềm tin bất động với Tam bảo và các giới được bậc Thánh ái kính.

Nếu muốn, gia chủ áo trắng ấy có thể tự tuyên bố về mình là: “Đã đoạn tận bốn khổ cảnh, không còn thối đọa, chắc chắn sẽ được giải thoát”⁽¹⁾.

***Velāmasutta** (kinh *Velāma*).

(Xem ở trên).

***Verasuttaṃ** (kinh *Sợ hãi hận thù*) (2).

Đức Thế Tôn giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc: “Khi vị Thánh đệ tử đoạn trừ được năm sợ hãi hận thù, thời vị ấy thành tựu *bốn Dự Lưu chi phần*⁽²⁾. Nếu muốn vị ấy có thể tuyên bố đã đoạn tận bốn khổ cảnh và chắc chắn sẽ giải thoát”⁽³⁾.

Bài kinh này cũng được ghi nhận trong tập Tương ưng Bộ kinh (Saṃyutta nikāya), đồng thời Đức Thế Tôn có đề cập đến “12 duyên khởi”, dẫn đến chứng đạt *bốn Dự Lưu chi phần*⁽⁴⁾.

***Kāmabhogīsuttaṃ** (kinh *Người hưởng dục*).

Đức Thế Tôn giảng cho Trưởng giả Cấp Cô Độc về 10 hạng người hưởng dục lạc (*kāmabhogī*).

1’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh; *không tự mình được an lạc*, không chia xẻ, không làm công đức.

2’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh; *tự mình được an lạc*, không chia xẻ, không làm công đức.

3’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh; *tự mình được an lạc, chia xẻ, làm công đức*.

4’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản *đúng pháp và phi pháp* với sức mạnh và *không* với sức mạnh; *không tự mình được an lạc*, không chia xẻ, không làm công đức.

5’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản *đúng pháp và phi pháp* với sức mạnh và *không* với sức mạnh; *tự mình được an lạc*, không chia xẻ, không làm công đức.

6’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản *đúng pháp và phi pháp* với sức mạnh và *không* với sức mạnh; *tự mình được an lạc, chia xẻ, làm công đức*.

7’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản *đúng pháp*, không với sức mạnh; *không tự mình được an lạc*, không chia xẻ, không làm công đức.

8’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản *đúng pháp*, không với sức mạnh; *tự mình được an lạc*, không chia xẻ, không làm công đức.

9’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản *đúng pháp*, không với sức mạnh; *tự mình được an lạc, chia xẻ, làm công đức*. Và hưởng thụ tài sản này với **tâm tham đắm, không với trí tuệ xuất ly**.

10’- Hạng hưởng dục: Tâm cầu tài sản *đúng pháp*, không với sức mạnh; *tự mình được an lạc, chia xẻ, làm công đức*. Và hưởng thụ tài sản này với **tâm không tham đắm, với trí tuệ xuất ly**.

(1)- A.iii. 211.

(2)- Là có niềm tin bất động nơi Ân đức Phật, ân đức Pháp, âm Đức Tăng và không hề vi phạm vào 5 giới.

(3)- A.iv. 405; A.v. 182,

(4)- Xem S.ii. 68; S.v. 387.

Hạng thứ 1. Có ba điều đáng chỉ trích.

- Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh.
- Không tự mình được an lạc.
- Không chia xẻ, không làm công đức.

Hạng thứ 2. Có 2 điều đáng chỉ trích, một điều được tán thán.

Hai điều đáng chỉ trích là.

- Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh.
- Không chia xẻ, không làm công đức.

Điều được tán thán là.

- Tự mình được an lạc.

Hạng thứ 3. Có một điều đáng chỉ trích, hai điều được tán thán.

Điều đáng chỉ trích là.

- Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh.

Hai điều được tán thán là.

- Tự mình được an lạc.
- Chia xẻ, làm công đức.

Hạng thứ 4. Có một điều được tán thán, ba điều đáng chỉ trích.

Điều được tán thán là.

- Tâm cầu tài sản đúng pháp, không dùng sức mạnh.

Ba điều đáng chỉ trích là.

- Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh
- Không tự mình an lạc.
- Không chia xẻ, không làm công đức.

Hạng thứ 5. Có hai điều được tán thán, hai điều đáng chỉ trích.

Hai điều được tán thán là.

- Tâm cầu tài sản đúng pháp, không với sức mạnh.
- Tự mình được an lạc.

Hai điều đáng chỉ trích là.

- Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh.
- Không chia xẻ không làm công đức.

Hạng thứ 6. Có ba điều được tán thán, một điều đáng chỉ trích.

Ba điều được tán thán là.

- Tâm cầu tài sản đúng pháp, không với sức mạnh.
- Tự mình được an lạc.
- Chia xẻ, làm công đức.

Một điều đáng chỉ trích là.

- Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh.

Hạng thứ 7. Có một điều được tán thán, hai điều đáng chỉ trích.

Điều được tán thán là.

- Tâm cầu tài sản đúng pháp, không với sức mạnh.

Hai điều đáng chỉ trích là.

- Tâm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh.
- Không chia xẻ không làm công đức.

Hạng thứ 8. Có hai điều được tán thán, một điều đáng chỉ trích.

Hai điều được tán thán là.

- Tâm cầu tài sản đúng pháp, không với sức mạnh.
- Tự mình được an lạc.

Một điều đáng chỉ trích là.

- Không chia xẻ không làm công đức.

Hạng thứ 9. Có ba điều được tán thán, một điều đáng chỉ trích.

Ba điều được tán thán là.

- Tâm cầu tài sản đúng pháp, không với sức mạnh.

- Tự mình được an lạc.
 - Chia xẻ, làm công đức.
- Một điều đáng chỉ trích là.
- Thụ hưởng dục với tâm tham đắm, không có trí xuất ly.
- Hạng thứ 10.* Có bốn điều được tán thán.
- Bốn điều được tán thán là.
- Tâm cầu tài sản đúng pháp, không với sức mạnh.
 - Tự mình được an lạc.
 - Chia xẻ, làm công đức.
 - Thụ hưởng dục với tâm không tham đắm, có trí xuất ly.
- Đây là hạng thụ hưởng dục tối thắng ở đời⁽¹⁾.

****Diṭṭhisuttaṃ* (kinh Thấy).**

Trưởng giả Cấp Cô Độc là một thương gia lanh lợi, Ngài còn là nhà hùng biện nhiệt tình.

Bài kinh này thuật lại chuyện viếng thăm các du sĩ ngoại giáo, khi Ngài đến Đại tự Kỳ Viên còn quá sớm.

Trưởng giả Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Thời này không phải thời ta đến yết kiến Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng không phải thời yết kiến các vị Tỳkhuu, vì các vị Tỳkhuu đang *tu tập về ý* (manobhāvanīyā)”.
 Trưởng giả Cấp Cô Độc đến khu vườn các du sĩ ngoại giáo, viếng các du sĩ ngoại giáo. Một cuộc tranh luận về Giáo pháp khởi lên giữa Trưởng giả Cấp Cô Độc và các du sĩ ngoại giáo. Các du sĩ hỏi:

- Này gia chủ, hãy nói lên Samôn Gotama có kiến gì?
- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của Đức Thế Tôn.

(Đây là sự nhạy bén của Trưởng giả, thoát ra bẫy rập của các du sĩ. Nếu Trưởng giả Cấp Cô Độc vội vàng nói lên sự hiểu của mình, sẽ bị các du sĩ nói rằng: “Như vậy gia chủ Anāthapiṇḍika tương đương với Samôn Gotama” và bị chỉ trích là “bất kính với Bạc Đạo sư”).

- Này gia chủ, gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Samôn Gotama. Nhưng này gia chủ, hãy nói các Tỳkhuu có kiến gì?

- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của các Tỳkhuu.

(Lần thứ hai, Trưởng giả thoát ra bẫy rập của các du sĩ).

- Vậy, này gia chủ, hãy nói về kiến của gia chủ.

- Thưa các Tôn giả, không có khó khăn gì để trả lời về kiến của chúng tôi. Nhưng các Tôn giả hãy nói về kiến của các Tôn giả trước, rồi sau chúng tôi trả lời về kiến của chúng tôi.

(Đây là sự khôn ngoan của Trưởng giả Cấp Cô Độc, không vội nêu lên quan điểm của mình trước. Trước tiên yêu cầu nhóm đối lập nêu lên quan điểm của họ, rồi chỉ ra những nhược điểm của quan điểm ấy, sau đó sẽ nói lên quan điểm đúng đắn của mình.

Như vậy nhóm đối lập sẽ không có cơ hội tránh né, tráo trở và phản đòn được).

Một du sĩ ngoại giáo nói rằng:

- Thế giới là thường còn, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.

Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi.

Một du sĩ khác nói:

- Thế giới là vô thường, kiến này là như thật, kiến nào khác là hư vọng.

Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi.

Một du sĩ khác nói: “Thế giới là có ranh giới ... thế giới không có ranh giới ... *mạng sống*⁽¹⁾ và thân (kāya)⁽²⁾ là một ... mạng sống và thân là khác ...

⁽¹⁾- A. v. 176.

Chúng sinh⁽³⁾ tồn tại sau khi chết ... chúng sinh không tồn tại sau khi chết ... chúng sinh có tồn tại và không tồn tại sau khi chết ... chúng sinh không tồn tại và không tồn tại sau khi chết, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng. Đây gia chủ, như vậy là kiến của tôi.

Trưởng giả Cấp Cô Độc biện giải rằng:

- Thừa các Tôn giả,

*Tôn giả nào nói như sau: “*Thế giới là thường còn, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng*”.

Kiến này do nhân: Tự mình không tác ý đúng (ayoni so manasikāra) hay do duyên “*nghe tiếng người khác* (paraghosa)”.

Như vậy, kiến này khởi lên do tâm suy tư, khởi lên do duyên (nghe tiếng). Và cái gì do nhân suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là **vô thường**.

Tôn giả này đã chấp trước (với kiến ấy). Cái khổ ấy, Tôn giả chấp nhận.

(Do nhân suy tư hay do duyên “*nghe tiếng*”. Như vậy tự mình chưa thật sự “*thấy rõ như thế*”. Nhưng tuyên bố rằng: “*Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng*”, tuyên bố này không đúng với sự thật, nên Trưởng giả Cấp Cô Độc gọi Tôn giả ấy “*đã chấp trước*”).

Lý luận tương tự với các chủ kiến còn lại.

Giải thích.

Ở đây với hai chủ kiến:

- *Thế giới có ranh giới*. Do các Samôn, Bàlamôn tu tập thiền tịnh, khi mở rộng ấn tướng (nimitta), ấn tướng được trải rộng đến “*vòng đai sắt* (cakkavāla)” bao quanh 31 cõi của một thế giới, nhưng không thể vượt qua “*vòng đai sắt*” do niệm (sati) còn yếu.

Nên tuyên bố rằng: “*Thế giới có ranh giới*”.

- *Thế giới không có ranh giới*. Do các Samôn, Bàlamôn tu tập thiền tịnh, khi mở rộng ấn tướng (nimitta), ấn tướng không được trải rộng đến “*vòng đai sắt*”. Nên tuyên bố rằng: “*Thế giới không có ranh giới*”.

Với 4 chủ kiến

- *Chúng sinh tồn tại sau khi chết*. Là chấp vào thường kiến.

- *Chúng sinh không tồn tại sau khi chết*. Là chấp vào đoạn kiến.

- *Chúng sinh sau khi chết tồn tại và không tồn tại*. Nghĩa là: “*Sau khi chết, có phần còn tồn tại (như về danh pháp), có phần không tồn tại (chỉ cho thân xác)*”. Chủ kiến này chấp cả hai: Thường và đoạn kiến.

Ngay cả thân xác chỉ thay đổi từ dạng này sang dạng khác, chứ không hoàn toàn biến mất, nên không thể nói là *không còn*.

- *Chúng sinh sau khi chết không tồn tại và không không tồn tại*. Nghĩa là: “*Sau khi chết, chúng sinh **đường như** còn tồn tại, **đường như** không còn tồn tại*”.

Các du sĩ nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Đây gia chủ, tất cả kiến của chúng tôi đã được nói lên. Đây gia chủ, hãy nói lên kiến của gia chủ là gì?

- Thừa các Tôn giả, phạm cái gì được sinh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên khởi lên; cái ấy là vô thường, cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta.

Này các Tôn giả, đây là kiến của tôi.

(1)- Jiva (jīva). Chữ Jiva của Upanisad, về sau được chỉ cho *linh hồn* (atman). Theo chủ thuyết Bàlamôn, chính Jiva này nối liền *atman* (ngã hay linh hồn) với *attabhāva* (ngã tánh hay đại ngã).

(2)- *Kāya* ở đây không phải chỉ cho thân xác. *Kāya* ở đây chỉ cho nhóm pháp thuộc tinh thần.

(3)- Chữ tathāgato ở đây không phải chỉ cho Đấng Như Lai, tathāgato ở đây chỉ cho bất cứ sinh vật nào.

- Nay gia chủ, “*cái này là khố*”, gia chủ đã chấp trước “*cái này là khố*”. Gia chủ đã chấp nhận “*cái này là khố*”.

- Thưa các Tôn giả, “*cái này là khố, cái ấy không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta*”. Như vậy, như thật khéo thấy với chánh trí; và từ nơi khố ấy, tôi như thấy biết rõ sự xuất ly (ra khỏi, từ bỏ) hơn thế nữa.

Giải.

Trưởng giả Cấp Cô Độc khéo léo phản biện: “*Đã không cho là ta, không cho là của ta, không cho là tự ngã của ta. Thì làm sao gọi là chấp trước?*”.

Lại nữa, do không chấp nhận “*cái khố*” ấy, nên tìm cách xuất ly. Khi ra khỏi “*cái khố*” ấy, thì làm sao còn khố và làm sao “*chấp nhận cái khố ấy?*”.

Các du sĩ nghe Trưởng giả Cấp Cô Độc nói như thế, ngồi im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sừng sờ, không nói nên lời.

Rồi Trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, đến Đại tự Kỳ Viên, đi vào đánh lễ Đức Thế Tôn.

Trình lên Đức Thế Tôn cuộc tranh luận vừa rồi. Đức Thế Tôn tán thán rằng:

- Lành thay, lành thay, này gia chủ. Những kẻ ngu si ấy, cần phải được thường thường bác bỏ với sự khéo léo bác bỏ bằng Chánh pháp.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại khích lệ, sách tấn đến gia chủ Cấp Cô Độc, khiến cho gia chủ Cấp Cô Độc hân hoan.

Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc ra về, Đức Thế Tôn dạy các vị Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, vị Tỳkhuu nào đã được đầy đủ 10 năm an cư mùa mưa trong Pháp Luật này, vị ấy cần phải như vậy, thường thường bác bỏ các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp, như gia chủ Anāthapiṇḍika đã khéo bác bỏ⁽¹⁾.

Ngoài những bài kinh được ghi nhận trong tập Tăng Chi kinh (đồng thời cũng được ghi chép trong tập Tương Ưng kinh), trong tập Tương Ưng, cũng có những bài kinh có liên hệ đến Trưởng giả Cấp Cô Độc.

***Anāthapiṇḍikasuttaṃ (kinh Cấp Cô Độc) (1).**

Tương tự như Anāthapiṇḍikovādasuttaṃ (kinh Giáo giới Cấp Cô nhưng phần lớn kinh này sách tấn, khích lệ Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Khi Trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh nặng, Trưởng giả Cấp Cô Độc cho người nhà đến thỉnh Ngài Sāriputta (Xá Lợi Phất) đến tư gia.

Ngài Sāriputta cùng với Ngài Ānanda đến nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc và Ngài Sāriputta thuyết lên kinh này⁽³⁾.

***Anāthapiṇḍikasuttaṃ (kinh Cấp Cô Độc) (2).**

Như kinh trên, nhưng kinh này do Trưởng lão Ānanda thuyết, khi Trưởng giả Cấp Cô Độc lâm trọng bệnh.

Sau thời Pháp của Ngài Ānanda, Trưởng giả Cấp Cô Độc thưa với Ngài Ānanda rằng “*ông không có sợ hãi vì có niềm tin bất động nơi ân đức Phật, Pháp, Tăng và không hề vi phạm Giới hạnh hòa kính (sāmicī) tại gia nào*”⁽⁴⁾.

(Xem ra, Trưởng giả Cấp Cô Độc bệnh nặng nhiều lần, mỗi lần bệnh nặng sắp mệnh chung thường thỉnh Ngài Sāriputta hoặc Ngài Ānanda đến giảng pháp, vì Trưởng giả Cấp Cô Độc không muốn làm bận tâm Đức Thế Tôn).

***Anāthapiṇḍikovādasuttaṃ (kinh Giáo giới Cấp Cô Độc).**

(1)- A.v. 185.

(2)- M.iii. 258 – 263.

(3)- S.v. 380; xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 5); Trưởng giả Cấp Cô Độc.

(4)- S.v. 385.

Đây là Trưởng giả lâm trọng bệnh lần sau cùng. Trưởng lão Sāriputta cùng với Ngài Ānanda đến tư gia của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Trưởng lão Sāriputta thuyết giảng kinh này đến Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Nghe xong kinh này, Trưởng giả Cấp Cô Độc rơi nước mắt, Ngài Ānanda hỏi:

- Nay cư sĩ, người đang gượng lên để sống, hay đang chìm xuống cõi chết?

- Thưa Tôn giả Ānanda, con không gượng lên để sống, con đang chìm xuống cõi chết. Dầu cho Bạc Đạo Sư được con hầu hạ đã lâu, dầu cho các vị Tỳkhuu *tu tập ý* được con hầu hạ đã lâu, con chưa từng nghe một thời pháp như vậy.

- Nay gia chủ, Pháp như vậy không thuyết cho hàng cư sĩ áo trắng, Pháp như vậy thuyết cho hàng xuất gia.

(Cũng vì lời dạy này của Ngài Sāriputta, một số người cho rằng: “Đức Thế Tôn có những lời dạy bí truyền đến các vị Tỳkhuu”).

Và Trưởng giả Cấp Cô Độc thỉnh Ngài Sāriputta thuyết pháp như vậy đến hàng tại gia, như thế hàng tại gia cư sĩ có nhiều lợi ích.

Giải.

“Con chưa từng nghe một thời pháp như vậy”. Điều này cần được hiểu như sau.

Không phải Trưởng giả Cấp Cô Độc chưa từng được Đức Thế Tôn sách tấn với những ý nghĩa uyên bác tương tự.

Nhưng vị ấy chưa bao giờ nghe được bài pháp dẫn đến ALaHán quả được diễn đạt theo nhiều cách sắp xếp toàn bộ như vậy, liên quan đến chín vòng:

Khi Ngài Sāriputta và Ngài Ānanda đến tư gia của Trưởng giả Cấp Cô Độc. Sau khi ngồi lên chỗ ngồi được soạn sẵn, Ngài Sāriputta hỏi Trưởng giả Cấp Cô Độc:

- Nay cư sĩ, ta mong rằng người có thể kham nhẫn. Ta mong rằng người có thể chịu đựng. Ta mong rằng khổ thọ được giảm thiểu, không có gia tăng, sự giảm thiểu rõ rệt không có gia tăng.

Trưởng giả Cấp Cô Độc trả lời Ngài Sāriputta rằng:

- Thưa Tôn giả Sāriputta, con không thể kham nhẫn, con không thể chịu đựng. Khổ thọ đang gia tăng, không có giảm thiểu và sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc đưa ra bốn ví dụ để mô tả điều này.

* Ví như người lực sĩ cầm gươm bén chém đầu người khác. Cũng vậy ngọn gió kinh khủng thổi lên làm đau nhói đầu ông.

* Ví như người lực sĩ dùng dây da cứng quấn quanh đầu rồi xiết mạnh. Cũng vậy, ông cảm thấy đau đầu khủng khiếp.

* Ví như người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể, cầm dao bén cắt ngang bụng con bò. Cũng vậy, cơn gió khủng khiếp cắt ngang bụng ông.

* Ví như hai người lực sĩ nắm hai tay của người yếu hơn, nung trên than đỏ. Cũng vậy, sức nóng mãnh liệt khởi lên trong thân ông.

Nghe vậy, Ngài Sāriputta đưa trí quán xét, biết rằng: “Gia chủ Anāthapiṇḍika sắp mệnh chung”.

Ngài Sāriputta suy nghĩ: “Ta không nên dẫn gia chủ này đến nào khác, ngoài dẫn đến Thánh quả ALaHán. Như vậy sẽ mang đến lợi ích cho gia chủ này, mong rằng gia chủ Anāthapiṇḍika sẽ đạt Thánh quả ALaHán trước khi mệnh chung”.

Ngài Sāriputta theo cách tuần tự toàn diện, từ thấp lên cao, từ ngoài vào trong. Chủ yếu thời pháp này là diệt trừ tham, mạn và tà kiến. vì người sắp mệnh chung, nếu không khéo tác ý sẽ bị ảnh hưởng của tham, mạn và kiến.

Vòng 1. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* (chấp thủ) vào 6 quyền: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Vòng 2. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào 6 trần cảnh: Sắc, thanh, mùi, vị, xúc và Pháp.

Vòng 3. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào 6 thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Vòng 4. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào 6 xúc: Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc.

Vòng 5. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào 6 thọ: Nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ và ý thọ.

Vòng 6. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào Tứ đại: Đất, nước, gió và lửa.

Vòng 7. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào 5 uẩn: Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Vòng 8. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào **thế giới này, không có thức ở thế giới này.**

Vòng 9. Ngài Sāriputta dạy gia chủ Cấp Cô Độc không nên *dính mắc* vào **thế giới sau, không có thức ở thế giới sau.**

Sau khi Ngài Sāriputta và Ānanda ra về, không lâu sau Trưởng giả Cấp Cô Độc mệnh chung, tái sinh về cõi Tusita.

Vào gần sáng đêm ấy, Thiên tử Anāthapiṇḍika đi đến Đại tự Kỳ Viên với dung sắc thù thắng, hào quang chiếu sáng cả Jetavana (rừng Jeta).

Thiên tử Anāthapiṇḍika đã nói lên bốn kệ ngôn tán thán Đại tự Kỳ Viên, tán thán Đức Thế Tôn, tán thán Ngài Sāriputta, và khuyến cáo chúng sinh nên thực hành theo lời dạy của Đức Thế Tôn, như sau.

Idaṅhi taṃ jetavanam; isisaṅghanisevitam.

Āvuttham dhammarājena, pītisañjananam mama.

“Nơi đây, rừng Jeta; Thiên nhân, Tăng chúng thường đến.

Đấng Pháp vương trú ngụ; ban ân hoan đến ta”.

Kammaṃ vijjā ca dhammo ca; silaṃ jīvitamuttamam.

Etena maccā sujjhanti; na gottena dhanena vā.

“Hành⁽¹⁾, minh⁽²⁾ và Pháp⁽³⁾; giới⁽⁴⁾, mạng sống cao tốt⁽⁵⁾.

Nhờ đó, nhiều người trong sạch;

không do dòng giống hay tài sản”.

Tasmā hi paṇḍito poso; sampassam atthamattano.

Yoniso vicine dhammam; evam tattha visujjhati.

“Do vậy, bậc thiện trí; thấy rõ mục đích mình.

Sinh khởi đúng pháp chọn lựa;

như vậy, được trong sạch nơi đó”.

Sāriputtova paññāya; silena upasamena.

Yopi pāraṅgato bhikkhu; etāvaparamo siyā”ti

“Như Xá Lợi Phất trí tuệ; bậc Giới hạnh trong sạch.

(1)- Kamma ở đây chỉ cho Maggacetanā, là tâm sở Tư trong tâm Đạo Siêu thế (MA.v.81).

(2)- Vijjā ở đây chỉ cho Maggapapannā (quả của Đạo), là chỉ cho Quả Siêu thế. Hay vijjā chỉ cho Tuệ uẩn là chánh kiến, chánh tư duy (MA. v.81)

(3)- Dhamma ở đây chỉ cho Định uẩn là: Chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định (MA.v, 81).

(4)- Sila ở đây chỉ cho Giới uẩn là: Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng (MA; v. 81).

(5)- Jīvitamuttamam ở đây chỉ cho Bát chánh đạo. Thực hành Bát chánh đạo xem như sống, không thực hành Bát chánh đạo xem như chết (MA.v. 81).

Tỳkhuu nào đến bờ kia; đạt tối thắng từ đó”.

Nghe Thiên tử Cấp Cô Độc nói lên kệ ngôn như thế, Đức Thế Tôn im lặng chấp thuận.

Hiểu được “Đức Thế Tôn đã chấp thuận”, Thiên tử Cấp Cô Độc đánh lễ Đức Thế Tôn, thân hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Khi đêm đã mãn, Đức Thế Tôn gọi các Tỳkhuu:

- Nay các Tỳkhuu, khi đêm gần mãn, có vị Thiên tử với hào quang chiếu sáng cả rừng Jeta đi đến Ta. Sau khi đến đánh lễ Ta, đứng một bên Thiên tử nói lên kệ ngôn:

“Nơi đây, rừng Jeta; đạt tối thắng từ đó”.

Nghe vậy, Ngài Ānanda bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, có phải vị ấy là Thiên tử Cấp Cô Độc không? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc có lòng tịnh tín bất động với Tôn giả Sāriputta.

- Lành thay, lành thay, này Ānanda, những gì có thể thành đạt do suy tư, đã được đạt đến. Này Ānanda, chính Thiên tử ấy là Cấp Cô Độc, không ai khác⁽¹⁾.

Giải.

Trưởng giả Cấp Cô Độc phát hiện mình được sinh về cõi Tusita (Đầu Suất), là cõi Trời hưởng quả phước Balamật, là cõi Trời an lạc tốt đẹp và vị ấy trở thành vị Thiên nhân có đại uy lực.

Thân vị Thiên tử này cao ba gāvuta (# 12 km) như khối vàng đang chiếu sáng với hào quang, Thiên cung xinh đẹp, vườn hoa tươi thắm có cây Như ý (Mañirukkha), có thể lấy được bất kỳ vật gì mà vị Thiên tử ấy muốn.

Khi quán xét “do nhân nào ta được tái sinh về cõi này?”, vị Thiên tử thấy rằng: “Ta là Trưởng giả Cấp Cô Độc khi là người ở kiếp trước, do có niềm tịnh tín nơi Tam Bảo cùng với nhiệt tâm thực hành các hạnh lành theo lời dạy của Đức Thế Tôn, nên nay hưởng được quả phúc to lớn như vậy”.

Sau khi xem xét tài sản nơi Thiên giới của mình, Thiên tử Cấp Cô Độc suy nghĩ: “Đời sống dục lạc này dễ dàng làm cho ta đắm nhiễm, lại nữa tuổi thọ nhân loại ngắn ngủi (một ngày đêm nơi cõi này = 400 năm cõi nhân loại), e rằng ta khó có cơ hội được đánh lễ Đức Thế Tôn khi Ngài còn tại tiền (1 phần tư ngày đêm nơi cõi này = 50 năm cõi nhân loại, khi ấy Đức Thế Tôn đã viên tịch). Do vậy, ta không nên chần chừ, phải nhanh chóng đến đánh lễ Đức Thế Tôn ngay bây giờ, khi Ngài còn đang tại tiền”.

Thiên tử Cấp Cô Độc lập tức đến nhân giới, đánh lễ Đức Thế Tôn ngay trong đêm ấy.

Câu kệ 1. Thiên tử Cấp Cô Độc tán thán Đại tự Kỳ Viên.

Tuy Đại tự Kỳ Viên là một kiến trúc hoành tráng, cảnh u nhã thanh tịnh, nhưng đó không phải là điều Thiên tử Cấp Cô Độc tán thán Đại tự Kỳ Viên.

Điều Thiên tử Cấp Cô Độc tán thán Đại tự Kỳ Viên là: Nơi Đức Thế Tôn, các vị Đại trưởng lão ALaHán trú ngụ, cũng là nơi các thiên nhân có uy lực đến hỏi Pháp.

Câu kệ 2. Thiên tử Cấp Cô Độc tán thán Thánh đạo tám ngành.

Câu kệ 3. Thiên tử Cấp Cô Độc tán thán sự phát triển tuệ quán cùng với sự nhận biết được tuệ Đạo.

Câu kệ 4. Thiên tử Cấp Cô Độc tán thán giới đức của Trưởng lão Sāriputta.

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn không nêu tên Thiên tử Cấp Cô Độc, Ngài chỉ nêu là có vị Thiên tử?

⁽¹⁾- M.iii. Anāthapiṇḍikovādasuttam; S. i. 55.

Đáp. Đức Thế Tôn không đề cập đến tên vị Thiên tử, do Đức Thế Tôn muốn Ngài Ānanda hiển lộ trí suy tư của mình.

Với trực giác nhạy bén của mình, Ngài Ānanda hiểu ngay “đó là Trưởng giả Cấp Cô Độc vừa mệnh chung ngày hôm ấy”. Vì Ngài Ānanda hiểu rằng: “Từ trước đến nay, Trưởng giả Cấp Cô Độc rất tín mộ Ngài Sāsiputta”.

Câu kệ ngôn thứ tư, vị Thiên tử này tán thán Trưởng lão Sāriputta đã gợi ý cho Ngài Ānanda xác quyết: “Đây là Trưởng giả Cấp Cô Độc vừa tái sinh thành vị thiên nhân ấy”.

Và Đức Thế Tôn khen ngợi trí suy tư của Ngài Ānanda.

Theo Bản Sớ giải kinh Trường Bộ, trong kiếp đó Thiên tử Cấp Cô Độc chứng Thánh quả Nhất Lai. Mệnh chung lại tái sinh về chính cõi ấy, trong kiếp này vị ấy chứng Thánh quả Bất Lai, là bậc Bất Lai Thượng lưu bang, mệnh chung tái sinh về cõi Tịnh cư (Suddhāvāsā), lần lượt là cõi Vô phiền (Avihā), cõi Vô nhiệt (Atappā), cõi Thiện kiến (Sudassā), cõi Thiện hiện (Sudassī) và cõi Sắc Cứu cánh Akaniṭṭhā, rồi viên tịch ở cõi này (tổng cộng là 31 ngàn kiếp trái đất nữa, như bà Visākhā)⁽¹⁾.

⁽¹⁾- DA. iii. 740.

Phụ lục

Các Học Giới được Đức Thế Tôn chế định nơi Đại tự Kỳ Viên

A- Giới Tỳkhuu.

I- Pārājikasīla (Giới trục xuất).

(Không có).

II- Saṅghādisesasīla (Giới Tăng tàng).

Có 6 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Sukkavissatṭhi (Cổ làm xuất tinh). Do Tỳkhuu Seyyaka là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Kāyasamsagga (Xúc chạm cơ thể người nữ với ý dâm dục). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Duṭṭhullavācā (Nói lời dâm dục với người nữ). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Attakāmapāricariya (Ca ngợi sự hầu hạ tinh dục cho bản thân với người nữ). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Sañcaritta (Tiến hành việc mai mối). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

6- *Điều học thứ 13.* Kuladūsaka (Làm hư hỏng các gia đình). Do nhóm Tỳkhuu Assaji – Punabbasuka ở Kīṭāgiri là duyên sự.

III- Aniyatasīla (Giới Bất định).

Có 2 Học giới.

1- *Điều 1.* Ngồi một một với người nữ nơi kín đáo.

2- *Điều 2.* Ngồi một một với người nữ nơi trống vắng.

Hai điều này do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

IV- Nisaggiya pācittiyasīla (Giới Ưng- xả đối trị).

Có 22 Học giới.

a- Cīvaravaggo (Phẩm y).

Phẩm này có 8 học giới.

1- *Điều học thứ 2.* Udosita (Xa lìa ba y chỉ một đêm). Do một nhóm Tỳkhuu đi du hành là duyên sự.

2- *Điều học thứ 3.* Cāt giũ y ngoài hạn kỳ (Kṭhina) một tháng.

3- *Điều học thứ 4.* Purāṇacīvara (Bảo Tỳkhuu ni không phải là thân tộc giết y cũ). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

4- *Điều học thứ 6.* Aññātakaviññatti (Xin y nơi người (các cư sĩ) không phải là thân tộc). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

5- *Điều học thứ 7.* Tatuttari (chỉ nhận 2 y: Y thượng và y hạ). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

6- *Điều học thứ 8.* Upakkhaṭa (Dặn may y theo ý muốn). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

7- *Điều học thứ 9.* Dutiyaupakkhaṭa (Dặn may y theo ý muốn thứ 2). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

8- *Điều học thứ 10.* Yêu cầu y không hợp thời. Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

b- Kosiyavaggo (Phẩm Tư tâm).

Phẩm này có 6 Học giới.

1- *Điều học thứ 3.* Dvebhāga (Ngọa cụ bằng lông cừu đen, trắng, nâu, đỏ). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

2- *Điều học thứ 4.* Chabbassa (Ngọa cụ phải dùng 6 năm). Do nhóm Tỳkhuu nhiều ham muốn là duyên sự.

3- *Điều học thứ 5.* Nisīdanasanthata (Làm tọa cụ). Do Ngài Upasena (em của Ngài Sāriputta) là duyên sự.

4- *Điều học thứ 6.* Eḷakaloma (Mang lông cừu đi).

5- *Điều học thứ 9.* Rūpiyasamvohāra (Trao đổi vàng bạc). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

6- *Điều học thứ 10.* Kayavikkaya (Mua bán, trao đổi bằng vật dụng). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

c- Pattavaggo (*Phẩm Bình bát*).

Phẩm này có 8 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Patta (Cất giữ bát dư không quá 10 ngày). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự. Phụ chế định do Ngài Ānanda là duyên sự.

2- *Điều học thứ 3.* Bhesajja (Năm loại dược phẩm trị bệnh). Do Ngài Pilindavaccha là duyên sự.

3- *Điều học thứ 4.* Vassikasātika (Y choàng tắm mưa). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 5.* Cīvara acchindana (Giặt y lại sau khi cho). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

5- *Điều học thứ 7.* Mahāpesakāra (Bảo thọ dết dết y theo ý muốn). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

6- *Điều học thứ 8.* Accekacīvara (Cất giữ y đặc biệt).

7- *Điều học thứ 9.* Sāsaṅka (Xa lìa y sáu đêm).

8- *Điều học thứ 10.* Pariṇata (Bảo dăng y đến mình). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

V- Pācittiyasīla (*Giới Ưng đối trị*).

Có 67 Học giới.

a- Musāvādavaggo (*Phẩm nói dối*).

Có 7 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Musāvāda (Nói dối, tráo trở). Do Tỳkhuu Hatthaka là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Omasavāda (Mắng người). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Pesuñña (Nói gây chia rẽ). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Padasodhamma (Dạy người chưa tu lên bậc trên tụng Pháp). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

5- *Điều học thứ 6.* Nằm chung chỗ ngủ với người nữ. Do Ngài Anuruddha là duyên sự.

6- *Điều học thứ 7.* Dhammadesanā (Thuyết pháp đến người nữ). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

7- *Điều học thứ 9.* Duṭṭhullārocana (Công bố tội xấu của Tỳkhuu). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

b- Bhūtagā mavaggo (*Phẩm thảo mộc*).

Có 5 Học giới.

1- *Điều học thứ 4.* Paṭhamasenāsana (Không thu dọn ngựa, tọa cụ ngoài trời) (1). Do một số Tỳkhuu là duyên sự.

2- *Điều học thứ 5.* Dutiyasenāsana (Không thu dọn ngựa, tọa cụ ở trú xá của hội chúng) (2). Do nhóm Tỳkhuu Mười bảy Sư là duyên sự.

3- *Điều học thứ 6.* Anupakhajja (Nằm chen vào chỗ nằm). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 7.* Nikkaḍḍhana (Lôi kéo vị Tỳkhuu ra khỏi trú xá). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

5- *Điều học thứ 8.* Vehāsakuṭi (Nằm ngồi trên căn gác lầu).

c- Ovādavaggo (Phẩm Giáo giới).

Có 8 học giới.

1- Điều học thứ 1. Ovāda (Giáo giới Tỳkhuu ni). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

2- Điều học thứ 2. Atthaṅgata (Không giáo giới Tỳkhuu ni khi mặt trời đã lặn). Do Ngài Cūḷapanthaka là duyên sự.

3- Điều học thứ 4. Āmisa (Xuyên tạc vị Tỳkhuu Giáo giới vì lợi lộc). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- Điều học thứ 5. Cīvaradāna (Cho y đến Tỳkhuu ni không phải là thân tộc).

5- Điều học thứ 6. Cīvarasibbana (May y cho Tỳkhuu ni). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

6- Điều học thứ 7. Saṃvidhāna (Hẹn trước rồi đi chung đường xa với Tỳkhuu ni). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

7- Điều học thứ 8. Nāvābhiruhana (Hẹn trước rồi đi chung thuyền với Tỳkhuu ni). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

8- Điều học thứ 10. Rahonisajja (Ngồi nơi kín đáo với Tỳkhuu ni). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

d- Bhojanavaggo (Phẩm vật thực).

Có 6 Học giới.

1- Điều học thứ 1. Āvasathapiṇḍa (Thọ dụng vật thực ở phước xá). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

2- Điều học thứ 4. Kāṇamātu (Thọ lãnh bánh hai hoặc ba bình bát đây). Do mẹ nàng Kāṇā là duyên sự.

3- Điều học thứ 5. Dùng vật thực hai nơi. Do một số Tỳkhuu là duyên sự.

4- Điều học thứ 6. Mời ăn thêm rồi buộc tội. Do một vị Tỳkhuu là duyên sự.

5- Điều học thứ 8. Sannidhikāra (Thọ dụng vật thực đã tích trữ). Do Ngài Velatṭhasīsa là duyên sự.

6- Điều học thứ 9. Paṇitabhojana (Yêu cầu các loại vật thực thượng hạng). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

đ- Acelakavaggo (Phẩm đạo sĩ lỗi thể).

Có 7 Học giới.

1- Điều thứ 2. Uyyojana (rủ đi khất thực chung, rồi đuổi đi). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

2- Điều học thứ 3. Sabhojana (Ngồi ở trong phòng ngủ chỉ có vợ chồng). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

3- Điều học thứ 4. Rahopaticchanna (Ngồi một một với người nữ nơi kín đáo có che khuất). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

4- Điều học thứ 5. Rahonisajja (Ngồi một một với người nữ nơi kín đáo không có che khuất). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

5- Điều học thứ 8. Uyyuttasenā (Đi xem động binh). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

6- Điều học thứ 9. Senāvāsa (Cư ngụ trong trại lính hai ba đêm). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

7- Điều học thứ 10. Uyyodhika (Đi xem tập trận). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

e- Surāpānavaggo (Phẩm uống rượu).

Có 6 học giới.

1- Điều học thứ 2. Aṅgulipatodaka (Thọt lét bằng ngón tay). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

2- *Điều học thứ 3.* Hasadhamma (Đùa nghịch ở trong nước). Do nhóm Tỳkhuu Mười bảy Sư là duyên sự.

3- *Điều học thứ 5.* Bhimsāpana (Làm vị Tỳkhuu kinh sợ). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 8.* Dubbaṇṇakaraṇa (Làm hoại sắc y). Do một số Tỳkhuu bị cướp là duyên sự.

5- *Điều học thứ 9.* Vikappana (Chứa xả lời chú nguyện dùng chung). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

6- *Điều học thứ 10.* Cīvara apanidhāna (Cất giấu y bát của vị Tỳkhuu khác). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

f- Sappānakavaggo (Phẩm có sinh vật).

Có 9 học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Sañcicca (Đoạt lấy mạng sống của sinh vật). Do Tỳkhuu Udāyi là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Sappānaka (Sử dụng nước có sinh vật). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Ukkoṭana (Khởi lên tranh sự cũ). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Duṭṭhulla (Che dấu tội xấu xa của vị Tỳkhuu khác). Do vị Tỳkhuu cố ý che dấu tội cho Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

5- *Điều học thứ 6.* Theyyasattha (Đi chung đường xa với nhóm trộm cướp). Do vị Tỳkhuu là duyên sự.

6- *Điều học thứ 7.* Saṃvidhāna (Đi chung đường xa với người nữ). Do vị Tỳkhuu là duyên sự.

7- *Điều học thứ 8.* Ariṭṭha (Ukkhittasambhoga). Tỳ khuu chấp giữ ác tà kiến. Do Tỳkhuu Ariṭṭha là duyên sự.

8- *Điều học thứ 9.* Ukkhittasambhoga (Thân cận với Tỳkhuu có ác tà kiến). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

9- *Điều học thứ 10.* Kaṇṭaka (Dụ dỗ Sadi đã bị trục xuất). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

g- Sahadhammikavaggo (Phẩm theo Pháp).

Có 10 Học giới.

1- *Điều học thứ 2.* Vilekhana (Chê bai Luật). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

2- *Điều học thứ 3.* Mohana (Giả vờ không biết). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

3- *Điều học thứ 4.* Pahāra (Đánh Tỳkhuu khác). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 5.* Talasattika (Giơ tay dọa đánh). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

5- *Điều học thứ 6.* Amūlaka (Bôi nhọ Tỳkhuu không có duyên cớ). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

6- *Điều học thứ 7.* Sañcicca (Cố ý gọi lên nghi hoặc). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

7- *Điều học thứ 8.* Upassuti (Nghe lén). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

8- *Điều học thứ 9.* Kammaṭṭibāhana (Phê pháp hành sự đúng pháp). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

9- *Điều học thứ 10.* Chandamaḍatvāgamana (Rời khỏi hành sự không trao ra sự thỏa thuận). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

10- *Điều học thứ 12.* Pariṇāmana (Thuyết phục dăng đến vị khác). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự. Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

h-Ratanavaggo (Phẩm báu vật).

Có 9 Học giới .

1- *Điều học thứ 1*. Antepura (Đi vào hậu cung của Đức vua). Do Ngài Ānanda là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2*. Ratana (Nhật báu vật). Do vị Tỳkhuu là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3* .Vikālagāmappavisana (Đi vào làng vào lúc sáng sớm). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 5*. Mañcapīṭha (Giường ghế cao). Do Tỳkhuu Upananda là duyên sự.

5- *Điều học thứ 6*. Tūlonaddha (Giường ghế độn bông gòn). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

6- *Điều học thứ 7*. Nisīdana (Kích thước tọa cụ). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

7- *Điều học thứ 8*. Kaṇḍuppaṭicchādi (Kích thước y đắp ghế). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

8- *Điều học thứ 9*.Vassikasāṭikā. (Kích thước vải choàng tắm mưa). Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

9- *Điều học thứ 10*. Nanda (Kích thước y của Đức Thiện Thệ). Do Ngài Nanda là duyên sự.

VI. Pāṭidesanīyasīla (Giới Ưng phát lộ).

Có 2 Học giới.

1- *Điều học thứ 1*. Nhận lãnh vật thực từ tay Tỳkhuu ni. Do vị Tỳkhuu là duyên sự.

2- *Điều học thứ 3*. Nhận lãnh vật thực từ gia đình được công nhận là bậc Hữu học khi chưa được mời thỉnh. Do vị Tỳkhuu là duyên sự.

VII. Sekhiyasīla (Ưng học pháp).

Chỉ có 7 điều không ở thành Sāvatti, 66 điều không xác định rõ là ở Đại tự Kỳ Viên hay ở chùa Đông Phương. Tạng Luật chỉ gọi chung là ở thành Sāvatti. Chỉ có hai điều được xác định là ở Đại tự Kỳ Viên:

1-. Đắp y lượm thượm, lòng thông phía trước, phía sau. Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

2-Đại tiện, tiểu tiện trong nước. Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

Như vậy, nơi Đại tự Kỳ Viên, Đức Thế Tôn chế định Học giới cho các Tỳkhuu là 97 Học giới.

B- Giới Tỳkhuu ni.

I- Pārājikasīla (Giới trục xuất).

Có 4 Học giới.

1- *Điều học thứ 1*. Xúc chạm với người nam. Do Tỳkhuu ni Sundarīnandā là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2*. Che giấu tội trục xuất (pārājika) cho vị Tỳkhuu ni khác. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3*. Xu hướng theo vị Tỳkhuu tà kiến. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4*. Hẹn hò với người nam để tình tứ. Do các Tỳkhuu ni thuộc nhóm Tỳkhuu Sáu Sư.

II. Saṅghādisesasīla (Giới Tăng tàng).

Có 10 Học giới.

1- *Điều học thứ 1*. Thừa kiện người tại gia. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2*. Cho người nữ trộm cắp phạm tội tử hình được xuất gia. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Tỳkhuu ni đi vào làng một mình. Do Tỳkhuu ni, đệ tử của bà Bhaddā Kāpilānī là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Hành sự không xin phép hội chúng Ni. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Nhận vật thực từ tay người nam nhiễm dục vọng. Do Tỳkhuu ni Sundarīnandā là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Xúi Tỳkhuu ni nhận vật thực từ tay người nam nhiễm dục vọng. Do một Tỳkhuu ni là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Nổi giận dọa hoàn tục. Do Tỳkhuu ni Caṇḍakālī, đệ tử của Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Bị xử thua, xuyên tạc hội chúng Ni là thiên vị. Do Tỳkhuu ni Caṇḍakālī là duyên sự.

9- *Điều học thứ 9.* Sống thân cận kẻ hế tục, có hạnh kiếm xấu. Do nhóm Tỳkhuu ni, đệ tử của Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

19- *Điều học thứ 10.* Xúi giục và khen ngợi sự tách ly hội chúng Tỳkhuu ni. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

III- Nissaggiya-Pācittiyasīla (Giới Ưng-xả đôi tri).

Có 12 Học giới.

a- Pattavaggo (Phẩm bình bát).

Có 10 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Tích trữ nhiều bình bát. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Không chia y đến các Tỳkhuu ni khách. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Trao đổi y rồi đòi lại. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Yêu cầu vật này rồi đổi ý. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Bảo mua vật này rồi đổi ý. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Mua vật dụng dùng cho cá nhân bằng tài vật của Hội chúng ni. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Yêu cầu mua vật dụng dùng cho cá nhân bằng tài vật của Hội chúng ni. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Bảo mua vật dụng dùng cho cá nhân bằng tài vật của **nhóm**. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

9- *Điều học thứ 9.* Yêu cầu mua dùng cho cá nhân bằng tài vật của **nhóm**. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

10- *Điều học thứ 10.* Bảo mua vật dụng dùng cho cá nhân bằng tài vật của cá nhân không đúng yêu cầu. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

b- Civaravaggo (Phẩm y).

Có 2 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Xin áo choàng len dày không quá 4 kaṃsa. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Xin áo choàng len loại nhẹ. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

IV. Pācittiyasīla (Giới Ưng đôi tri).

Có 89 Học giới.

a- Lasunavaggo (Phẩm tỏi).

Có 8 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Nhai tỏi. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Cạo lông ở chỗ kín. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên khởi.

3- *Điều học thứ 3.* Cọ xát bằng lòng bàn tay. Do hai Tỳkhuu ni là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Gậy ngăn bằng nhựa cây. Do một Tỳkhuu ni là duyên sự.

5- *Điều học thứ 6.* Tỳkhuu ni đứng gần phục vụ Tỳkhuu. Do Tỳkhuu ni vợ cũ của Tỳkhuu Ārohanta là duyên sự.

6- *Điều học thứ 7.* Yêu cầu lúa còn nguyên hạt. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

7- *Điều học thứ 8.* Đồ vật dơ qua bên kia tường rào. Do Tỳkhuu ni là duyên sự.

8- *Điều học thứ 9.* Đồ vật dơ lên cây cỏ xanh. Do Tỳkhuu ni là duyên sự.

b- *Andhakāravaggo* (*Phẩm bóng tối*).

Có 10 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Đứng chuyện trò một một với người nam trong bóng tối. Do Tỳkhuu ni đệ tử bà Thánh nữ Bhaddā Kāpilānī là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Đứng chuyện trò một một với người nam ở chỗ che khuất. Do Tỳkhuu ni đệ tử bà Thánh nữ Bhaddā Kāpilānī là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Đứng chuyện trò một một với người nam ở chỗ trống. Do Tỳkhuu ni đệ tử bà Thánh nữ Bhaddā Kāpilānī là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Đứng chuyện trò một một với người nam ở nơi công cộng. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Rời khỏi nhà gia chủ không thông báo. Do một Tỳkhuu ni là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Nằm, ngồi trong nhà không hỏi ý chủ nhà. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Trái chỗ nằm không hỏi ý chủ nhà. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Than phiền Thầy với vị khác. Do Tỳkhuu ni đệ tử bà Thánh nữ Bhaddā Kāpilānī là duyên sự.

9- *Điều học thứ 9.* Tự nguyện rửa và nguyện rửa người khác. Do Tỳkhuu ni Caṇḍakālī là duyên sự.

10- *Điều học thứ 10.* Tự đâm mình rồi khóc. Do Tỳkhuu ni Caṇḍakālī là duyên sự.

c- *Naggavaggo* (*Phẩm lửa thê*).

Có 10 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Lỏa thể thắm. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Kích thước vải choàng tắm. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Tháo rời y Tỳkhuu ni, nhưng không may lại. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Xa y quá năm ngày. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Dùng y của Tỳkhuu ni khác mà không hỏi ý. Do vị Tỳkhuu ni là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Ngăn cản lợi lộc về y của nhóm. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Ngăn cản phân chia y đúng pháp. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Cho y của Samôn đến người tại gia và ngoại đạo. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

9- *Điều học thứ 9.* Để vượt quá thời hạn về y. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

10- *Điều học thứ 10.* Ngăn cản thu hồi y Kaṭhina đúng pháp. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

d- Tuvaṭṭavaggo (Phẩm dùng chung).

Có 8 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Hai Tỳkhuu ni nằm chung trên một chiếc giường. Do hai Tỳkhuu ni là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Hai Tỳkhuu ni nằm chung tấm trải tấm đắp. Do hai Tỳkhuu ni là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Cố ý quấy rầy Tỳkhuu ni khác. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Không chăm sóc nữ đệ tử bị ốm đau. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Lôi kéo vị Tỳkhuu ni ra khỏi nơi trú ngụ. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Sống thân cận với nam gia chủ, con trai nam gia chủ. Do Tỳkhuu ni Caṇḍakālī là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Đi du hành **trong** quốc độ có sự nguy hiểm và kinh hoàng. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Đi du hành **ngoài** quốc độ có sự nguy hiểm và kinh hoàng. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

đ- Cittāgāravaggo (Phẩm nhà triển lãm tranh).

Có 10 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Đi xem nhà triển lãm tranh (gợi cảm). Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Sử dụng ghế cao và ghế lông thú. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Xe chi sơi. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Phục vụ người tại gia. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Không giải quyết tranh tụng. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Cho vật thực đến người tại gia. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Sử dụng y nội trợ, không chịu xả bỏ. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Ra đi du hành, chưa xả bỏ chỗ trú ngụ. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

9- *Điều học thứ 9.* Học tập kiến thức nhấm nhí. Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

10- *Điều học thứ 10.* Dạy kiến thức nhấm nhí. Do nhóm Tỳkhuu Sáu Sư là duyên sự.

e- Ārāmvaggo (Phẩm Tự viện).

Có 8 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Đi vào Tự viện không báo trước. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

2- *Điều học thứ 3.* Bị kích động rồi chửi rủa nhóm. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

3- *Điều học thứ 4.* Thọ thực xong lại thọ thực nơi khác. Do một số Tỳkhuu ni là duyên sự.

4- *Điều học thứ 5.* Bỏ xen về gia tộc. Do một Tỳkhuu ni là duyên sự.

5- *Điều học thứ 6.* An cư mùa mưa nơi trú xứ không có Tỳkhuu. Do nhóm Tỳkhuu ni là duyên sự.

6- *Điều học thứ 7.* Không thực hiện lễ Tự tứ (pavāraṇā) ở lưỡng phái. Do nhóm Tỳkhuu ni là duyên sự.

7- *Điều học thứ 9.* Không hỏi về lễ Uposatha (Bồ tát) và không thỉnh cầu sự Giáo giới. Do nhóm Tỳkhuu ni là duyên sự.

8- *Điều học thứ 10.* Một nam một nữ xê, nặn mụn nhọt phát sinh ở phần dưới thân. Do một Tỳkhuu ni là duyên sự.

f- Gabbhinīvaggo (Phẩm sản phụ).

Có 10 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Tiếp độ người nữ mang thai. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Tiếp độ người nữ có con còn bú. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Tiếp độ Sadi ni chưa thực hành sáu pháp tròn đủ hai năm. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Tiếp độ Sadi ni chưa được hội chúng chấp thuận. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Tiếp độ người nữ đã kết hôn khi chưa đủ 12 năm. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Tiếp độ người nữ đã kết hôn tròn đủ 12 năm, nhưng chưa thực hành điều học sáu pháp tròn đủ hai năm. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Tiếp độ người nữ đã kết hôn tròn đủ 12 năm, thực hành điều học sáu pháp tròn đủ hai năm, nhưng chưa được hội chúng chấp thuận. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Sau khi tiếp độ nữ đệ tử, không dạy dỗ. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

9- *Điều học thứ 9.* Không hầu cận thầy đủ hai năm. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

10- *Điều học thứ 10.* Sau khi tiếp độ người nữ đệ tử lại không cách ly khiến chồng bắt lại. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

g- Kumārībhūtavaggo (Phẩm thiếu nữ).

Có 12 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Tiếp độ người nữ chưa tròn 20 tuổi. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi chưa thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Tiếp độ thiếu nữ tròn đủ hai mươi tuổi đã thực hành điều học thuộc về sáu pháp trong hai năm chưa được hội chúng chấp thuận. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Tiếp độ nữ đệ tử khi chưa đủ mười hai năm thâm niên. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Tiếp độ khi tròn đủ mười hai năm thâm niên nhưng chưa được hội chúng đồng ý. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Tiến hành việc phê phán hội chúng Tỳkhuu ni. Do Tỳkhuu ni Caṇḍakālī là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Bảo dâng y, hứa hẹn tiếp độ nhưng không tiếp độ. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

8- *Điều học thứ 8.* Bảo hầu cận, hứa hẹn tiếp độ nhưng không tiếp độ. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

9- *Điều học thứ 9.* Tiếp độ nữ đệ tử là người gây sầu khổ đến người khác. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

10- *Điều học thứ 10.* Tiếp độ nữ đệ tử không được cha mẹ và chồng cho phép. Do Tỳkhuu ni Thullanandā là duyên sự.

11- *Điều học thứ 12.* Tiếp độ hàng năm⁽¹⁾. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

12- *Điều học thứ 13.* Tiếp độ 2 nữ đệ tử trong một năm⁽²⁾. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

h- Chattupāhanāvoggo (Phẩm dù dếp).

Có 13 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Sử dụng dù dếp. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Đi xe. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

3- *Điều học thứ 3.* Mặc váy. Do một Tỳkhuu ni là duyên sự.

4- *Điều học thứ 4.* Mang trang sức nữ nhân. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

5- *Điều học thứ 5.* Tắm bằng vật thơm và có màu sắc. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

6- *Điều học thứ 6.* Tắm bằng bã dầu mè có tẩm hương. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

7- *Điều học thứ 7.* Bảo Tỳkhuu ni xoa bóp, chà xát cơ thể. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

8-9-10- *Điều học thứ 8-9-10.* Bảo cô ni tu tập sự, sa-di ni, người nữ tại gia xoa bóp và chà xát cơ thể. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

11- *Điều học thứ 11.* Ngồi phía trước Tỳkhuu không hỏi ý. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

12- *Điều học thứ 12.* Hỏi câu hỏi ở vị Tỳkhuu chưa thành ý trước. Do các Tỳkhuu ni là duyên sự.

13- *Điều học thứ 13.* Không mặc áo lót đi vào làng. Do một Tỳkhuu ni là duyên sự.

V. Pāṭidesanīyasīla (Giới Ưng phát lộ).

Có 2 Học giới.

1- *Điều học thứ 1.* Yêu cầu bơ lỏng rồi thọ dụng. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

2- *Điều học thứ 2.* Yêu cầu mật ong, dầu ăn ... rồi thọ dụng. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

VI. Sekhiya (Học pháp).

* Đắp y không gọn gàng, lòng thông. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

* Đại tiện, tiểu tiện trong nước. Do nhóm Tỳkhuu ni Sáu Sư là duyên sự.

Ngoài phần Học pháp, có 115 Học giới được Đức Thế Tôn chế định cho Tỳkhuu ni khi Ngài trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên.

Trong Luật Đại Phẩm (Mahāvagga) có:

1- *Chương I. Mahākhandaḥako (Chương Trọng yếu).* Câu chuyện về hành phạt.

2- *Chương III. Vassūpanāyikkhandho (Chương vào mùa mưa).* (một phần).

3- *Chương IV. Pavāraṇākkhandho (Chương Pavāraṇā).*

4- *Chương VI. Bhesajjakkhandho. (Chương dưng phẩm).*

⁽¹⁾- Vị Tỳkhuu ni muốn tiếp độ nữ đệ tử, phải cách năm. Tức là năm nay tiếp độ nữ đệ tử, năm sau phải ngưng.

⁽²⁾- Vị Tỳkhuu ni đủ hạ lạp (12 hạ), trong một năm chỉ tiếp độ một nữ Tỳkhuu ni đệ tử và tụng tuyên ngôn cho một Sadi ni thọ giới Tỳkhuu.

5- *Chương VII. Kaṭhinakkhandhako. (Chương Kaṭhina).*

Trong Luật Tiểu Phẩm (Cūlavagga) có.

1- *Chương I. Kammakkhandhakaṃ (Chương Hành sự).*

2- *Chương II. Pārivāsikakkhandhakaṃ (Chương Pārivāsa).*

3- *Chương III. Samucayakkhandhakaṃ (Chương tích lũy tội).*

4- *Chương IV. Samathakkhadhakaṃ (Chương dần xếp).*

5- *Chương VIII. Vattakkhandhakaṃ (Chương phạt sự).*

6- *Upālīpañcakaṃ (Nhóm năm Upālī).*

Kinh điển được Đức Thế Tôn thuyết nơi Đại tự Kỳ Viên

Có thể nói Đại tự Kỳ Viên là **chiếc nôi Phật Giáo**, vì khoảng 80-90 phần trăm kinh điển được thuyết giảng nơi đây.

***Trường bộ kinh (Dīghanikāya).**

Có 2 bài kinh.

1- Mahāpadānasuttaṃ (kinh Đại Bản). Kinh số 13. Đức Thế Tôn thuyết nơi Giảng Pháp đường Kareri trong Đại tự Kỳ Viên.

2- Lakkhaṇasuttaṃ (kinh Tướng). Kinh số 30.

Ngoài ra, có lần Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên, Ngài đi đến vườn của Hoàng hậu Mallikā, thuyết kinh Poṭṭhapāda đến du sĩ Paṭṭhapāda cùng 300 du sĩ hội chúng (kinh số 8).

***Trung bộ kinh (Majjhimanikāya).**

Có 66 bài kinh được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên, trong đó có:

Trong 67 bài kinh trên, có:

*Ba bài do Ngài Sāriputta thuyết, đó là Sammādiṭṭhisuttaṃ (kinh Chánh tri kiến) (kinh số 9), Mahāvedallasuttaṃ (Đại kinh Phương quang) (kinh số 43) và Mahāhatthipadopamasuttaṃ (Đại kinh dụ dấu chân voi) (kinh số 28).

*Một bài do Ngài Anuruddha thuyết, đó là Anuruddhasuttaṃ (kinh Anuruddha) (kinh số 127).

*Một bài do Ngài Ānanda thuyết, đó là Ānandabhaddekarattasuttaṃ (kinh Ānanda Nhất dạ hiền giả) (kinh số 132).

Ngoài ra, có 3 bài kinh khác, khi Đức Thế Tôn ngụ trú nơi Đại tự Kỳ Viên, nhưng Ngài đến nơi khác thuyết, đó là:

*Pāsārāsīsuttaṃ (kinh Thánh cầu) (kinh số 26). Đức Thế Tôn thuyết kinh này nơi am thất của Balamôn Rammaka.

*Aṅgulimālasuttaṃ (kinh Aṅgulimāla) (kinh số 86). Đức Thế Tôn đến khu rừng trong lãnh thổ xứ Kosala, nơi đây có tên cướp Aṅgulimāla trú ngụ, thuyết lên kinh này.

*Cūlarāhulovādasuttaṃ (Tiểu kinh Giáo giới Rāhula)(kinh số 147). Đức Thế Tôn thuyết kinh này trong rừng Andha.

Sáu mươi sáu bài kinh được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên là.

1- Sabbāsavāsuttaṃ (kinh Tất cả ô nhiễm). Kinh số 2.

2- Dhammadāyādasuttaṃ (kinh Thừa tự Pháp). Kinh số 3.

3- Bhayabheravasuttaṃ (kinh Sợ hãi khiếp đảm). Kinh số 4.

4- Anaṅgasuttaṃ (kinh Không ứ nhiễm). Kinh số 5.

5- Asaṅkheyyasuttaṃ (kinh Ước nguyện). Kinh số 6.

6- Vatthasuttaṃ (kinh Ví dụ tấm vải). Kinh số 7.

7- Sallekhasuttaṃ (kinh Đoạn giảm). Kinh số 8.

8- Sammādiṭṭhisuttaṃ (kinh Chánh tri kiến). Kinh số 9.

9- Cūlasīhanādasuttaṃ (kinh Tiểu Sư tử Hống). Kinh số 11.

10- Mahādukkhakkhandhasuttaṃ (kinh Đại khổ uẩn). Kinh số 13.

11- Cetokhīlasuttaṃ (kinh Tâm hoang vu). Kinh số 16.

- 12- Vanapatthasuttaṃ (kinh Khu rừng). Kinh số 17.
13- Dvedhāvitakkasuttaṃ (kinh Song tâm). Kinh số 19.
14- Vitakkasaṅṭhānasuttaṃ (kinh An trú tâm). Kinh số 20.
15- Kakacūpamasuttaṃ (kinh Ví dụ cái cưa). Kinh số 21.
16- Alagaddūpamasuttaṃ (kinh Ví dụ con rắn). Kinh số 22.
17- Vammikasuttaṃ (kinh Gò mối). Kinh số 23.
18- Nivāpasuttaṃ (kinh Bầy mồi). Kinh số 25.
19- Cūlahatthipadopamasuttaṃ (Tiểu kinh dụ dấu chân voi). Kinh số
27.
20- Mahāhatthipadopamasuttaṃ (Đại kinh dụ dấu chân voi). Kinh số
28.
21- Cūlasāropamasuttaṃ (Ví dụ lõi cây tiểu kinh). Kinh số 29.
22- Mahāgopālakasuttaṃ (Đại kinh người chăn bò). Kinh số 33.
23- Mahātaṇhāsāṅkhasuttaṃ (Đại kinh đoạn tận ái).
24- Verañjakasuttaṃ (kinh Verañja). Kinh số 42.
25- Mahāvedallasuttaṃ (Đại kinh Phương quăng). Kinh số 43.
26- Cūladhammasamādānasuttaṃ (Tiểu kinh Pháp hành). Kinh số 45.
27- Mahādhammasamādānasuttaṃ (Đại kinh Pháp hành). Kinh số 46.
28- Vīmaṃsakasuttaṃ (kinh Tư sát). Kinh số 47.
29- Brahmanimantanikasuttaṃ (kinh Phạm thiên thịnh). Kinh số 49.
30- Bahuvedanīyasuttaṃ (kinh Nhiều cảm thọ). Kinh số 59.
31- Mahārāhulovādasuttaṃ (Đại kinh Giáo giới Rāhula). Kinh số 62.
32- Cūlamālukyasuttaṃ (Tiểu kinh Mālunkya). Kinh số 63.
33- Mahāmālukyasuttaṃ (Đại kinh Mālunkya). Kinh số 64.
34- Bhaddālisuttaṃ (kinh Bhaddāli). Kinh số 65.
35- Aggivacchasuttaṃ (kinh Aggivacchagotta). Kinh số 72.
36- Samaṇamuṇḍikasuttaṃ (kinh Samaṇamuṇḍika). Kinh số 78,
37- Vekhanasasuttaṃ (kinh Vekhanasa). Kinh số 80.
38- Piyaḥitikaṃ (kinh Ái sanh). Kinh số 87.
39- Assalāyanasuttaṃ (kinh Assalaaya). Kinh số 93.
40- Esukārīsuttaṃ (kinh Esukārī). Kinh số 96.
41- Subhasuttaṃ (kinh Subha). Kinh số 99.
42- Devadahasuttaṃ (kinh Devadaha). Kinh số 101.
43- Pañcattayasuttaṃ (kinh Năm và Ba). Kinh số 102.
44- Anupadasuttaṃ (kinh Bất đoạn). Kinh số 111.
45- Chabbisodhanasuttaṃ (kinh Sáu thanh tịnh).
46- Sappurisasuttaṃ (kinh Chân Nhân). Kinh số 113.
47- Sevitaḥḥāsevitabbasuttaṃ (kinh Nên hành trì, không nên hành trì).
Kinh số 114.
48- Bahudhātukasuttaṃ (kinh Đa giới). Kinh số 115.
49- Mahācattārīsakasuttaṃ (kinh Đại bốn mươi). Kinh số 117.
50- Kāyagatāsatisuttaṃ (kinh Thân hành niệm). Kinh số 119.
51- Saṅkhārupapattisuttaṃ (kinh Hành sinh). Kinh số 120.
52- Acchariya abbhutasuttaṃ (kinh Hy hữu vị Tăng hữu pháp). Kinh số
123.
53- Anuruddhasuttaṃ (kinh Anuruddha). Kinh số 127.
54- Bālapaṇḍitasuttaṃ (kinh Hiền ngu). Kinh số 129.
55- Devadūtasuttaṃ (kinh Thiên sứ). Kinh số 130.
56- Bhaddekarattasuttaṃ (kinh Nhất dạ hiền giả). Kinh số 131.
57- Ānandabhaddekarattasuttaṃ (kinh Ānanda Nhất dạ hiền giả). Kinh
số 132.

58 - Lomasakaṅgiyabhaddekarattasuttaṃ (Kinh Lomasakaṅgiya Nhất dạ hiền giả). Kinh số 134.

59- Cūḷakammavibhaṅgasuttaṃ (Tiêu kinh Nghiệp phân biệt). Kinh số 135.

60- Saḷāyatanavibhaṅgasuttaṃ (kinh Phân biệt sáu xứ). Kinh số 137.

61- Uddesavibhaṅgasuttaṃ (kinh Tổng thuyết và Biệt thuyết. Kinh số 138.

62- Araṇavibhaṅgasuttaṃ (kinh Giáo giới Cấp Cô Độc). Kinh số 143. Kinh này do Ngài Sāriputta và Đức Phật thuyết.

63- Puṇṇovādasuttaṃ (kinh Giáo giới Puṇṇa). Kinh số 145.

64- Nandakovādasuttaṃ (kinh Giáo giới Nandaka). Kinh số 146.

Kinh này khi Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên, dạy Ngài Nandaka đến Ni viện Rājakārāma giáo giới các Tỷkhuu ni. Và Ngài Nandaka đã thuyết lên kinh này nơi ấy. Được Đức Phật khen ngợi.

65- Chachakkasuttaṃ (kinh Sáu sáu). Kinh số 149.

66- Mahāsaḷāyatanikasuttaṃ (kinh Đại sáu xứ). Kinh số 150.

Lưu ý.

Trong hai tập: Tương ưng kinh (bộ thứ 3 của Tạng Kinh) và Tăng chi kinh (bộ thứ tư của Tạng kinh), rất khó xác định những bài kinh được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên, do tính chất đặc biệt của hai bộ kinh này. Phần lớn những bài kinh trong hai tập này được trích từ những bài kinh khác gom lại .

- Tương ưng kinh gồm những bài kinh mà những chi pháp có tính phối hợp, hòa lẫn với nhau. Tương ưng kinh có 7.762 bài kinh với 56 chủ đề, phân thành 5 Đại phẩm (mahāvagga), mỗi đại phẩm có nhiều phẩm (vagga).

- Tăng chi kinh gồm những bài kinh có chi pháp tăng dần, từ 1 pháp đến 11 pháp. Gồm 11 chương (nipāta), từ chương 1 pháp đến chương 11 pháp, mỗi chương có nhiều phẩm (vagga) có 9.557 bài kinh.

***Saṃyuttanikāya (Tương ưng kinh).**

Trong tập Tương ưng bộ kinh này rất khó xác định những bài kinh được thuyết nơi Đại tự Kỳ Viên.

Trong chương Tương ưng Chư Thiên, Tương ưng Thiên tử và Tương ưng Phạm thiên, có những bài kinh ghi xuất xứ là “Sāvattihinidānaṃ: Nhân duyên ở Sāvatti”, chúng tôi tạm đưa vào “được thuyết nơi Đại tự Kỳ Viên”. Một số bài kinh không ghi rõ xuất xứ, có khả năng ở Sāvatti, hoặc ở Gijjhakūṭa, Veḷuvana hay ở Mahāvana gần thành Vesālī, vì không xác định được, nên chúng tôi không ghi vào, tuy hiểu rằng “phần lớn là ở Đại tự Kỳ Viên”.

Trong những chương khác, như Tương ưng Kosala, Tương ưng Balamôn ... không xác định ở Jetavana, chỉ ghi nhận: “Nhân duyên ở Sāvatti”, chúng tôi xin thông qua. Vì tuy ở Sāvatti, nhưng không hẳn ở Đại tự Kỳ Viên, cũng có khả năng là ở Đông phương tự hay nơi nào khác trong thành Sāvatti... Mong các bậc Cao kinh hoan hỷ và chỉ điểm thêm. Ns.

***Tương ưng kinh I⁽¹⁾.**

***Sagāthāvaggo (Phẩm có kệ)⁽²⁾.**

A- Devatāsaṃyutta (Tương ưng Chư Thiên).

1- Nalavaggo (Phẩm cây lau).

Có 4 bài kinh.

(1)- Xem Bản Việt dịch của HT. Thích Minh Châu. Tương ưng kinh tập I.

(2)- Trong Chương **Có kệ ngôn** này , những bài kinh có ghi xuất xứ là tại Sāvatti hay Jetavana, chúng tôi gom vào “được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên”, một số bài kinh không ghi rõ xuất xứ, có khả năng ở Sāvatti cũng có khả năng ở Veḷuvana hay ở Mahāvana gần thành Vesālī. Vì không xác định được, nên chúng tôi không dám ghi vào, tuy hiểu rằng “phần lớn là ở Đại tự Kỳ Viên”. Xin các vị Cao minh hoan hỷ rộng lượng cho. Ns.

- 1- Oghataranasuttaṃ (kinh Bộc lưu).
- 2- Nimokkhasuttaṃ (kinh Giải thoát).
- 3- Upanīyasuttaṃ (kinh Đưa đến đoạn tận).
- 4- Accentisuttaṃ (kinh Thời gian trôi qua).

2- Nandanavaggo (Phẩm vườn Hoan hỷ).

Có 1 bài kinh.

- 1- Nandanasuttaṃ (kinh Vườn hoan hỷ).

3- Sattivaggo (Phẩm Kiếm).

Có 1 bài kinh.

- 1- Sattisuttaṃ (kinh Kiếm).

4- Satullapakāyikavaggo (Phẩm Quần tiên).

Có 6 bài kinh.

- 1- Sabbhisuttaṃ (kinh Với người thiện).
- 2- Maccharisuttaṃ (kinh Xan tham).
- 3- Sādhusuttaṃ (kinh Lành thay).
4. Nasantisuttaṃ (kinh Chúng không phải).
5. Ujjhānasaññisuttaṃ (kinh Hiềm trách thiên).
6. Saddhāsuttaṃ (kinh Niềm tin).

5- Ādittavaggo (Phẩm Thiêu Cháy).

Có 3 bài kinh.

- 1- Ādittasuttaṃ (kinh Thiêu cháy).
- 2- Vanaropasuttaṃ (kinh Trồng rừng).
- 3- Jetavanasuttaṃ (kinh rừng Jeta)⁽¹⁾.

B - Devaputtasamyuttaṃ (Tương ứng Thiên tử).

1- Paṭhamavaggo (Phẩm thứ nhất).

Có 7 bài kinh.

- 1- Paṭhamakassapasuttaṃ (kinh Kassapa 1).
- 2- Dutiyakassapasuttaṃ (kinh Kassapa 2).
- 3- Māghasuttaṃ (kinh Māgha).
- 4- Dāmalisuttaṃ (kinh Dāmali).
- 5- Tāyanasuttaṃ (kinh Tāyana).
- 6- Candimasuttaṃ (kinh Candima).
- 7- Sūriyasuttaṃ (kinh Sūriya).

2- Anāthapiṇḍikavaggo (Phẩm Anāthapiṇḍika).

Có 2 bài kinh.

- 1- Candimasasuttaṃ (kinh Candima).
- 2 Anāthapiṇḍikasuttaṃ (kinh Anāthapiṇḍika).

3- Nānātitthiyavaggo (Phẩm các Ngoạị đạo).

Có 3 bài kinh.

- 1- Sivasuttaṃ (kinh Siva).
- 2- Rohitassasuttaṃ (kinh Rohitassa).
- 3- Susimasuttaṃ (kinh Susima).

C- Kosalasamyutta (Tương ứng Kosala).

Trong phẩm này, tuy chưa xác định rõ ràng, nhưng chúng tôi tạm đưa những bài kinh này vào danh sách “những bài kinh được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên”.

1- Paṭhamavaggo (Phẩm thứ nhất).

Có 10 bài kinh.

- 1- Daharasuttaṃ (kinh Tuổi trẻ).

⁽¹⁾- Bài kệ này do Thiên tử Anāthapiṇḍika nói lên, khi Thiên tử đến yết kiến Đức Thế Tôn nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 2- Purisasuttaṃ (kinh Người)
- 3- Jarāmaṇasuttaṃ (kinh Già chết)
- 4- Piyasuttaṃ (kinh Thân ái).
- 5- Attarakkhasuttaṃ (kinh Tự bảo hộ).
- 6- Appakasuttaṃ (kinh Số ít).
- 7- Aḍḍakaraṇasuttaṃ (kinh Xử kiện).
- 8- Mallikāsuttaṃ (kinh Mallikā).
- 9- Yaññasuttaṃ (kinh Tế đàn).
- 10- Bandhanasuttaṃ (kinh Trói buộc).

2- Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

Có 8 bài kinh.

- 1- Doṇapākasuttaṃ (kinh Ăn nhiều).
- 2- Paṭhamasaṅgāmasuttaṃ (kinh Chiến trận I)
- 3- Dutiyasaṅgāmasuttaṃ (kinh Chiến trận II).
- 4- Mallikāsuttaṃ (kinh Mallikā).
- 5- Appamādasuttaṃ (kinh Không khinh thường).
- 6- Kalyāṇamittasuttaṃ (kinh Thiện hữu).
- 7- Paṭhama aputtakasuttaṃ (kinh Không con I).
- 8- Dutiya aputtakasuttaṃ (kinh Không con II).

3- Tatiyavaggo (Phẩm thứ 3).

Có 5 bài kinh.

- 1- Puggalasuttaṃ (kinh Người).
- 2- Ayyikāsuttaṃ (kinh Bà nội).
3. Lokasuttaṃ (kinh Thế gian)
4. Issattasuttaṃ (kinh Cung thủ).
5. Pabbatūpamasuttaṃ (kinh Ví dụ núi).

D- Mārasaṃyuttaṃ (Tương ứng Ác ma).

1-Paṭhamavaggo (Phẩm thứ nhất).

Có 1 bài kinh.

- 1- Nandatisuttaṃ (kinh Hoan hỷ).

2- Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

Có 2 bài kinh.

- 1- Kinnusīhasuttaṃ (kinh Con sư tử).
- 2- Mānasasuttaṃ (kinh Ý).

E- Brahma saṃyuttaṃ (Tương ứng Phạm thiên).

1- Paṭhmavaggo (Phẩm thứ nhất).

(Trong phẩm này, chúng tôi cho rằng: “Những bài kinh này có xuất xứ nơi Đại tự Kỳ Viên”, nên gom vào đây)

Có 8 bài kinh.

- 1- Brahmadevasuttaṃ (kinh Phạm thiên).
- 2- Bakabrahmasuttaṃ (kinh Phạm thiên Baka).
- 3- Aññatarabrahmasuttaṃ (kinh Phạm thiên khác).
- 4- Brahmaloкасuttaṃ (kinh Phạm thiên giới)
- 5- Kokālikasuttaṃ (kinh Kokālika).
- 6- Katamodakatissasuttaṃ (kinh Tissa).
- 7- Turūbrahmasuttaṃ (kinh Phạm thiên Turū).
- 8- Kokālikasuttaṃ (kinh Kokālika).

F- Brahmaṇasaṃyuttaṃ (Tương ứng Bàlamôn).

1- Upāsakavaggo (Phẩm cư sĩ).

Có 6 bài kinh.

3. Devahitasuttaṃ (kinh Devahita).
4. Mahāsālasuttaṃ (kinh Người giàu lớn).

5. Mānathaddhasuttaṃ (kinh Mānathaddha).

6. Paccanīkasuttaṃ (kinh Paccanīka).

9. Mātuposakasuttaṃ (kinh Mātuposaka).

10. Bhikkhakasuttaṃ (kinh Bhikkhaka).

G- Vaṅḡīsasaṃyuttaṃ (Tương ứng Vaṅḡisa).

Có 3 bài kinh.

1- Subhāsitasuttaṃ (kinh Khéo nói).

1- Sāriputtasuttaṃ (kinh Sāriputta).

2- Parosahassasuttaṃ (kinh Nhiều hơn một ngàn).

H- Yakkhasaṃyuttaṃ (Tương ứng Daxoa).

Có 3 bài kinh.

1- Sānusuttaṃ (kinh Sānu).

2- Piyaṅkarasuttaṃ (kinh Piyaṅkara).

Do Ngài Anurudha đọc tụng Pháp cú.

3- Punabbasusuttaṃ (kinh Punabbasu).

I- Sakkasaṃyuttaṃ (Tương ứng Sakka).

1- Paṭhamavaggo (Phẩm thứ nhất).

(Những bài kinh trong phẩm này, phần lớn được Đức Thế Tôn thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên, chúng tôi xin đưa vào bảng danh sách).

Có 10 bài kinh.

1- Suvīrasuttaṃ (kinh Suvīra).

2- Susīmasuttaṃ (kinh Susīma).

3- Dhajaggasuttaṃ (kinh Ngọn cờ).

4- Vepacittisuttaṃ (kinh Vepacitti).

5- Subhāsitajayasuttaṃ (kinh Thắng nhờ thiện ngữ).

6- Kulāvakasuttaṃ (kinh Tổ chim).

7- Nadubbhiyasuttaṃ (kinh Không gian trá).

8- Verocana asurindasuttaṃ (kinh Atula Verocana).

9- Araññāyatana isisuttaṃ (kinh Các ẩn sĩ ở rừng).

10- Samuddakasuttaṃ (kinh Ấn sĩ ở biển).

2- Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

Có 6 bài kinh.

1- Vatapadasuttaṃ (kinh Thực hành căn bản).

2- Sakkanāmasuttaṃ (kinh Gọi là Sakka).

3- Rāmaṇeyyakasuttaṃ (kinh Khả ái, khả lạc).

4- Buddhavandanāsuttaṃ (kinh Đánh lễ Đức Phật).

5- Gahaṭṭhavandanāsuttaṃ (kinh Hân hoan đánh lễ).

6- Satthāravandanāsuttaṃ (kinh Đánh lễ Bậc Đạo sư)

3- Tatiyavaggo (Phẩm thứ ba).

Có 5 bài kinh.

1- Chetvāsuttaṃ (kinh Cắt đứt).

2- Dubbaṇṇiyasuttaṃ (kinh Xấu xí).

3- Sambarimāyāsuttaṃ (kinh Huyền thuật).

4- Accayasuttaṃ (kinh Lầm lỗi)

5- Akkodhasuttaṃ (kinh Không phần nộ).

***Tương ứng kinh II⁽¹⁾.**

Những bài kinh trong Chánh tạng Pāli có ghi: “Sāvattiyam viharati ...pe...”, chúng tôi đưa vào danh sách. Trong Chánh tạng Pāli ghi Sāvattiyam viharati” khi chưa xác định được ở nơi Đại tự Kỳ Viên, chúng tôi thông qua.

A- Nidānasaṃyuttaṃ (Tương ứng Nhân duyên).

⁽¹⁾- Xem Bản Việt dịch của HT. Thích Minh Châu. Tương ứng kinh II.

1- Buddhavaggo (Phẩm Buddha).

Có 10 bài kinh

- 1- Paṭiccasamuppādasuttaṃ (kinh Duyên khởi).
2. Vibhaṅgasuttaṃ (kinh Phân tích).
3. Paṭipadāsuttaṃ (kinh Con đường).
4. Vipassīsuttaṃ (kinh Vipassī)
5. Sikhīsuttaṃ (kinh Sikhī)
6. Vessabhūsuttaṃ (kinh Vessabhū).
7. Kakusandhasuttaṃ (kinh Kakusandha).
8. Koṇāgamanasuttaṃ (kinh Koṇāgamana).
9. Kassapasuttaṃ (kinh Kassapa).
10. Gotamasuttaṃ (kinh Gotama).

2- Āhāravaggo (Phẩm thức ăn).

Có 7 bài kinh.

- 1- Āhārasuttaṃ (kinh Thức ăn)
- 2- Moḷiyaphaggunasuttaṃ (kinh Moḷiyaphagguna).
3. Samaṇabrāhmaṇasuttaṃ (kinh Samôn- Balamôn)
4. Dutiyasamaṇabrāhmaṇasuttaṃ (kinh Samôn- Balamôn II).
6. Dhammakathikasuttaṃ (kinh Thuyết pháp).
9. Bālapaṇḍitasuttaṃ (kinh Hiên ngu).
10. Paccayasuttaṃ (kinh Duyên).

3- Dasabalavaggo (Phẩm Mười lức).

Có 7 bài kinh.

- 1- Dasabalasuttaṃ (kinh Mười lức).
- 2- Dutiyadasabalasuttaṃ (kinh Mười lức II).
- 3- Upanisasuttaṃ (kinh Nương tựa gân).
- 4- Paccayasuttaṃ (kinh Duyên).
- 5- Bhikkhusuttaṃ (kinh Tỳkhuu)
- 6- Samaṇabrāhmaṇasuttaṃ (kinh Samôn- Balamôn).
- 7- Dutiyasamaṇabrāhmaṇasuttaṃ (kinh Samôn- Balamôn II).

4- Kaḷārakhattiyavaggo (Phẩm Sátđêly Kaḷāra).

Có 7 bài kinh.

- 1- Nāṇavatthusuttaṃ (kinh Căn bản của trí).
- 2-. Dutiyānāṇavatthusuttaṃ (kinh Căn bản của trí II).
- 3- Avijjāpaccayasuttaṃ (kinh Do duyên vô minh).
- 4- Dutiyāvijjāpaccayasuttaṃ (kinh Do duyên vô minh II).
- 5- Natumhasuttaṃ (kinh Không phải của người).
- 6- Dutiyacetanāsuttaṃ (kinh Cố ý II)
- 7- Tatiyacetanāsuttaṃ (kinh Cố ý III).

5- Gahapativaggo (Phẩm Gia chủ).

Có 6 bài kinh.

- 1- Pañcaverabhayasuttaṃ (kinh Năm sợ hãi hận thù).
- 2- Dutiyapañcaverabhayasuttaṃ (kinh Năm sợ hãi hận thù II).
- 3- Dukkhasuttaṃ (kinh Khổ)
- 4- Lokasuttaṃ (kinh Thế gian).
- 5- Ariyasāvakasuttaṃ (kinh Thánh đệ tử).
- 6- Dutiya ariyasāvakasuttaṃ (kinh Thánh đệ tử II).

6- Dukkhavaggo (Phẩm Khổ).

Có 9 bài kinh.

- 1- Parivīmaṃsanasuttaṃ (kinh Tìm hiểu trọn vẹn).
- 2- Upādānasuttaṃ (kinh Năm giữ).
- 3- Saṃyojanasuttaṃ (kinh Dây trói buộc).

- 4- Dutiyasamyojanasuttaṃ (kinh Dây trói buộc II)
- 5- Mahārukkhasuttaṃ (kinh Cây lớn).
- 6- Dutiyamahārukkhasuttaṃ (kinh Cây lớn II).
- 7- Taruṇarukkhasuttaṃ (kinh Cây non).
- 8- Nāmarūpasuttaṃ (kinh Danh sắc).
- 9- Viññāṇasuttaṃ (kinh Thức).
- 7- **Mahāvaggo** (Phẩm Lớn).

Có 6 bài kinh.

- 1- Assutavāsuttaṃ (kinh Người ít nghe).
- 2- Dutiya assutavāsuttaṃ (kinh Người ít nghe II).
- 3- Puttamamsūpamasuttaṃ (kinh Thịt đũa con).
- 4- Atthirāgasuttaṃ (kinh Có khát ái)
- 5- Nagarasuttaṃ (kinh Thị trấn).
- 6- Upayantisuttaṃ (kinh Nước triều dâng).

8- Samaṇabrāhmaṇavaggo (Phẩm Samôn-Bàlamôn).

Tóm gọn có 2 bài kinh.

1. Jarāmaṇasuttaṃ (kinh Già chết).
- 2-11. Jātisuttādidasakaṃ (kinh Sợ chi sinh).
- 9- **Antarapeyyālaṃ** (Phẩm Trung lược).

Có 1 bài kinh.

1. Satthusuttaṃ (kinh Đạo sư).

B- Abhisamayasaṃyuttaṃ (Tương ứng Minh kiến).

Có 11 bài kinh.

- 1- Nakhasikhāsuttaṃ (kinh Đầu ngón tay).
- 2- Pokkharāṇīsuttaṃ (kinh Hồ sen).
- 3- Sambhejjaudakasuttaṃ (Kinh Nước sông hợp dòng).
- 4- Dutiyasambhejjaudakasuttaṃ (Kinh Nước sông hợp dòng II)
- 5- Pathavīsuttaṃ (kinh Đất)
- 6- Dutiya pathavīsuttaṃ (kinh Đất II).
- 7- Samuddasuttaṃ (kinh Biển).
- 8- Dutiya samuddasuttaṃ ((kinh Biển II).
- 9- Pabbatasuttaṃ (kinh Núi).
- 10- Dutiya pabbatasuttaṃ (kinh Núi II).
- 11- Tatiya pabbatasuttaṃ (kinh Núi III).

C- Dhātusaṃyuttaṃ (Tương ứng Giới).

1-Nānattavaggo (Phẩm Sai khác).

Có 10 bài kinh.

1. Dhātunānattasuttaṃ (kinh Giới sai khác).
2. Phassanānattasuttaṃ (kinh Xúc sai khác).
3. Nophassanānattasuttaṃ (kinh Không do xúc sai khác).
4. Vedanānānattasuttaṃ (kinh Thọ sai khác).
5. Dutiya vedanānānattasuttaṃ (kinh Thọ sai khác II).
6. Bāhiradhātunānattasuttaṃ (kinh Ngoại giới sai khác).
7. Saññānānattasuttaṃ (kinh Tưởng sai khác).
8. Nopariyesanānānattasuttaṃ (kinh Không phải như vậy).
9. Bāhiraphassanānattasuttaṃ (kinh Ngoại xúc sai khác).
10. Dutiya bāhiraphassanānattasuttaṃ (kinh Ngoại xúc sai khác II).

2- Dutiya vaggo (Phẩm thứ hai).

Có 10 kinh.

- 1- Sattadhātusuttaṃ (kinh Bảy giới).
- 2- Sanidānasuttaṃ (kinh Có nhân).
- 3- Hīnādhimuttikasuttaṃ (kinh Quyết định kém cõi).

- 4- Sagāthāsuttam (kinh Có kệ ngôn).
- 5- Assaddhasaṃsandanasuttam (kinh Bất tín cùng đi chung).
- 6- Assaddhamūlakasuttam (kinh Gốc rễ bất tín).
- 7- Ahirikamūlakasuttam (kinh Gốc rễ không hổ thẹn)
- 8- Anottappamūlakasuttam (kinh Gốc rễ không ghê sợ).
- 9- Appasutāmūlakasuttam (kinh Gốc rễ ít nghe).
- 10- Kusītamūlakasuttam (kinh Gốc rễ lưỡi biếng).

3- Kammavaggo (Phẩm nghiệp đạo).

Có 7 bài kinh.

1. Asamāhitasuttam (kinh Không an tịnh).
2. Dussīlasuttam (kinh Ác giới)
3. Pañcasikkhāpadasuttam (Kinh nămđiều học căn bản).
4. Sattakammavaggo (kinh Bảy nghiệp đạo).
5. Dasakammavaggo (kinh Mười nghiệp đạo).
6. Aṭṭhaṅgikasuttam (kinh Tám chi phần).
7. Dasaṅgasuttam (kinh Mười chi).

4- Catutthavaggo (Phẩm thứ tư).

Có 10 bài kinh.

- 1- Catudhātusuttam (kinh Bốn giới).
- 2- Pubbesambodhasuttam (kinh Trước khi Giác ngộ).
- 3- Acariṃsuttam (kinh Đi tìm).
- 4- Nocaḍḍasuttam (Kinh Nếu không có).
- 5- Ekantaḍḍhasuttam (kinh Thuần khổ).
- 6- Abhinandasuttam (kinh Hoan hỷ).
- 7- Uppādasuttam (kinh Sinh khởi).
- 8- Samaṇabrāhmaṇasuttam (kinh Samôn- Bàlamôn).
- 9- Dutiyasamaṇabrāhmaṇasuttam (kinh Samôn- BàlamônII).
- 10- Tatiyasamaṇabrāhmaṇasuttam (kinh Samôn- Bàlamôn III).

D- Anamataggasaṃyuttam (Tương ứng Vô thủy).

1- Paṭhamavaggo (Phẩm thứ nhất).

Có 8 bài kinh.

- 1- Tīṇakaṭṭhasuttam (kinh Cỏ và củi)
- 2- Pathavīsuttam (kinh Đất).
- 3- Assusuttam (kinh Nước mắt).
- 4- Khīrasuttam (kinh Sữa).
- 5- Pabbatasuttam (kinh Núi).
- 6- Sāsapasuttam (kinh Hạt cải).
- 7- Sāvakasuttam (kinh Các đệ tử).
- 8- Daṇḍasuttam (kinh Cây gậy).

2-Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

E- Kassapasaṃyuttam (Tương ứng Kassapa).

Có 1 bài kinh.

- 1- Saddhammappatirūpakasuttam (kinh Diệu pháp không mất).

F- Lābhasakkārasaṃyuttam (Tương ứng Lợi đắc cung kính).

1- Paṭhamavaggo (Phẩm thứ nhất).

Có 10 bài kinh.

1. Dāruṇasuttam (kinh Khổ lụy).
2. Baḷisasuttam (kinh Lưỡi câu).
3. Kummasuttam (kinh Con rùa).
4. Dīghalomikasuttam (kinh Lòng dài).
5. Mīlhakasuttam (kinh Trùng phấn).
6. Asanisuttam (kinh Sét đánh).

7. Diddhasuttaṃ (kinh Trúng độc).
8. Singālasuttaṃ)kinh Con chó sói).
9. Verambhasuttaṃ (kinh Cuồng phong).
10. Sagāthakasuttaṃ (kinh Có kệ ngôn).

2- Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

Có 3 bài kinh.

1. Suvaṇṇapātisuttaṃ (kinh Bát bằng vàng).
2. Rūpiyapātisuttaṃ (kinh Bát bằng bạc).
- 3-10. Suvaṇṇanikkhasuttādiatṭhakaṃ (kinh Từ tiền vàng đến mỹ nhân).

3-Tatīyavaggo (Phẩm thứ ba).

Có 10 bài kinh.

1. Mātugāmasuttaṃ (kinh Mẹ làng)
2. Kalyāṇīsuttaṃ (kinh Mỹ nhân)
3. Ekaputtakasuttaṃ (kinh Con một).
4. Ekadhītusuttaṃ (kinh Con gái một).
5. Samaṇabrāhmaṇasuttaṃ (kinh Samôn- Balamôn).
6. Dutiyasamaṇabrāhmaṇasuttaṃ (kinh Samôn- Balamôn II).
7. Tatiyasamaṇabrāhmaṇasuttaṃ (kinh Samôn- Balamôn III).
8. Chavisuttaṃ (kinh Da).
9. Rajjusuttaṃ (kinh Giây gân)
10. Bhikkhusuttaṃ (kinh Tỳkhu).

4- Catutthavaggo (Phẩm thứ tư).

Có 4 bài kinh.

1. Bhindisuttaṃ (kinh Cắt đứt)
2. Kusalamūlasuttaṃ (kinh Gốc rễ thiện).
3. Kusaladhammasuttaṃ (kinh Pháp thiện).
4. Sukkadhammasuttaṃ (kinh Pháp trắng).

G- Rāhulasam̐yuttaṃ (Tương ưng Rāhula).

1- Paṭhamavaggo (Phẩm thứ nhất).

Có 10 bài kinh.

- 1- Cakkhusuttaṃ (kinh Mắt).
- 2- Rūpasuttaṃ (kinh Tai).
- 3- Viññāṇasuttaṃ (kinh Thức).
- 4- Samphassasuttaṃ (kinh Xúc).
- 5- Vedanāsuttaṃ (kinh Thọ).
- 6- Saññāsuttaṃ (kinh Tưởng).
- 7- Sañcetanāsuttaṃ (kinh Cố ý).
- 8- Taṇhāsuttaṃ (kinh Ái).
- 9- Dhātusuttaṃ (kinh Giới).
- 10- Khandhasuttaṃ (kinh Uẩn).

2- Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

Có bốn bài kinh.

1. Cakkhusuttaṃ (kinh Mắt).
- 2-10. Rūpādisuttanavakaṃ (kinh Sắc ... Uẩn).
11. Anusayasuttaṃ (kinh Ngủ ngầm).
12. Apagatasuttaṃ (kinh Viễn ly).

H- Opammasam̐yuttaṃ (Tương ưng Ví dụ).

Có 7 bài kinh.

- 1- Kūṭasuttaṃ (kinh Chóp mái).
- 2- Kulasuttaṃ (kinh Gia đình).
- 3- Okkhāsuttaṃ (kinh Cái nôi).
- 4- Sattisuttaṃ (kinh Cây lao)

5- Dhanuggahasuttaṃ (kinh Người bán cung)

6- Āṇisuttaṃ (kinh Cái chốt trống)

7- Nāgasuttaṃ (kinh Voi).

1- Bhikkhusaṃyuttaṃ (Tương ứng Tỳkhưu).

Có một bài kinh (những bài còn lại khó xác định).

1- Kolutasuttaṃ (kinh Kolita)

(Do Ngài Moggallāna thuyết).

***Tương ứng kinh III** ⁽¹⁾.

Trong tập này, phần lớn những bài kinh đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ: Nhân duyên ở Sāvattthi”, tuy phần lớn là được thuyết nơi Đại tự Kỳ Viên, nhưng chưa xác định chính xác, chúng tôi chỉ ghi nhận, nhưng không đưa vào bảng danh sách. Mong các bậc Cao minh cùng đọc giả hoan hỷ. Ns.

A- Khandhasaṃyuttaṃ (Tương ứng Uẩn).

1- Nakulapituvaggo (Phẩm cha Nakula).

Có 1 bài kinh.

1- Samādhisuttaṃ (kinh Thiên định).

2- Aniccavaggo (Phẩm Vô thường).

Trong phẩm này, tất cả những bài kinh đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ: Nhân duyên ở Sāvattthi”, trừ bài kinh số 10 ghi: “Sāvattthiyaṃ ... ārame”.

10. Ānandasuttaṃ (kinh Ānanda).

3- Bhāravaggo (Phẩm Gánh nặng).

Tương tự như phẩm trên, trừ bài kinh thứ I, ghi: “Sāvattthiyaṃ ... tatra kho ...”

1- Bhārasuttaṃ (kinh Gánh nặng).

4- Natumhākavaggo (Phẩm Không phải của người).

Toàn bộ những bài kinh đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

5- Attadīpavaggo (Phẩm Tự mình là hòn đảo).

Trừ bài kinh số 7, số 8. Những bài kinh còn lại đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

6- Upayavaggo (Phẩm tham luyến).

Trừ bài kinh số 7, số 8. Những bài kinh còn lại đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

7- Arahanavaggo (Phẩm ALaHán).

Trừ bài kinh thứ 1, tất cả còn lại đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

1- Upādiyamānasuttaṃ (kinh Chấp trước).

8- Khajjanīyavaggo (Phẩm Những gì được ăn).

Trừ 3 bài kinh 8,9,10. Những bài kinh còn lại đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

9- Theravaggo (Phẩm Trưởng lão).

Trong phẩm này có 4 bài kinh 1, 2, 9, 10 ghi: “Sāvattthinidānaṃ”, những bài kinh khác được thuyết giảng nơi khác, bài kinh số 3 ghi: “... Jetavane..”.

3- Yamakasuttaṃ (kinh Yamaka). Do Ngài Sāriputta thuyết.

10- Pupphavaggo (Phẩm Hoa).

Trong phẩm này trừ bài kinh số 3, những bài kinh còn lại đều ghi “Sāvattthinidānaṃ”.

12- Antavaggo (Phẩm Biên).

Mười bài kinh trong phẩm này đều ghi “Sāvattthinidānaṃ”.

13- Dhammakathikavaggo (Phẩm Thuyết pháp).

Trong phẩm này trừ 2 bài kinh 9, 10, những bài còn lại đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

⁽¹⁾- Xem Bản Việt dịch của HT. Thích Minh Châu. Tương ứng kinh III.

14- Avijjāvaggo (Phẩm Vô minh).

Trong phẩm này có 1 bài kinh 1, ghi “Sāvattthinidānaṃ”.

15- Kukkuḷavaggo (Phẩm Than đở).

Toàn bộ những bài kinh đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

16 - Diṭṭhivaggo (Phẩm Thấy).

Toàn bộ những bài kinh đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

B- Rādhasaṃyuttaṃ (Tương ứng Rādha).

Toàn bộ chương này đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

C- Diṭṭhisāṃyuttaṃ (Tương ứng Kiến).

1- Sotāpattivaggo (Phẩm Dự Lưu).

Toàn bộ những bài kinh trong phẩm này đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

Phẩm 2, 3 và 4 tương tự.

Chương IV, V, VI tương tự.

D- Sāriputtasāṃyutta (Tương ứng Sāriputta).

Có 9 bài kinh.

1. Vivekajasuttaṃ (kinh Tâm).

2. Avitakkasuttaṃ (kinh Không tâm).

3. Pītisuttaṃ (kinh Hỷ).

4. Upekkhāsuttaṃ (kinh Xả).

5. Ākāsañācāyatanasuttaṃ (kinh Không vô biên xứ).

6. Viññāṇañcāyatanasuttaṃ (kinh Thức vô biên xứ).

7. Ākiñcaññāyatanasuttaṃ (kinh Vô sở hữu xứ).

8. Nevaññānāsaññāyatanasuttaṃ (kinh Phi tướng phi phi tướng xứ).

9. Nirodhasamāpattisuttaṃ (kinh Chứng Định diệt).

E- Nāgasāṃyuttaṃ (Tương ứng Rắn).

(Toàn bộ đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”, ngoại trừ bài kinh thứ 3, xác định là nơi Đại tự Kỳ Viên).

Chương 9 – 14. Toàn bộ đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

***Tương ứng IV⁽¹⁾.**

A- Saḷāyatanasāṃyuttaṃ (Tương Ứng Sáu Xứ).

1- Aniccavaggo (Phẩm Vô thường).

Có 12 bài kinh.

1- Ajjhattāniccasuttaṃ (kinh Vô thường bên trong)

2- Ajjhattadukkhāsuttaṃ (kinh Khổ bên trong).

4- Bāhirāniccasuttaṃ (kinh Vô thường bên ngoài).

5- Bāhiradukkhāsuttaṃ (kinh Khổ bên ngoài)

6- Bāhirānattasuttaṃ (kinh Vô ngã bên ngoài)

7- Ajjhattāniccātītānāgatasuttaṃ (kinh Quá khứ, tương lai vô thường bên trong).

8- Ajjhattadukkhātītānāgatasuttaṃ (kinh Quá khứ, tương lai khổ bên trong).

9- Ajjhattānattātītānāgatasuttaṃ (kinh Quá khứ, tương lai vô ngã bên trong).

10- Bāhirāniccātītānāgatasuttaṃ (kinh Quá khứ, tương lai vô thường bên ngoài).

11- Bāhiradukkhātītānāgatasuttaṃ (kinh Quá khứ, tương lai khổ bên ngoài).

12- Bāhirānattātītānāgatasuttaṃ (kinh Quá khứ, tương lai vô ngã bên ngoài).

2- Yamakavaggo (Phẩm Song đôi).

⁽¹⁾- Xem Bản Việt dịch của HT. Thích Minh Châu. Tương ứng kinh IV.

Những bài kinh trong phẩm này có: “Sāvattthinidānaṃ”.

3- Sabbavaggo (Phẩm tất cả).

Năm bài kinh : 1, 2, 3, 4, 5 có: “Sāvattthinidānaṃ”.

4- Jātidhammavaggo (Phẩm Sinh pháp).

Những bài kinh trong phẩm này có: “Sāvattthinidānaṃ”.

5- Sabba aniccavaggo (Phẩm Tất cả vô thường).

Những bài kinh trong phẩm này có: “Sāvattthinidānaṃ”.

6- Avijjāvaggo (Phẩm vô minh).

Những bài kinh trong phẩm này có: “Sāvattthinidānaṃ”.

7- Migajālavaggo (Phẩm Migajāla).

Bài kinh 1, 2 có “Sāvattthinidānaṃ”.

8- Gilānavaggo (Phẩm bệnh).

Chỉ có bài kinh 1, ghi “Sāvattthinidānaṃ”.

9 - Saḷavaggo (Phẩm từ bỏ). Có bài kinh số 1, ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

10- Yogakkhemivaggo (Phẩm an ổn). Có bài kinh số 1, ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

11- Lokakāmaṇṇavaggo (Phẩm thế giới dục tăng trưởng).

Sāriputtasaddhivihārikasuttaṃ (kinh Sāriputta).

D- Moggallānasamyuttaṃ (Tương ứng Moggallāna).

Có 9 bài kinh

1- Paṭhamajhānapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về thiên I).

2- Dutiyajhānapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về thiên II).

3- Tatiyajhānapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về thiên III).

4- Catutthajhānapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về thiên IV).

5- Ākāsañācāyatanapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về Không vô biên xứ).

6- Viññāṇañcāyatanapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về thiên I).

7- Ākiñcaññāyatanapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về Vô sở hữu xứ).

8- Nevasaññānāsaññāyatanapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về Phi tướng phi phi tướng xứ).

9- Animittapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi về Vô tướng).

E- Gāmaṇīsamyuttaṃ (Tương ứng Thôn trưởng).

Có bài kinh số 1, có ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

***Tương ứng V⁽¹⁾.**

A- Maggasamyuttaṃ (Tương ứng Đạo).

Phần I.

1- Avijjāvaggo (Phẩm Vô minh).

Bài kinh số 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, có ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

1. Avijjāsuttaṃ (kinh Vô minh).

2- Vihāravaggo (Phẩm trú).

Bài kinh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, có ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

3- Micchattavaggo (Phẩm Tà tánh).

Cả 10 bài kinh đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

4- Paṭipattivaggo (Phẩm Hạnh).

Tất cả các bài kinh đều ghi: “Sāvattthinidānaṃ”.

5- Aññatitthiyapeyyālavaggo (Phẩm Ngoại giáo lược thuyết).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

6- Sūriyapeyyālavaggo (Phẩm Mặt trời lược thuyết).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

7- Ekadhammapeyyālavaggo (Phẩm Một pháp lược thuyết).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

⁽¹⁾- Xem Bản Việt dịch của HT. Thích Minh Châu. Tương ứng kinh V.

8- Dutiyaekadhammapeyyālavaggo (Phẩm Một pháp lược thuyết II). Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

Phần II.

1- Gaṅgāpeyyālavaggo (Phẩm Gaṅgā lược thuyết).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

2- Dutiyagaṅgāpeyyālavaggo (Phẩm Gaṅgā lược thuyết II).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

5- Appamādapēyyālavaggo (Phẩm Không khinh thường lược thuyết). Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

6- Balakaraṇīyavaggo (Phẩm Cân làm với sức mạnh).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

7. Esanāvaggo (Phẩm tâm cầu).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

8- Oghavaggo (Phẩm Dòng nước mạnh).

Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”.

B- Bojjhaṅgasamuttam (Tương ứng Giác chi).

1- Pabbatavaggo (Phẩm Núi).

Kinh số 1,2,3 có “nhân duyên tại Sāvatti”.

4- Vatthasuttam (kinh Chuyển). Do Ngài Sāriputta thuyết.

5- Cakkavattivaggo (Phẩm Chuyển luân).

Kinh số 1, 2, có “nhân duyên tại Sāvatti”.

6- Sācakchavaggo (Phẩm Tổng nhiếp).

Trừ bài kinh số 4 (Mettāsahagata: Đi chung với Từ), kinh số 8 (Abhaya) Không sợ) Tất cả đều “nhân duyên ở Sāvatti”. Còn lại có “nhân duyên tại Sāvatti”.

7- Ānāpānavaggo (Phẩm Hơi thở vào ra).

Tất cả có “nhân duyên tại Sāvatti”.

C- Satipaṭṭhānasamuttam (Tương ứng Niệm xứ).

1- Ambapālivaggo (Phẩm Ambapāli).

Có bài kinh số 5, ghi: Sāvattthinidānam.

3- Bhikkhusuttam (kinh Tỷkhưu).

2- Nālandavaggo (Phẩm Nālanda).

Kinh số 1,5 và 6, có “nhân duyên ở Sāvatti”.

3- Cundasuttam (kinh Cunda).

3- Sīlaṭṭhitivaggo (Phẩm trú giới).

Có kinh số 4, ghi: Sāvattthinidānam.

5- Aññatarabrāhmaṇasuttam (kinh Balamôn khác).

4. Ananusuttavaggo (Phẩm chưa từng nghe).

Tất cả kinh đều : “Nhân duyên ở Sāvatti”.

5- Amatavaggo (Phẩm Bất tử).

Tất cả kinh đều : “Nhân duyên ở Sāvatti”.

D- Indriyasamuttam (Tương ứng Quyền).

1- Suddhikavaggo (Phẩm Thanh tịnh).

Tất cả kinh đều : “Nhân duyên ở Sāvatti”.

5- Jarāvaggo (Phẩm già).

Kinh số 2, “nhân duyên ở Sāvatti”.

6- Sūkarakhatavaggo (Phẩm Trư động).

Kinh số 9, “nhân duyên ở Sāvatti”.

7- Bodhipakkhiyavaggo (Phẩm Một phần giác ngộ).

Kinh số 1, “nhân duyên ở Sāvatti”.

E- Sammappadhānasamuttam (Tương ứng Chánh cần).

1- Gaṅgāpeyyālavaggo (Phẩm Gaṅgā lược thuyết).

Tất cả kinh có: “Nhân duyên ở Sāvatti”.

H- Iddhipādasamyuttam (Tương ứng Như ý).

2. Pāsādakampanavaggo (Phẩm Lâu rung chuyên).

Kinh số 1, có “nhân duyên ở Sāvatti”.

3. Ayoguḷavaggo (Phẩm Hòn sắt).

Kinh số 1, 2, 7, có “nhân duyên ở Sāvatti”.

I- Anuruddhasamyuttam (Tương ứng Anuruddha).

1- Rahogatavaggo (Phẩm Độc cư).

1. Paṭhamarahogatasuttam (kinh Độc cư I).

2. Dutiyarahogatasuttam (kinh Độc cư II).

7. Taṇhakkhayasuttam (kinh Ái tận).

8. Salalāgārasuttam (kinh Salalāgāra).

2. Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

Tất cả những bài kinh có “nhân duyên ở Đại tự Kỳ Viên”.

K- Jhānasamyuttam (Tương ứng Thiên).

Toàn bộ những bài kinh trong chương này có “nhân duyên nơi Đại tự Kỳ Viên”.

L- Ānāpānasamyuttam (Tương ứng hơi thở vào-ra).

1- Ekaḍḍhamavaggo (Phẩm một pháp).

Từ kinh số 1 đến số 8, có “nhân duyên ở Sāvatti”.

2. Dutiyavaggo (Phẩm thứ hai).

Kinh số 3, 4, có “nhân duyên ở Sāvatti”.

M- Sotāpattisamyuttam (Tương ứng Dự lưu).

1- Veludvāravaggo (Phẩm Veludvāra).

Kinh số 1 có “nhân duyên ở Sāvatti”.

4- Paṭhamasāriputtasuttam (kinh Sāriputta I).

5- Dutiyasāriputtasuttam (kinh Sāriputta II).

2. Rājakārāmvaggo (Phẩm Rājakārāma).

Kinh số 2, có “nhân duyên ở Sāvatti”.

3. Ānandattherasuttam (kinh Ānanda).

4- Puññābhisandavaggo (Phẩm Phước sung mãn).

Kinh số 1,2,3,4 có “nhân duyên ở Sāvatti”.

N- Saccasamyuttam (Tương ứng Sự thật).

***Āṅguttaranikāya** (Tăng chi kinh)⁽¹⁾.

1- Chương 1 pháp.

Toàn bộ chương này được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

2- Chương 2 pháp.

Ngoài phẩm 4. *Tām thāng bằng (Samacitta)*, có ba bài kinh: Một do Ngài Sāriputta thuyết ở Đông phương tự (Pubbārāma), 2 bài do Ngài Mahā Kaccāna thuyết ở Madhurā.

Những bài kinh còn lại được thuyết nơi Đại tự Kỳ Viên.

3- Chương 3 pháp.

1- Bālavaggo (Phẩm ngu).

*Bhayasuttam (kinh Sợ).

3- Puggalavaggo (Phẩm Người).

*Samiddhasuttam (kinh Samiddha).

8- Ānandavaggo (Phẩm Ānanda).

*Channasuttam (kinh Channa).

11- Sambodhavaggo (Phẩm Chánh giác).

*Arakkhasuttam (kinh Không phòng hộ).

⁽¹⁾- Xem Bản Việt dịch của HT. Thích Minh Châu. Tăng chi kinh.

- *Byāpannasuttaṃ (kinh Giao động).
- 13- **Kusināravaggo** (Phẩm Kusināra).
- *Hatthakasuttaṃ (kinh Hatthaka).
- 4- Chương 4 pháp.**
- 3- **Uruvelavaggo** (Phẩm Uruvela)
- *Paṭhama uruvelasuttaṃ (kinh Uruvela I).
- *Dutiya uruvelasuttaṃ (kinh Uruvela II).
- 5- **Rohitassavaggo** (Phẩm Rohitassa).
- *Rohitassasuttaṃ (kinh Rohitassa).
- *Dutiyarohitassasuttaṃ (kinh Rohitassa II).
- *Visākhassuttaṃ (kinh Visākha).
- 6- **Puññābhisandavaggo** (Phẩm Nguồn hạnh phúc).
- Kinh số 1, có “nhân duyên ở Sāvatti).
- *Sudattasuttaṃ (kinh Sudatta).
- *Gihisāmīcisuttaṃ (kinh Bốn phận người gia chủ).
- 7- **Pattakammavaggo** (Phẩm tạo nghiệp).
- *Pattakammasuttaṃ (kinh Tạo nghiệp).
- *Ānaṇyasuttaṃ (kinh Không sợ).
- *Ahirājasuttaṃ (kinh Vua loài rắn).
- 11- **Valāhakavaggo** (Phẩm Mây mưa).
- *Paṭhamavalāhakasuttaṃ (kinh Mây mưa I).
- 5- Chương năm pháp.**
- 1- **Sekhabalavaggo** (Phẩm Sức mạnh hữu học).
- *Saṃkhittasuttaṃ (kinh Tóm lược).
- 4- **Sumanavaggo** (Phẩm Sumana).
- *Sumanasuttaṃ (kinh Sumana).
- 5- **Muṇḍarājavaggo** (Phẩm Vua Muṇḍa).
- *Ādiyasuttaṃ (kinh Trở thành giàu).
- *Iṭṭhasuttaṃ (kinh Khả lạc).
- *Kosalasuttaṃ (kinh Kosala).
- 6- **Nivaraṇavaggo** (Phẩm Chướng ngại)
- *Āvaraṇasuttaṃ (kinh Ngăn chặn).
- *Mātāputtasuttaṃ (kinh Mẹ con).
- 18- **Upāsakavaggo** (Phẩm Nam cận sự)
- *Sārajjasuttaṃ (kinh Sợ hãi).
- *Verasuttaṃ (kinh Sợ hãi, hận thù).
- *Pītisuttaṃ (kinh Hoan hỷ).
- *Gihisuttaṃ (kinh Gia chủ).
- 6- Chương sáu pháp.**
- 1- **Āhuneyyavaggo** (Phẩm Đáng được cung kính).
- *Paṭhamaāhuneyyasuttaṃ (kinh Đáng được cung kính I).
- 2- **Sāraṇīyavaggo** (Phẩm Căn phải nhớ).
- *Soppasuttaṃ (kinh Ngủ).
- 4- **Devatāvaggo** (Phẩm Chư thiên).
- *Paṭhama aparihānasuttaṃ (kinh Chúng không thối đọa I).
- *Dutiya aparihānasuttaṃ (kinh Chúng không thối đọa II).
- *Mahāmoggallānasuttaṃ (kinh Mahāmaggallāna).
- *Chalaṅgadānasuttaṃ (kinh Sáu chi bố thí).
- 5- **Dhammikavaggo** (Phẩm Dhammika).
- *Khemasuttaṃ (kinh Khema).
- 7- **Devatāvaggo** (Phẩm Chư thiên).
- *Devatāsuttaṃ (kinh vị Thiên nhân).

7- Chương bảy pháp.

1- Dhanavaggo (Phẩm tài sản).

*Paṭhamapiyasuttaṃ (kinh Ái mộ I).

*Dutiyapiyasuttaṃ (kinh Ái mộ II).

4-Devatāvaggo (Phẩm Chư Thiên).

*Appamādagāravasuttaṃ (kinh Không khinh thường).

*Hirīgāravasuttaṃ (kinh Xấu hổ)

*Paṭhamasovacassatāsuttaṃ (kinh Dẽ nói I).

*Dutiyasovacassatāsuttaṃ (kinh Dẽ nói II).

8- Chương tám pháp.

1-Mettāvaggo (Phẩm Từ).

*Mettāsuttaṃ (kinh Từ).

5- Uposathavaggo (Phẩm Uposatha)

*Saṅkhittūposathasuttaṃ (kinh Lẽ Uposatha).

*Bojjhasuttaṃ (kinh Bojjha).

9- Chương chín pháp.

1- Sambodhivaggo (Phẩm Chánh Giác).

*Sambodhisuttaṃ (kinh Chánh giác).

*Nandakasuttaṃ (kinh Nandaka).

2- Sihanādavaggo (Phẩm Tiếng rống sư tử).

*Sihanādasuttaṃ (kinh Tiếng rống sư tử).

*Sa upādisesasuttaṃ (kinh Có dự y).

*Devatāsuttaṃ (kinh Chư thiên).

*Velāmasuttaṃ (kinh Velāma).

3- Sattāvāsavaggo (Phẩm Chỗ trú hữu tình).

*Paṭhamaverasuttaṃ (kinh Sợ hãi, hận thù I).

*Dutiyaverasuttaṃ (kinh Sợ hãi, hận thù I).

10- Chương mười pháp.

1- Ānisaṃsavaggo (Phẩm Lợi ích).

*Kimatthiyasuttaṃ (kinh Có ích gì).

3- Mahāvaggo (Phẩm Lớn).

*Paṭhamamahāpañhāsuttaṃ (kinh Những câu hỏi lớn I).

*Dutiyakosalasuttaṃ (kinh Kosala II).

4- Upālivaggo (Phẩm Upāli).

Toàn bộ những bài kinh trong phẩm này do Ngài Upāli và Ngài Ānanda hỏi Đức Thế Tôn, nơi Đại tự Kỳ Viên.

6- Sacittavaggo (Phẩm Với tâm mình).

*Girimāandasuttaṃ (kinh Girimānanda).

7- Yamakavaggo (Phẩm Song đôi).

*Paṭhamakathāvatthusuttaṃ (kinh Những đề tài câu chuyện I)

*Dutiyakathāvatthusuttaṃ (kinh Những đề tài câu chuyện II).

8- Ākaṅkhavaggo (Phẩm Ước nguyện).

*Ākaṅkhasuttaṃ (kinh Ước nguyện).

5. Migasālāsuttaṃ (kinh Migasālā).

10- Upālivaggo (Phẩm Upāli).

*Kāmabhogīsuttaṃ (kinh Hưởng dục).

*Bhayasuttaṃ (kinh Sợ hãi).

*Kiṃditṭhikasuttaṃ (kinh Thấy gì?).

11- Chương 11 pháp.

***Khuddakanikāya (Tiểu bộ kinh).**

Gồm có 15 tập kinh.

1- Khuddakapātha (Tập kinh Tiểu tụng).

*Dasasikkhāpadaṃ (Mười điều học căn bản).

Theo Bản Sớ giải, Ngài Luậ sư Dhammapāla giải thích: “Khi Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Đại tự Kỳ Viên”, các Sadi thắc mắc: “Chúng ta có bao nhiêu học giới?”, rồi các Sadi hỏi Thầy Thế độ. Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn, nhân đó Ngài dạy 10 giới cho Sadi.

* Dvattiṃsākāro (Ba mươi hai thế trước).

* Kumārapañhā (Hỏi Nam tử).

Do Đức Thế Tôn hỏi Ngài Sopāka (khi ấy được 7 tuổi) ở Đại tự Kỳ Viên.

*Maṅgalasutta (kinh Đềm lành).

*Mettāsuttaṃ (kinh Từ bi).

2- Dhammapāda (Tập kinh Pháp cú).

Theo Bản Sớ giải kinh Pháp cú, có 271 câu kệ ngôn là: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 54, 55, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 92, 93, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 125, 126, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 158, 159, 160, 161, 162, 164, 165, 166, 167, 170, 172, 173, 175, 176, 177, 178, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 201, 202, 204, 209, 210, 211, 212, 213, 215, 216, 218, 224, 227, 228, 229, 230, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 253, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 303, 304, 305, 306, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 323, 325, 326, 327, 348, 354, 355, 362, 363, 364, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 398, 401, 404, 405, 406, 411, 415, 419, 420, 422, 423.

3- Udāna (Tập kinh Cảm hứng ngữ).

Có 37 Kệ ngôn cảm hứng là: 3, 5, 6, 10, 11, 13, 14, 21, 24, 27, 30, 31, 42, 43, 44, 46, 48, 50, 57, 58, 61, 65, 66, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 80, 81, 82, 83, 93.

5- Suttanipāta (Tập kinh Tập). Có 7 bài kinh.

- Parābhavasuttaṃ (kinh bại vong).
- Vasalasuttaṃ (kinh kẻ bần tiện).
- Maṅgalasuttaṃ (kinh đềm lành).
- Brāhmaṇadhammikasuttaṃ (kinh Bàlamôn Dhammika).
- Dhammikasuttaṃ (kinh Dhammika).
- Subhāsitasuttaṃ (kinh khéo thuyết).
- Kokālikasuttaṃ (kinh Kokālika).

(Xin Độc giả tham khảo thêm Bản Sớ giải Kinh Tập).

6- Vimānavatthu (Thiên cung sự).

Theo Bản Sớ giải có 23 câu chuyện.

- 1- Pithavimāna (Thiên cung Sàng tọa).
- 2- Tiladakkhinavimāna (Thiên cung Do cúng mè).
- 3- Dāsivimāravimāna (Thiên cung Nữ tỳ).
- 4- Bhaddhiṭṭhivimāna (Thiên cung của Phu nhân khả ái).
- 5- Soṇadinnāvimāna (Thiên cung Soṇadinnā).
- 6- Pallāṅkavimāna (Thiên cung Ghế dài).
- 7- Latāvimāna (Thiên cung Latà).
- 8- Sesavatīvimāna Thiên cung Lâu Đài Của Sesavati.

- 9- Paricchattakavimāna (Thiên cung cây San hô).
- 10- Manjetthakavimāna (Thiên cung Đỏ thẫm).
- 11- Vihāravimāna (Thiên cung Tự viện).
- 12- Rajjumālāvimāna (Thiên cung Rajjumàlà).
- 13- Chattamāṇavavimāna (Thiên cung Nam tử Chatta).
- 14- Karaṇīyavimāna (Thiên cung do Thiệnsự).
- 15- Nāgavimāna (Thiên cung Voi).
- 16- Mahārathavimāna (Thiên cung Cỗ Xe Lớn).
- 17- Kuṇḍalīvimāna (Thiên cung Thiên Tử đeo vòng tai).
- 18- Cittalatāvimānavimāna (Thiên cung Cittalatà).
- 19- Maṇithūnavimāna (Thiên cung có trụ Ngọc bích).
- 20- Kanthakavimāna (Thiên cung Kanthaka (Ngựa Kiền-trắc)).
- 21- Anekavannavimāna (Thiên cung Lâu Đài Nhiều màu sắc).
- 22- Mattakundalīvimāna (Thiên cung Mattakundalī).
- 23- Sunikkhittavimāna (Thiên cung Sunikkhitta).

7- *Petavatthu* (Ngạ quỷ sự).

Theo Bản Sớ giải có 18 câu chuyện.

- 1- Piṭṭhadhītalikapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ Hình nhân bằng bột).
- 2- Goṇapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ bò).
- 3- Nāgapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ Voi).
- 4- Urāgapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ rắn).
- 5- Mattāpetivatthu (Chuyện Nữ ngạ quỷ Mattā).
- 6- Nandāpetivatthu (Chuyện Nữ ngạ quỷ Nandā).
- 7- Kaṇhapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ Kaṇha).
- 8- Dhanapālasēṭṭhipetavatthu (Chuyện ngạ quỷ Trưởng giả Dhanapāla).
- 9- Dhubbāripetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ Hoàng Hậu Ubbārī).
- 10- Serinīpetivatthu (Chuyện Ngạ quỷ Serinī).
- 11- Ambasakkarapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ Ambasakkhara).
- 12- Kumārapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ Vương tử).
- 13- Rājaputtapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ con vua).
- 14- Gūthakhāḍakapetavatthu (Chuyện Những ngạ quỷ ăn phân).
- 15- Gūthakhāḍakapetivatthu (Chuyện Những ngạ quỷ ăn phân II).
- 16- Gaṇapetavatthu (Chuyện Nhóm ngạ quỷ).
- 17- Pāṭaliputtapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ thành Pāṭaliputta).
- 18- Sēṭṭhiputtapetavatthu (Chuyện Ngạ quỷ con Trưởng giả).

9- *Jātaka* (kinh Bốn sự).

Theo Bản Sớ giải kinh Bốn sự, có 425 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

Chương 1 kệ.

Có 111 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên, có 3 câu chuyện được thuyết giảng ở thành Sāvattthī (Xá Vệ).

1- *Phāṃ Appaṇṇaka* (Appaṇṇakavaggo).

* Có 6 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

1. Appaṇṇakajātaka (Bốn sự Pháp tối thượng).
5. Taṇḍulanāḷijātaka (Bốn sự đầu gạo).
6. Devadhammajātaka (Bốn sự Thiên pháp).
7. Kaṭṭhahārijātaka (Bốn sự sàng lược củi).
8. Gāmaṇijātaka (Bốn sự vua Gāmaṇi).
9. Maghadēvajātaka (Bốn sự vua Maghadēva).

* Có 2 câu chuyện được thuyết giảng nơi thành Sāvattthī (Xá Vệ).

- 2- Vaṇṇupathajātaka (Bốn sự Bãi Sa mạc).
3. Serivavāṇijājātaka (Bốn sự Người buôn nghề).

2- *Phâm Giới (Sīlavaggo).*

*Có 7 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 12- Nigrodhamigajātaka (Bốn sự nai Nigrodha).
- 13- Kaṇḍijātaka (Bốn sự Mũi tên). (**248, chương 8 kệ**).
- 14- Vātamigajātaka (Bốn sự Con nai gió).
- 15- Kharādiyajātaka (Bốn sự Con nai Kharādiya).
- 17- Mālutajātaka (Bốn sự Chuyện gió thổi).
- 18- Matakabhatajātaka (Bốn sự Đồ ăn cúng người chết).
- 19- Āyācitabhatajātaka (Bốn sự Lễ cúng do có lợi).

3- *Phâm Kuruṅga (Kurungavaggo).*

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 22- Kukkurajātaka (Bốn sự Con chó).
- 23- Gojānīyajātaka (Bốn sự Con ngựa thuần chủng).
- 24- Ājaññajātaka (Bốn sự Đôi ngựa nòi tốt).
- 25- Tittahajātakaṃ (Bốn sự Bẩn tằm).
- 27- Abhiṇhajātaka (Bốn sự Đôi bạn thân).
- 28- Nandivīsālajātaka (Bốn sự Con bò Hoan hỷ).
- 29- Kaṇhajātaka (Bốn sự Con bò đen).
- 30- Munikajātaka (Bốn sự Munika)

4- *Phâm Kulavaka (Kulavakavaggo).*

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 31- Kulāvakajātaka (Bốn sự Tổ chim non).
- 32- Naccajātaka (Bốn sự Múa ca).
- 34- Macchajātaka (Bốn sự Con cá).
- 36- Sakuṇajātaka (Bốn sự Con chim).
- 37- Tittirajātaka (Bốn sự Con chim Trĩ).
- 38- Bakajātaka (Bốn sự Con cò).
- 39- Nandajātaka (Bốn sự Nô lệ Nanda).
- 40- Khadirāṅgārajātaka (Bốn sự Hổ than lửa).

5- *Phâm Lợi ái (Atthakāmvaggo).*

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 41- Losakajātaka (Bốn sự Losaka).
- 42- Kapotajātaka (Bốn sự Chim Bò câu).
- 43- Veḷukajātaka (Bốn sự Con rắn tre).
- 45- Rohiṇījātaka (Bốn sự Nữ tỳ Rohiṇī).
- 47- Vāruṇidūsakajātaka (Bốn sự Rượu mạnh).
- 48- Vedabbajātaka (Bốn sự Vedabba).
- 49- Nakkhattajātaka (Bốn sự Các vì sao).
- 50- Dummedhajātaka (Bốn sự Người ác trí). (**469. C. 12**).

6- *Phâm Āsisa (Āsīsavaggo).*

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 51- Mahāsīlavajātaka (Bốn sự Đại giới hạnh).
- 52- Cūḷajanakajātaka (Bốn sự Tiểu Janaka).
- 53- Puṇṇapātījātaka (Bốn sự Bình rượu đầy).
- 54- Kimphalajātaka (Bốn sự Chuyện trái cây).
- 55- Pañcāvudhajātaka (Bốn sự Năm loại vũ khí).
- 56- Kañcanakkhandhajātaka (Bốn sự Khối vàng).
- 59- Bherivādakajātaka (Bốn sự Đánh trống).
- 60- Saṅkhadhamajāta (Bốn sự thổi Tù và).

7- *Phâm Nữ nhân (Itthivaggo).*

Có 9 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 61- Asātamantajātaka (Bốn sự Bài kinh khổ đau). (527)

- 62- Aṇḍabhūtajātaka (Bốn sự Cô gái trên lầu 7).
 63- Takkapaṇḍitajātaka (Bốn sự Hiền sĩ Takka).
 64- Durājānajātaka (Bốn sự Người vợ khó hiểu).
 65- Anabhiratijātaka (Bốn sự nổi bất mãn).
 66- Mudulakkhaṇajātaka (Bốn sự Hoàng hậu Từ tâm).
 67- Uccaṅgajātaka (Bốn sự Người nữ thôn quê).
 69- Visavantajātaka (Bốn sự Con rắn phun độc).
 70- Kuddārajātaka (Bốn sự Hiền giả cái cuốc).

8- Phām Varuṇa (*Vasruṇavaggo*).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 71- Varuṇajātaka (Bốn sự Varuṇa).
 74- Rukkhadhammajātaka (Bốn sự Cây Pháp).
 75- Macchajātaka (Bốn sự Con cá).
 76- Asañkiyajātaka (Bốn sự Người không sợ hãi).
 77- Mahāsupinajātakaṃ (Bốn sự Giấc mộng lớn).
 78- Illisajātaka (Bốn sự Trưởng giả Illisa)
 79- Kharassarajātaka (Bốn sự Tiếng trống ồn ào).
 80- Bhīmasenajātaka (Bốn sự Thợ dệt Bhīmasena).

9- Phām Apāyimha (*Apāyimhavaggo*).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 82- Mittavindakajātaka (Bốn sự Mittavinda).
 83- Kālakaññijātaka (Bốn sự Hắc vận).
 84- Atthassadvārajātaka (Bốn sự Cửa ngõ hạnh phúc).
 85- Kimpakkajātaka (Bốn sự Cây có trái lạ).
 86- Sīlavīmaṃsakajātaka (Bốn sự Thử Giới hạnh).
 88- Sārambhajātaka (Bốn sự Con bò Sārambha).
 89- Kuhakajātaka (Bốn sự Kẻ lừa đảo).
 90- Akataññujātaka (Bốn sự Kẻ vong ân).

10- Phām Litta (*Littavaggo*).

*Có 6 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 91- Littajātaka (Bốn sự Litta).
 92- Mahāsārajātaka (Bốn sự Đại Bảo vật).
 93- Visāsabhojanajāta (Bốn sự ngộ độc do luyện ái).
 97- Nāmasiddhijātaka (Bốn sự Điềm lành của tên).
 98- Kūṭavāññijātaka (Bốn sự Người lái buôn lừa đảo).
 99- Parosahassajātaka (Bốn sự Hơn ngàn kẻ ngu).

11- Phām Parosata (*Parosatavaggo*).

*Có 6 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 101- Parosatajātaka (Bốn sự Hơn trăm kẻ ngu).
 102- Paṇṇikajātaka (Bốn sự Người bán rau).
 103- Verijātaka (Bốn sự Kẻ thù).
 104- Mittavindakajātaka (Bốn sự Mittavindaka).
 105- Dubbalakattḥajātaka (Bốn sự Con voi sợ chết).
 106- Udañcanijātaka (Bốn sự Múc nước).
 107- Sālittakajātaka (Bốn sự Ném đá).

*Có một câu chuyện được thuyết giảng ở thành Sāvatti (XáVệ).

- 109- Kuṇḍakapūvajātaka (Bốn sự Bánh bột trấu đỏ).

12- Phām Haṃci (*Haṃcivaggo*).

*Có 7 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 114- Mitacintijātaka (Bốn sự Mitacinti).
 115- Anusāsikajātaka (Bốn sự Người giáo giới).
 116- Dubbacajātaka (Bốn sự Người múa giáo).

- 117- Tittirajātaka (Bốn sự Con chim Trĩ).
 118- Vatṭakajātaka (Bốn sự Chim Cút).
 119- Akālarāvijātaka (Bốn sự Con gà gáy phi thời).
 120- Bandhanamokkhajātaka (Bốn sự Giải thoát khỏi ràng buộc).

13- Phẩm Kusanāli (*Kusanālivaggo*).

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 121- Kusanālijātaka (Bốn sự Thân cây cỏ Kusa).
 123- Naṅgalisajātaka (Bốn sự Cán cày).
 124- Ambajātaka (Bốn sự trái xoài).
 125- Kaṭāhakajātaka (Bốn sự Nô lệ Kaṭāhaka).
 126- Asilakkhaṇajātaka (Bốn sự Tướng của kiếm).
 127- Kalaṇḍukajātaka (Bốn sự Nô lệ Kalaṇḍuka).
 128- Biḷāravatajātaka (Bốn sự Con mèo).
 129- Aggikabhāradvājajātaka (Bốn sự Kề thờ lửa).
 130- Kosiyajātaka (Bốn sự Kosiya).

14- Phẩm Asampadāna (*Asampadānavaggo*).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 132- Bhīrukajātaka (Bốn sự Dục lạc).
 133- Ghatāsanajātaka (Bốn sự Lửa cháy).
 134- Jhānasodhanajātaka (Bốn sự Thiên quán).
 135- Candābhajātaka (Bốn sự Nguyệt quang).
 136- Suvanṇahaṃsajātaka (Bốn sự Thiên nga vàng).
 137- Babbujātaka (Bốn sự Con mèo).
 138- Godhājātaka (Bốn sự Con Tắc kè).
 140- Kākajātaka (Bốn sự Con quạ).

15- Phẩm Kakaṇṭaka (*Kakaṇṭakavaggo*).

*Có 5 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 144- Naṅguṭṭhajātaka (Bốn sự Cái đuôi bò).
 145- Rādhajātaka (Bốn sự Con vẹt Rādha). (423).
 146- Samuddakākajātaka (Bốn sự Con quạ tát biển).
 147- Puppharattajātaka (Bốn sự Áo vải màu đỏ).
 148- Siṅgāljātaka (Bốn sự Con chó rừng).

Chương hai kệ.

Có 77 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

1- Phẩm Daḷha (*Daḷhavaggo*).

*Có 7 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 151- Rājovādajātaka (Bốn sự Giáo giới vua). (512).
 153- Sūkarajātaka (Bốn sự Con heo rừng).
 154- Uragajātaka (Bốn sự Con Rắn).
 156- Alīnacittajātaka (Bốn sự Alīnacitta).
 157- Guṇajātaka (Bốn sự Đức độ).
 158- Suhanujātaka (Bốn sự Con ngựa Suhanu).
 159- Morajātaka (Bốn sự Công chúa).

*Có một câu chuyện được thuyết giảng nơi thành Sāvatti (Xá Vệ).

- 155- Bhaggajātaka (Bốn sự Nháy mũi).

2- Phẩm Santhava (*Santhavavaggo*).

*Có 6 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

- 161- Indasamānagottajātaka (Bốn sự Indasamānagotta).
 162- Santhavajātaka (Bốn sự Mỗi thân giao).
 163- Susīmajātaka (Bốn sự vua Susīma).
 164- Gijjhajātaka (Bốn sự Chim Diều hâu).
 165- Nakulajātaka (Bốn sự Con chuột rừng).

169- Arakajātaka (Bốn sự Đạo sư Araka).

3. Phâm Kalyāna (Kalyāṇavaggo).

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

171- Kalyāṇadhammajātaka (Bốn sự Thiện pháp).

172- Daddarajātaka (Bốn sự Núi Daddara).

173- Makkaṭajātaka (Bốn sự Con vượn).

175- Ādiccupatthānajātaka (Bốn sự Đánh lẽ mặt trời).

176- Kaḷāyamuṭṭhijātaka (Bốn sự Một năm đậu).

177- Tindukajātaka (Bốn sự Cây Tinduka).

178- Kacchapajātaka (Bốn sự Con rùa).

179- Satadhammajātaka (Bốn sự Satadhamma).

180- Duddadajātaka (Bốn sự Khó cho).

4. Phâm Adisa (Asadisavaggo).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

181- Asadisajātaka (Bốn sự Asadisa).

182- Saṅgāmāvacarajātaka (Bốn sự Con voi thiện chiến).

183- Vālodakajātaka (Bốn sự Dùng tàn thực).

185- Anabhiratijātaka (Bốn sự Tâm bất tịnh).

187- Catumaṭṭhajātaka (Bốn sự Bốn vẽ đẹp).

188- Sīhakotthujātaka (Bốn sự Sư tử lai chó rừng).

189- Sīhacammajātaka (Bốn sự Tắm da sư tử).

190- Sīlānisamsajātaka (Bốn sự giữ giới).

5- Phâm Ruhaka (Ruhakavaggo).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

191- Ruhakajātaka (Bốn sự Tể sư Ruhaka).

193- Cūḷapadumajātaka (Bốn sự Tiểu Liên hoa).

195- Pabbatūpattharajātaka (Bốn sự hòn núi đẹp).

196- Valāhakassajātaka (Bốn sự con ngựa bay).

197- Mittāmittajātaka (Bốn sự bạn thù).

198- Rādhajātaka (Bốn sự con vẹt Rāhda).

199- Gahapatijātaka (Bốn sự người gia chủ).

200- Sādhūsīlajātaka (Bốn sự giới hạnh tốt).

6- Phâm Nataṃḍaḷha (Nataṃḍaḷhavaggo).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

201- Bandhanāgārajātaka (Bốn sự nhà tù trời buộc).

202- Kelisīlajātaka (Bốn sự tánh nghịch ngợm).

203- Khandhajātaka (Bốn sự Tu tập Từ tâm).

204- Vīrakajātaka (Bốn sự con quạ Vīraka).

205- Gaṅgeyyajātaka (Bốn sự cá sông Hằng).

207- Assakajātaka (Bốn sự Assaka).

208- Susumārajātaka (Bốn sự con cá sấu).

209- Kukkuṭajātaka (Bốn sự con chim mồi).

7- Phâm Đám cỏ thơm (Bīraṇathambhavaggo).

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

211- Somadattajātaka (Bốn sự Somadatta).

212- Ucchiṭṭhabhattajātaka (Bốn sự thức ăn thừa).

213- Bharujātaka (Bốn sự Bharu).

214- Puṇṇanadījātaka (Bốn sự con sông đầy).

215- Kacchapajātaka (Bốn sự con rùa).

216- Macchajātaka (Bốn sự con cá).

217- Seggujātaka (Bốn sự người bán rau).

218- Kūṭavāṇijajātaka (Bốn sự người lái buôn lừa đảo).

219- Garahitajātaka (Bốn sự đáng chi trích).

8- Phâm Kāsāva (*Kāsāvavaggo*).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

221- Kāsāvajātaka (Bốn sự chiếc y vàng).

223- Puṭabhatajātaka (Bốn sự thức ăn đi đường).

225- Khantivaṇṇajātaka (Bốn sự Kham nhẫn).

226- Kosiyajātaka (Bốn sự Kosiya).

227- Gūthapāṇajātaka (Bốn sự Bọ hung ăn phần).

228- Kāmanītajātaka (Bốn sự Kāmanīta).

229- Palāyitajātaka (Bốn sự Palāyi).

230- Dutiyapalāyitajāta (Bốn sự Palāyi II).

9- Phâm Upāhān (*Upāhanavaggo*).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

231- Upāhanajātaka (Bốn sự chiếc giày).

232- Viṇāthūṇajātaka (Bốn sự không được hướng dẫn).

233- Vikaṇṇakajātaka (Bốn sự mũi tên).

234- Asitābhūjātaka (Bốn sự nàng Asitābhū).

235- Vacchanakhajātaka (Bốn sự Ấn sĩ Vacchanakha).

236- Bakajātaka (Bốn sự con cò).

238- Ekapadajātaka (Bốn sự một câu).

240- Mahāpiṅgalajātaka (Bốn sự vua Mahāpiṅgala).

10- Phâm Siṅgāla (*Siṅgālavaggo*).

*Có 6 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

242- Sunakhajātaka (Bốn sự con chó).

244- Vigaticchajātaka (Bốn sự ly dục).

247- Pādañjalijātaka (Bốn sự Pādañjali).

248- Kiṃsukopamajātaka (Bốn sự ví dụ cây Kiṃsuka).

249- Sālakajātaka (Bốn sự con khi Sālaka).

250- Kapijātaka (Bốn sự con khi).

Chương 3 kệ.

*Có 43 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

1- Phâm Saṅkappa (*Saṅkappavaggo*).

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

251- Saṅkapparāgajātaka (Bốn sự Dục tâm).

252- Tilamuṭṭhijātaka (Bốn sự nắm mè).

254- Kuṇḍakakucchisindhavajātaka (Bốn sự ngựa quý ăn cám đỏ).

255- Sukajātaka (Bốn sự con Vẹt).

256- Jarūdapāṇajātaka (Bốn sự cái giếng cũ).

257- Gāmaṇicandajātaka (Bốn sự Gāmaṇicanda).

258- Mandhātujātaka (Bốn sự vua Mandhātu).

259- Tirītavacchajātaka (Bốn sự Ấn sĩ Tirītavaccha).

260- Dūtajātaka (Bốn sự cái bụng).

2- Phâm Paduma (*Padumavaggo*).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

261- Padumajātaka (Bốn sự hoa sen).

262- Mudupāṇijātaka (Bốn sự bàn tay mềm).

263- Cūḷapalobhanajātaka (Bốn sự tiểu tham dục).

265- Khurappajātaka (Bốn sự mũi tên).

266- Vātaggasindhavajātaka (Bốn sự ngựa phi như gió).

267- Kakkāṭakajātaka (Bốn sự con cua).

269- Sujātajātaka (Bốn sự nàng Sujātā).

270- Ulūkajātaka (Bốn sự con cú).

3- Phâm Uḍapāna (Uḍapānavaggo).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

272- Byagghajātaka (Bốn sự con cọp).

273- Kacchapajātaka (Bốn sự con rùa).

274- Lolajātaka (Bốn sự tham ăn I).

275- Rucirajātaka (Bốn sự tham ăn II)

276- Kurudhammajātaka (Bốn sự Pháp Kuru).

278- Mahiṃsarājajātaka (Bốn sự Mahiṃsa).

279- Satapattajātaka (Bốn sự con Hạc).

280- Puṭadūsakajātaka (Bốn sự phá hư giò).

4- Phâm Abhantara (Abhantaravaggo).

*Có 10 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

281- Abhantarajātaka (Bốn sự trái xoài Chính trung).

282- Seyyajātaka (Bốn sự điều tốt nhất).

283- Vaḍḍhakīsūkarajātaka (Bốn sự con heo rừng).

284- Sirijātaka (Bốn sự vận may).

285- Maṇisūkarajātaka (Bốn sự heo rừng trong hang Phalê).

286- Sālūkajātaka (Bốn sự Sālūka). (477).

287- Lābhagarahajātaka (Bốn sự khiến trách lợi đắc).

288- Macchuddānajātaka (Bốn sự xâu cá).

289- Nānāchandajātaka (Bốn sự mong ước khác nhau).

290- Sīlavīmaṃsakajātaka (Bốn sự thử giới hạnh).

5- Phâm Kumbha (Kumbhavaggo).

*Có 7 câu chuyện được thuyết giảng ở Đại tự Kỳ Viên.

291- Surāghaṭajātaka (Bốn sự cái bát ước).

292- Supattajātaka (Bốn sự Supatta).

293- Kāyanibbindajātaka (Bốn sự thân hư hoại).

296- Samuddajātaka (Bốn sự biển).

297- Kāmavilāpajātaka (Bốn sự chuyện tình nhảm nhí).

298- Udumbarajātaka (Bốn sự cây sung).

300- Vakajātaka (Bốn sự chó sói).

Có một câu chuyện được thuyết giảng nơi Đông phương tự

299- Komāraputtajātaka (Bốn sự Komāraputta).

Chương 4 kệ.

*Có 41 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

1- Phâm Kālīṅga (Kālīṅgavaggo).

*Có 9 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

301- Cūlakālīṅgajātaka (Bốn sự Tiểu Kālīṅga).

302- Mahā assārohajātaka (Bốn sự Đại kỳ sĩ).

303- Ekarājajātaka (Bốn sự vua Duy nhất).

304- Daddarajātaka (Bốn sự rắn chúa Daddara).

305- Sīlavīmaṃsanajātaka (Bốn sự thử giới hạnh).

306- Sujātājātaka (Bốn sự Sujātā).

308- Sakuṇajātaka (Bốn sự chim Gõ kiến).

309- Chavajātaka (Bốn sự Chava).

310- Seyyajātaka (Bốn sự Seyya).

2- Phâm Pucimanda (Pucimandavaggo).

*Có 9 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

312- Kassapamandiyajātaka (Bốn sự Kassapa chậm trễ).

313- Khantivādījātaka (Bốn sự Ẩn sĩ Khantivādī).

314- Lohakumbhijātaka (Bốn sự địa ngục Đồng sôi).

315- Sabbamaṃsalābhajātaka (Bốn sự miếng thịt).

316- Sasapaṇḍitajāta (Bốn sự con thỏ hiền trí).

317- Matarodanajātaka (Bốn sự khóc người chết).

318- Kaṇaverajātaka (Bốn sự Kaṇavera),

319- Tittirajātaka (Bốn sự chim Đa đa).

320- Succajajātaka (Bốn sự dễ cho).

3- Phâm Kuṭidūsaka (Kuṭidūsakavaggo).

*Có 8 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

321- Kuṭidūsakajātaka (Bốn sự kẻ đốt lều).

322- Duddubhajātaka (Bốn sự tiếng động mạnh).

323- Brahmadatajātaka (Bốn sự Brahmadata).

324- Cammasātakajātaka (Bốn sự thầy tu mặc áo da).

325- Godharājajātaka (Bốn sự con Tắc kè).

327- Kākavatijātaka (Bốn sự Kākavati).

328- Ananusociyajātaka (Bốn sự không khóc người chết).

330- Sīlavīmaṃsajātaka (Bốn sự thử giới hạnh).

4- Phâm Kokila (Kokilavaggo).

*Có 8 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

331- Kokilajātaka (Bốn sự Kokāli).

332- Rathalaṭṭhijātaka (Bốn sự gây thúc xe).

333- Pakkagodhajātaka (Bốn sự con Tắc kè).

334- Rājovādajātaka (Bốn sự dạy Đức vua).

336- Brahāchattajātaka (Bốn sự Vương tử Chatta).

337- Piṭhajātaka (Bốn sự sàng tọa).

339- Bāverujātaka (Bốn sự Bāveru)

340. Visayhajātaka (Bốn sự Visayha)

5- Phâm Cūlakuṇāla (Cūlakuṇālavaggo)

*Có 7 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

343- Kuntinijātaka (Bốn sự con hạc)

344- Ambajātaka (Bốn sự ăn trộm xoài)

345- Rājakumbhajātaka (Bốn sự vua lò gốm)

346- Kesavajātaka (Bốn sự Kesava)

347- Ayakūtajātaka (Bốn sự Ayakūṭa)

348- Araññajātaka (Bốn sự rừng hoang)

349- Sandhibhedajātaka (Bốn sự gièm pha)

Chương 5 kệ.

*Có 19 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

1- Phâm Maṇikuṇḍala (Maṇikuṇḍalavaggo)

*Có 7 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

351- Maṇikuṇḍalajātaka (Bốn sự vòng tai bằng ngọc)

352- Sujātajātaka (Bốn sự Sujāta)

354- Uragajātaka (Bốn sự con rắn)

355- Ghaṭajātaka (Bốn sự Ghaṭa)

356- Koraṇḍiyajātaka (Bốn sự Koraṇḍiya)

359- Suvanṇamigajātaka (Bốn sự con nai vàng)

360- Suyonandijātaka (Bốn sự Suyonandī)

2- Phâm Vaṇṇāroha (Vaṇṇārohavaggo)

*Có 8 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

361- Vaṇṇārohajātaka (Bốn sự sắc đẹp)

362- Sīlavīmaṃsajātaka (Bốn sự thử giới hạnh)

363- Hirijātaka (Bốn sự hổ thẹn)

365- Ahituṇḍikajātaka (Bốn sự người luyện rắn)

- 366- Gumbiyajātaka (Bốn sự Gumbiya)
 368- Tacasārajātaka (Bốn sự dây trói buộc)
 369- Mittavindakajātaka (Bốn sự Mittavindaka)
 370- Palāsajātaka (Bốn sự cây hồng phượng vĩ)

3- Phâm Aḍḍha (Aḍḍhavaggo)

*Có 4 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

- 371- Dīghītikosalajātaka (Bốn sự Dīghītikosala)
 372- Migapotakajātaka (Bốn sự hai chú nai con)
 374- Cūladhanuggahajātaka (Bốn sự tiểu xạ thủ)
 375- Kapotajātaka (Bốn sự chim bồ câu)

Chương 6 kệ.

*Có 18 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

1- Phâm Avāriya (Avāriyavaggo)

*Có 10 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên

- 376- Avāriyajātaka (Bốn sự người lái đò)
 377- Setaketujātaka (Bốn sự Setaketu)
 378- Darīmukhajātaka (Bốn sự Darīmukha)
 379- Nerujātaka (Bốn sự Neru)
 380- Āsaṅkajātaka (Bốn sự Āsaṅka)
 381- Migālopajātaka (Bốn sự Migālopa)
 382- Sirikālakaññijātaka (Bốn sự Sirikālakaññi)
 383- Kukkuṭajātaka (Bốn sự gà chúa)
 384- Dhammadhajajātaka (Bốn sự Pháp ấn).
 385- Nandiyamigarājajātaka (Bốn sự nai chúa Nandiya).

2- Phâm Kharaputta (Kharaputtavaggo).

*Có 8 câu chuyện được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 386- Kharaputtajātaka (Bốn sự con lừa).
 387- Sūcijātaka (Bốn sự cây kim).
 388- Tuṇḍilajātaka (Bốn sự Tuṇḍila).
 390- Mayhakajātaka (Bốn sự Mayhaka).
 391- Vijjādharaajātaka (Bốn sự Tà thuật sư).
 392- Siṅghapupphajātaka (Bốn sự củ và hoa sen).
 394- Vaṭṭakajātaka (Bốn sự chim Cút).
 395- Pārāvatajātaka (Bốn sự Pārāvata).

*Có một câu chuyện được thuyết ở Đông phương tự.

- 393- Vighāsādajātaka (Bốn sự tàn thực).

Chương 7 kệ.

*Có 17 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

1- Phâm Kukku (Kukkuvaggo).

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 396- Kukkujātaka (Bốn sự Kukku).
 398- Sutanujātaka (Bốn sự Sutanu).
 399- Mātuposakagijjhajātaka (Bốn sự chim Kên kên).
 400- Dabbhapupphajātaka (Bốn sự Dabbhapuppha).
 401- Paṇṇakajātaka (Bốn sự nuốt lưỡi kiếm).
 402- Sattubhastajātaka (Bốn sự túi da đựng bánh).
 404- Kapijātaka (Bốn sự kapi)
 405- Bakajātaka (Bốn sự Baka)

2- Phâm Gandhāra (Gandhāravaggo)

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 406- Gandhārajātaka (Bốn sự Gandhāra)
 407- Mahākapijātaka (Bốn sự Mahākapi)

- 408- Kumbhakārajātaka (Bốn sự thợ gốm)
 410- Somadattajātaka (Bốn sự Somadatta)
 411- Susīmajātaka (Bốn sự Susīma)
 412- Koṭasimbaliājātaka (Bốn sự thân cây bông vải)
 413- Dhūmakārijātaka (Bốn sự Dhūmakāri)
 414- Jāgarajātaka (Bốn sự tỉnh thức)
 415- Kummāsapiṇḍijātaka (Bốn sự cháo cúng đường)

Chương 8 kệ.

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 417- Kaccānijātaka (Bốn sự Kaccāni)
 418- Aṭṭhasaddajātaka (Bốn sự tám tiếng kêu)
 419- Sulasājātaka (Bốn sự Sulasā)
 420- Sumaṅgalajātaka (Bốn sự Sumaṅgala)
 421- Gaṅgamāljātaka (Bốn sự Gaṅgamāla)
 422- Cetiyaājātaka (Bốn sự Cetiya)
 423- Indriyaājātaka (Bốn sự Quyển)
 424- Ādittajātaka (Bốn sự chói sáng)
 425- Aṭṭhānajātaka (Bốn sự không thể xảy ra)

Chương 9 kệ.

*Có 10 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 427- Gijjhajātaka (Bốn sự Kên kên)
 429- Mahāsuvajātaka (Bốn sự Vẹt lớn)
 430- Cūḷasuvajātaka (Bốn sự Vẹt nhỏ)
 431- Haritacajātaka (Bốn sự Haritaca)
 432- Padakusalamāṇavajātaka (Bốn sự thanh niên nhận dấu chân)
 433- Lomasakassapajātaka (Bốn sự Lomasakassapa)
 434- Cakkavākajātaka (Bốn sự Ngõng hồng)
 435- Haliddirāgajātaka (Bốn sự Haliddirāga)
 436- Samuggajātaka (Bốn sự Samugga)
 437- Pūtimamṣajātaka (Bốn sự miếng thịt thối)

Chương 10 kệ.

*Có 10 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 439- Catudvārajātaka (Bốn sự bốn cổng thành)
 442- Saṅkhajātaka (Bốn sự Saṅkha)
 443- Cūḷabodhijātaka (Bốn sự Cūḷabodhi)
 444- Kaṇhadīpāyanajātaka (Bốn sự Kaṇhadīpāyana)
 446- Takkalajātaka (Bốn sự Takkala)
 449- Maṭṭhakuṇḍaliājātaka (Bốn sự Maṭṭhakuṇḍali)
 450- Bilārakosiyajātaka (Bốn sự Bilārakosiya)
 451- Cakkavākajātaka (Bốn sự Cakkavāka)
 453- Mahāmaṅgalajātaka (Bốn sự điềm lạnh lớn)
 454- Ghaṭapaṇḍitajātaka (Bốn sự hiền trí Ghaṭa)

Chương 11 kệ.

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 455- Mātuposakajātaka (Bốn sự voi có hiệu)
 456- Juṇhajātaka (Bốn sự Juṇha)
 457- Dhammadevaputtajātaka (Bốn sự thiên tử Dhamma)
 458- Udayajātaka (Bốn sự Udaya)
 459- Pāṇiyajātaka (Bốn sự ngưng nước)
 460- Yudhañcayajātaka (Bốn sự Yudhañcaya)
 461- Dasarathajātaka (Bốn sự Dasaratha)
 462- Saṃvarajātaka (Bốn sự Saṃvara)

463- Suppārakajātaka (Bốn sự Suppāraka)

Chương 12 kê.

*Có 7 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

465- Bhaddasālajātaka (Bốn sự Bhaddasāla)

466- Samuddavāṇijajātaka (Bốn sự lái buôn đường biển)

467- Kāmajātaka (Bốn sự Dục)

468- Janasandhajātaka (Bốn sự Janasandha)

469- Mahākaṇhajātaka (Bốn sự đại hắc)

472- Mahāpadumajātaka (Bốn sự Mahāpaduma)

473- Mittāmittajātaka (Bốn sự bạn, thù)

Chương 13 kê.

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

474- Ambajātaka (Bốn sự trái xoài)

476- Javanahaṃsajātaka (Bốn sự con ngỗng tốc lực)

477- Cūlanāradajātaka (Bốn sự Cūlanārada)

478- Dūtajātaka (Bốn sự sứ thần)

479- Kāliṅgabodhijātaka (Bốn sự Kāliṅgabodhi)

480- Akittijātaka (Bốn sự Akitti)

481- Takkāriyajātaka (Bốn sự Takkāriya)

483- Sarabhamigajātaka (Bốn sự nai Sarabha)

Chương kê linh tinh.

*Có 11 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

484- Sālikedārajātaka (Bốn sự cánh đồng lúa)

486- Mahāukkusajātaka (Bốn sự chúa chim ưng)

487- Uddālakajātaka (Bốn sự Uddālaka)

488- Bhisajātaka (Bốn sự củ sen)

490- Pañcuposathajātaka (Bốn sự năm Bốtát)

491- Mahāmorajātaka (Bốn sự con công lớn)

492- Tacchasūkarajātaka (Bốn sự heo rừng)

493- Mahāvāṇijajātaka (Bốn sự đại thương nhân)

494- Sādhinajātaka (Bốn sự Sādhina)

495- Dasabrāhmaṇajātaka (Bốn sự mười hạng bàlamôn)

496- Bhikkhāparamparajātaka (Bốn sự tế lễ)

*Có một câu chuyện được thuyết ở Đông phương tự.

489- Surucijātaka (Bốn sự Suruci)

Chương 20 kê.

*Có 9 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

497- Mātāṅgajātaka (Bốn sự Mātāṅga)

498- Cittasambhūtajātaka (Bốn sự Cittasambhūta)

499- Sivijātaka (Bốn sự Sivi)

504- Bhallātijajātaka (Bốn sự Bhallātiya)

505- Somanassajātaka (Bốn sự Somanassa)

506- Campeyyajātaka (Bốn sự Campeyya)

507- Mahāpalobhanajātaka (Bốn sự cám dõ mạnh)

509- Hatthipārajātaka (Bốn sự Hatthipāla)

510- Ayogharajātaka (Bốn sự Ayoghara)

Chương 30 kê.

*Có 8 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

511- Kimchandajātaka (Bốn sự ước muốn gì)

512- Kumbhajātaka (Bốn sự bình rượu)

513- Jayaddisajātaka (Bốn sự Jayaddisa)

514- Chaddantajātaka (Bốn sự Chaddanta)

- 515- Sambhavajātaka (Bốn sự Sambhava)
518- Paṇḍaranāgarājajātaka (Bốn sự rắn chúa Paṇḍara)
519- Sambulājātaka (Bốn sự Sambulā)
520- Gandhatindukajātaka (Bốn sự Gandhatindu)

Chương 40 kệ.

*Có 4 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 521- Tesakuṇajātaka (Bốn sự ba con chim)
523- Alambusājātaka (Bốn sự Alambusā)
524- Saṅkhapālajātaka (Bốn sự Saṅkhapāla)
525- Cūlasutasomajātaka (Bốn sự Cūlasutasoma)

Chương 50 kệ.

*Có 3 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 526- Niḷinikājātaka (Bốn sự Niḷinikā)
527- Ummānantijātaka (Bốn sự Ummānantī)
528- Mahābodhijātaka (Bốn sự Mahābodhi)

Chương 60 kệ.

*Có 1 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 529- Soṇakajātaka (Bốn sự Soṇaka)

Chương 70 kệ.

*Có 2 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 531- Kusajātaka (Bốn sự Kusa)
532- Soṇanandajātaka (Bốn sự Soṇananda)

Chương 80 kệ.

*Có 2 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 535- Sudhābhojanajātaka (Bốn sự thực phẩm thiên giới)
537- Mahāsutasomajātaka (Bốn sự Mahāsutasoma)

Chương đại phẩm.

*Có 6 câu chuyện được thuyết giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.

- 538- Mūgapakkhajātaka (Bốn sự Mūgapakkha)
539- Mahājanakajātaka (Bốn sự Mahājanaka)
540- Suvanṇasāmajātaka (Bốn sự Suvanṇasāma)
542- Umaṅgajātaka (Bốn sự đường hầm)
543- Bhūridattajātaka (Bốn sự Bhūridatta)
546- Vidhurajātaka (Bốn sự Vidhura)

Soạn xong ngày 10-8- 2013 (nhằm 04-7 năm Quý Tỵ).

MỤC LỤC

Chương XVIII. Mùa hạ thứ 2 (tt)	5
II- Tế độ gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).....	5
1- Từ chối trợ giúp tài chánh	13
2- Xây dựng những tự viện tạm thời.....	14
A- Trưởng giả Anāthapiṇḍika tìm đất xây dựng Tự viện.	14
1- Đấu trí để mua đất.	14
2- Mua đất.	15
*Vương tử Jeta	16
* Cổng Đại tự Kỳ Viên.....	17
*Bốn sự Palāyi.	18
*Xây dựng vòng thành Đại tự.	18
3- Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ Viên).	18
a- Gandhakuṭi (Hương thất).....	19
b- Koṭisanthāra.....	20
c- Candanasālā (Giảng đường gỗ Trầm Hương).	20
d- Kosambakuṭi.	20
*Salalaghara (Salalāgāra)	20
*Karerimaṇḍalamālā.	20
1'- Ambalakotṭhaka (Trai đường Ambala).	21
*Bốn sự Sunakha (chuyện con chó).	21
2'- Hồ Jetavana.	22
a'- Cận sự nam Mahākāḷa (Đại Hắc).	22
b'- Cận sự nam Cūlakāḷa (Tiểu Hắc).	24
*Nhóm trẻ, con của ngoại giáo.	25
B- Đức Thế Tôn bị vu khống nơi Đại tự Kỳ Viên.....	27
1- Nữ du sĩ Sundarī.	27
*Bốn sự Maṇisūkara (Heo rừng trong hang ngọc).....	29
2- Nữ du sĩ Ciñcāmāṇavikā.	30
*Bốn sự Mahāpaduma.	32
*Bốn sự Bandhanamokkha (Giải thoát trời buộc).	35
*Bốn sự Cullapaduma.....	38
*Bốn sự Suṃsumāra (Con cá sấu).	41
*Bốn sự Suvanṇakakkāṭa (Con cua vàng).	42
C- Lễ Lạc thành Đại tự Kỳ Viên.	44
1- Chabbaggiyā (nhóm Sáu Sự).....	46
*Nhóm Assaji - Punabbasukā.....	46
*Nhóm Mettiya- Bhummajakā.	47
*Nhóm Paṇḍuka và Lohitaka.	47
*Bốn sự Satapatta (con Hạc).	47
*Điều luật có liên quan đến sàng tọa, vật dụng	49
2- Đức Thế Tôn tiếp nhận Đại tự Kỳ Viên.....	49
a- Công nương Sumanā (Sumanārājakumārī).....	49
*Kinh Sumanā (Sumanasuttaṃ).	54
b- Một số nữ cận sự ưu tú nơi thành Sāvatti	55
* Mẹ nàng Kāṇā và nàng Kāṇā.	55
*Bốn sự Babbu (con mèo).....	58
3- Sự tiếp rước Đức Thế Tôn của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.	60
4- Những vị Thánh ALaHán xuất phát từ lễ hội này.....	61

*Trưởng lão Ajina.....	62
*Trưởng lão Heraññākāni	62
*Trưởng lão Adhimutta	63
*Trưởng lão Gotama.....	63
*Trưởng lão Subhūti (hai hạnh tối thắng)	64
*Trưởng lão Dhammila	67
*Trưởng lão Sabbamitta	69
*Trưởng lão Rāmaneyyaka.	70
*Trưởng lão ni Sakulā (Tối thắng về Thiên nhân).	70
*Nữ tu sĩ lang thang.....	71
D- Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).	
1- Những người con của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.....	73
a- Thanh niên Kāḷa.	73
*Trưởng lão Kāḷa.	76
b- Nàng Sumanā.....	77
c- Nàng Sujātā (con dâu của Trưởng giả).	78
* Sattabhariyāsutta (kinh Bảy hạng vợ).....	78
*Bốn sự Sujātā.	79
2- Cháu của Trưởng giả Cấp Cô Độc.....	80
a- Thanh niên Khemaka (còn viết là Khema).	80
b- Cháu Trưởng giả Anāthapiṇḍika (2).	81
*Bốn sự Bhadrāghata (Cái bát ước).	81
3- Bạn hữu của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.....	82
a- Năm trăm người bạn.	82
* Bốn sự Apaṇṇaka.	83
b- Kāḷakaṇṇi.	86
*Bốn sự Kāḷakaṇṇi (Hắc vận).	87
c- Người bạn thân tình (2).....	87
*Bốn sự Kusanāli (Chư Thiên cỏ Kusa).....	88
d- Người bạn bán rượu.	89
e- Kẻ vong ân.	89
4- Những người làm của Trưởng giả Anāthapiṇḍika.	90
a- Nữ nữ tỳ Puṇṇā.	90
b- Nữ tỳ của bà Puññalakkhaṇā.....	91
c- Nữ tỳ Rohinī.	91
d- Chủ trại bò Nanda.	92
e- Người thợ rừng.	93
5- Được ban địa vị Tối thắng.	94
*Bốn sự Piṭha (Ghế ngôi).....	94
6- Trưởng giả Anāthapiṇḍika thoát hiểm.	95
a- Bị ám hại bằng rượu mê.	95
b- Bọn cướp phục kích.....	96
E- Một số việc liên quan với Trưởng giả Cấp Cô Độc.....	96
1- Với Trưởng lão Kuṇḍadhāna (<i>nhận phiếu thực đầu tiên</i>).	96
*Tiền nghiệp bất thiện.....	98
*Vị Thiên nhân hối hận.	99
*Có danh xưng tối thắng.....	101
2- Trưởng giả Anāthapiṇḍika đuổi Thiên nữ.....	101
*Bàlamôn Velāma.....	102
*Bốn sự Khadirāṅgāra (Hâm lừa đỏ).....	105
a- Hai Trưởng giả Sirigutta và Garahadinna.	107
*Bốn sự Visayha.	112

b-Trưởng lão Sirimitta.....	113
c-Bốn sự Siri (Vận may).....	114
3- Trưởng giả Anāthapiṇḍika với cây Bồ đề Ānanda.	117
*Bốn sự Kaliṅgabodhi.....	119
*Kinh thành Dantapura.....	121
*Vua Nālikira (Nālikera).	122
4- Với mẹ của Trưởng lão Kumāra Kassapa.	122
a- Trưởng lão Kumāra Kassapa (đệ nhất biện thuyết).....	126
*Kinh Gò Mối(1).	127
*Được Đức Thế Tôn ban địa vị tối thắng.	129
b- Trưởng giả Culla- Anāthapiṇḍika.....	130
c-Trưởng lão Upāli (đệ nhất nắm giữ Luật).....	131
*Được Đức Thế Tôn ban cho địa vị tối thắng về Luật.	132
1'- Vị Tỳkhuu xứ Bhārukaccha.	132
*Bhārukaccha.	132
2'- Câu chuyện Trưởng lão Ajjuka.	133
3'- Giải oan cho mẹ ngài Kumāra Kassapa.	133
*Trưởng lão Rāmaṇiyavihāri.	135
*Satthusāsanasuttaṃ (kinh Lời dạy Bạc Đạo sư).	136
*Vālikārāma (còn viết là Vālukārāma).	137
F- Kinh điển liên quan đến Trưởng giả Anāthapiṇḍika.	137
*Kūṭasuttaṃ (kinh Nóc nhọn) (1).....	138
*Kūṭasuttaṃ (2).	138
*Sudattasutta (kinh Sudatta).....	138
*Pattakammasutta (kinh Việc thành tựu).....	139
*Gihīsāmicisuttaṃ (kinh Bốn phận người gia chủ).	139
*Ānaṇayasuttaṃ (kinh Không nợ).	139
*Ādiyasuttaṃ (kinh Lý do).	139
*Itṭhasuttaṃ (kinh Khả lạc).	139
*Verasuttaṃ (kinh Sợ hãi hận thù) (1).	140
*Pītisuttaṃ (kinh Hoan hỷ).	140
*Gihisutta (kinh Gia chủ).	140
*Verasuttaṃ (kinh Sợ hãi hận thù) (2).....	140
*Kāmbhogīsuttaṃ (kinh Người hưởng dục).	141
*Diṭṭhisuttaṃ (kinh Thấy).....	142
*Anāthapiṇḍikasuttaṃ (kinh Cấp Cô Độc) (1).....	145
*Anāthapiṇḍikasuttaṃ (kinh Cấp Cô Độc) (2).	145
*Anāthapiṇḍikovādasuttaṃ (kinh Giáo giới Cấp Cô Độc).	145
Phụ lục:	
Luật và Pháp được giảng nơi Đại tự Kỳ Viên.....	150

(1)- M.i. Vammikasuttaṃ. Kinh số 23.